



HỘI ĐỒNG KIỂM TOÁN VIÊN, KẾ TOÁN VIÊN NĂM 2024
DANH SÁCH
Số QĐ-HĐTKTKYT/2024 ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Hội đồng thi kiểm toán viên, kế toán viên năm 2024)

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD		Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC					
														Ngoại ngữ				
1	H	10001	Đỗ Thị Ai		1987	Thanh Hóa	Công ty CP xây dựng VNT Tân Phát				5.5							
2	H	10002	Hà Thị Duyệt Ai		1986	Đà Nẵng	CT TNHH Michele	5	5.5	6		3						
3	H	10003	Lai Thị An		1988	Hà Dương	CT TNHH Tuấn Ân Hà Nội	5	2.5	7								
4	K	10004	Nguyễn Văn An	1998		Phù Thọ	Công ty TNHH KPMG								4			
5	H	10005	Ninh Thị An		1990	Lạng Sơn	Công ty TNHH Khai thác mỏ Huyền Sơn											
6	C	10006	Tăng Thị Bình An		1992	Nghệ An	Công ty TNHH Thông tin NICE Việt Nam								6.5			
7	K	10007	Trần Phương An		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Hamwha Aero Engines		7						5.5			
8	H	10008	Vũ Thụy An		1996	Thái Bình	CTCP Thành định gia Fungo											
9	K	10009	Bùi Lan Anh		1998	Nghệ An	Công ty TNHH Hàng không toàn và định giá ASCO	7	7	6.5	6	7	6.5	7.5				
10	H	10010	Bùi Thị Kim Anh		1995	Hà Nội	CTCP Khuang san GCC		6	5	5.5							
11	K	10011	Bùi Thị Vân Anh		1998	Hải Phòng	Công ty TNHH Nexia S/TT - Chi nhánh An Phát		5	6.5					6.5			
12	H	10012	Cao Thị Hằng Anh		1986	Hà Nam	CT TNHH Sumitomo Naxco Forklift Việt Nam	7	7	6.5	7							
13	K	10013	Cao Thị Ngọc Anh		1990	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và TMĐV TDK		7.5	5.5						5		
14	K	10014	Cao Tuấn Anh	1998		Phù Thọ	Công ty cổ phần Vinhomes	7			3				4			
15	H	10015	Dương Thị Lan Anh		1989	Thái Bình	Công ty TNHH HOEL VN											
16	H	10016	Dương Thị Vân Anh		1998	Thanh Hóa	CT TNHH Công nghệ cao CTB Quốc tế			7.5	3.5							
17	K	10017	Đào Lan Anh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán TKT	6	1	3.5	1.5							
18	K	10018	Đào Nhật Anh	1991		Hà Nam	Công ty CP Đầu tư và Quản lý khách sạn TNH	5.5	3	2.5								
19	H	10019	Đặng Thị Kim Anh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Shanharup Việt Nam	5	3.5	6.5	5.5							
20	K	10020	Đặng Thị Vân Anh		1998	Nam Định	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	5	5	5	0.5			2				
21	K	10021	Đặng Trang Anh		1997	Thái Bình	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	5	2.5	2.5	2.5	6	3	7.5				
22	H	10022	Đinh Hoàng Anh	1989		Ninh Bình	NH TMC/P SAI GON - HÀ NỘI	7	5.5		5							
23	K	10023	Đinh Thị Ngọc Anh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế	7.5										
24	K	10024	Đinh Thị Nhật Anh		1994	Ninh Bình	Công ty Konoke Construction Co., Ltd tại Hà Nội											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
25	K	10025	Đoàn Ngọc Hoàng Anh		1998	Hà Nội	Công ty CP hợp tác đầu tư và phát triển			3.5		6			8			
26	H	10026	Đỗ Kiều Anh		1994	Hà Nội	CTY TNHH MSA VII 1 NAM	5	1	5	6.5							
27	H	10027	Đỗ Lê Anh		1987	Thanh Hóa	Công ty CP one capital Hospitality			4	5.5							
28	H	10028	Đo Thị Kim Anh		1991	Thanh Hóa			1	5.5	2							
29	K	10029	Hà Thị Ngọc Anh		1996	Hải Dương	CN Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ tin học Moore ABC			3.5	5	6.5	5	6.5	5	2		
30	H	10030	Hoàng Quỳnh Anh		1997	Nghe An	Công ty TNHH Frost & Young Việt Nam chi nhánh Hà Nội		4.5	6.5	3.5							
31	H	10031	Hoàng Thị Anh		1988	Bắc Ninh	CTY TNHH CÔNG NGHỆ CHINH XÁC INTERPLEX (Hà Nội)	8.5	3.5	5	4							
32	H	10032	Hoàng Thị Lan Anh		1984	Hà Nội	Công ty TNHH Đại lý Thúc Tiến Đức	6.5		7	3							
33	H	10033	Hoàng Thị Mai Anh		1986	Hải Phòng	CT TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Nam Hưng 6.8	7		2	2							
34	H	10034	Hoàng Thị Ngọc Anh		1990	Nghe An	CTY TNHH DAI HUC C VAI KHU VI C MŨI NẠC VIL 1 NAM			5.5								
35	H	10035	Khương Hoàng Anh		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Mardox Việt Nam	7		5								
36	H	10036	Lam Mai Anh		1999	Thanh Hóa	CTCP Power membership card	6	3.5	5.5								
37	H	10037	Lê Đức Anh	1993		Nam Định	CT TNHH Dava House Việt Nam			5	5		5					
38	H	10038	Lê Hoàng Anh		1989	Hưng Yên	CTY TNHH HITE-BI ĐIỆ N V A CHIEU SANG ĐỒ CHANH NGUYỄN				3.5							
39	K	10039	Lê Phương Anh		1995	Thanh Hóa	Ngân hàng TMCP Quan Đông											
40	K	10040	Lê Phương Anh		1999	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn SKS	7.5	5	5	3.5							
41	H	10041	Lê Thị Huyền Anh		1996	Hải Dương	CT TNHH Kiến tạo SCS		5.5	5.5	4.5							
42	H	10042	Lê Thị Lan Anh		1998	Thanh Hóa	CTCP Năng lượng Sio		7.5	6.5								
43	K	10043	Lê Thị Mai Anh		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ Việt Nam	7	8.5	5.5	3	5	6		5.5			
44	K	10044	Lê Thị Phương Anh		1986	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ Quốc tế	6.5	4	6.5	6							
45	K	10045	Lê Tú Anh		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển xây dựng Việt Dũng	8	4.5	6.5	3		4.5					
46	H	10046	Lê Tuấn Anh	1989		Thanh Hóa	CT TNHH Kiến tạo và Tư vấn Bình An			5	3							
47	P	10047	Mặc Hoàng Anh		1984		Công ty Cổ phần IDS Equity Holdings			1.5								
48	H	10048	Mai Hồng Anh		1995	Ninh Bình	Công ty CP đầu tư và VC Việt Mỹ											
49	K	10049	Mai Quang Anh	1999		Bắc Giang	Công ty TNHH Nova S IT	8			1.5	6.5	5					
50	K	10050	Ngô Ngọc Anh	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Hưng Kiên tạo và định giá quốc gia	5.5				6			7.5			
51	H	10051	Ngô Thị Hồng Anh		1998	Bắc Giang	CTY TNHH R&R LEGAL CONSULT FANCY SERVICES		6.5	5.5	6							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
52	H	10052	Nguyễn Đỗ Nhật Anh	1998		Thị Nguyễn Nôi	CT TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nôi	6	3	3	3							
53	H	10053	Nguyễn Đức Anh	1988		Phù Thọ	Công ty CP NKK kinh doanh Phông An											
54	H	10054	Nguyễn Hồng Anh		1998	Thị Bình	Công ty cổ phần Emila Việt Nam											
55	H	10055	Nguyễn Huệ Anh		1996	Hà Nôi	Công ty TNHH TOLO Việt Nam			5								
56	H	10056	Nguyễn Mía Anh		1997	Bắc Ninh	CT TNHH Incoor Services Việt Nam											
57	P	10057	Nguyễn Mía Anh		1998		Công ty TNHH Thuê và tư vấn KPMG			5.5								
58	N	10058	Nguyễn Ngọc Anh		1996	Bắc Ninh	Công ty TNHH Công nghệ Trend Việt Nam			6	3.5	6.5	2	5				
59	N	10059	Nguyễn Phương Anh		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng không VASC	5.5	4	5				5.5				
60	H	10060	Nguyễn Phương Anh		1998	Bắc Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ xanh Đức Thuận	6	2	7								
61	H	10061	Nguyễn Quỳnh Anh		1990	Hà Nôi	CT TNHH MTV Vinedunes Bình Dương	4.5	2.5	3.5	2							
62	N	10062	Nguyễn Thái Nhật Anh		1998	Thị Bình	Công ty TNHH Grant Thornton	5		6	2.5	6						
63	H	10063	Nguyễn Thị Anh		1991	Vĩnh Phúc	Công ty CP Tư vấn xây dựng Vĩnh Phúc	2.5	0	3	0.5							
64	H	10064	Nguyễn Thị Bích Anh		1994	Vĩnh Phúc	CTCP Thương mại đầu tư và xây dựng Đồng Tâm											
65	N	10065	Nguyễn Thị Hải Anh		1996	Truyện Quảng	Công ty TNHH P&C (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nôi	5	7.5	5	5	6	5	7				
66	N	10066	Nguyễn Thị Kim Anh		1995	Hải Phòng								2.5				
67	N	10067	Nguyễn Thị Kim Anh		1998	Bắc Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Trithuc Việt tại Hà Nôi											
68	H	10068	Nguyễn Thị Lan Anh		1987	Hưng Yên	Công ty CP Tập đoàn công nghệ VNC			6	4							
69	H	10069	Nguyễn Thị Lan Anh		1993	Thị Bình	CT TNHH Kế toán và thuế VTA		6	7	6.5							
70	H	10070	Nguyễn Thị Lan Anh		1996	Phù Thọ	CTY CP THE ONI V&I NAM	6	7	7	4							
71	N	10071	Nguyễn Thị Lan Anh		1998	Thị Bình	Công ty TNHH Dịch vụ và kiến toán Tư vấn Hà Nôi - Chi nhánh Hàng Long		4.5	6	5		4.5					
72	N	10072	Nguyễn Thị Lan Anh		1999	Thị Bình	Công ty TNHH Kiến toán và Dịch vụ Việt Nam	6	4.5	7	2.5	7	3.5	5.5				
73	H	10073	Nguyễn Thị Lan Anh		1999	Hà Nôi	CTY TNHH HANG KI M TOAN ASSC			5.5								
74	N	10074	Nguyễn Thị Minh Anh		1996	Thị Bình		5	5		3							
75	H	10075	Nguyễn Thị Ngọc Anh		1992	Hà Nôi	Công ty CP Hoa được Quốc tế Hà Nôi											
76	H	10076	Nguyễn Thị Phương Anh		1987	Hà Nôi	CT TNHH Dịch vụ thuế - Kế toán Damm Việt Nam											
77	H	10077	Nguyễn Thị Phương Anh		1994	Thanh Hóa	Công ty TNHH Shoba Việt Nam											
78	H	10078	Nguyễn Thị Văn Anh		1996	Nam Định	Cty TNHH Hưng tâm Regus Việt Nam		5	7								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TICKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
79	K	10079	Nguyễn Thị Văn Anh		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	6.5	6	5	2.5	7.5	3.5			
80	K	10080	Nguyễn Thị Văn Anh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		4.5		3	7			8	
81	K	10081	Nguyễn Hiền Anh	1998		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán CPV H INAM		3		1.5	5.5			5.5	
82	K	10082	Nguyễn Trần Trung Anh	1998		Hà Nội	Công ty CP tư vấn Ivy Việt Nam			3						
83	K	10083	Nguyễn Tú Anh		1978	Hà Nội	Công ty TNHH DK Engineering						5.5			
84	H	10084	Nguyễn Tuấn Anh	1992		Hà Dương	Công ty Xây dựng Phương Nam		0		2					
85	K	10085	Nguyễn Tuấn Anh	1994		Phủ Thọ		5.5		6			5			
86	H	10086	Nguyễn Văn Anh		1984	Phủ Thọ	Công ty TNHH Coswell châu Á									
87	H	10087	Nguyễn Văn Anh		1984	Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thương Phát		1.5	4	1					
88	K	10088	Nguyễn Văn Anh		1996	Bắc Ninh	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		4.5	5	6					
89	H	10089	Nguyễn Việt Anh	1993		Hà Dương	Công ty TNHH tư vấn - Kiểm toán S&S									
90	K	10090	Nguyễn Việt Anh	1994		Quảng Ngãi	Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	5	3	4	1.5	5.5	2	2.5		
91	H	10091	Phạm Tấn Anh		1982	Hà Dương	Công ty CP FM và Dịch vụ Khách sạn 221 and									
92	K	10092	Phạm Tấn Anh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam - CN Miền Bắc		2	5	4				6.5	
93	H	10093	Phạm Mai Anh		1998	Hà Nội	Công ty CP T - Global tại Hà Nội	6	7.5	5	2.5					
94	H	10094	Phạm Minh Anh		1990	Thái Bình	Công ty TNHH CK Solutions									
95	H	10095	Phạm Ngọc Anh		1981	Hà Dương	CN CTY TNHH OTO NGÔI SÀO VIỆT NAM									
96	H	10096	Phạm Quỳnh Anh		1997	Hà Nội	Chi nhánh Công ty TNHH Focus Mazars Việt Nam tại Hà Nội			5.5	5.5					
97	K	10097	Phạm Thị Kiều Anh		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		6.5					4		
98	K	10098	Phạm Thị Mai Anh		1994	Hà Dương	Công ty TNHH Antelope Technology (Việt Nam)	6	5	3.5						
99	H	10099	Phạm Thị Ngọc Anh		1988	Hà Nội	Công ty CP chế tạo thiết bị điện Đại Dương									
100	K	10100	Phạm Thị Ngọc Anh		1995	Nam Định	Công ty Cổ phần Thương Khảm Y indirect		4.5	6	3.5					
101	K	10101	Phạm Thị Phương Anh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn Đại Hà			3.5		4.5		3.5		
102	K	10102	Phạm Thị Quỳnh Anh		1993	Hà Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam			5.5	6	7				
103	K	10103	Phạm Thị Tú Anh		1996	Thanh Hóa	Công ty CP Y n Lạc Việt Nam		3	5.5	3.5		3	3.5		
104	K	10104	Phạm Thị Tuyết Anh		1997	Nam Định	Công ty Cổ phần Kingphar Việt Nam	5.5	7	7	6.5	8	6	5.5		
105	K	10105	Phạm Thị Văn Anh		1992	Hà Nội	Công ty TNHH Darsan Doi Viet Nam	8	5.5	3.5	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC		Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
											Tiếng Anh	Tiếng Trung						
106	K	10106	Phạm Vũ Anh	1999		Hà Dương	(N Công ty TNHH Phúc (Việt Nam) tại Hà Nội					5	2.5	6.5				
107	K	10107	Phạm Hoàng Anh		1999	Hòa Bình	Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam		1.5	5		7	2.5	4				
108	II	10108	Phạm Hoàng Anh	1984		Hưng Yên	(TCP Đại lý thuế AIP											
109	II	10109	Phạm Thị Ngọc Anh		1991	Phủ Thọ	(CT TNHH Kế toán Kiểm toán và Đại lý thuế Đào Lan			4		7						
110	II	10110	Phạm Thị Phương Anh		1994	Vĩnh Phúc	(CT TNHH BẢO HIỂM (INDO OGY (Việt Nam)	6	5									
111	C	10111	Phạm Thị Tuyết Anh		1990	Hà Tĩnh	(Công ty Cổ phần Dân tư Bất động sản và Khu vực sản Việt Nam											
112	K	10112	Là Ngọc Anh		1996	Thái Bình	(N Công ty TNHH Phúc (Việt Nam) tại Hà Nội	7.5	5.5	5	3	6	5	7.5				
113	II	10113	Là Thị Ngọc Anh		1999	Ninh Bình	(TCP vach kinh Alaska			4								
114	K	10114	Là Phương Anh		1998	Hà Nội	(Công ty CP Chuang Khoa VNDIRECT		4.5	5.5			7	6.5				
115	K	10115	Lưu Duy Anh	1998		Thái Bình	(Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	4	1	0	0.5	2.5	1	7				
116	K	10116	Lưu Hoàn Anh		1982	Hà Tĩnh	(Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn BSM Việt Nam - CN Hà Nội											
117	K	10117	Lưu Lê Anh		1997	Nam Định	(Công ty TNHH Kiểm toán II SHIN Việt Nam		6.5	7	4		6					
118	II	10118	Lưu Mai Anh		1988	Hà Nam	(CT TNHH Khoa sát đo đạc Hòa Lạc			5.5	3.5							
119	K	10119	Lưu Ngọc Anh		1997	Thanh Hóa	(Công ty TNHH Kiểm toán BDO	6	2	4	3	5.5	3.5					
120	K	10120	Lưu Thị Lan Anh		1987	Hà Nội	(Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ sản tại Khu vực Nam											
121	K	10121	Lưu Thị Mai Anh		1992	Nam Định	Khác											
122	II	10122	Lưu Thị Phương Anh		1990	Hà Nội	(CT TNHH Dịch vụ te Hưng Dũng	7	4	6	5							
123	K	10123	Lưu Tien Anh	1998		Ninh Bình	(Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn đặc lập- CN Hà Nội	6.5	4	6	5.5	6	5.5	5				
124	K	10124	Lưu Tuấn Anh	1998		Hà Nội	(h nhánh Đại lý Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn NGV	6										
125	K	10125	Lưu Vĩnh Anh		1989	Nghe An				4			5.5					
126	II	10126	Lưu Thị Minh Anh		1997	Thanh Hóa	(N C C TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORI MSIC	6	5	8	5.5							
127	K	10127	Vũ Đức Anh	1997		Hà Phòng			6	4								
128	II	10128	Vũ Hoàng Anh		1995	Hà Phòng	(Công ty CP đầu tư MINH Supply	7										
129	K	10129	Vũ Nam Anh	1991		Thanh Hóa	(Công ty Cổ phần Sóng sản Sóng Lam	6.5						6				
130	K	10130	Vũ Ngọc Anh		1992	Thanh Hóa	(Công ty Cổ phần Everest Group	7	7.5	6.5	4	6.5	6.5	6.5				
131	II	10131	Vũ Quốc Anh		1998	Thái Bình	(TCP Giao hàng nội khu	5	4	4	6							
132	II	10132	Vương Thị Văn Anh		1989	Hà Nội	(Công ty TNHH tư vấn giám pháp kế toán thuế đến 889	8		4								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
133	K	10133	Cao Ngọc Anh		1999	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo An Việt chi nhánh Hà Phòng										
134	II	10134	Dương Lê Ngọc Anh		1999	Nghe An	ICP Amber Capital Holdings			1.5							
135	K	10135	Đinh Nhật Anh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo II Sơn Việt Nam	7.5	6.5	6.5	6.5				6.5		
136	K	10136	Trương Minh Anh		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Grant Thornton	6	6		3			4			
137	K	10137	Hà Ngọc Anh		1995	Hà Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiến tạo và Dịch vụ VSCO tại Hà Phòng	5.5	2.5	5	4	6	4	5.5			
138	K	10138	Hoàng Hà Anh		1995	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán Thuế Shanghai	5	0	4	0.5	2	0.5	3			
139	K	10139	Lê Thị Anh		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Hàng thủ công mỹ nghệ Ngọc					7.5	7				
140	II	10140	Lê Văn Anh	1994		Thanh Hóa	Công ty TNHH MTV dược hiệu LW.2	7		5	6						
141	II	10141	Nguyễn Hồng Anh		1990	Hà Nội	Công ty CP PAMICO Việt Nam				2						
142	II	10142	Nguyễn Ngọc Anh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn kế toán Thuế QG	4		5							
143	K	10143	Nguyễn Ngọc Anh		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo VASC	6	4	6	5.5	7.5	0.5	8			
144	II	10144	Nguyễn Thị Anh		1992	Thanh Hóa	CTY TNHH XUẤT NHẬP NHẬP CHẤT LƯỢNG	5.5			1						
145	K	10145	Nguyễn Thị Anh		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH Hivosang Financial System Vina			5					6.5		
146	K	10146	Phạm Thị Anh		1995	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo K Tư vấn Lãng II			6.5			5	5.5			
147	K	10147	Phạm Thị Ngọc Anh		1998	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn P&F-ITG	6			7		6				
148	II	10148	Phạm Thị Ngọc Anh		1989	Đà Nẵng			1	3.5	1.5						
149	II	10149	Trần Thị Ngọc Anh		1998	Nam Định	CTCP Xây dựng và cơ điện A Đông	3.5		5.5							
150	K	10150	Trương Ngọc Anh		1998	Nam Định	Công ty Cổ phần K&S thiết bị và Thanh Công	7		7.5		5		4			
151	K	10151	Vu Ngọc Anh		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo CPA Việt Nam - CN Miền Bắc	6	5	7	7	7.5	5	6.5			
152	C	10152	Vu Thị Ngọc Anh		1997	Yên Phúc	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Grobiz					7.5	6.5	5			
153	K	10153	Hoàng Đức An	1994		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo VASC										
154	II	10154	Nguyễn Thị An		1984	Hưng Yên	Công ty TNHH Nippon Kowada Electric Việt Nam										
155	K	10155	Vu Xuân Bách	1993		Nam Định	Tổng Công ty Công nghệ Việt thông Toán Cầu	5	5.5	6	6	5.5	4	6			
156	C	10156	Nguyễn Quốc Bảo	1991		Hà Tĩnh	Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Tư					8	5.5	6			
157	K	10157	Trần Quốc Bảo	1997		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Vạn Dân							3.5			
158	II	10158	Vu Thị Hòa Bảo		1983	Hà Dương	CTY CP ĐẦU TƯ TOÀN CẦU MINH ANH				7						
159	II	10159	Dương Thị Bắc		1984	Thanh Hóa	CTY TNHH KAYOTO SHOKO VIỆT NAM		5.5	7.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
160	II	10160	Phạm Thị Bắc		1985	Phu Thọ	Công ty TNHH K.L và T.V Thực Phẩm Bắc										
161	II	10161	Phạm Văn Bắc	1995		Hải Dương	Tư do	5		7.5							
162	II	10162	Nguyễn Đức Bằng	1979		Hà Nội	CTY CP KỸ THUẬT XÂY DỰNG THI CÔNG MACHINERY VIỆT NAM	4	2.5								
163	K	10163	Nguyễn Thị Bằng		1999	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiến tạo APS	7	5	6.5	5.5	6	8.5	5.5			
164	II	10164	Trần Thị Ngọc Bè		1987	Ninh Bình	Công ty TNHH dịch thuật và thương mại Hoàng Minh	7	5								
165	II	10165	Đặng Thị Bích		1998	Hải Dương	CT TNHH Tư vấn Đại Hà			7.5	6						
166	K	10166	Đinh Ngọc Bích		1998	Ninh Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn AKC tại Hà Nội				5.5						
167	II	10167	Đỗ Thị Ngọc Bích		1988	Quảng Bình	CTY TNHH DỊCH VỤ VÀ DỊCH VỤ DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ		5			3.5					
168	II	10168	Nguyễn Thị Bích		1991	Bắc Ninh	CTY TNHH KẾ TOÁN AGS TẠI HÀ NỘI	5	4								
169	K	10169	Phạm Ngọc Bích		1996	Đà Nẵng	Công ty TNHH Jinsung Hitec Vina		5.5		6		6.5				
170	II	10170	Trần Thị Bích		1990	Bắc Giang	CT TNHH Công nghệ vật liệu C-BOND	7									
171	II	10171	Vũ Thị Bích		1992	Nam Định	Công ty TNHH IM Sơn Hà										
172	K	10172	Đỗ Thị Bền		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Kiến tạo SKS	6.5									
173	II	10173	Phạm Thị Bền		1998	Nam Định	Công ty CP được phân V Shinc										
174	II	10174	Là Xuân Bền	1993		Bắc Ninh	CTCP Phát triển công nghệ nông thôn		3.5		4.5						
175	K	10175	Đào Thị Thanh Bình		1999	Đà Nẵng	CN Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn SKS		3.5	6	1.5			6.5			
176	€	10176	Hà Thị Bình		1987	Phu Thọ	Công ty Cổ phần Nơ cừn mại Việt Nam								4		
177	II	10177	Hoàng Đức Bình	1996		Hưng Yên		7	5								
178	K	10178	Hoàng Thanh Bình		1997	Hải Dương	Công ty TNHH KPMG			5.5							
179	P	10179	Hoàng Thanh Bình	1997			Công ty TNHH KPMG										
180	K	10180	Trương Thanh Bình	1998		Bắc Giang	Công ty TNHH Quan Thornton (Việt Nam)			5	6.5	8	1.5				
181	II	10181	Nguyễn Thị Thanh Bình		1979	Bắc Ninh	Công ty CP năng lượng IP	6	1.5	5.5	3						
182	II	10182	Ngô Thị Thanh Bình		1991	Phu Thọ	Công ty CP Dầu và sản phẩm VMI Hà Nội										
183	K	10183	Nguyễn Đức Bình	1997		Hải Dương	Chi nhánh công ty TNHH Kiến tạo T-jung tại Hà Nội		7.5		7						
184	II	10184	Nguyễn Hữu Bình	1986		Hải Dương	CTCP Thương mại và phát triển năng lượng Đông Dương	6	7	8							
185	K	10185	Nguyễn Hoàng Bình	1998		Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiến tạo BIDV				1.5	8					
186	II	10186	Nguyễn Thị Thanh Bình		1985	Hà Nội	Cty TNHH Dịch vụ kế toán Thuận Long	6.5			5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
187	II	10187	Phạm Thu Thanh Bình		1991	Hoa Bình	CTC P Kiên định và chứng nhận Bách Khoa											
188	II	10188	Trần Thu Thủy Bình		1982		Công ty CP ứng dụng và PT công nghệ Bluecom Việt Nam	7	0	6	1.5							
189	€	10189	Vũ Thu Bình		1982	Nam Định	Công ty Cổ phần HB Group											
190	II	10190	Nguyễn Thu Huyền		1995	Nam Định	CTY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ TIẾP XÚC											
191	II	10191	Nguyễn Thu Cúc		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Nadecon Vina	8		9								
192	II	10192	Nguyễn Thu Cẩm		1986	Bắc Ninh	Công ty CP kinh doanh NKN đồ chơi kinh bán	6.5	2.5	6.5	3.5							
193	K	10193	Trần Văn Cáo	1998		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiên toàn và Tư vấn TNC	5	2.5			5.5	3.5					
194	K	10194	Phạm Công An	1991		Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Kế toán & Kiểm toán VINSA-ATC					5.5						
195	K	10195	Hà Thu Hằng		1998	Phu Thọ	Công ty TNHH Kiên toàn Tư vấn Đúc lập - Chi nhánh Hà Nội					5.5						
196	II	10196	Vũ Thu Huyền Hằng		1990	Thái Bình	CTC P Công nghệ giao duc KIDIDUC H	5.5		5								
197	K	10197	Hoàng Thu Cẩm		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Beyondnet VN				4				6.5			
198	K	10198	Nguyễn Thu Cẩm		1997	Hà Nội	CN Công ty TNHH IT services Mizaris Việt Nam tại Hà Nội	6	3.5	7	3							
199	II	10199	Nguyễn Thu Quỳnh Cẩm		1989	Hà Nội	CTY TNHH CÔNG NGHỆ E-AS-TE-HELD (V&T NAM)	4.5		5.5								
200	II	10200	Bùi Thị Minh Cẩm		1991	Quảng Ngãi	CTY TNHH BRL VN THONG MOCUS	5.5	5.5	6.5	5.5							
201	II	10201	Đặng Quỳnh Cẩm		1997	Hà Nội	CT TNHH Tư vấn thuế kế toán Hà Nội	4	3.5	5	4							
202	II	10202	Trần Minh Cẩm		1981	Hà Nội	Công ty TNHH Chứng khoán ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương		3.5		7							
203	K	10203	Trần Thị Mỹ Cẩm		1984	Hà Nội	Công ty TNHH TM & DV Đức Hồng			5	4.5		3	8				
204	K	10204	Nguyễn Thị Minh Cẩm		1997	Hà Nội	Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	6	7	5	5	6		8				
205	II	10205	Phạm Thị Châu		1982	Thái Bình	CT TNHH Kiên toàn và tư vấn SLS Việt Nam	5.5		5.5								
206	K	10206	Bùi Kim Châu		1991	Thái Phong	Chi nhánh Công ty TNHH kế toán kiểm toán Việt Nam tại Thái Phong	5.5		6						8.5		
207	II	10207	Châu Minh Châu		1997	Hà Nội		7.5	6.5									
208	II	10208	Đường Thị Quỳnh Chu		1997	Thái Phong	Công ty TNHH Điện tử & Máy Móc Steel Flower Thái Phong			6.5	2							
209	II	10209	Đinh Thị Phương Chu		1999	Ngũyễn An	Công ty TNHH Thương mại VHH			7.5	3.5							
210	K	10210	Đỗ Thị Cẩm Chu		1987	Thái Dương	Công ty TNHH Trons & Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội					5.5						
211	K	10211	Trần Thị Minh Chu		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiên toàn Nhân Tâm Việt	6.5	3.5	6	1.5	6.5	5	5				
212	II	10212	Long Thị Kim Chu		1996	Cao Bằng	Công ty CP OPT Logistics	3.5	0	4	1							
213	K	10213	Nguyễn Hoàng Minh Chu		1997	Thái Bình		3	2.5	5.5	5.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
214	H	10214	Nguyễn Minh Chi		1999	Hà Nội	C TY TNHH KHI MIOAN VACO	5.5	5	5.5	4							
215	H	10215	Nguyễn Thị Chu		1994	Hà Nội	C ICP SY Partners	3.5	1		1.5							
216	H	10216	Nguyễn Thị Chu		1999	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn tài chính kế toán và quản trị đầu tư AG1			1.5								
217	H	10217	Nguyễn Thị Kim Chi		1995	Hà Nam	C TY TNHH KBI VII 1 NAM	6.5	7	6.5	6							
218	K	10218	Nguyễn Thị Minh Chi		1999	Quảng Ninh	Công ty TNHH Hàng Kênh toán và Định giá AIC			5.5	4	6.5	4		4	3		
219	C	10219	Nguyễn Thị Thuý Chi		1986	Hải Dương	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư											
220	H	10220	Phạm Thị Chiên		1990	Quảng Trị	C TY TNHH PRIMA WOOD CORPORATION (V.I 1 NAM)	5.5		6	5							
221	C	10221	Đường Thị Chiên		1982	Bắc Quảng	Công ty TNHH tư vấn Thuế - Luật chính Đặng Đức					6	2					
222	H	10222	Đào Duy Chiên	1996		Nghe An	Công ty Cổ phần Tnhax			4								
223	H	10223	Lê Minh Chiên	1987		Thanh Hóa	Công ty CP Medesim	5.5		5	5							
224	K	10224	Nguyễn Văn Chiên	1992		Phu Thọ	Công ty TNHH SI Jmoeck Vina		7		8.5				6			
225	H	10225	Lô Thị Chiên		1986	Hải Trình	C TY TNHH MIV Dương Báo		5	5.5	4.5							
226	H	10226	Đỗ Thị Chinh		1985	Thanh Hóa	Công ty CP điện tử chuyên dụng Hanel											
227	K	10227	Ngô Tuyết Chinh		1995	Bắc Kạn				3	5			7.5				
228	K	10228	Nguyễn Công Chinh	1996		Phu Thọ		4	3.5	6.5	7			4	2.5			
229	H	10229	Nguyễn Thị Chinh		1993	Thanh Hóa	C ICP GROW NHA NOI											
230	C	10230	Nguyễn Thị Mai Chinh		1983	Nam Định	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Đặng Quang					6		7	6.5			
231	K	10231	Nguyễn Ngọc Chinh	1999		Thanh Bình	Công ty TNHH Hàng Kênh toán và Định giá ANCO	7.5	6.5	4	5	6.5	6.5	5.5				
232	K	10232	Đào Thị Chue		1995	Thái Nguyên	Ngân hàng TMB P Sài Gòn - Hà Nội											
233	H	10233	Lê Mai Chue		1990	Hà Nội	C ICP Đầu tư và phát triển T heo Lê hua	5	3									
234	H	10234	Lê Thanh Chue		1993	Hà Nam	Công ty TNHH Thuế toán của			4								
235	H	10235	Nguyễn Thị Thanh Chue		1989	Hà Nội	C TY CP TV PHU VI ERB N KINH DOANH THANH NAM											
236	H	10236	Cao Thị Kim Chung		1989	Phu Thọ	Công ty TNHH Kế toán Stadlich Phu Thọ	6.5		6.5								
237	K	10237	Mai Lien Chung	1991		Phu Thọ	Công ty CP Công nghệ Kỹ thuật số - EHTD		5	6.5	6	8	5.5	6.5				
238	H	10238	Nguyễn Thị Chung		1984	Nghe An	C TY CP XI HIE ONG MANG	5	2.5	7	5							
239	H	10239	Nguyễn Thị Chung		1990	Bắc Ninh	C TY BAN MVI (NNH)	6.5	5	7								
240	H	10240	Lê Thị Kim Chung		1984	Nam Định	Công ty CP Chứng khoán An Bình		5		5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
241	H	10241	Trần Thị Kim Nhung		1983	Hà Tĩnh	Công ty TNHH MTV Hà Tĩnh Việt Thương VTY cổ	5.5	8	8	7					
242	K	10242	Trần Thị Minh Chung		1980	Hưng Yên	Công ty cổ phần tập đoàn Golden Gate	7.5	2.5	4	4	5.5		3	3.5	
243	K	10243	Trần Đình Nguyễn Chương	1998		Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo BDO									
244	H	10244	Lê Quang Công	1994		Bắc Giang	Công ty TNHH Kiến tạo ABC Việt nam									
245	K	10245	Nguyễn Bá Công	1994		Hà Nội	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam		5	5	5					
246	P	10246	Nguyễn Thanh Công	1997			Công ty TNHH MTV NVC Việt Resource									
247	K	10247	Nguyễn Thanh Công	1998		Hà Dương	Công ty TNHH Hưng kiến tạo VNSC		7.5	6.5	3.5				4.5	
248	H	10248	Nguyễn Thanh Công	1999		Hưng Yên	CTY TNHH IT VNN IAWKLY VHT NVAM	5.5	6.5	5	3.5					
249	K	10249	Nguyễn Xuân Công	1998		Hà Nội	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	6	7		2					
250	H	10250	Trần Thị Công		1999	Lạng Sơn	Công ty TNHH Quan từ DNX BKM Việt Nam			7.5						
251	H	10251	Lê Thị Công		1948	Nghe An	Công ty TNHH phân phối prime sữa				6					
252	H	10252	Lê Thị Công		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Hiền			6						
253	H	10253	Lê Thị Công		1998	Hà Nội	Công ty CP Sản xuất Trùng thư									
254	H	10254	Lê Thị Lan Công		1994	Hà Dương	CT TNHH Luật Gia An									
255	H	10255	Lưu Thị Công		1985	Bắc Ninh	Tư do									
256	K	10256	Nguyễn Thị Công		1994	Hà Nội	Công ty Cổ phần Tập đoàn Autodesk		5.5	7	6					
257	H	10257	Hoàng Thị Công		1995	Hà Nội	CTY TNHH ODS VINA	5	5	7.5						
258	H	10258	Nguyễn Bình Công	1987		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Đơn vị Kế toán Việt	5	0.5	6.5	2.5					
259	K	10259	Nguyễn Đức Công	1997		Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo Deloitte Việt Nam	5.5	8	6	5.5					
260	H	10260	Nguyễn Thị Công	1998		Hà Phòng	CT TNHH Hưng kiến tạo và tư vấn JPA	5.5	3.5	5.5	1.5					
261	K	10261	Hà Mạnh Công	1996		Thái Bình	Công ty TNHH Trust& Young Việt Nam			5.5	5.5					
262	K	10262	Hoàng Văn Công	1997		Vĩnh Phúc	Công ty Cổ phần Haprome Holdings	6	7.5	6			7			
263	K	10263	Hoàng Việt Công	2000		Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn THY	6	4	6	4	7.5	3.5	8.5		
264	K	10264	Lê Mạnh Công	1995		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo và Định giá KVA									
265	P	10265	Lê Minh Công	1996			Công ty Cổ phần Tư vấn TV Việt Nam			6.5						
266	K	10266	Nguyễn Quốc Công	1996		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn và Kế toán T&C	5		5.5	4	5				
267	K	10267	Nguyễn Lan Công	1990		Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	5		6		6.5		5.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT Q/TNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
268	H	10268	Nguyễn Xuân Cường	1992		Vĩnh Phúc	Công ty CP SX KD phân miền VTA	7	7.5									
269	K	10269	Phùng Tiến Hải Cường	1990		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo ANVI		6	7	2							
270	H	10270	Lương Quang Cường	1998		Nghe An	TICP Thương mại quốc tế 1 nhà Việt Nam				5							
271	H	10271	Vũ Quang Cường	1997		Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo Thuận Dương		2.5	5.5	3.5							
272	K	10272	Trần Duy Đan	1995		Hưng Yên	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)											
273	H	10273	Phạm Thu Diễm		1996	Hải Phòng	CT TNHH TOPIRI NV Việt Nam Hải Phòng	5	4	7.5	4							
274	H	10274	Phạm Thu Diễm		1997	Hải Bình	TICP Tập đoàn MỸ SI (CONO HONM)											
275	H	10275	Châu Thu Diễm		1991	Hưng Yên	Công ty TNHH Misa nhà dùng MISA Việt Nam	4.5		7.5								
276	H	10276	Đào Thu Diễm		1992	Bắc Ninh	Công ty TNHH nước giải khát và thực phẩm Santos Việt nam	5.5		7.5								
277	H	10277	Phạm Thị Mỹ Diễm		1995	Hà Nam	TICP Công nghiệp LNH											
278	H	10278	Hoàng Thị Ngọc Diệp		1989	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn thông tin HTI											
279	H	10279	Kim Thu Bích Diệp		1983	Nam Định	Công ty TNHH Công nghiệp Medisrop		2	4	2							
280	H	10280	Nguyễn Kim Diệp		1981	Hà Nội	CTY CP LAP DOAN CONG NGHE TUNICOTD		4	3								
281	K	10281	Nguyễn Ngọc Diệp		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Nexa SFT - Chi nhánh An Phú	3.5	3	5								
282	K	10282	Nguyễn Thị Minh Diệp		1995	Nam Định	Công ty CP 216	5.5		5			8.5	7	7			
283	H	10283	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Viet an Services Group	5.5	4	6								
284	P	10284	Nguyễn Thị Thanh Diệp		1984		Đại học Kinh tế quốc dân			6								
285	H	10285	Phạm Bích Diệp		1987	Hải Bình	Công ty CP Yotel		1.5									
286	H	10286	Vũ Thu Diệp		1988	Hải Phòng	CT TNHH Gai Việt Nam	4.5	5.5									
287	C	10287	Nguyễn Thị Đình		1992	Hải Bình	Công ty Cổ phần Thuận thực phẩm HTI											
288	H	10288	Trần Thị Huệ Đình		1992	Hải Bình	Công ty TNHH phát triển công nghệ cơ bản Kiến Cường	8.5	6	7	5							
289	K	10289	Bùi Thu Diệu		1997	Nam Định	Công ty TNHH MTV Sản xuất IMV-A - Trung tâm kinh doanh Hà Nội	5	4	7.5	2	5	5	6	8			
290	H	10290	Đường Thị Diệu		1994	Hải Bình	Công ty CP đầu tư và công nghệ F&C			2	2.5							
291	H	10291	Đào Thu Diệu		1999	Hải Bình	Công ty TNHH Tricoe Services Việt Nam			5	5							
292	H	10292	Lương Thu Diệu		1992	Hải Bình		5.5		6								
293	H	10293	Nguyễn Thu Diệu		1988	Hải Phòng	CT TNHH C TM Hoàng Yuen HPPVN		2	5.5								
294	H	10294	Phạm Thu Thu Diệu		1982	Hà Nam	CTY TNHH HHH 1 BIPHI HHH		5		7							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	
								Tiếng Anh	Tiếng Trung					
295	II	10295	Hà Thị Doanh		1981		Công ty Samsung		5	5				
296	K	10296	Phạm Văn Đoàn	1981		Đại Bình	Công ty TNHH Kiem toan và Tư vấn MNL Viet Nam		1.5	6	3			
297	K	10297	Bùi Thị Dung		1996	Hà Dương			6.5	5	6		6	
298	II	10298	Cao Thị Dung		1991	Hùng Yên	Công ty TNHH Trax Y ma			5	5			
299	II	10299	Châu Thị Dung		1996	Bắc Giang	CT TNHH Xa dung Hoa Viet	5.5		4				
300	II	10300	Đường Thị Hoa Dung		1996	Hà Linh	CTCP Thiet bị và dịch vụ Kỹ thuật Lotus Viet Nam		5		3			
301	II	10301	Đào Thị Dung		1993	Đại Bình	Công ty cơ phân dàu tư ha dung Khu công nghiệp Hà Nội - Bắc Giang	7	6.5	9	8.5			
302	II	10302	Đào Thùy Dung		1992	Hà Nội	CT TNHH Tư vấn và dịch vụ kế toán Minan				3			
303	II	10303	Đinh Thị Dung		1988	Hà Phòng	Lập Đoàn Báo Viet	6	5	6.5	6			
304	K	10304	Đinh Thị Dung		1991	Nam Định	Công ty CT Quản lý vận hành & Khai thác Bất động sản Greenvico							
305	K	10305	Đông Phương Dung		1999	Đại Bình	Công ty TNHH Nexia STI	6			5.5	6.5	5	
306	K	10306	Hoàng Thị Dung		1991	Thanh Hóa	Công ty cơ phân giat la và dàu tư Đức Giang	5.5	5	6	3	8.5	1.5	4
307	II	10307	Hoàng Thị Phương Dung		1990	Hà Dương	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Thương Thành		7	6.5				
308	K	10308	Khánh Phương Dung		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiem toan VASC		5.5					
309	II	10309	Khúc Thị Dung		1990	Hà Nội	CTCP Ecement Holding	6	6					
310	K	10310	Lê Thị Dung		1987	Thanh Hóa	Công ty TNHH Jan A Dai Thanh - Daewoo	6.5	4	5.5			8.5	
311	K	10311	Lê Thị Dung		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán Diamond Rise		6		5.5		3	
312	II	10312	Lê Thị Hồng Dung		1993	Nam Định	CTY CP DAI TI BAY DONGSAN NAY VI VND							
313	K	10313	Ngo Thị Thuý Dung		1997	Hùng Yên	Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển HIT Global	6	5		1.5		5.5	
314	C	10314	Nguyễn Phương Dung		1983	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan và Thun dinh gia VLV							
315	II	10315	Nguyễn Phương Dung		1989	Nghe An	CTCP Ympact							
316	II	10316	Nguyễn Thị Dung		1985	Hà Nội	Công ty TNHH Idea Print			7	5.5			
317	C	10317	Nguyễn Thị Dung		1992	Nghe An	Công ty TNHH Huatket Viet Nam							
318	II	10318	Nguyễn Thị Dung		1993	Đại Bình	Cty TNHH Daewoo E&C Viet Nam				6			
319	K	10319	Nguyễn Thị Dung		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan Delonix Viet Nam	5		6	4	7		
320	II	10320	Nguyễn Thị Minh Dung		1982	Bắc Ninh	CT TNHH Ganh Sang Y ma			5				
321	II	10321	Nguyễn Thị Phương Dung		1988	Hà Dương	CT TNHH Đại Lợi Folding							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCNT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
322	K	10322	Nguyễn Thị Phương Dung		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn VSA	6	3.5	6	0.5	7.5	2	4		
323	K	10323	Nguyễn Thị Thuý Dung		1994	Nam Định	Công ty CP dịch vụ đại sứ (Gail) WGLN	6	3.5		5		6	6		
324	II	10324	Nguyễn Thị Thuý Dung		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Amico Finance Group									
325	K	10325	Nguyễn Thị Thuý Dung		1998	Vĩnh Phúc	Công ty Khu vực sản phẩm KAV CFCP	5.5			3	6		8		
326	II	10326	Nguyễn Thuý Dung		1997	Thanh Hóa	CTY TNHH KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN SLOI			3.5						
327	K	10327	Nguyễn Thuý Dung		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ems&Young Việt Nam (chi nhánh Hà Nội)				4	7		7.5		
328	II	10328	Phạm Thị Dung		1990	Hà Nam	CTCP Thương mại đầu tư và xây dựng Đông Lâm									
329	II	10329	Phạm Thị Thuý Dung		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Marlex Việt nam			5.5						
330	C	10330	Phạm Thị Dung		1990	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Mối liên hệ D1 XD&TM liên Phong-Vina									
331	C	10331	Lưu Thị Dung		1955	Nam Định	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thực Trung Thành					3.5	0.5	3		
332	II	10332	Vũ Kim Dung		1992	Hải Dương	CT TNHH MTV Shizen Food	5		7	2					
333	K	10333	Vũ Thị Dung		1989	Nghe An	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	5.5					7.5			
334	K	10334	Đoàn Việt Dung		1995	Yên Bái	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế	3.5								
335	K	10335	Đoàn Xuân Dung		2000	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán Án Việt - Chi nhánh Hải Phòng	5.5	6.5	3.5	5	7	5.5	7		
336	II	10336	Nguyễn Hoàng Dung		1992	Nghe An	CTY CP NHU ANS HUI AI POH YINNO TECH									
337	K	10337	Nguyễn Ngọc Dung		1996	Quảng Bình	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và định giá VSCO	6	7	6	5.5	8	7	4		
338	K	10338	Nguyễn Trung Dung		1996	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán CP V&H T&N&I	3.5	5	5.5	2.5			6		
339	II	10339	Phạm Việt Dung		1992	Hải Dương	Công ty TNHH MTV thiết bị điện nước Thuận Thành			1						
340	K	10340	Phạm Ngọc Dung		1986	Phủ Thọ	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế	6.5			7					
341	K	10341	Lưu Loan Dung		1984	Nam Định	Công ty Cổ phần Casablanca Việt Nam		3				5			
342	K	10342	Vũ Đức Dung		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán BDO	6		5	4		5.5			
343	K	10343	Đo Đình Dục		1997	Phủ Thọ	Học viện Lạc danh	5.5		5.5						
344	II	10344	Lê Thị Phương Dục		1992	Thanh Hóa	CT TNHH VC N Việt Nam									
345	K	10345	Nguyễn Phan Dục		1999	Hải Dương	Công ty CP Cổ khí Xuân Sơn					6	2	7.5		
346	K	10346	Lưu Nhật Dục		1994	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Ems&Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	6.5		5	5	6	3.5			
347	II	10347	Chu Lam Duyen		1995	Nam Định	Công ty CP T&SCO			6.5						
348	II	10348	Dương Thuý Duyên		1994	Hải Dương	Công ty cổ phần đầu tư du lịch Khai Phú	6	7.5	7	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDI CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
349	H	10349	Hà Thị Duyên		1994	Nam Định	Công ty CP LVDT và chuyển giao công nghệ cao TC 1	7	4	7.5	3							
350	K	10350	Hà Thị Bích Duyên		1999	Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn AGC tại Hà Nội	5.5	5	3.5	4	7.5	6.5	6				
351	H	10351	Ngô Thị Mỹ Duyên		1992	Hà Nội	Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng và Thương Mại H2 Việt Nam			8.5	3.5							
352	H	10352	Nguyễn Thị Duyên		1994	Bắc Ninh	Công ty TNHH Hama Motion Việt Nam		2.5	2.5								
353	H	10353	Nguyễn Thị Duyên		1977	Thanh Hóa	CT TNHH Thương mại và dịch vụ LT Việt Nam	5.5	1	4	2							
354	H	10354	Nguyễn Thị Duyên		1985	Phước Thọ	Công ty TNHH NKN Quảng Hóa											
355	K	10355	Nguyễn Thị Duyên		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn E-diplo	5.5	5	5	8.5	7	6.5	8				
356	H	10356	Nguyễn Thị Hồng Duyên		1984	Nam Định	CTCP DNTM Hà Nội		1.5	5	1.5							
357	K	10357	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		1998	Bắc Giang	Công ty TNHH Trans & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	7	3.5	5	7	9	5	7.5				
358	C	10358	Nguyễn Thị Ngọc Duyên		1993	Hà Dương	Công ty CP Beta Media					7	8	6.5				
359	C	10359	Nguyễn Thị Thanh Duyên		1988	Hưng Yên	Công ty Luật TNHH Tadpole of Gibbons					8	7	6.5				
360	H	10360	Phạm Thị Duyên		1993	Nam Định	CT TNHH Ascomadi Việt Nam	4.5			2							
361	K	10361	Phạm Thị Duyên		1994	Nam Định	Công ty CP Thương mại và dịch vụ oto Minh Việt	6	5.5	6								
362	H	10362	Phạm Thị Kỳ Duyên		1995	Bắc Ninh	Công ty TNHH Cat Seng Phuong		2		2.5							
363	K	10363	Lê Mỹ Duyên		1999	Nam Định	Công ty TNHH KPMG			3	2.5			8.5				
364	K	10364	Lưu Thị Duyên		1996	Hà Nội	Ngân hàng EXCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam											
365	K	10365	Lưu Thị Duyên		1999	Nghe An	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC	5	6.5	6.5	7	7.5	6.5	4.5				
366	H	10366	Lưu Thị Mỹ Duyên		1999	Ninh Bình	CTY CP MAYSOCOM VET NAM	5										
367	H	10367	Nguyễn Thị Duyên		1992	Nghe An	CT TNHH Sản xuất thương mại quốc tế Seoul											
368	H	10368	Bùi Thị Trung Duyên		1990	Hà Dương	CT TNHH Dịch vụ thực Công Nghệ	5.5	7.5		2.5							
369	K	10369	Đào Lương Duyên	1994		Bắc Ninh	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và Định giá quốc gia			3.5				2.5				
370	H	10370	Công Duy Duyên		1999	Hà Nội	CT TNHH Dịch vụ phát triển quốc tế CITC Japan			4.5								
371	K	10371	Đào Thị Kim Duyên		1998	Bắc Ninh	Công ty CP Giải pháp Kế toán Topa		1.5	5	2		2.5					
372	H	10372	Hoàng Thị Thụy Duyên		1985	Bắc Ninh	Công ty TNHH Foxcod-Hai Phong	5.5		6.5	2.5							
373	H	10373	Hoàng Thụy Duyên		1992	Hà Dương	Công ty TNHH Liên Sơn E & C Vina	6	8.5	7	5							
374	K	10374	Khổng Anh Duyên		1997	Hà Dương	Công ty TNHH VTA Viet Nam			1.5	0.5							
375	K	10375	Lưu Du Dương	1986		Hà Nam	Công ty TNHH VLSIAR			5	5		1	3				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ					
														Tiếng Anh	Tiếng Trung				
376	H	10176	Lê Thị Thuý Dương		1988	Hà Nội	ICCT Xay dựng Tầng 10			7	3,5								
377	K	10177	Lương Thị Thuý Dương		1997	Phủ Thọ	Clinical (Công ty TNHH Tư thực Veritas Hà Nội			2,5	3,5								
378	K	10178	Nguyễn Đức Dương	1997		Bắc Ninh		6,5											
379	H	10179	Nguyễn Quốc Dương		1983	Hà Nội	CT TNHH VinDesign Việt Nam	6		5									
380	K	10180	Nguyễn Thị Dương		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Bao hiểm Laco	6,5	3,5	3,5	2								
381	H	10181	Nguyễn Thị Thuý Dương		1991	Thái Bình	Công ty TNHH Kowit Inverse												
382	H	10182	Nguyễn Thuý Dương		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH phân mềm Hanoisoft	6	2,5	5	4								
383	P	10183	Nguyễn Thuý Dương		1994		Ngân hàng TMCP Ngân thương Việt Nam			5									
384	H	10184	Nguyễn Huy Dương		1997	Quảng Ninh	Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp A Châu			5									
385	H	10185	Phạm Thị Thuý Dương		1999	Hà Nam	CTY TNHH K&M TOY&V&DINH GIẢ T&M V&L	7	3,5	5	2,5								
386	H	10186	Phùng Anh Dương		1992	Hà Nội	ICCP Viet's Power												
387	H	10187	Vũ Thị Dương		1988	Hải Phòng	CT TNHH Toyota Nankai Hải Phòng				6								
388	K	10188	Nguyễn Văn Đan	1989		Hà Nội	Công ty TNHH công nghệ cao Skynap			3									
389	H	10189	Phạm Thị Lan Đan		1994	Nam Định	CTY TNHH ASC VINA	5,5		7									
390	H	10190	Đỗ Thị Đào		1991	Hà Nội	CT TNHH Dịch vụ và tư vấn	6		5	2,5								
391	H	10191	Nguyễn Thị Đào		1989	Bắc Giang	CT TNHH Junsung Electronics Vina	4,5	3	5,5	5								
392	H	10192	Nguyễn Thị Đào		1989	Bắc Ninh	CT TNHH MMT Vina		5	7,5									
393	H	10193	Vũ Thị Đào		1989	Nam Định	CTY TNHH TT V&N V&A D&T TT H&O&N&M QUỐC H QUỐC												
394	K	10194	Bùi Thanh Đạt		1999	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán HSK Việt Nam			5,5	2,5	7				8,5			
395	K	10195	Đường Phú Đạt		1999	Vĩnh Phúc	Công ty Cổ phần Công nghiệp A Mly	7,5	4	5,5	6	9	3,5	6					
396	K	10196	Đào Tiến Đạt		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NKT Việt Nam	5	4,5		4	7,5							
397	K	10197	Đào Hoàng Đạt		1999	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NGV												
398	K	10198	Hoàng Ngọc Đạt		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đức lập - Clinical Hà Nội	7	6	6	5,5	7,5	5,5	5					
399	K	10199	Hoàng Jen Đạt		1999	Hà Nội	Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Quốc tế Việt Sơn	3				4	3,5	6					
400	K	10200	Lê Đình Đạt		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Clinical Hà Nội	5,5	6	5,5	3,5	9	6	8,5					
401	K	10201	Nguyễn Việt Hoàng Đạt		1995	Nghe An	Công ty TNHH KPMG												
402	K	10202	Phạm Đoàn Đăng		1999	Phủ Thọ	Clinical (Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn AKT tại Hà Nội	6,5	3	2,5	2,5	5	2	6					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Môn thi				Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ						Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Tiếng Anh			Tiếng Trung		
													Tiếng Anh	Tiếng Trung				
403	K	10403	Nguyễn Thị Diệp		1983	Hà Nội			5					6.5				
404	H	10404	Le Thị Đinh		1984	Hà Nội	Công ty Cổ phần được phân Thạt Hoàng	4		5								
405	K	10405	Nguyễn Bá Đình	1988		Phu Thọ	Công ty TNHH Kiểm toán ĐK Việt Nam		2.5		2		4.5	1.5				
406	H	10406	Trần Tiến Đoàn	1987		Hà Nội	Công ty CP được phân MHD	5.5		3	2.5							
407	H	10407	Vu Thị Đoàn		1989	Hà Nội	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ AKI	3.5	4.5	5	2.5							
408	H	10408	Vu Thị Đoàn		1991	Hà Nam	Công ty CP Plus Partners Vna		1	5								
409	K	10409	Bur Công Do	1993		Thái Bình	Công ty Cổ phần Việt chung LPP1	7						3.5				
410	H	10410	Đinh Thị Thu Dung		1993	Hà Nam	CÔNG TY TNHH Yamato Electric Viet Nam			7.5	3.5							
411	H	10411	Le Thị Dung	1990		Thanh Hóa	CÔNG TY XD CÔNG NGHỆ ĐIỆN NG	3.5	6.5	8.5	3							
412	K	10412	Nguyễn Thanh Dũng	1999		Nghe An	Công ty TNHH Hàng không và định giá quốc gia	4.5		5	3.5	6	3.5	4.5				
413	H	10413	Hoàng Anh Đức	1993		Thanh Hóa	Công ty TNHH MTV được lưu IW2			6	1.5							
414	H	10414	Le Minh Đức	1996		Phu Thọ	CÔNG TY TNHH MTV được lưu IW2				4							
415	K	10415	Nguyễn Anh Đức	1998		Tuyên Quang	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	5	3.5	3.5	3		6					
416	H	10416	Nguyễn Xuân Đức	1993		Thái Bình	CÔNG TY TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		7.5	7	3.5							
417	K	10417	Phạm Hoàng Đức	1993		Hải Phòng	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4			6	4	9				
418	K	10418	Phạm Minh Đức	1997		Hà Nội	Ngân hàng TMCP K&T Thương Việt Nam		4.5	6	3.5							
419	K	10419	Phạm Minh Đức	1998		Hải Phòng	Công ty TNHH Hàng không Việt Nam	6	1.5	5.5	3	6.5						
420	H	10420	Trần Thị Đức		1995	Bà Nằng	CÔNG TY TNHH Kiểm toán VSC											
421	H	10421	Vu Đình Đức	1996		Thanh Hóa	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỊCH VỤ KẾ TOÁN NẠI HẠI VÀ PHẢI TRỊ NHIỄM CHẤT SỰ HẠI HẠI	6.5	7.5	5.5	2.5							
422	K	10422	Đặng桂 Dương	1988		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NGV	6	1.5	7	6.5	6	0.5	5				
423	K	10423	Nguyễn Thị Hồng Cẩm		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán VCCO	6										
424	K	10424	Bur Quỳnh Giang		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán Nhat Lam Viet -CN tại Hà Nội		7.5	7	5	8	5	5.5				
425	C	10425	Bur Thị Giang		1986	Hải Phòng	Công ty TNHH Federal-Mogul (Việt Nam)					6.5	5	6.5				
426	H	10426	Cao Thị Hương		1989	Thái Bình	CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN VCCO		4		5.5							
427	H	10427	Châu Thị Hương		1994	Nghe An	CÔNG TY TNHH S&M Ngọc Sơn Hà Nội											
428	H	10428	Đào Thị Giang		1993	Hà Nội	CÔNG TY TNHH Quốc tế Thăng Loo											
429	H	10429	Đào Thị Hoàng Giang		1982	Thái Bình	HONG CONG TY HANG KIEPONG VIET NAM				5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu					
														Tiếng Anh	Tiếng Trung				
430	II	10430	Hà Hương Giang		1990	Phu Tho	CT TNHH Gao Vachon Viet Nam	8.5	5	6.5	2.5								
431	II	10431	Le Hong Giang	1988		Hà Nội	Công ty TNHH K.1 và TV Thúc Phấn Bắc												
432	II	10432	Le Hong Giang		1996	Vinh Phuc	Công ty TNHH Kien Loan K.1C		3.5										
433	II	10433	Le Thu Giang		1993	Thanh Hoa	Công ty CP công nghệ và truyền thông VTC-NH THH.1			4									
434	II	10434	Le Thu Giang		1993	Nghe An	Công ty TNHH L one Shipping Plaza Viet Nam		3		2								
435	K	10435	Le Thu Giang		1998	Nghe An	Ngân hàng TMCP Dầu từ và Phân bón (BDV)		3.5	6			4		8				
436	II	10436	Long Thu Giang		1995	Thái Bình	Công ty CP Tư vấn và đầu tư công nghệ cao Thái Do	5	4	6.5	6.5								
437	II	10437	Mai Thu Giang		1992	Thanh Hoa	Công ty CP Nam Hương			2.5	1								
438	II	10438	Mai Thu Thu Giang		1989	Ninh Bình	Công ty TNHH đang có An Mi												
439	K	10439	Ngô Thu Giang		1997	Bắc Giang	Công ty TNHH Tư vấn tư chính - Kien Loan F VCO Viet Nam	5	3.5		4	7	2						
440	C	10440	Nguyễn Lương Giang		1993	Hà Nội						5.5	6.5	6.5					
441	K	10441	Nguyễn Ngân Giang		1996	Vinh Phuc	Công ty CP Dầu từ Hương mai Việt Nhật					6		5.5	6				
442	II	10442	Nguyễn Thu Hoa Giang		1998	Quảng Trị	CT TNHH DV tư vấn kế toán Thúc Thuận Việt	4.5		7.5									
443	II	10443	Nguyễn Thu Ngân Giang		1993	Phu Tho	CT TNHH Lập văn quốc tế Apex (Việt Nam)	6.5		5	1.5								
444	P	10444	Phan Thu Thanh Giang		1975		Lập đoàn Vatel			5									
445	K	10445	Phan Truong Giang	1985		Hà Nội	Công ty TNHH Kien Loan (BDV)			3.5			4						
446	II	10446	Phan Thu Hương Giang		1997	Quảng Trị	Công ty TNHH Overseas Viet Nam			5.5									
447	II	10447	Trần Hoàng Giang	1996		Nam Định	Công ty TC TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn-TN												
448	II	10448	Trần Vũ Giang	1991		Bình Định	CT TNHH Oluca Prime	4	6	5									
449	II	10449	Bui Thanh Ha		1993	Nam Định	Công ty TNHH BR-24 Viet Nam	5.5	1.5	6.5	2.5								
450	II	10450	Bui Thu Ha		1987	Bắc Ninh	CT TNHH doanh nghiệp và hơn tư vấn và phát triển công dụng VLSYS	5.5		5.5									
451	II	10451	Cao Thu Ha		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Mercotec Viet	8.5		6									
452	II	10452	Deep Thu Ha		1992	Yên Bái	CTCP Năng lượng điện A châu	3.5		6.5									
453	C	10453	Dương Thu Thu Ha		1985	Hà Dương	Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Nam An					7	5	7.5					
454	II	10454	Dương Thu Thu Ha		1992	Hà Nội	CTY CP CO KINH DOANH NH HOCOGI		6.5	3									
455	II	10455	Dương Thu Ha		1991	Nghe An	CT TNHH MARKET A Viet Nam	9			6								
456	K	10456	Đinh Thanh Ha		1996	Hà Tĩnh	Ngân hàng TMCP Dầu từ và Phân bón Viet Nam (BDV)	6			5	6.5		5		5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
457	K	10457	Đinh Thị Thanh Hà		1999	Nhật Bản	Công ty TNHH Kiến tạo VFA	7	3	4,5	3,5	7,5	5,5	-				
458	H	10458	Đinh Thị Thu Hà		1991	Nam Định	CTY CP XI MĂNG HATONG	5,5		4								
459	K	10459	Đoàn Đình Thanh Hà	1998		Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ Việt Nam	6	6	5	5,5	5	7	6				
460	K	10460	Đoàn Thị Hà		1995	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo Delonix Việt Nam				5							
461	H	10461	Đỗ Thanh Hà		1991	Hà Nội	CTCP SAVIAN MP	6										
462	H	10462	Đỗ Thị Hà		1988	Hà Nội	CTCP Lập đoàn Bất động sản MTC		4	5	5,5							
463	H	10463	Đỗ Thị Hà		1995	Nam Định	CTCP Dịch vụ chăm sóc hình ảnh Mediam											
464	K	10464	Hoàng Du Bách Hà		1999	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn AKC	6,5	5,5	7	3,5	6		2,5				
465	K	10465	Hoàng Thị Thu Hà		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo APS	6,5		6,5			5		9			
466	K	10466	Lê Ngọc Hà		1994	Nam Định	Công ty cổ phần HTP Việt Nam		3,5	6								
467	H	10467	Lê Du Hà		1986	Thanh Hóa	Viện Khoa học thực phẩm Việt Nam	6,5	5	5	5							
468	H	10468	Lê Du Hà Hà		1979	Hưng Yên	Lồng Cúc Thúc	5	1,5	5,5	2,5							
469	H	10469	Lê Thị Minh Hà		1988	Nghe An	Công ty TNHH Axedine Corporate Services			3								
470	H	10470	Lê Thị Ngọc Hà		1992	Nghe An	CTY CP CT NG L NG NHIÊN LI C TOAN CAI NIC											
471	H	10471	Lương Thị Hà		1992	Hà Nam	Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật Xanh	6,5	7,5	6,5								
472	K	10472	Lương Thị Hà		1995	Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo Delonix Việt Nam	6,5	2,5	4	4		1					
473	H	10473	Ngô Thị Thu Hà		1994	Nam Định	Công ty TNHH IMTC Hana											
474	H	10474	Nguyễn Hòa Hà		1987	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn thực Lavo	3,5		6	1							
475	H	10475	Nguyễn Ngọc Hà		1992	Hà Nội	CTY TNHH DVI IT PHXAI ERD NHA XI VN			6	2							
476	K	10476	Nguyễn Nhật Hà		1988	Hà Nội	Công ty TNHH GHI Consultants				0,5	1,5		5				
477	K	10477	Nguyễn Thị Hà		1976	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế PNL	7,5	8	8	7,5	5	5	5				
478	H	10478	Nguyễn Thị Hà		1980	Nam Định	Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ (MTC	7	2,5	5,5								
479	H	10479	Nguyễn Thị Hà		1989	Hải Dương	Công ty TNHH nông lương xanh DeepC (Việt Nam)											
480	K	10480	Nguyễn Thị Hà		1993	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn VSA	6	6	6	1	7	6					
481	H	10481	Nguyễn Thị Hà		1994	Bắc Ninh	Công ty CP Kinh doanh công nghiệp Shavacut	5,5	5		2,5							
482	K	10482	Nguyễn Thị Minh Hà		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế PNL - Chi nhánh Hà Nội	7	7	6,5	2,5	7	3,5	7,5				
483	H	10483	Nguyễn Thị Ngọc Hà		1996	Hà Nội	CTCP Tiếp thị số Do qua	8,5		7	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TCNC	Kế toán TICKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ			
													Tiếng Anh	Tiếng Trung				
184	H	10484	Nguyễn Thị Thu Hà		1984	Thanh Hóa	CNCT TNHH Kiến toàn ĐHK Việt Nam	4.5	0.5	2	2.5							
185	H	10485	Nguyễn Thị Thu Hà		1980	Thái Nguyên	Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Thái Nguyên			6								
186	H	10486	Nguyễn Thị Thu Hà		1988	Hà Nội	Công ty Liên doanh - Thương binh và xã hội tỉnh Thái Nguyên			6	5							
187	K	10487	Nguyễn Thị Thu Hà		1990	Hải Dương	Công ty TNHH Hàng Kiến toàn VASC	7	8	6.5	7.5	7	6.5	7.5		7.5		
188	K	10488	Nguyễn Thị Thu Hà		1990	Ninh Bình	Công ty TNHH Hàng Kiến toàn VASC	5	5.5	6.5	4	6			4.5			
189	K	10489	Nguyễn Thị Thu Hà		1990	Hải Dương	Châu nhạch Công ty TNHH Kiến toàn và tư vấn KKT tại Hà Nội	7	8.5	7.5	5	7	6		5.5			
190	K	10490	Nguyễn Thị Thu Hà		1993	Hồng Yên	Lập đoàn Vingroup - Công ty CT											
191	K	10491	Phạm Thị Thu Hà		1994	Hải Dương		5.5		6					5.5			
192	H	10492	Phạm Thị Thu Hà		1993	Nam Định	CTY TNHH ST KINH MIND MEDIA											
193	K	10493	Phạm Thị Thu Hà		1990	Hồng Yên	Công ty TNHH Kế toán Kiến toàn Việt Nam	8.5	5.5	8.5	3	6.5	7.5	7.5		7.5	7.5	
194	H	10494	Phạm Thị Thu Hà		1985	Hà Nội	CT TNHH Sơnha (Hà Nội)	4.5		4	3							
195	H	10495	Lê Thị Hương Hà		1995	Bắc Ninh	Công ty TNHH MT Electronics Việt Nam			6								
196	C	10496	Lưu Thị Hà		1990	Đà Nẵng	Công ty CT Thương mại GCTV					6.5	7		7			
197	H	10497	Lưu Thị Hà		1997	Nam Định	CT TNHH giải pháp doanh nghiệp Hà Nội	7	8.5	5.5	2.5							
198	C	10498	Lưu Thị Minh Hà		1988	Quảng Nam	Hồng công ty Điện lực miền Trung						7			8.5		
199	H	10499	Lưu Thị Thu Hà		1976	Hà Nội	ICT Bảo hiểm Ngân hàng (AG) CT Công thương Việt Nam		6									
200	C	10500	Lưu Thị Việt Hà		1992	Hải Dương	Công ty TNHH ASSMPT Việt Nam					7.5						
201	K	10501	Lưu Thị Thu Hà		1990	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến toàn VPS	4.5	6	8	8	6.5	7.5	5.5				
202	K	10502	Lưu Thị Thu Hà		1997	Hải Hòa	Công ty Cổ phần Dầu từ Bạt động sản Laseco	7		7.5					7.5			
203	H	10503	Lưu Thị Thu Hà		1995	Thanh Hóa	CTCT D1 Xay dựng SAB	4.5			4							
204	H	10504	Lưu Thị Thu Hà		1993	Hải Dương	CT TNHH Liat Gita An											
205	H	10505	Vũ Thị Thu Hà		1988	Thái Bình	Công ty TNHH Synergie (ad Việt Nam)	2.5		3	2							
206	H	10506	Vũ Thị Khanh Hà		1988	Vĩnh Phúc	Công ty CP đầu tư bất động sản Laseco			6.5	3.5							
207	K	10507	Vũ Trọng Hà	1996		Nam Định	Công ty CP Dịch vụ Hàng Không Laseco											
208	C	10508	Vũ Việt Hà		1995	Thái Bình	Công ty CP Phát triển và đầu tư đầu tư Novaref								5.5	8		
209	H	10509	Nguyễn Thị Thu Hà		1996	Nam Định	Công ty CP Đầu tư TM và du lịch đầu tư VN			6.5	4							
210	H	10510	Vũ Thị Thu Hà		1990	Hải Dương	CT TNHH Active Plasma Technology Việt Nam		7	7								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC			Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ					
												Tiếng Anh	Tiếng Trung				
511	H	10511	Bùi Thị Hào		1999	Thái Bình	CT TNHH Marathon Viet			7.5							
512	K	10512	Bùi Thị Việt Hào		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Kế toán Kiểm toán Viet Nam	6	8	7	3.5	7.5	5.5	8			
513	H	10513	Đặng Thị Thanh Hào		1991	Ninh Bình	Công ty TNHH tư vấn và truyền thông SS	4.5		4							
514	K	10514	Hà Chu Hào	1974		Bắc Giang	Công ty CP đầu tư và TM Khuê Minh			4	5			2.5			
515	H	10515	Hà Thanh Hào		1991	Phu Thọ		5		6.5	3						
516	H	10516	Hoàng Thị Hào		1993	Nghe An	Công ty CP Tập đoàn Onimexi	5.5		5.5							
517	H	10517	Hoàng Thị Hào		1997	Nghe An	CT TNHH tư vấn - kế toán S&S		2.5	5.5	1.5						
518	K	10518	Le Công Hào	1997		Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kế toán VASC	6	3	6	3.5			3.5			
519	H	10519	Nguyễn Thị Hào	1992		Hà Tĩnh	CT VTC Công nghệ và môi trường số	6.5	7.5	7.5	8						
520	K	10520	Nguyễn Nam Hào	1994		Hà Nội	Công ty TNHH Tập đoàn Bיעסו	5	1	6	3	7	2.5	8			
521	H	10521	Nguyễn Thị Hào		1993	Bắc Ninh	CTY TNHH DUCHI VINA	4.5	2	6.5	2						
522	H	10522	Nguyễn Thị Thanh Hào		1998	Hà Dương	CN CT TNHH Kế toán và định giá quốc tế tại Hà Phòng	6	5								
523	K	10523	Là Vũ Hào	1998		Yên Bái	Chi nhánh Công ty TNHH Kế toán và tư vấn SAC tại Hà Nội	5.5	5	7	3.5	7	5.5	8			
524	H	10524	Vũ Thị Hồng Hào		1987	Hưng Yên	CT TNHH tư vấn - kế toán S&S										
525	K	10525	Vũ Thị Minh Hào		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH KPMG		5.5	4.5		7.5					
526	C	10526	Đinh Nguyễn Thanh		1998	Hà Nội	Công ty CP Rikkesoft					8	3	7.5			
527	K	10527	Đông Thị Hồng Thanh		1996	Ninh Bình											
528	C	10528	Hoàng Thị Bích Thanh		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hà Phương					7	7	6.5			
529	H	10529	Nguyễn Hồng Thanh		1982	Hà Nội	Công ty CP xây dựng và thương mại Long Dương		4	6							
530	H	10530	Nguyễn Hồng Thanh		1994	Hà Nội	Công ty TNHH KPMG Global										
531	H	10531	Nguyễn Thị Thanh		1989	Nam Định	CT TNHH TM Viet Hào	5.5	5	8.5	4						
532	C	10532	Nguyễn Thị Thanh		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH tư vấn và Dịch vụ Nhật Anh					7.5	6	7.5			
533	H	10533	Nguyễn Thị Thanh		1990	Thanh Hóa	CTY CP GIỎI MINH ANH (MISA) (CP ARGO		5.5	7.5							
534	H	10534	Nguyễn Thị Thanh		1991	Hà Nam	CTCP PSA	5	5.5	6.5	3.5						
535	K	10535	Nguyễn Thị Thanh		1997	Thái Bình	Chi nhánh Tru & Hợp tại Hà Nội			3.5	3			5			
536	K	10536	Nguyễn Thị Bích Thanh		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kế toán HSK Viet Nam	7.5									
537	H	10537	Nguyễn Thị Hồng Thanh		1993	Hà Nội	CTCP C&A Viet Nam		3	4	2						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
538	K	10538	Nguyễn Thị Hồng Thanh		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo (Châu Á	6.5		8								
539	K	10539	Nguyễn Thị Hồng Thanh		1999	Phủ Thọ	Công ty TNHH Hưng Kiên tạo và Dịch vụ VIC		0.5	5	3	8	3	5				
540	K	10540	Nguyễn Thị Mỹ Thanh		1991	Nghe An	Công ty TNHH Hides Việt Nam		6	8		7	4.5					
541	K	10541	Nguyễn Thị Mỹ Thanh		1996	Thái Bình		8			1.5							
542	K	10542	Nguyễn Thị Thuý Thanh		1986	Bắc Ninh	Công ty CP Trux Việt Nam											
543	K	10543	Phạm Thị Thuý Thanh		1984	Ninh Bình	Công ty Cổ phần tập đoàn dầu tư và thương mại Hòa Quang							5				
544	H	10544	Phạm Thị Thanh		1985	Vĩnh Phúc	CTY TNHH TC VẠN DAI TC XD DAI NAM		4.5	6.5								
545	H	10545	Phạm Thị Thanh		1997	Thanh Hóa	CTY TNHH KẾT MỐI V N V Y TC V N DAI TC TH VNG LONG	6	6.5									
546	K	10546	Là Mỹ Thanh		1988	Ninh Bình	Công ty Cổ phần hóa dầu VIP											
547	H	10547	Là Thị Minh Thanh		1998	Ninh Bình	CTCPCO NGON L&C	6	5.5	7.5	4							
548	P	10548	Trần Minh Thanh		1999		Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)			3								
549	H	10549	Trần Nguyễn Thanh		1999	Hà Nam	CT TNHH BPG											
550	H	10550	Vũ Thị Thanh		1988	Nam Định	Vân phong Công chứng Gia Khánh		4		5							
551	K	10551	Vũ Thuý Thanh		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiên Tạo BDO	6			6	6		6				
552	H	10552	Trần Thị Nhoà Thanh		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH dầu khí PYS	5.5	3	5.5								
553	H	10553	Lê Mỹ Thanh		1986	Nam Định	CTCPC Vietnamc			8	5.5							
554	H	10554	Nguyễn Bích Thảo		1984	Hà Nội	hệ thống Đa khoa học Hòa Đức	6		7	5							
555	K	10555	Nguyễn Thị Thảo		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần tư vấn T Y Việt Nam		6.5	6.5	4							
556	K	10556	Nguyễn Thị Thảo		1993	Thái Nguyên	Công ty TNHH Trist&Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5				5.5	1.5	8				
557	H	10557	Nguyễn Thị Như Thảo		1998	Hà Tĩnh	CTCPC TM Thanh niên Việt Nam tại Hà Nội			6	2							
558	H	10558	Nguyễn Thị Thu Thảo		1983	Nam Định	CTCPC Dầu tư phát triển công nghiệp Hải Phòng				7							
559	K	10559	Nguyễn Thị Thu Thảo		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Kiên tạo - Tư vấn Đại Việt - Chi nhánh Thanh Nam	6		5	4			7.5				
560	K	10560	Phạm Thị Thảo		1987	Thái Bình	Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Hoàng Sơn			6			4	5				
561	C	10561	Vũ Thị Mỹ Thảo		1996	Nam Định	Công ty TNHH Daewoo Engineering & Construction Việt Nam					7.5	6.5	8.5				
562	H	10562	Là Thị Hải		1989	Hưng Yên	Công ty TNHH MAKDY Hoàng Thiện	6.5	5.5	5.5	1							
563	H	10563	Hoàng Thị Hải		1990	Bắc Giang	CT TNHH Hoàng mưu Shinhan Việt Nam	6	1	5	5							
564	H	10564	Phạm Thị Bích Hằng		1998	Phủ Thọ	Công ty TNHH NKS và dịch vụ Anh Minh		2		2.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
305	K	10505	Bui Thu Hằng		1991	Thái Bình	Công ty TNHH Fresh Express (Việt Nam)	6.5			6.5		6			
306	II	10506	Bui Thu Hằng		1990	Thái Bình	Sở Landmark Thái Bình		7.5		5.5					
307	II	10507	Chu Thu Hằng		1993	Hải Phòng	C.TY TNHH FLDHAI - MOGEL (VIE-LNAM)	5.5		6	6					
308	II	10508	Dac Thu Hằng		1993	Thái Bình	Công ty CP công nghệ Sapro			5						
309	II	10509	Dac Thu Hằng		1991	Nghe An	C.TI TNHH Codec complete Solutions	5		5	0.5					
310	K	10510	Doan Thu Hằng		1999	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn - Kiến tạo SKS		8	5	7	7.5	3.5	5.5		
311	II	10511	Doan Thu Hằng		1999	Nam Định	C.TI TNHH Gia Group Việt Nam		4	8.5	6					
312	II	10512	Đỗ Thu Hằng		1985	Hà Nội	C.TCP Sản xuất nhai và phụ liệu nhai Thái Bình	5.5	1	3	0					Đánh chủ đầu tư môn Kế toán
313	II	10513	Đỗ Thu Hằng		1985	Thái Bình	Công ty CP hóa chất Thăng Long									
314	II	10514	Đỗ Thu Hằng		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Nippon/Oda Việt Nam	7		7.5						
315	K	10515	Đỗ Thu Hằng		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Giao dịch và đào tạo Vinacodexis	5		6			2.5			
316	K	10516	Đông Thu Hằng		1993	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn dịch vụ VinDa									
317	K	10517	Hoàng Thu Minh Hằng		1992	Quảng Ninh										
318	II	10518	Le Thanh Hằng		1980	Hà Nội	Công ty CP dịch vụ đại lý thực và tư vấn đào tạo Lan Viet				2.5					
319	II	10519	Le Thu Hằng		1983	Thái Bình	Công ty CP mua bán QLTNP	7.5	6.5	6.5	6					
320	K	10520	Le Thu Hằng		1996	Thái Bình	Công ty Cổ phần Long công ty Công nghiệp và Công nghệ Lan V Đại Thanh		8	7	5.5		7.5			
321	II	10521	Le Thu Hằng		1997	Thanh Hóa	C.TY TNHH V&F NVN K&NDI-NKO	3.5		3.5	6					
322	K	10522	Le Thu Hằng		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo Delamare Việt Nam			7.5						
323	K	10523	Le Thu Hằng		1997	Hà Nội	Long công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MFC)	7	5	5	1.5	5.5				
324	K	10524	Le Thu Hằng		1999	Vinh Phúc	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn LVC	2.5	3							
325	II	10525	Le Thu Hằng		1986	Yên Bái	Công ty CP kiến trúc và nội thất JD		3.5	5						
326	II	10526	Leung Thu Hằng		1997	Hà Nam	C.TCP Đại lý và tư vấn thương NGIS	2.5	1	2	4					
327	II	10527	Nguyễn Thanh Hằng		1990	Hà Nội	C.TY CP PROPERTY C&I RL V&I NVNMI			5.5	3					
328	K	10528	Nguyễn Thu Hằng		1981	Bắc Ninh	Công ty CP chứng khoán Bảo Việt	4	0.5			3.5	1.5			
329	II	10529	Nguyễn Thu Hằng		1992	Hải Dương	C.TI TNHH BR&A Việt Nam			4	2.5					
330	C	10530	Nguyễn Thu Hằng		1993	Hà Nội	Công ty CP B&C Việt Nam					7	5	5		
331	II	10531	Nguyễn Thu Hằng		1995	Bắc Ninh	CNCTY TNHH IRAN III NVNMI AMB&C NVNMI		5	5.5						

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
902	H	10892	Nguyễn Thu Hằng		1997	Nghe An	CN CTY TNHH MTV IMEXNK VII THH	7.5	7	5.5	3.5							
903	K	10893	Nguyễn Thu Hằng		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo VACO		6.5	5.5	5	7.5	6	1.5				
904	H	10894	Nguyễn Thu Thanh Hằng		1995	Hải Dương	CTY CP DYL TL VY HHH ONG MẠI HHH ĐOO			5	3.5							
905	H	10895	Nguyễn Thu Thanh Hằng		1999	Quảng Ninh	Công ty TNHH tư vấn và chuyển nhượng SS											
906	H	10896	Nguyễn Thu Thu Hằng		1992	Thái Bình	Công ty CP Senapses Viet Nam											
907	K	10897	Nguyễn Thu Thu Hằng		1996	Thái Bình	Công ty chứng khoán VPS		3	5.5	4		5					
908	H	10898	Nguyễn Thu Thu Hằng		1998	Ninh Bình	CT TNHH VINA Viet Nam		5.5	7								
909	H	10899	Nguyễn Thu Thu Hằng		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Hàng kiến tạo Radoh	3.5		6								
900	H	10900	Phạm Thu Hằng		1987	Hải Dương	CT TNHH Thương mại Phú Hải			6.5								
901	H	10901	Phạm Thu Hằng		1989	Thái Bình	ICP tư vấn và xây lắp Nam Phú	6		5								
902	K	10902	Phạm Thu Thanh Hằng		1985	Hải Tĩnh	Công ty TNHH Sơn Vang Hải Tư	7	4.5	7.5	4							
903	H	10903	Là Thu Hằng		1997	Nam Định	Công ty TNHH CO-MA VIN A		8									
904	H	10904	Đào Thu Hằng		1993	Bắc Giang	Công ty TNHH công nghệ thông minh leomtech	4.5	1.5	5	2							
905	K	10905	Trần Minh Hằng		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến tạo tư vấn V Winrop	8		5.5	5							
906	K	10906	Trần Thu Hằng		1997	Hà Nam		7	5.5	5.5	1				8			
907	H	10907	Trần Thu Hằng		1987	Nghe An	Công ty CP thương mại và DV vận tải Logistics Nhật Long	8.5		5								
908	H	10908	Trần Thu Hằng		1987	Thái Bình	CT TNHH Dịch vụ kế toán và giám pháp doanh nghiệp Delonic VN			5	3							
909	H	10909	Trần Thu Thu Hằng		1997	Hà Nam	CN CTV TNHH Kiến tạo tư vấn T-jung tư TN		2	6.5								
910	H	10910	Trần Thu Hằng		1991	Hà Nam	CTY CP XÂY DỰNG VY HHH ONG MẠI TEO HOANG HY	6	5	5	2.5							
911	K	10911	Trương Thu Hằng		1986	Nghe An		7		8	1							
912	H	10912	Vu Thu Thanh Hằng		1996	Lạng Sơn	Tư do			6.5								
913	H	10913	Vu Thu Hằng		1983	Hải Dương	CTY CP SMARTIST ORT-VH L NMI	7	6									
914	H	10914	Vu Thu Hằng		1989	Hải Dương	CTY CP URL Y L N HONG THHH N PHU OC	7.5	5.5	7.5	5							
915	K	10915	Vu Thu Hằng		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo Thuận A	5		5	2.5							
916	K	10916	Vu Thu Minh Hằng		1999	Nghe An	Công ty TNHH Hàng kiến tạo và Dịch vụ AIC			6.5	5	7.5		7				
917	H	10917	Nguyễn Thu Hằng		1989	Hải Dương	Ngân hàng JMC/P An Bình - CN Hà Nội		4.5	7	3.5							
918	H	10918	Lê Thu Hằng		1993	Thái Hòa	CN CTY TNP ACCO NING SERVICES LIMITED TAI TP HCM		6.5									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TCNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngành ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
619	K	10619	Ngô Thu Hậu		1999	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiến tạo HSK Việt Nam	8		5	3	7	4.5	4				
620	K	10620	Nguyễn Thu Hậu Hậu		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn THTV	4.5		6.5	3.5							
621	H	10621	Đào Thu Ngọc Hậu		1998	Thanh Hóa	CT TNHH SDS Consulting		2	5	2							
622	K	10622	Lê Thu Hiền		1994	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiến tạo TTP		5	6	2			2.5				
623	H	10623	Lương Thu Hậu Hiền		1990	Thái Nguyên	CTY TNHH MAXINHA NOI			5.5	4							
624	H	10624	Bùi Quang Hiền	1985		Nam Định	Công ty cổ phần Kiến tạo VPHV		2.5		1.5							
625	H	10625	Bùi Thu Hiền		1992	Nam Định	CT TNHH Shinwoo P&C Vina			6.5	4							
626	H	10626	Bùi Thu Hiền		1995	Hải Dương	CT CP Epi Việt Nam	7.5		5								
627	H	10627	Bùi Thu Hiền		1997	Thanh Hóa	Công ty CP thực phẩm xuất nhập khẩu Natur Fish			5.5	1.5							
628	H	10628	Bùi Thu Hậu Hiền		1994	Hà Nam	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Duy Linh	6		5	2							
629	H	10629	Cao Thu Hiền		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Mandarin Việt Nam	8	3.5	5.5	2.5							
630	H	10630	Cao Thu Hậu Hiền		1986	Hà Nội	CT TNHH K&S thuật Hà Vinh											
631	H	10631	Đường Thu Hiền		1989	Bắc Ninh	CTY TNHH V&L THAXH HN		2	5								
632	K	10632	Đường Thu Hiền		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Phát triển Lịch Việt	4	2.5	6.5	3		2.5		2.5			
633	H	10633	Lê Thu Hiền		1986	Nam Định	CT CP Bảo vệ và Đường mại Thủ đô		4									
634	H	10634	Lê Thu Hiền		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH Determas Better											
635	K	10635	Lê Thu Hậu Hiền		1993	Nghe An	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	7.5	6	6.5			4.5	7.5				
636	H	10636	Lê Thu Hậu Hiền		1988	Quảng Trị	CTY TNHH DAI IL IMITH AN HIEHN PHA I	6	5									
637	H	10637	Lê Thu Hiền		1987	Nam Bình	CT CP Bảo vệ Jet Vina	6.5	4.5	5.5	1.5							
638	H	10638	Nguyễn Thanh Hiền		1995	Thanh Hóa		4	1.5	6	2							
639	H	10639	Nguyễn Thu Hiền		1979	Hà Nội	Công ty TNHH giải pháp kiến trúc NIS		7.5		2.5							
640	K	10640	Nguyễn Thu Hiền		1997	Nghe An	Công ty TNHH Tư vấn ASIC Việt Nam		5		7	7	5					
641	H	10641	Nguyễn Thu Hiền		1998	Hà Nội	CT TNHH Công nghệ và Thương mại Eresup	4		5.5								
642	K	10642	Nguyễn Thu Hiền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo CPA VITENAM	5.5	8	5	2	8	6.5	3.5				
643	K	10643	Nguyễn Thu Hiền		1999	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Hà Thanh Ô tô			4.5	3.5		3.5	6				
644	H	10644	Nguyễn Thị Mai Hiền		1983	Đà Nẵng	CTY TNHH HUI ONG MAI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG ANH	5.5	7	3								
645	K	10645	Nguyễn Thị Minh Hiền		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiến tạo quốc tế CPV				1.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi						Chú chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngôn ngữ		
															Tiếng Anh	Tiếng Trung	
646	H	10646	Nguyễn Thị Thu Hiền		1976		C.T.C Hà Lang và dịch vụ Việt Nam		5		5						
647	H	10647	Nguyễn Thị Thu Hiền		1991		C.TY TNHH CHẾ AN GIỚI HAI DUY	6			1						
648	K	10648	Nguyễn Thị Thu Hiền		1992		Quảng Ninh		5								
649	H	10649	Nguyễn Thị Thu Hiền		1994		Hà Nội		8		5.5						
650	K	10650	Nguyễn Thu Hiền		1984		Hưng Yên		5	5.5	2						
651	K	10651	Nguyễn Thu Hiền		1996		Hà Nam	7.5			7	7.5					
652	K	10652	Phạm Minh Hiền		1991		Hà Nội			5	1.5				6.5		
653	H	10653	Phạm Thị Hiền		1984		Hà Nam		5		6.5						
654	H	10654	Phạm Thị Hiền		1995		Nam Định	5.5									
655	H	10655	Phạm Thị Thu Hiền		1990		Thái Bình										
656	H	10656	Phạm Thị Thu Hiền		1992		Thái Bình			7	2.5						
657	K	10657	Phạm Thị Hiền		1998		Hà Nội			8.5	7.5						
658	C	10658	Thái Thị Thu Hiền		1987		Hà Tĩnh						7	7.5			
659	H	10659	Trần Thị Hiền		1973		Ngũyễn An										
660	K	10660	Trần Thị Hiền		1988		Thái Bình		1	3.5	2.5		6	6			
661	K	10661	Trần Thị Hiền		1996		Bắc Ninh	6.5	5	6	2.5	6.5	6.5	7.5			
662	K	10662	Trần Thị Thu Hiền		1992		Hải Dương										
663	H	10663	Trương Thị Thu Hiền		1991		Hà Nam										
664	H	10664	Trương Thị Thu Hiền		1991		Hà Nội		5								
665	H	10665	Vu Minh Hiền		1994		Thái Bình		2.5	5	3						
666	K	10666	Vu Thảo Hiền		1994		Nam Định	4.5	6.5	6	6.5	5.5	3	8			
667	K	10667	Vu Thị Thu Hiền		1986		Hà Nam		1.5				4				
668	K	10668	Lưu Ngọc Hiền		1994		Hải Phòng				2.5						
669	K	10669	Nguyễn Văn Hiền		1989		Hải Dương		8				5	6			
670	K	10670	Nguyễn Khắc Hiệp		1997		Vĩnh Phúc		7.5				7.5				
671	K	10671	Trần Lưu Hiệp		1998		Hà Nam	5	3	3	2	5.5	2	6.5			
672	P	10672	Bùi Hoàng Hiền		1997		Deloitte Vietnam Tax Advisors Company Limited										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TC/KT Q/TNC		Kiểm toán VDV BDNC		Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ											Tiếng Anh	Tiếng Trung	
673	K	10673	Bùi Trung Hiếu	1999		Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo V & C				4	6				8.5		
674	K	10674	Bùi Xuân Hiếu	1997		Nam Định	Công ty Cổ phần Eurowindow Holding											
675	K	10675	Lê Đức Minh Hiếu	1996		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo và Thiết bị Việt Nam			3						4		
676	H	10676	Lê Văn Hiếu	1997		Huế Yên	ICP Tap doanWGLN				4							
677	H	10677	Nguyễn Lê Hiếu	1993		Huế Yên	ICP Đầu tư và xây dựng kiến trúc xanh Việt Nam		7.5									
678	K	10678	Nguyễn Minh Hiếu	1989		Vĩnh Phúc	Lĩnh công ty Bảo hiểm Bảo Việt				1.5	5					8	
679	K	10679	Nguyễn Ngọc Hiếu	1990		Thái Nguyên	Công ty Cổ phần tư vấn và chuyên gia công nghệ Sơn Phát						5		2.5	8		
680	H	10680	Nguyễn Ngọc Hiếu	1994		Yên Bái	BCT ĐL N TNHH VN BVI	5.5		7.5								
681	H	10681	Phạm Trung Hiếu	1982		Ninh Bình	Công ty TN Doanh nhân Việt ViệtSeo	5	1.5	3	2.5							
682	H	10682	Phạm Văn Hiếu	1987		Hà Nội		3	2.5	5	1.5							
683	H	10683	Phu Minh Hiếu	1999		Hải Phòng	Công ty TNHH Thiết bị hóa chất Liên Phát	3.5		2.5	2							
684	K	10684	Quách Trung Hiếu	1998		Hòa Bình		3.5		6						5.5		
685	K	10685	Trần Trung Hiếu	1999		Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và Thiết bị quốc tế	3	0	1.5	0.5	2.5	1	6				
686	K	10686	Trần Trung Hiếu	1999		Hải Dương	Công ty TNHH Công & Xây dựng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6	6.5	5.5	5	6	6.5	8				
687	K	10687	Trần Văn Hiếu	1995		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo VCS CN Bắc Ninh		6.5									
688	H	10688	Vũ Thị Hiếu	1988		Nam Định	CTY TNHH CỔ PHẦN VNI VNI NAM	6	2.5	7.5	1							
689	K	10689	Bùi Thị Thanh Hoa	1997		Hải Dương	Công ty cổ phần J-mech	6.5			5							
690	K	10690	Chư Thị Quỳnh Hoa	1999		Huế Yên	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo VASC	6.5	4.5	6	3.5	6.5	6	6.5				
691	K	10691	Đào Phương Hoa	1999		Bắc Giang	Công ty TNHH Kiến tạo Nhân Tâm Việt	6	4	5	5	7.5	8	6.5				
692	H	10692	Đào Thị Hoa	1993		Hải Phòng	CT TNHH Dịch vụ Lan Ké tạo		3	7.5	1							
693	H	10693	Đặng Thị Thanh Hoa	1989		Nghe An	RI TNHH NDI C MOBIL Y TY	7.5	5.5									
694	K	10694	Đoàn Thị Phương Hoa	1998		Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và Ké tạo Hà Nội	5.5	8	6.5	5	7.5	6.5	7.5				
695	H	10695	Đoàn Thị Hoa	1984		Nam Định	ICP Thương mại truyền thống Đại Dương	6		2.5	1							
696	H	10696	Đoàn Thị Hoa	1989		Hải Dương	Công ty cổ phần thời trang & hàng Việt Nam	6	5.5	7	5							
697	H	10697	Đoàn Thị Hoa	1992		Hà Nội	CT TNHH Thương mại Điện tử Thanh An			5	3							
698	H	10698	Hoàng Diên Hoa	1986		Ninh Bình	ICP Thương mại và truyền thông thời đại	7.5	5	6	6							
699	H	10699	Hoàng Thanh Hoa	1983		Hà Nội	ICP ATL Việt											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
700	H	10700	Khong Thu Thanh Hoa		1998	Vinh Phuc	Công ty TNHH ACS Logistics Viet Nam	4.5	7.5	5.5	3.5						
701	H	10701	Le Phuong Hoa		1995	Hai Duong	C TY TNHH NTA SFT	6.5	5.5	5	7						
702	H	10702	Le Thu Hoa		1993	Hung Yen	Công ty CP New Tea group										
703	H	10703	Le Thu Dieu Hoa		1984	Thanh Hoa	Công ty TNHH đầu tư thương mại Android										
704	K	10704	Lau Thu Phuong Hoa		1993	Nam Dinh	Công ty TNHH thiết bị công nghiệp Lan Viet Lien	5	3	5.5	1.5	6	3.5	6.5			
705	H	10705	Nguyen Thu Thanh Hoa		1988	Hà Nội	Danh thuộc Lan Viet Hà Nội										
706	C	10706	Nguyen Phan Thanh Hoa		1981	Hà Tĩnh	Công ty TNHH MTV Van tai Bien Dong					7.5	5	6.5			
707	H	10707	Nguyen Phuong Hoa		1997	Nam Dinh	C ICP Đầu tư và Xây dựng Sunrise Viet Nam	7.5			6.5						
708	H	10708	Nguyen Thu Hoa		1984	Vinh Phuc	C TY TNHH DIT ONG MAI & DỊCH VỤ HINH VO AN	4	0.5								
709	H	10709	Nguyen Thu Hoa		1987	Hà Nội	C TY TNHH Đầu tư và phát triển thương mại Quynh Anh	8.5									
710	H	10710	Nguyen Thu Hoa		1988	Hà Nội	C ICP Phát triển o tô Hà Nội			3	1						
711	H	10711	Nguyen Thu Hoa		1988	Hà Nội	C TY TNHH SAMSUNG NG DIPT VY VUI NAM	6.5	3	6	5						
712	H	10712	Nguyen Thu Hoa		1991	Hà Nội	C TY TNHH Phát triển và dịch vụ Việt Thương										
713	K	10713	Nguyen Thu Hoa		1992	Thái Nguyên	Công ty TNHH Samsung Electronics Viet Nam (Thái Nguyên)	5	3.5	5	3				7.5		
714	H	10714	Nguyen Thu Hoa		1993	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế HD			2	3.5						
715	H	10715	Nguyen Thu Hoa		1996	Hà Nội	C ICP quốc tế AS VII - Hoàng Mai	1			2						
716	H	10716	Nguyen Thu Hoa		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Sông Hồng										
717	H	10717	Nguyen Thu Ha Hoa		1994	Bắc Ninh	Công ty CP Ks thiết công nghệ Optis Viet Nam										
718	P	10718	Nguyen Thu Nhat Hoa		1981		V PDD Social Impact Inc - tại thành phố Hà Nội			3.5							
719	H	10719	Nguyen Thu Thanh Hoa		1981	Hải Phòng	C TY TNHH Thương mại và dịch vụ Loan Long										
720	K	10720	Nguyen Thu Thanh Hoa		1985	Thái Nguyên	Công ty TNHH tư vấn kế toán Phương Linh		1	3.5	5		3	6.5			
721	C	10721	Nguyen Thu Thanh Hoa		1990	Bắc Giang	Công ty TNHH Daxell Technology					7.5	6.5	5.5			
722	K	10722	Nguyen Thu Thanh Hoa		1993	Hà Nam	Công ty CP Đầu tư tài chính và công nghệ Datacash			5	1.5						
723	K	10723	Nguyen Thu Thanh Hoa		1998	Hải Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Lực Việt		1.5				6	2.5			
724	H	10724	Nguyen Thu Thu Hoa		1985	Hưng Yên	C ICP Phú Đa Sơn La	5	0.5	3.5	2.5						
725	H	10725	Phan Thu Hoa		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Danh thuộc Dong Anh			6.5							
726	H	10726	Phan Thu Hoa		1998	Nam Định	C TY CP LAP DOAN HO VNG MINH			5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thủ kế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNV	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
727	K	10727	Phạm Thị Quỳnh Hoa		1999	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán Án Việt - Chi nhánh Hà Phòng	7.5	5.5	6.5	1	7.5	8	7.5				
728	K	10728	Phùng Thu Hoa		1982	Hà Nội	Công ty CP DV và thẩm định giá Đại Dương			8.5			2					
729	H	10729	Lưu Mai Hoa		1987	Hà Tĩnh	CTY CP CHC OIL HUI (PHAN H)	6.5		4								
730	K	10730	Vũ Thu Hoa		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán BDO		4		6	7.5	6	8				
731	K	10731	Vũ Thị Mai Hoa		1994	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam		6	5		4						
732	K	10732	Vũ Thị Mỹ Hoa		1999	Nghe An	Công ty TNHH Hưng Kiểm toán và Định giá ASCO	8	4	7	3	8	7	7.5				
733	H	10733	Nguyễn Hữu Hoa	1995		Nam Định	CTI TNHH Nước giải khát Lai Do	5			5.5							
734	K	10734	Bùi Thị Minh Hoa		1993	Thanh Hóa	Công ty CP đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Hà Tĩnh											
735	H	10735	Đinh Thị Diệu Hoa		1998	Nam Định	CN Ean Consulting Co Ltd Nhân Dân tại Việt Nam	7	7	7	4							
736	H	10736	Lương Thị Diệu Hoa		1977	Yên Bái	33 NGỎ 662 BÍ CÔNG ANG PHU CÔNG ANG HUY ĐÔNG BÀ HUY NƠI		3		4							
737	H	10737	Nguyễn Thị Diệu Hoa		1988	Nam Định	CTCP Đầu tư Thương mại và dịch vụ Hưng Thịnh Phát											
738	H	10738	Nguyễn Thị Diệu Hoa		1999	Hà Phòng	CTI TNHH TG Electronics Việt Nam Hà Phòng			3.5								
739	H	10739	Nguyễn Thị Khánh Hoa		1989	Luyên Quang	Công ty TNHH Lập đoàn tư vấn	5.5	1									
740	K	10740	Nguyễn Thị Nhân Hoa		1998	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Bình An	6	8	6	6	7	4	7.5				
741	K	10741	Phạm Ngọc Hoa	1977		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tư vấn Hà Nội	3.5	1.5	5	4.5	5		6				
742	K	10742	Trần Thu Hoa		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo Mai Ngọc		5.5	4			3.5	6.5				
743	H	10743	Lương Việt Hoa	1985		Thanh Hóa	Công ty TNHH đầu tư Quảng Long - Thanh Hóa											
744	K	10744	Vũ Thị Thanh Hoa		1995	Hà Phòng	Công ty TNHH Tư vấn & Công nghệ Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6	5.5	5.5	7	7.5	5	7.5				
745	H	10745	Bùi Thị Hoa		1990	Hà Phòng	CTY CP CHC NG NHÂN VY KINH DINH VINACONROH	4.5	5.5	5.5	4.5							
746	H	10746	Đào Thị Hoa		1994	Thanh Hóa	CTCP Thương mại và Logistics công nghiệp Nghệ Sơn				7							
747	C	10747	Lê Thị Hoa		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Xanh Đức Thuận					7	6.5	7				
748	H	10748	Ngô Thị Hoa		1992	Nghe An	CTY TNHH MÔ CÔ GÁI KHUYẾT ASUROK (VH NAM)	7.5		5.5								
749	H	10749	Nguyễn Thanh Hoa		1987	Hà Phòng	CTI TNHH GUT Việt Nam		5									
750	K	10750	Nguyễn Thị Hoa		1988	Hà Nội	Ngân hàng MOC Việt Nam Thịnh Vương											
751	K	10751	Nguyễn Thị Hoa		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Công Việt Nam											
752	K	10752	Nguyễn Thị Hoa		1997	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Lạc		6		3.5			6.5				
753	K	10753	Nguyễn Thị Thanh Hoa		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn CITY	4	6.5	7	7	7.5	4	8.5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
754	II	10754	Nguyễn Thu Việt Hoàn		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiến tạo Thuận Dương											
755	II	10755	Phạm Thu Hoàn		1994	Sinh Bình	Công ty CP NKN Đà Nẵng				6.5							
756	II	10756	Phạm Thu Hoàn		1986	Nam Định	Công ty CP Công nghệ và thương mại ha2tek			5.5								
757	II	10757	Lê Thu Hoàn		1988	Hà Nội	CTY TNHH DAI IT JAPAN VN XUẤT CHẤT PHAI	5.5	1	6	3.5							
758	K	10758	Vũ Thu Hoàn		1997	Thái Bình	ICP Binh Minh Group	3.5		3.5	3							
759	II	10759	Lê Văn Hoàn		1992	Hưng Yên	CT TNHH Thương Kiến tạo và Giáo dục - CN Thương Nhân	6			7.5							
760	K	10760	Bùi Đức Hoàn		1994	Sinh Bình	Công ty CP LTCN	3.5	6.5		5		4	6				
761	K	10761	Đào Minh Hoàn		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn NVN	4		5.5	1.5	8	4.5	6.5				
762	K	10762	Bùi Thu Hoàn		1997	Bà Rịa	Công ty TNHH Kiến tạo AGS											
763	II	10763	Hoàng Thu Hoàn		1987	Thanh Hóa	Công ty TNHH Xing Yue International Việt Nam			7	4							
764	K	10764	Lê Việt Hoàn		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ VVC	3.5	5	5	4	5.5	2	6				
765	II	10765	Ngô Thu Hoàn		1993	Thái Bình	Công ty TNHH sản lập hệ thống ME Hoa Phương			5								
766	K	10766	Nguyễn Thu Hoàn		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiến tạo TS - Chi nhánh Bắc Ninh		5	6.5	4		7	8.5				
767	II	10767	Nguyễn Thu Kim Hoàn		1995	Hà Nội	CTY CP BUI HICH ASIA		2	4								
768	K	10768	Phùng Ngọc Hoàn		1990	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH MTV Giáo dục Trí Lực Việt	8		6.5								
769	K	10769	Lưu Thu Kim Hoàn		1992	Bắc Giang	Công ty TNHH Công Properties Hà Nội											
770	K	10770	Bùi Đặng Hoàng		1999	Luxen Quảng	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.5	8	4	3	6.5	3.5	6.5				
771	K	10771	Bùi Quang Huy Hoàng		1995	Thừa Thiên Huế	Nguồn hàng EXC P Nguyễn thương Việt Nam - Chi nhánh Luxen Quảng					2.5	1	8.5				
772	II	10772	Lê Hà Minh Hoàng		1991	Hải Phòng	CTY TNHH KIM MIOVN & LE VANSRSV và L NNM - CN HÀ NỘI	5	3	6	6							
773	K	10773	Lê Hải Hoàng		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ Việt Nam								6			
774	K	10774	Nguyễn Hải Hoàng		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo tư vấn Hải Hồ	5	5.5	6.5	3.5	7.5	6	9				
775	K	10775	Nguyễn Hải Hoàng		1999	Nam Định	Công ty TNHH Thương Kiến tạo AASC	5		6	4	7.5	10	5.5				
776	K	10776	Nguyễn Minh Hoàng		1997	Phủ Thọ	Công ty TNHH Thương Kiến tạo AASC	4			3.5			8.5				
777	€	10777	Nguyễn Quốc Hoàng		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH Công nghệ Proos Việt Nam						7	6				
778	K	10778	Phạm Minh Hoàng		1996	Phủ Thọ	Công ty Kinh doanh Bất động sản Vnglectra											
779	K	10779	Đan Ngọc Hoàng		1986	Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo VNC	5.5	3.5	5.5	4.5		2.5					
780	K	10780	Nguyễn Quang Học		1994	Hưng Yên	Công ty CP Dầu từ IDJ Việt Nam	4	6					8.5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
781	K	10781	Trần Thu Hào	1993		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn và Đào tạo ACCTHua Nón - (Chi nhánh Miền Bắc	3		4.5	6	3.5					
782	11	10782	Bùi Thị Hào		1991	Thanh Hóa	CT TNHH Tư vấn thuế Thanh Bình			4.5		5.5					
783	K	10783	Bùi Thị Hồng		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán TTP				6.5	5		4			
784	K	10784	Đường Thị Hồng		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)				5	5	3.5				
785	11	10785	Hà Thị Hồng		1989	Thanh Hóa	CTCP Thương mại và cơ giới công nghiệp Nghi Sơn					6					
786	11	10786	Hoàng Thị Hồng		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến trúc Bắc Á										
787	C	10787	Hoàng Thị Xuân Hồng		1987	Hà Tĩnh								6.5	6	5.5	
788	K	10788	Lê Thị Hồng		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Thuế Long - IDN	2.5	0	4	4	3					
789	K	10789	Lưu Thị Hồng		1999	Nghe An	Lòng công ty cổ phần học hành Hưng Vương			3.5	6	4	6.5			6.5	
790	K	10790	Nguyễn Văn Hồng	1992		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn tài chính Việt Nam				3	4.5			1.5		
791	11	10791	Nguyễn Mai Hồng		1986	Hà Nội	CTCP Capgem SF				8.5						
792	11	10792	Nguyễn Thị Hồng		1986	Hà Nam	Công ty CP xây dựng công nghiệp (CQN Việt Nam										
793	11	10793	Nguyễn Thị Hồng		1987	Hà Nội	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học thu v			8.5							
794	11	10794	Nguyễn Thị Hồng		1988	Hà Nội	CTY CP H. VASCP VI OGDISTICS VIL.1 NAM		5	1.5	7.5	5					
795	K	10795	Nguyễn Thị Hồng		1990	Hà Nội	Công ty Cổ phần Thailongings		7.5				7		6	6.5	
796	K	10796	Nguyễn Thị Hồng		1994	Nghe An	Công ty CP (hưng khoan K5 thương		6.5	2.5		5.5			2.5		
797	K	10797	Nguyễn Thị Hồng		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC		4		5	6	7			7.5	
798	K	10798	Nguyễn Thị Hồng		1999	Nghe An	Công ty CP Dầu từ và xây lắp kỹ thuật hạ tầng - PDDI		6	6.5	6	2.5	6.5		6	5.5	
799	11	10799	Nguyễn Thị Diễm Hồng		1994	Nghe An	Công ty TNHH Sơn Asstec Việt Nam			5	7	5					
800	11	10800	Trần Thị Hồng		1995	Nam Định	CT TNHH giao pháp kinh doanh thương mại										
801	K	10801	Trần Thị Hồng		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Dong-A				9	3.5		4.5	6.5		
802	11	10802	Trần Thị Hồng		1989	Nam Định	Công ty CP dầu từ và xây dựng Đại Phát					5.5	3.5				
803	11	10803	Trần Thị Hồng		1993	Nam Định	Công ty CP (Chua) Việt Nam		5	5		3.5					
804	11	10804	Vũ Thị Bích Hồng		1993	Phu Thọ	CTCP dầu từ phát triển xây dựng dân dụng Hòa Núi		6.5	8	7	5					
805	11	10805	Đo Thị Bích Hồng		1990	Thanh Hóa	CT TNHH Tư vấn S1										
806	11	10806	Nguyễn Thị Hồng Hồng		1995	Vĩnh Phúc	Công ty Asian Power Devices vietnam				6.5	4					
807	11	10807	Phạm Thị Hồng		1983	Quảng Bình	CT TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Minh Thuận		4	1.5	5	3					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngôn ngữ	
															Tiếng Anh	Tiếng Trung
808	H	10808	Nguyễn Văn Hoàn	1994		Bắc Giang	CT TNHH Tư vấn tài chính kế toán F-ACO Việt Nam			6						
809	H	10809	Đỗ Sĩ Hoàn	1987		Thanh Hóa	CTCP EVA				3					
810	H	10810	Hoàng Thu Hoàn		1986	Nam Định	Công ty CP giao dịch dầu			5.5						
811	K	10811	Nguyễn Thu Huệ		1986	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất Phức Minh	6.5	4.5		5	6.5	5			
812	K	10812	Vu Thu Huệ		1989	Nam Định	Công ty Cổ phần Traphaco	8				6.5		7	7	
813	H	10813	Bùi Thanh Huệ		1988	Bà Rịa	CT TNHH Datas House Việt Nam	8.5								
814	H	10814	Bùi Thu Huệ		1993	Ninh Bình	Công ty TNHH thương mại tư không	7	6	6	5.5					
815	H	10815	Lê Thu Huệ		1982	Thanh Hóa	Cty TNHH Dịch vụ thương mại tư nhân	7.5	1.5	6.5	3					
816	H	10816	Nguyễn Thu Huệ		1983	Bắc Ninh	CTCP EN Dịch vụ và xây lập Hải Phòng		6		3					
817	H	10817	Nguyễn Thu Huệ		1994	Thái Bình	CT TNHH Gò ép Anh Bình		3	6.5						
818	H	10818	Nguyễn Thu Huệ		1989	Phu Xuyên	Công ty TNHH Kế toán Thuế Lakes	7		6.5	6.5					
819	H	10819	Phạm Thu Huệ		1996	Hải Dương	CTCP Giao hàng tiết kiệm	5.5		5	1.5					
820	H	10820	Vu Thu Huệ		1996	Nam Định	CTY TNHH TRAVNS VIE NAM	4.5	2.5	6	6.5					
821	K	10821	Vu Thu Huệ		1997	Nam Định		7								
822	H	10822	Bùi Thu Hoa Huệ		1995	Phủ Thọ	Công ty tư vấn tư vấn F-ur Consulting Co Ltd Nhật Bản tại Việt Nam		4	6.5						
823	H	10823	Danh Thu Huệ		1997	Ninh Bình	tư do		5.5		5					
824	C	10824	Hoàng Thu Huệ		1986	Hưng Yên	Công ty TNHH Công nghệ may mặc Specite Việt Nam									
825	H	10825	Hoàng Thu Huệ		1997	Hưng Yên	Công ty Cổ phần thương mại AIC V-IPPL			7.5	7					
826	K	10826	Hoàng Thu Kim Huệ		1987	Thái Bình	Công ty TNHH Kế toán WCOM	5.5	1.5	6.5	5	5	0.5	2.5		
827	H	10827	Lê Thu Huệ		1987	Thanh Hóa	CT TNHH Samsung Electro-Mechanics Việt Nam	5.5	5	5.5	5					
828	H	10828	Lê Thu Huệ		1992	Hải Phòng	CT Dịch vụ Mobileone Khu vực 1 - CNTT Việt Nam Thương Mobileone	6.5								
829	H	10829	Lê Thu Thu Huệ		1998	Quảng Bình	Công ty TNHH Thuế và tư vấn KPMG	5.5	4	6	3.5					
830	K	10830	Trương Thu Minh Huệ		1990	Yên Bái	Công ty TNHH Sức khỏe và môi trường Việt Nam			6	6.5					
831	H	10831	Nguyễn Hương Huệ		1988	Hưng Yên	CT TNHH SX/MT&XNK Hoàng Lam									
832	H	10832	Nguyễn Thu Huệ		1988	Hải Phòng	CTY H V ANHU E-MINI			6	3					
833	H	10833	Nguyễn Thu Huệ		1991	Hải Phòng	Công ty TNHH Thương Việt Nam	6		6						
834	H	10834	Nguyễn Thu Huệ		1996	Hải Nam	CNCTCP- Global tại Hải Nam		3.5		1.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
835	II	10835	Nguyễn Thị Kim Huệ		1991	Nghe An	CT TNHH Tư vấn và xây dựng Hoàng Phan	5.5	7.5	5	0.5					
836	K	10836	Nguyễn Thị Thu Huệ		1996	Hà Nội	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					5.5				
837	C	10837	Phu Thị Huệ		1987	Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế AV									
838	II	10838	Lưu Thị Huệ		1994	Thanh Hóa	CT TNHH Vegetem	5.5	1	6	3					
839	II	10839	Lưu Thị Huệ		1998	Nghe An	Công ty CP công nghệ phần mềm Sky Solution		6	6.5	4					
840	K	10840	Vũ Thị Thanh Huệ		1982	Hưng Yên	Lập đoàn công nghiệp viên thông quan dơi		1.5	5	3				5	
841	K	10841	Đào Phi Hùng		1996	Hà Tĩnh	Chi nhánh công ty TNHH kiểm toán Hùng tại Hà Nội	6.5			5					
842	II	10842	Đoàn Xuân Hùng		1986	Bắc Ninh	Công ty TNHH tư vấn và kế toán Ansum									
843	K	10843	Quang Đức Hùng		1998	Bắc Giang	Công ty TNHH kiểm toán và Đánh giá Hùng Công - IDC K	4.5	4.5	5.5	6.5	7	5.5			
844	II	10844	Lê Thị Hùng		1960	Hà Tĩnh										
845	K	10845	Lương Hữu Hùng		1995	Nam Định	Công ty TNHH BR24 Việt Nam				4					
846	II	10846	Ngô Minh Hùng		1977	Ninh Bình	Emech VN	6	7	9	5.5					
847	II	10847	Ngô Xuân Hùng		1997	Nghe An	CTY CP SIBA HỒI DINH S	6	3.5	4						
848	K	10848	Nguyễn Minh Hùng		1982	Lưu Dương	Công ty TNHH kiểm toán An Việt		3.5		3.5	5				
849	K	10849	Nguyễn Lan Hùng		1997	Hà Nội					6.5					
850	K	10850	Nguyễn Văn Hùng		1993	Hà Phòng	Trường Đại học Nexcom Gold Mark	5.5	6	7	3	6.5	3.5		6	
851	K	10851	Nguyễn Văn Hùng		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH KPVIG		8		6					
852	K	10852	Nguyễn Việt Hùng		1992	Hà Nội									1.5	
853	K	10853	Nguyễn Vũ Hùng		1999	Quảng Ninh	Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn VSA	5	5	4	1	5	3.5		6.5	
854	II	10854	Linh Văn Hùng		1991	Thanh Hóa	Công ty CP bảo hiểm ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	6.5	5	6.5	5.5					
855	K	10855	Đào Nhật Huy		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Lạc Hòa Dân Nghi Sơn					6.5			7	
856	K	10856	Đặng Quang Huy		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Hùng kiểm toán và Đánh giá ASC O		6	5						
857	K	10857	Đỗ Đức Huy		1999	Hà Nam	Công ty TNHH kiểm toán BDO	6	8	6	5	7	3.5		7	
858	K	10858	Lê Huy		1997	Đức Thọ			5	5		7.5	6.5			
859	K	10859	Nguyễn Đình Huy		1995	Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Lập đoàn Tân Công	6	5.5		6			4	2.5	
860	K	10860	Nguyễn Đức Huy		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam				5				9	
861	K	10861	Nguyễn Đức Huy		1998	Nam Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	7		7	8					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuyết VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
862	N	10862	Trần Văn Huy	1999		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn định giá ACC Việt Nam - chi nhánh Duyên Hải	4.5	1.5					2	5			
863	II	10863	Nguyễn Thị Hoa Huyền		1999	Hà Nội	Công ty TNHH tư vấn quản lý G8			6	5							
864	N	10864	Bùi Thị Huyền		1992	Thái Bình	Công ty TNHH (huấn luyện công ứng Microsoft Việt Nam)	6.5		5.5	6.5			4				
865	II	10865	Bùi Thị Thanh Huyền		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán SKS											
866	II	10866	Bùi Thị Huyền		1994	Hà Nội	CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG CÁCH ĐỨC AN QUỐC TH	6.5		5.5								
867	N	10867	Cù Thị Huyền		1997	Hà Nam	Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	5.5		5.5				5.5	5.5			
868	II	10868	Đoàn Thu Huyền		1996	Bắc Ninh	SHIMCPHANGHAI V&T NVN	4.5	5.5	4.5	0.5							
869	II	10869	Đoàn Thị Huyền		1988	Thanh Hóa	CTY TNHH KẾ TOÁN TOÁN V&CO			7	7							
870	C	10870	Đào Thị Huyền		1997	Nghe An	Công ty Cổ phần Quả Pháp Tư Đông Hoa Phúc					6	7					
871	N	10871	Đào Thị Huyền		1996	Nghe An			4.5		2.5			5.5				
872	II	10872	Đinh Thị Thanh Huyền		1997	Hà Nội	Công ty CP Dược phẩm Việt Bắc	5.5		5.5								
873	N	10873	Đoàn Thị Minh Huyền		1999	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		7		4	8	4	5				
874	N	10874	Đỗ Thanh Huyền		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam				4							
875	C	10875	Guang Minh Huyền		1989	Hải Dương	Công ty TNHH Dabiru CSB					5.5	7.5	7.5				
876	N	10876	Hà Khánh Huyền		1996	Đào Bình	Công ty Tư chính TNHH Ngân hàng JSCP Sài Gòn - Hà Nội	7		5								
877	II	10877	Hoàng Minh Huyền		1986	Hà Nội			8									
878	N	10878	Hoàng Thanh Huyền		1993	Yên Bái	Công ty CP Media Hà Nội											
879	II	10879	Hoàng Thị Huyền		1996	Nam Định	Công ty TNHH Mapower Việt Nam		0.5									
880	N	10880	Hoàng Thu Huyền		1998	Sơn La	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ACC tại Hà Nội	7	5	7	5							
881	N	10881	Hoàng Thu Huyền		1999	Huế Nguyễn	Công ty TNHH Tư vấn-Kiểm toán SKS	4.5		6	2.5	7	5.5	7.5				
882	II	10882	Le Thị Huyền		1987	Thanh Hóa	CT TNHH Dịch vụ và tư vấn doanh nghiệp XMB	6.5		5								
883	II	10883	Le Thị Huyền		1989	Thanh Hóa			6	7.5	6.5							
884	C	10884	Le Thị Huyền		1991	Hà Nam	Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế Minh Lam					6	6	6				
885	N	10885	Le Thị Huyền		1998	Thanh Hóa		6	3.5	6.5	3							
886	N	10886	Le Thị Ngọc Huyền		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Nhan Lam Việt								4.5			
887	N	10887	Le Thị Hương Huyền		1991	Nghe An	Văn phòng công chứng Phan Ngọc											
888	II	10888	Le Thị Huyền		1987	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn Q1 và đầu tư KIP CORP											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Chú chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
889	K	10889	Lương Thị Thanh Huyền		1997	Phước Thọ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Huen A				6						
890	II	10890	Lưu Thị Huyền		1993	Vĩnh Phước	Công ty CP ROX Key Holdings	5.5	4	7							
891	II	10891	Lưu Thị Thanh Huyền		1992	Hưng Yên	Công ty TNHH Quản trị DNX BC-Xi Việt Nam			8	6						
892	II	10892	Ngô Ngọc Huyền		1996	Hà Nội	CTCP Tập đoàn Golden Gate			6	2.5						
893	II	10893	Ngô Thị Khánh Huyền		1998	Nghe An	CT TNHH Hoàng Việt Nam										
894	II	10894	Ngô Thị Thu Huyền		1994	Nam Định	Công ty CP ICT Loan Cầu			4.5	5.5						
895	K	10895	Nguyễn Đức Minh Huyền		1994	Hà Nội									5		
896	II	10896	Nguyễn Khánh Huyền		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Công nghệ Asilia Việt Nam										
897	K	10897	Nguyễn Khánh Huyền		1999	Quảng Ninh	CN Công ty TNHH Hoàng Kiên toàn ASSC tại Quảng Ninh	5.5	5	5.5	4	5.5		4	2		
898	K	10898	Nguyễn Thanh Huyền		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiên toàn và tư vấn tài chính MCO Việt Nam				7						
899	K	10899	Nguyễn Thanh Huyền		1988	Hà Nội	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội		6.5	5							
900	II	10900	Nguyễn Thanh Huyền		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán quốc tế		4.5	8.5	6						
901	II	10901	Nguyễn Thị Huyền		1983	Hà Nội	CTY TNHH KẾ TOÁN VÀ DỊCH VỤ TẾ AIC VÀ I NAM			2.5	5						
902	II	10902	Nguyễn Thị Huyền		1986	Bắc Ninh	Công ty TNHH HIN H Semiconductor Vietnam										
903	II	10903	Nguyễn Thị Huyền		1988	Hà Tĩnh	CTCP Quân và văn hành BHS Mandiri			8							
904	II	10904	Nguyễn Thị Huyền		1990	Thanh Hóa	CT TNHH Externe Việt Nam		7								
905	II	10905	Nguyễn Thị Huyền		1992	Thái Bình	CTCP Kinh doanh F88	6	1.5	3.5	2.5						
906	II	10906	Nguyễn Thị Huyền		1992	Thái Dương	Công ty CP Cơ Điện Galaxy	5		6.5							
907	II	10907	Nguyễn Thị Huyền		1994	Thái Bình	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Long Giang		6		2.5						
908	II	10908	Nguyễn Thị Huyền		1996	Thái Dương	CTCP Kế toán IOK ADO			6.5							
909	II	10909	Nguyễn Thị Huyền		1996	Hà Nội	CTCP Đầu tư thương mại dịch vụ Long Giang										
910	K	10910	Nguyễn Thị Huyền		1998	Nghe An	Công ty TNHH Aupatech Technology	4.5	1	5	1.5	5	3.5	5	5	5	
911	K	10911	Nguyễn Thị Huyền		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)	5.5	4	4	3.5						
912	II	10912	Nguyễn Thị Huyền		1998	Hà Tĩnh	CTY CP TH CÔNG MỸ VÀ DỊCH VỤ CHUYỂN PHAI THANH LÂN SONS NHAT			3.5	2						
913	II	10913	Nguyễn Thị Huyền		1998	Thái Dương	CTY CPS N DỊCH VỤ VÀ I N PHAI TNHH	5		4	1						
914	K	10914	Nguyễn Thị Huyền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiên toàn & Tư vấn Long II										
915	II	10915	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1997	Ninh Bình	Công ty CP OMS Việt Nam			6							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
916	K	10916	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1998	Nam Định	Công Công ty Công nghiệp Hoa chất rắn - Vietnamcom				6.5							
917	K	10917	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiên toàn-kien toàn- Tư vấn Việt Nam			4	5					8.5		
918	H	10918	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1998	Hà Nội												
919	K	10919	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Kế toán-kien toàn- Tư vấn Việt Nam	4.5	3.5	3.5	4	6.5	2.5					
920	C	10920	Nguyễn Thị Thu Huyền		1977	Hà Nam	AMICA JSC					7.5	4	5.5				
921	C	10921	Nguyễn Thị Thu Huyền		1984	Hà Dương	Công ty TNHH Đại lý Thuốc L1A					5	2.5	5.5				
922	P	10922	Nguyễn Thị Thu Huyền		1997		Công ty TNHH KPVIG			5								
923	K	10923	Nguyễn Thị Thu Huyền		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiên toàn Deloitte Việt Nam		7	5			6	9				
924	H	10924	Nguyễn Thị Huyền		1983	Hà Nội	CTY TNHH SXK XNK MISA			8	4							
925	C	10925	Nguyễn Thị Huyền		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH ANC technologies Vinh Phuc					6	6.5	8				
926	K	10926	Nguyễn Thị Huyền		1994	Hà Nội	Công ty Cổ phần Vnes											
927	K	10927	Nguyễn Thị Huyền		1995	Hà Nội	Công ty TNHH RBV WTS Việt Nam	7.5			4							
928	K	10928	Nguyễn Thuong Huyền		1994	Thái Bình	Công ty TNHH Kiên toàn & Tư vấn KSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	4.5	3.5		3.5	8	5					
929	H	10929	Nguyễn Vũ Ngọc Huyền		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH VSHIP Thái Bình		8	7.5								
930	H	10930	Phạm Ngọc Huyền		1993	Ninh Bình	Công ty TNHH Xa dựng và Thương mại Thanh Phương NB				5.5							
931	K	10931	Phạm Thanh Huyền		1996	Quảng Ninh	Bưu Lai đình - Lĩnh Công ty Bảo hiểm Hưng Khong	6	4.5	3.5	0.5			7				
932	H	10932	Phạm Thị Huyền		1997	Ninh Bình	Chi nhánh Lan consulting Co - Ltd Nha Bưu lai Viet Nam	7		6								
933	K	10933	Phạm Thị Huyền		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Đình gia và Kiên toàn Tư vấn Hà Nội - Chi nhánh Hàng Lơng	4.5	6.5	4	5	6	6					
934	H	10934	Phạm Thị Thanh Huyền		1990	Hưng Yên	CT TNHH Xa dựng và thương mại Minh Long Hưng Yên		7		4							
935	K	10935	Phạm Thị Thanh Huyền		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kiên toàn và Đình gia Đại Việt			6	5		3.5					
936	K	10936	Phạm Thanh Huyền		1996	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Tescomet Holding	4	5				4	3				
937	H	10937	Phạm Thị Minh Huyền		1985	Quảng Bình	Công ty TNHH thương mại dịch vụ đầu tư quốc tế Hòa Hoàng											
938	K	10938	Phùng Thị Thu Huyền		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Insti & Young Việt Nam			5	3.5		6.5					
939	K	10939	Trần Minh Huyền		1999	Phủ Thọ	Công ty TNHH Hàng Kiên toàn và Đình gia ASCO	5.5	3.5	6	4	7.5	5.5	5				
940	H	10940	Trần Thanh Huyền		1995	Thái Bình	Công ty Cổ phần SYCORP	8	9	6	5							
941	H	10941	Trần Thanh Huyền		1998	Hà Nội	CT TNHH Tư vấn Đại Hà	6.5	6	7	5.5							
942	K	10942	Trần Thị Huyền		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán thuế QC		4	4	2			7.5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
943	K	10943	Trần Thị Huyền		1998	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán ABC Việt Nam - CN Hà Thành			5.5	5					
944	H	10944	Trần Thị Khánh Huyền		1997	Hà Tĩnh	CN CTY TNHH NGÂN HÀNG NỘI	7	1.5	8	3.5					
945	H	10945	Trần Thị Thanh Huyền		1981	Phu Thọ	CT TNHH Du lịch An Tường Việt Nam			4	1					
946	K	10946	Trần Thị Thu Huyền		1995	Thái Bình	Trung tâm nghiên cứu và phát triển MobileOne			4.5		6.5	5	5	6	
947	K	10947	Trinh Thanh Huyền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC	6.5	6	7	5.5	7.5	6	7.5	5	
948	C	10948	Trinh Thị Thanh Huyền		1990	Hải Dương	Công ty CP ID BDS Miền bắc					7.5	5.5	5.5	6.5	
949	H	10949	Vũ Khánh Huyền		2015	Hà Nội	Công ty CP Bio-med									
950	H	10950	Vũ Thị Huyền		1994	Thái Bình	CTY CP DAI TI TỐ HAI T	8.5	8	4.5	8.5					
951	K	10951	Vũ Thị Thu Huyền		1995	Nam Định	Ngân hàng EXCIP Bắc Á									
952	K	10952	Vũ Thị Thu Huyền		1998	Thái Bình	Khác			5						
953	H	10953	Vũ Thị Vân Huyền		1992	Thái Bình	CTY TNHH AIGONMATE VIỆT NAM		6.5							
954	H	10954	Bùi Quốc Hưng		1989	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Hoàng Long IDK			4	5					
955	K	10955	Đặng Quang Hưng		1989	Hưng Yên	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	5.5	5	5.5	3.5	7	3.5	7		
956	H	10956	Đinh Việt Hưng		1990	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Trương Thanh		8	6						
957	K	10957	Le Duy Hưng		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Hoàng Long IDK	1.5		4	3	6			6.5	
958	H	10958	Le Nam Hưng		1971	Thanh Hóa	Công ty TNHH JV JC K L và đại lý thực Hưng Thịnh			5	2.5					
959	H	10959	Le Thu Hưng		1983	Nam Định	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Bồn Mùa Việt Nam									
960	K	10960	Nguyễn Công Hưng		1995	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán L H Y - CN Hà Nội		5.5	6.5			5			
961	K	10961	Nguyễn Kim Hưng		1992	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNL	7.5		7.5						
962	K	10962	Nguyễn Quốc Hưng		1992	Phu Thọ				5.5						
963	H	10963	Nguyễn Trần Hưng		1993	Bắc Ninh	CT TNHH Dịch vụ TAC		2	9	4					
964	H	10964	Nguyễn Trần Hưng		1997	Hà Nội	CTY TNHH BAI ME DIA	6			2.5					
965	K	10965	Nguyễn Việt Hưng		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán INHICO			5	1.5			2.5		
966	K	10966	Trần Thị Hưng		1999	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán VACO		6	8	4	6	7	5.5		
967	H	10967	Trần Xuân Hưng		1996	Nam Định	CTY TNHH Kế toán TOAN VACO	6.5	6		3.5					
968	K	10968	Vũ Ngọc Hưng		1998	Thái Nguyên	Công ty Cổ phần INK&DV Ngọc Hà									
969	K	10969	Bùi Thị Hương		1995	Hải Dương	Công ty TNHH KPMG		3.5	6						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
970	K	10970	Bùi Thu Mai Hương		1979	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Hương Loan	8.5	6	5.5	5.5							
971	K	10971	Bùi Thu Thảo Hương		1991	Hải Phòng	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰ CÔNG NGHỆ PHÂN PHỐI PHOSFO			7								
972	H	10972	Đường Thu Hương		1994	Quảng Ninh	CTI TNHH Dịch vụ kế toán và đầu tư thuế Hương Dương											
973	K	10973	Đặng Quỳnh Hương		1995	Hà Nội	Ngân hàng TMCP A Châu	7					5.5		5			
974	H	10974	Đặng Thu Thu Hương		1994	Nam Định	Công ty TNHH Quan trị DNS BCG Việt Nam											
975	C	10975	Đinh Thu Lan Hương		1995	Định Bình	Công ty CP Công nghiệp Nguồn kinh Fortress Việt Nam											
976	H	10976	Đinh Thu Thu Hương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ Kế toán và tư vấn thuế Tân Phát					5						
977	H	10977	Đỗ Lan Hương		1991	Nam Định	Công ty TNHH tư vấn tài chính và kế toán F&C											
978	H	10978	Đỗ Thu Hương		1995	Định Bình	CTY CP QUẢN LÝ CHỈ DẪN NGUYÊN GI PHÂN PHỐI PHOSFO VN- CN DINH VT	8.5	5.5	4	4							
979	H	10979	Đỗ Thu Thu Hương		1997	Hưng Yên	CTCP Công nghệ tư vấn Green Earth Việt Nam	6	8.5		5							
980	K	10980	Hoàng Thu Hương		1999	Hải Dương	Chi nhánh Công ty TNHH Kế toán và tư vấn ACC tại Hà Nội			8	2	6.5			2			
981	K	10981	Hoàng Thu Lan Hương		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Vải lụa Vinasarita		5	4								
982	H	10982	Hoàng Thu Mai Hương		1990	Hà Nội	Công ty CP CK alpha		6.5									
983	H	10983	Hoà Mai Hương		1979	Hải Phòng	CTI TNHH Lan Dền		1		2.5							
984	K	10984	Khúc Thanh Hương		1996	Định Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội						5.5	4.5				
985	C	10985	Lê Thảo Hương		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Sumitomo Corporation Việt Nam						5.5		7			
986	K	10986	Lê Thu Lan Hương		1999	Ninh Bình	Công ty TNHH Kế toán và tư vấn VSA	6.5	5	7.5	5	7	6	6	6			
987	H	10987	Lê Thu Thu Hương		1998	Phủ Thọ	Công ty TNHH Tư vấn-Kiểm toán S&S											
988	C	10988	Lê Thu Hương		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH Multi Management Accountant Vietnam						5.5	5	6.5			
989	K	10989	Lê Khánh Hương		1999	Thái Nguyên	Đơn vị chức năng	5.5	6	5.5	4	6.5	6	7.5				
990	K	10990	Lưu Thu Hương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kế toán và Định giá AIC	7	5.5		4		5	3				
991	H	10991	Lưu Thu Lan Hương		1997	Định Bình	CTI TNHH H&B			6	1.5							
992	K	10992	Ngô Thu Thu Hương		1993	Hưng Yên	Ngân hàng TMCP K&S thương Việt Nam											
993	H	10993	Nguyễn Mai Hương		1997	Ninh Bình	CTI TNHH Kế toán và tư vấn NGV		7.5		6							
994	H	10994	Nguyễn Thu Hương		1980	Hải Dương	CTI TNHH Kế toán và định giá AAPC											
995	K	10995	Nguyễn Thu Hương		1983	Bắc Ninh	Công ty TNHH An toàn lao động An Bình											
996	C	10996	Nguyễn Thu Hương		1985	Hà Nội	Công ty TNHH Doosung Tech Vietnam							5				

STT	Loại dạng kỳ dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quân	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
007	H	10007	Nguyễn Thu Hương		1986	Hưng Yên	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế Bạch Khoa	4	2	3	2					
008	H	10008	Nguyễn Thu Hương		1989	Hải Dương	Công ty CP tư vấn thuế kế và xây dựng 319			5	3.5					
009	H	10009	Nguyễn Thu Hương		1990	Hà Nội	CT TNHH Thương mại và xây dựng Redhouse Viet Nam		5.5	6.5						
000	K	10000	Nguyễn Thu Hương		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH AnQua Vina	8		5					7	
001	H	10001	Nguyễn Thu Hương		1997	Hưng Yên	CTY TNHH SHINHANHAP VET NAM	4	2.5	5.5	1					
002	H	10002	Nguyễn Thu Hương		1997	Ngã 3	Chi nhánh Tyu & Klogel tại Hà Nội	7.5		5.5						
003	H	10003	Nguyễn Thu Hương		1999	Nam Định	Công ty TNHH Huach System Viet Nam		6.5							
004	H	10004	Nguyễn Thu Hương		1998	Hà Nội	CT TNHH Zoonhon Viet Nam									
005	H	10005	Nguyễn Thu Hương		1998	Hải Phòng	CT TNHH SGS Viet Nam	4	9	5						
006	H	10006	Nguyễn Thu Hương		1994	Quảng Bình	CT TNHH Ievania Vietnam Management									
007	H	10007	Nguyễn Thu Hương		1984	Hà Nam	Công ty CP Nam Hưng	7.5	5.5		4					
008	H	10008	Nguyễn Thu Hương		1986	Hà Nội	Công ty TNHH xây dựng và cơ khí HD			3.5	1					
009	H	10009	Nguyễn Thu Hương		1993	Nam Định	Công ty CP AHD Newlight		7	5						
010	K	10010	Nguyễn Thu Hương		1998	Hà Nội	Chi nhánh công ty TNHH Kien Loan T - trung tại Hà Nội	6.5	6		5.5					
011	K	10011	Nguyễn Thu Hương		1989	Hải Dương	Công ty TNHH Wilchesh Vina		9.5	7.5	5		4			
012	H	10012	Nguyễn Thu Hương		1976	Bắc Giang	CTCP Service Home	5.5		3						
013	H	10013	Nguyễn Thu Hương		1988	Hải Phòng	CT Đầu tư và kinh doanh con nhà nước - CT TNHH	5.5	6.5	5.5	5					
014	K	10014	Nguyễn Thu Hương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam - Chi nhánh Hà Nội				5.5					
015	K	10015	Nguyễn Thu Hương		1998	Hải Phòng	Công ty TNHH Hang Kien Loan AAS			5			3	5		
016	H	10016	Nguyễn Thu Hương		1988	Hải Nguyễn	Công ty TNHH tư vấn và thương mại nam thành long									
017	H	10017	Nguyễn Thu Hương		1991	Hà Nội	CT TNHH Dịch vụ Kế toán và tư vấn thuế Tân Phát	5	0.5	7.5						
018	H	10018	Nguyễn Thu Hương		1994	Hà Nội	CTCP TD GOI DIN GAH		6.5	4						
019	K	10019	Nguyễn Thu Hương		1998	Yên Bái	Khac	6	8	7	8	7.5	8	5.5		
020	H	10020	Phạm Bích Hương		1992	Hà Nội	CT TNHH Đầu tư Thương mại Trang Vũ	4	1.5	3.5	2.5					
021	H	10021	Phạm Bích Hương		1986	Hải Phòng	CTCP Quân và quy đầu tư cheng Khoa An Binh				5.5					
022	H	10022	Phạm Thu Hương		1990	Hải Dương	CTY CP DI OC PHAM CONG NGHI - CAO	5.5	5.5							
023	C	10023	Phạm Thu Hương		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Samsung F&A Viet Nam					7	9	8		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1024	H	11024	Phùng Thị Mai Hương		1994	Hà Nội	CÔNG TY CỔ PHẦN MPO VIỆT NAM				8						
1025	H	11025	Thân Thị Mai Hương		1996	Bắc Giang	CÔNG TY TNHH Đào tạo và huấn luyện Kế toán Cầu Đoàn			6.5							
1026	H	11026	Lưu Thị Hương		1994	Ninh Bình	Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương			4	6						
1027	H	11027	Lưu Thị Hương		1995	Nam Định	Hương Học học Đức Hương	5	5.5		4						
1028	K	11028	Lưu Thị Thu Hương		1998	Nam Định	Công ty Cổ phần lập đoàn HH				5		6.5				
1029	C	11029	Lương Thị Hương		1995	Hải Dương	Công ty TNHH Công nghệ Pross Việt Nam							4	5		
1030	H	11030	Vào Thị Hương		1987	Nghe An	C.T.C.P Quốc tế ITIS toàn cầu		0.5	3.5							
1031	H	11031	Vũ Lan Hương		1978	Hà Nam	Hương Trung cấp Đak Lak	6	2	5.5	4						
1032	K	11032	Vũ Mai Hương		1998	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo và Dịch vụ tư vấn Hà Nội	7		6.5							
1033	K	11033	Vũ Thị Hương		1996	Nam Định	Công ty TNHH JC&Partners Việt Nam			5					5.5		
1034	H	11034	Vũ Thị Lan Hương		1994	Thanh Hóa	Công ty TNHH bao hiểm nhân thọ Tườn	4	2.5	5							
1035	K	11035	Vũ Thị Mai Hương		1993	Thanh Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn NGV	6			1.5		3		3		
1036	H	11036	Nguyễn Thị Hương		1987	Bắc Ninh	Công ty TNHH VDS Việt Nam			3.5	4						
1037	H	11037	Bùi Thị Hương		1996	Thanh Bình	CÔNG TY TNHH MANSABON VIỆT NAM	5	2.5	7	3						
1038	K	11038	Bùi Thị Thu Hương		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiến tạo An Việt - Chi nhánh Hải Phòng	8	5	6.5	5.5	5	4.5	6			
1039	H	11039	Bùi Thị Thu Hương		1999	Phủ Thọ	Công ty TNHH quản lý tư vấn G8	5	7	6							
1040	H	11040	Đường Thị Thu Hương		1991	Hà Nội	C.TY CP CÔNG NGHỆ THOAI	5			4						
1041	H	11041	Đào Thị Hương		1989	Hà Nội	CÔNG TY TNHH ACCOINING SERVICES LIMITED LIABILITY COMPANY		5	5							
1042	H	11042	Đào Thị Hương		1990	Thanh Hóa	CÔNG TY TNHH Dịch vụ và tư vấn thuế HLD Việt Nam		3.5	5.5	3.5						
1043	H	11043	Đỗ Thị Thu Hương		1998	Thanh Bình	CÔNG TY TNHH MANSABON VIỆT NAM										
1044	H	11044	Đỗ Thu Hương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Y nghĩa Việt nam	5.5		5.5							
1045	H	11045	Lai Thanh Hương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Nstep technology	5		6.5							
1046	H	11046	Nguyễn Thanh Hương		1996	Nam Định	CÔNG TY TNHH Văn tại Bách Việt			3.5							
1047	H	11047	Nguyễn Thị Hương		1987	Bắc Ninh	Công ty cổ phần xây dựng dịch vụ viễn thông Hòa Phát	5.5	1.5	5	2.5						
1048	H	11048	Nguyễn Thị Hương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn I&PR		3.5	7	5						
1049	H	11049	Nguyễn Thị Hương		1989	Hà Nam	C.T.C.P Phát triển công nghệ thực phẩm Nam An		6.5	6							
1050	H	11050	Nguyễn Thị Hương		1991	Hà Nội	C.T.C.P Nhân lực và dịch vụ A châu	6.5	3	7	5.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1051	H	11051	Nguyễn Thu Hương		1993	Phu Tho	Công ty TNHH SX và TM Hiệp Phát	6	5								
1052	C	11052	Nguyễn Thu Hương		1995	Nam Định	Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ SVD					7		7.5			
1053	H	11053	Nguyễn Thu Hương		1995	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư Thăng long			6							
1054	H	11054	Nguyễn Thu Hương		1995	Hưng Yên	Công ty CP Tập đoàn Vingroup				6						
1055	H	11055	Nguyễn Thu Hương		1997	Hải Dương	Công ty CP Beclium										
1056	H	11056	Nguyễn Thu Nhật Hương		1995	Hà Nội	CN CY INF ACC OY NING SERVICE1 MINH DVI IP HCM		6.5	5.5							
1057	K	11057	Nguyễn Thu Thu Hương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Greenham Thăng Long										
1058	K	11058	Nguyễn Thu Thu Hương		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán SKS			6	3	6		3.5	4		
1059	H	11059	Nguyễn Thu Hương		1989	Hải Phòng	Công ty TNHH Đầu tư Sun 101			6	5						
1060	K	11060	Nguyễn Duy Hương		1999	Hà Nam						7.5	8.5	6.5			
1061	K	11061	Phạm Thu Hương		1995	Hải Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Phương An	5							4		
1062	H	11062	Phạm Thu Bích Hương		1994	Ninh Bình	CTY TNHH TC VN VY DỊCH VỤ KETOAN BID			7	6						
1063	H	11063	Phạm Thu Thu Hương		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Phát triển Laser Hà Nội										
1064	C	11064	Lô Thu Hương		1980	Thái Bình	Công ty cổ phần Đầu tư VNK - Hãng Long							6.5	7		
1065	H	11065	Nguyễn Đức Thị		1990	Bình Thuận	CTCP giao dịch quốc tế Việt C	5.5	6	5							
1066	K	11066	Lê Quang Khai		1989	Nam Định	Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Nesol			6.5	5			7			
1067	K	11067	Phạm Thị Khôi		1982	Bắc Ninh	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và Dịch vụ ASO O		8.5					3.5			
1068	K	11068	Nguyễn Ngọc Khang		1999	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiểm toán S.V.V - Chi nhánh phía Bắc	6.5	6.5	6	5	5		4	5.5		
1069	H	11069	Cao Văn Khánh		1989	Phu Thọ		6.5	5.5	7.5	4						
1070	K	11070	Nguyễn Đình Khánh		1992	Thanh Hóa	Công ty CP Vua Nemo	4		3							
1071	K	11071	Đường Quý Khánh		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán ASSC	5	1	3.5	2.5	5		1.5	4		
1072	K	11072	Đo Quốc Khánh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		5	4				4.5			
1073	H	11073	Lê Thu Văn Khánh		1982	Hải Dương	CN Công ty TNHH Dược phẩm do Thành	6	0.5	2	1.5						
1074	K	11074	Lưu Quốc Khánh		1993	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tài chính (Hải Y			5	5.5			2.5	3.5		
1075	K	11075	Nguyễn Đình Khánh		1998	Hải Dương	Công ty Cổ phần Tập đoàn Ausdoor	5.5		5	1	5					
1076	K	11076	Nguyễn Thị Ngọc Khánh		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam	6.5	2	5	5	8		5	7.5		
1077	K	11077	Nguyễn Long Khánh		1996	Thái Bình											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1078	K	11078	Phạm Gia Khanh	1996		Pha Tho	Công ty Cổ phần I-keon 14		0 5							
1079	P	11079	Đào Ngọc Khanh		1989		Vào phòng đào tạo To chức Netherlands Development Organization tại Việt Nam									
1080	H	11080	Trần Thị Khanh		1977	Nam Định	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kế toán Lâm Phát									
1081	K	11081	Phạm Văn Khuen	1990		Hải Dương	Công ty TNHH PII Việt Nam									
1082	H	11082	Cao Mai Khóa		1992	Pha Tho	Công ty cổ phần văn hóa & NLT - Tư Lập			3 5	5					
1083	C	11083	Trần Minh Khôi	1995		Nghe An	Công ty Kiến tạo NC A							3		
1084	K	11084	Trần Thanh Khúc		1999	Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng Kế toán VASC		1 5	2	5	6		8		
1085	H	11085	Le Thị Khuyen		1980	Hà Nam	Công ty Công nghệ truyền thông Nadi Việt Nam	5 5			4					
1086	K	11086	Nguyễn Thị Khuyen		1991	Thanh Hóa	Công ty cổ phần thương mại - thực kế thi công nơc thực (methome Decon									
1087	H	11087	Le Quang Kiên	1979		Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ Tư vấn IT VS Việt Nam									
1088	K	11088	Hoàng Trung Kiên	1999		Yên Bái	Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Thương	6	7 5	3	5	7 5	1 5	7 5		
1089	C	11089	Le Trung Kiên	1997		Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ kế toán (Chon)					6	4	7		
1090	K	11090	Trương Trung Kiên	1998		Thái Bình	Công ty TNHH Hàng Kế toán VASC	6	6	4	5		5	5		
1091	P	11091	Nguyễn Trung Kiên	2001						7						
1092	K	11092	Nguyễn Trung Kiên	1998		Nghe An	Công ty TNHH Kế toán quốc tế I-instans	4	1 5	5	2 5	5	5	4 5		
1093	K	11093	Phạm Trung Kiên	1992		Thái Bình	Công ty CP Bảo vệ Hoàng Hải Việt Nam									
1094	H	11094	Nguyễn Thị Hằng Kiều		1999	Hà Nội	C.T.I.NHII Kế toán tại - Jung tại Hà Nội									
1095	K	11095	Lang Thị Kim		1999	Nghe An	Công ty TNHH Kế toán và Dịch vụ Việt Nam	5 5	6	6 5	7	7 5	3 5	8		
1096	H	11096	Trần Ngọc Kiên		1990	Đắk Lắk	C.T.I.NHII (cá phing ngon)									
1097	H	11097	Nguyễn Thị Lê		1989	Hà Nam	Công ty TNHH Tư vấn thuế và kế toán Việt VN		3		5 5					
1098	K	11098	Trần Thanh Lâm		1993	Hải Phòng	Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Minh Anh	4 5		5	2 5					
1099	H	11099	Trương Thị Lâm		1998	Đà Nẵng	Công ty TNHH Cold Drexus Việt Nam			5						
1100	K	11100	Nguyễn Thanh Lâm		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Croove Việt Nam	5 5	5	5	6	6	4 5	7		
1101	H	11101	Phạm Thanh Lâm		1986	Nam Định	C.TCP Dịch vụ kế toán và thuế Hoàng Hải Nội		1	5						
1102	K	11102	Trần Thị Mai Lâm		1988	Thái Bình	Công ty TNHH Kế toán và Dịch vụ Tư vấn Hà Nội	8 5				7 5	7 5			
1103	K	11103	Trần Thị Phương Lâm		1978	Nam Định	Công ty cổ phần Bảo thủ Nam Sơn Invest			7 5	3	5		6 5		
1104	K	11104	Trương Thị Lan		1998	Hải Nguyên	Công ty TNHH Kế toán tại SK Việt Nam			8		6 5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCNT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1105	H	11105	Đặng Thị Lan		1995	Hưng Yên	Công ty CP OWS Việt Nam	5		6								
1106	H	11106	Lê Thị Thanh Lan		1990	Vĩnh Phúc	CTY TNHH INK&DY CO KHÍ QÍ ANO MINH	5.5	3.5		3							
1107	K	11107	Ngô Thị Lan		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Thương mại Nhật Dương	6	3.5	5	2.5	4	3	6.5				
1108	H	11108	Nguyễn Phương Lan		1982	Bắc Ninh	CTCP Tư vấn và đầu tư thực EAFRISTILAW		3.5		3							
1109	K	11109	Nguyễn Phương Lan		1987	Hải Phòng	Lập đoàn Báo Việt	7.5	6									
1110	C	11110	Nguyễn Thị Lan		1991	Nghe An	Công ty TNHH Superswell Technology Việt Nam						6	-				
1111	K	11111	Nguyễn Thị Lan		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Đầu tư địa gia HIA											
1112	H	11112	Nguyễn Thị Lan		1998	Phủ Thọ	Công ty Cổ phần Social		2.5	5	1.5							
1113	K	11113	Nguyễn Thị Mai Lan		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn T HY C N Hà Nội	6	2	3	2.5	7	1	5				
1114	H	11114	Nguyễn Thị Mai Lan		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH công trình Wagon	6	6	6.5	5							
1115	H	11115	Nguyễn Thị Ngọc Lan		1982	Phủ Thọ	Công ty TNHH tư vấn thực Phúc An			8	4							
1116	K	11116	Phạm Ngọc Lan		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO	5.5	2.5	6	1	6	5.5	6				
1117	C	11117	Phạm Thị Lan		1993	Hải Phòng	Công ty TNHH Dịch vụ lập đoàn Mát toi					7.5	5					
1118	H	11118	Phạm Thị Lan		1993	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Hoàng Đạt											
1119	K	11119	Trần Thị Lan		1988	Thanh Hóa	Công ty CP Thương Mại Quốc Tế	6.5	5.5	7	6.5	7	5.5	8.5				
1120	K	11120	Trần Thị Lan		1998	Bắc Giang	Công ty CP lập đoàn Xây dựng SGT	7.5	6		2.5		5	5	5			
1121	C	11121	Trần Thị Ngọc Lan		1995	Nam Định	Khác											
1122	K	11122	Trần Thị Phương Lan		1990	Thái Bình	Công ty CP Casablanca Việt Nam		6.5	7	3	7	5	5.5				
1123	H	11123	Vũ Thị Hương Lan		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH IT VIP Việt Nam			5								
1124	H	11124	Vương Thị Lan		1990	Hà Nội	CTCP Thương mại dịch vụ An Bình Hà Nội											
1125	K	11125	Hoàng Thị Lan		1996	Bắc Ninh	Công ty Cổ phần trục thông AB	6										
1126	H	11126	Đào Tùng Lan		1994	Bắc Giang	IRI NG LAM KINH DOANH VNP BẮC NINH		3.5	4	3							
1127	C	11127	Đông Đoàn Lan		1995	Hải Nguyên	Công ty TNHH Miền Hà Nội					7	6	8.5				
1128	K	11128	Nguyễn Bảo Lan		1995	Bắc Giang	Công ty Cổ phần Thatcholdings	6	7.5	4	5.5	7	5	6				
1129	K	11129	Nguyễn Mạnh Lan		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Emsak Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội		5	4.5	1.5		5					
1130	H	11130	Lê Thanh Lan		1990	Phủ Thọ	Công ty TNHH Đăng Quang	4			6.5							
1131	K	11131	Kiều Quốc Lap		1990	Hải Phòng	Công ty cổ phần tư vấn EY Việt Nam	5	5.5	5.5			6	6				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTCN	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1132	H	11132	Đoàn Thị Liên		1998	Ninh Bình	CT TNHH Kiên toàn DHH Việt Nam	5		5	1						
1133	H	11133	Bùi Thị Lệ		1998	Nghe An	Công ty TNHH XNK MINH SI Việt Nam	5	5.5	5.5	3.5						
1134	H	11134	Bùi Thị Phương Lệ		1993	Nam Định	CTY CP HOA CHAI SON HUY NOI		6.5		3						
1135	K	11135	Cao Hồng Lệ		1992	Nghe An	Công ty CP đầu tư và sản xuất VINA2										
1136	H	11136	Nguyễn Hồng Lệ		1984	Phước Thọ	CTCP Industrial Material Supply VN	5									
1137	H	11137	Nguyễn Thị Lệ		1994	Hải Dương	Công ty cổ phần Benstaro			5.5	5						
1138	H	11138	Trần Thị Lệ		1999	Bắc Ninh	CTY TNHH KEM TO XN VACO		7.5	5.5							
1139	C	11139	Bồ Thị Lệ		1993	Hưng Yên	Công ty TNHH Ecosoft Việt					7.5		6	7		
1140	H	11140	Phạm Thị Thanh Lệ		1996	Thái Bình	CTCP GMPK Việt Nam		3	6							
1141	K	11141	Bùi Thị Kim Liên		1999	Nông Bình	Công ty cổ phần Bann Group	5		6							
1142	H	11142	Bùi Thị Mai Liên		1997	Nam Định	Công ty cổ phần bệnh viện thu y Petekabli	6.5	6.5	6	3.5						
1143	H	11143	Cao Thị Quỳnh Liên		1995	Hà Nội	Chi nhánh Pao Consulting Co Ltd Nhật Bản tại Việt Nam	4.5		6.5	4						
1144	K	11144	Bào Thị Liên		1990	Hải Phòng	Công ty TNHH điện tử Sumida Việt Nam	5.5	6.5	5.5	5	5	6		7		
1145	K	11145	Đông Thị Thu Liên		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiên toàn Quốc tế	5	4.5		5.5		4.5		2.5		
1146	H	11146	Lê Thị Liên		1991	Thanh Hóa	CT TNHH Kiên toàn tư vấn đầu tư - CN Hà Nội	4.5		7	3.5						
1147	H	11147	Lê Thị Liên		1992	Hải Dương	Công ty CP Roco Holding										
1148	H	11148	Nguyễn Mai Liên		1984	Hưng Yên	CNCP CP Tập đoàn MK			7	3						
1149	C	11149	Nguyễn Thị Liên		1986	Nam Định	Công ty CP Khoa sản chuyên nghiệp LLC								6		
1150	K	11150	Nguyễn Thị Liên		1990	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Map Công trình Thanh Hưng	4		5			1.5		5.5		
1151	H	11151	Nguyễn Thị Liên		1990	Hà Nam	Công ty TNHH Đạt's Home ABM Hà Nam	5.5		7.5	3						
1152	H	11152	Nguyễn Thị Liên		1991	Bắc Giang	Hương HIC S Đông Phú			2.5							
1153	H	11153	Nguyễn Thị Liên		1999	Hải Dương	Công ty TNHH tư vấn quản lý G8										
1154	K	11154	Nguyễn Thị Hồng Liên		1997	Bắc Ninh				6.5	5						
1155	H	11155	Nguyễn Thị Huệ Liên		1976	Nghe An	CT TNHH PTCN và HIK & toàn (con Son)										
1156	H	11156	Phạm Thị Liên		1984	Thanh Hóa	CT TNHH An Hòa Minh	4	0	3	0.5						
1157	H	11157	Phạm Thị Liên		1986	Thái Bình	Agribank Chi nhánh Tân Châu	5	6	8							
1158	C	11158	Trần Thị Liên		1980	Thái Bình	Công ty CP dịch vụ và thương mại TH Việt Nam						2.5		3		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ngoại ngữ		Ghi chú
				Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC			Thuế VOL TCNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh					
												Nam	Nữ	Tiếng Anh	Tiếng Trung		
1159	K	11159	Hương Hồng Liên		1994	Bắc Kạn	Công ty Cổ phần BK1	6,5						5			
1160	H	11160	Vu Thu Liên		1990	Hải Phòng		5,5	5	6,5	6						
1161	H	11161	Nguyễn Thu Liên		1991	Thanh Hóa	C/CTP Huê Thôn nhãng II N/IN Viet Nam	7	7,5	8,5	5,5						
1162	H	11162	Nguyễn Thu Liên		1991	Hải Phòng	C/CT TNHH Vạn An sản xuất đồ gỗ Phương	4,5	1	3,5	1						
1163	H	11163	Chu Thị Đào Nga		1987	Hưng Yên	C/CTY TNHH SHENJI NGUYEN V/IT NVN			5	1,5						
1164	K	11164	Bùi Khánh Linh		1996	Thái Bình	Công ty TNHH IT Viet Nam				7						
1165	K	11165	Bùi Thị Thủy Linh		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Samsung Electronics Viet Nam Thuận Nguyên		9		4		5,5				
1166	H	11166	Bùi Thị Thủy Linh		1997	Hải Phòng	C/CTY TNHH ERIC OR SERVICES V/IT NVN				5,5						
1167	H	11167	Chu Thị Thủy Linh		1994	Lạng Sơn	Công ty TNHH Shadunap Viet Nam	5,5	5,5	5,5	3						
1168	K	11168	Đường Thị Thủy Linh		1993	Phước Thọ	Công ty Cổ phần Duan C/indiam	7,5		7,5	7,5						
1169	K	11169	Đường Thủy Linh		1997	Thanh Hóa	Nhà		1,5	2			2,5	2,5			
1170	K	11170	Đào Thị Hải Linh		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Kien Loan ES - CN Bắc Ninh		3,5		1,5		5				
1171	H	11171	Đặng Ngọc Linh		1987	Hà Nội	Công ty TNHH B/ và TM và DV Nguyễn Kim			0,5							
1172	H	11172	Đặng Thị Cẩm Linh		1995	Thái Bình	Công ty Cổ phần H/ Viet Nam	7,5	5,5	7,5	7,5						
1173	K	11173	Đinh Khánh Linh		1997	Hà Nội	C/hi nhánh Công ty TNHH Kien Loan và tư vấn AKC tại Hà Nội			5,5		6					
1174	K	11174	Đinh Thị Linh		1992	Hải Dương	Công ty cổ phần phát triển và kinh doanh bất động sản WIT VND										
1175	K	11175	Đoàn Thị Thủy Linh		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kie Loan và đào tạo Viet Nam						1,5				
1176	C	11176	Đỗ Ngọc Phương Linh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Công nghệ thông tin Nhật Bản										
1177	H	11177	Đỗ Thị Linh		1990	Bắc Giang	C/CTP Dược phẩm Tân Phương				3						
1178	K	11178	Đỗ Thị Linh		1997	Hải Dương	Nghân hàng TMCP Quốc Dân		4	5							
1179	K	11179	Đỗ Thị Thủy Linh		1989	Bắc Ninh	Công ty TNHH VS CMK		1,5	6			4,5	2			
1180	H	11180	Đỗ Thị Thủy Linh		1993	Hà Nội	Công ty CP Truong Binh Minh				6						
1181	K	11181	Đỗ Việt Linh	1994		Đông Hà	Công ty CP thành toán G		6		3,5		5				
1182	K	11182	Hà Thị Thủy Linh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn Kien Loan S&S			8	7			6,5			
1183	H	11183	Hà Thị Linh		1992	Nam Định	Công ty TNHH Bham my và nhà khoa Miao o	6,5	6	8	5,5						
1184	K	11184	Hương Diệu Linh		1995	Thái Nguyên	Công ty CP Thương mại & Dịch vụ Medilace Group										
1185	P	11185	Hương Diệu Linh		1996		C/ty TNHH BNM Viet Nam										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngành ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1186	C	11186	Hoàng Đức Linh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch vụ Xuất khẩu Thanh Công					6.5	5	6.5		
1187	K	11187	Hoàng Khánh Linh		1986	Hà Nội	Vụ Quản lý & Bảo ban chứng khoán - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước		5.5	5	7.5	7.5	5	6.5		
1188	H	11188	Hoàng Thị Thuý Linh		1988	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn miền núi		1.5	5	2					
1189	K	11189	Hồ Thị Khánh Linh		1998	Hà Tĩnh	Công ty Sản xuất hàng Việt Nam - chủ nhân Bắc Ninh									
1190	K	11190	Hồ Thị Thuý Linh		1999	Nghe An	Công ty TNHH Hàng Kiem toan AASC	8	7.5	8.5	8	6.5	4.5	5		
1191	K	11191	Khánh Thị Linh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan CPA VIE INAM	7		7.5	2.5	5	1	3.5		
1192	K	11192	Lê Đức Linh		1998	Nam Định	Công ty TNHH Hàng Kiem toan AASC	5.5	5.5		5		4			
1193	H	11193	Lê Ngọc Linh		1986	Yên Bái	Công ty CP KỸ THUẬT SIGMA		8		5					
1194	K	11194	Lê Phương Linh		1998	Hà Nội	Công ty CP Quản lý đầu tư quốc tế	7	6.5							
1195	K	11195	Lê Thị Linh		1996	Nghe An	Công ty TNHH Kiem toan Nhau Lam Viet Chu nhân tại Hà Nội		7		5.5		6	3.5		
1196	K	11196	Lê Thị Linh		1998	Bắc Giang	Công ty TNHH Kiem toan FVC - CN FVC Hà Nội		4		6	7	5	6.5		
1197	K	11197	Lê Thị Khánh Linh		1996	Hưng Yên	Khác				5.5					
1198	H	11198	Lê Thị Thuý Linh		1997	Nghe An	Công ty TNHH TOTO Viet Nam									
1199	H	11199	Lương Đức Linh		1994	Thái Bình	Công ty TNHH AARON Viet Nam									
1200	K	11200	Lương Khánh Linh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiem toan và Nhân định giá Viet Nam	5.5	3.5	5.5	3.5	5.5	4	3		
1201	K	11201	Lưu Khánh Linh		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Công nghệ Huawei Viet Nam	6.5	7	6.5						
1202	H	11202	Lưu Đức Linh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Panasonic Viet Nam	5.5	5	5.5	1.5					
1203	H	11203	Mai Thị Thuý Linh		1992	Nam Định	Công ty TNHH tư vấn và tư vấn hàng SS				6					
1204	H	11204	Ngô Thị Hoàng Linh		1992	Thái Bình	Công ty TNHH tư vấn và tư vấn hàng SS		8		5.5					
1205	H	11205	Nguyễn Đức Linh		1998	Thái Nguyên	Niên hàng MCTP Sài Gòn Hà Nội	6	1.5	3						
1206	K	11206	Nguyễn Đức Linh		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Hàng Kiem toan AASC									
1207	K	11207	Nguyễn Hà Linh		1992	Nam Định	Công ty có phân kinh doanh F88		6							
1208	K	11208	Nguyễn Hoa Linh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan và tư vấn đầu tư Hàng Công		5		3.5					
1209	K	11209	Nguyễn Ngọc Linh		1997	Nam Định	Công ty TNHH Happy Law		4.5							
1210	H	11210	Nguyễn Thảo Linh		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH KI TOÁN VÀ TƯ VẤN SHOL	5.5	4	5	2.5					
1211	H	11211	Nguyễn Thị Linh		1988	Nghe An	Công ty TNHH LMDY tư vấn Sài Gòn F&X		4.5	4	3.5					
1212	C	11212	Nguyễn Thị Linh		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Hyundai Don Vna					8.5	5	5.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh		Tiếng Trung		
1213	H	11213	Nguyễn Thị Linh		1993	Ninh Bình	Công ty TNHH sản xuất và kinh trúc Morning star											
1214	H	11214	Nguyễn Thị Linh		1997	Thái Bình	CT TNHH KSH GIỚI VI			4								
1215	K	11215	Nguyễn Thị Linh		1998	Bắc Giang	Công ty Cổ phần Vnpedal		4.5		3.5							
1216	H	11216	Nguyễn Thị Linh		1999	Nghe An	CTY TNHH DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP VÀ VẬT NAM				3							
1217	H	11217	Nguyễn Thị Diệu Linh		1997	Nam Định	CT TNHH NKK IT50 Việt Nam		6.5									
1218	K	11218	Nguyễn Thị Diệu Linh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo và Định giá VIC			5.5								
1219	H	11219	Nguyễn Thị Mai Linh		1983	Hà Nội	CTY NANO DAI KHI VI C C	7		7	2.5							
1220	H	11220	Nguyễn Thị Mai Linh		1999	Thanh Hóa	SHIMCITYNANO HAI VIỆT NAM	8	4.5	5	3							
1221	K	11221	Nguyễn Thị Ngọc Linh		1995	Quảng Bình	Công ty TNHH Trust& Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội											
1222	H	11222	Nguyễn Thị Thảo Linh		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và sản Dục Việt CN Miền Bắc											
1223	H	11223	Nguyễn Thùy Linh		1997	Lào Cai	Công ty TNHH Rishdan Precision	7.5			5.5							
1224	H	11224	Nguyễn Thùy Linh		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH VAC TECHNOLOGIES VIỆT NAM	6	6.5	6.5								
1225	H	11225	Nguyễn Văn Linh		1989	Thanh Hóa	Công ty cổ phần Iwexida											
1226	H	11226	Phạm Khánh Linh		1996	Nghe An	Chi nhánh Công ty TNHH Forces Muzans Việt Nam tại Hà Nội	5.5	5	6								
1227	K	11227	Phạm Ngọc Linh		1999	Phu Thọ	Công ty Cổ phần Hà Thành oto	6.5		6	6.5	6	6	6	9			
1228	K	11228	Phạm Ngọc Hoàng Linh	1998		Yên Bái	Công ty Cổ phần Dao từ Lap doan Lan A Dao Thanh			2.5			6	2	7.5			
1229	H	11229	Phạm Nhật Linh		1997	Hải Dương	CN Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam tại Hưng Yên				1							
1230	H	11230	Phạm Thị Linh		1996	Thái Bình	CTY TNHH B C E VIỆT NAM											
1231	H	11231	Phạm Thị Hoa Linh		1997	Hà Nội	CTCP Nguyễn siêu và phát triển Fabro	7										
1232	H	11232	Phạm Thị Khánh Linh		1998	Hà Tĩnh	CT TNHH Lư Giang											
1233	K	11233	Phạm Thị Thu Linh		1998	Thái Bình		5.5	1	3.5	2	5	0.5	3.5				
1234	K	11234	Phạm Khánh Linh		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo và VASC					8	4.5	5.5				
1235	H	11235	Phạm Thụy Linh		1987	Ninh Bình	CT TNHH DỊCH VỤ COHESANT VIỆT NAM			6	3							
1236	K	11236	Trang Thị Khánh Linh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và VACC	3.5					6	5.5				
1237	K	11237	Trần Diệu Linh		1999	Hà Nội	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn ACC tại Hà Nội											
1238	K	11238	Trần Thuỳ Linh		1996	Hải Phòng	Nha sạch liền liền	5		4				4.5				
1239	K	11239	Trần Khánh Linh		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)		2	3	4	5.5	2.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thước VOL TCNC	Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1240	H	11240	Trần Khắc Linh	1990		Hà Tĩnh	Công ty TNHH TM và XD tổng hợp Hoàng Dương	5.5	4	6.5	3.5					
1241	H	11241	Trần Nhật Linh		1993	Bắc Giang	Công ty TNHH Kien toan va tư vấn VSA									
1242	H	11242	Trần Thị Linh		1992	Nghe An	CTY CP THH T HAY LE PC G			5	5					
1243	H	11243	Trần Thị Mỹ Linh		1998	Thái Bình	CTY CP LẬP ĐOÀN HOANG MINH	6.5	5.5	6						
1244	K	11244	Trần Thị Phương Linh		1996	Nam Định	Công ty TNHH Quản lý tư và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	4.5	7	7.5			5			
1245	H	11245	Trần Thị Thùy Linh		1999	Thái Bình	CTY TNHH SÀI MIA SITI			5						
1246	K	11246	Trần Mỹ Linh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kien toan TTP	7		5.5	2					
1247	H	11247	Trần Thị Linh		1995	Hải Dương	Công ty cổ phần tôn thép Việt Nam		7	6.5	4					
1248	K	11248	Lương Thị Linh		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Kien toan An Việt - CN Hải Phòng				2					
1249	K	11249	Lương Thị Thùy Linh		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam			5.5	5	7		7		
1250	K	11250	Lưu Huyền Linh		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MVI	7	5.5		2					
1251	H	11251	Vũ Hải Linh		1994	Đà Nẵng	Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Vạn Phúc		5	7	6					
1252	H	11252	Vũ Khanh Linh		1999	Vĩnh Phúc	CN Vĩnh Phúc Công ty CP PPI									
1253	H	11253	Vũ Thị Linh		1988	Nam Định	CT TNHH Dịch vụ và Thương mại Nhật An			5.5	4					
1254	K	11254	Vũ Thị Khanh Linh		1995	Hà Nam	Công ty Cổ phần Traphaco				5.5	5.5		6		
1255	K	11255	Vũ Thị Ngọc Linh		1990	Hưng Yên	Công ty CP Phát triển và Đầu tư xây dựng Vicoms	7.5			1.5			6		
1256	K	11256	Vương Mỹ Linh		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Một thành viên Tok Experts	5	3.5	7	7.5	7.5	6.5	9		
1257	H	11257	Hoàng Thị Loan		1994	Hà Nội	CTY CP KIM LOVI HAN MIB		3.5	3						
1258	H	11258	Lê Thị Loan		1988	Thanh Hóa	Công ty CP TM và SX Phát Lộc	5.5			3					
1259	H	11259	Lý Thị Loan		1992	Hải Dương	Công ty CP hàng không Hải Âu			6.5						
1260	H	11260	Mar Thanh Loan		1996	Thanh Hóa	CT TNHH Tư vấn LS Việt Nam			7.5	5					
1261	K	11261	Nguyễn Thị Loan		1986	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kien toan va dinh gia Ha Thanh							6		
1262	H	11262	Nguyễn Thị Loan		1987	Hà Nam	CT TNHH Tư vấn và Kế toán Viet MC - Chi nhánh Hưng Yên	6	4	6.5	5					
1263	H	11263	Nguyễn Thị Loan		1990	Hải Dương	Công ty TNHH Believe zone	8	5.5							
1264	K	11264	Trần Thị Loan		1985	Nam Định	Công ty TNHH Kien toan va Tư vấn KSM Việt Nam - CN Hà Nội		6					5		
1265	K	11265	Trần Thị Phương Loan		1999	Nam Định	Công ty TNHH Invest & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5	7	5	2.5	5	3	8.5		
1266	H	11266	Đào Thị Long		1987	Nghe An	Công ty CP Kien khĩ và gia dụng Loan A Đại thành	6.5	2.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC		Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ		
											Tiếng Anh	Tiếng Trung					
1267	K	11267	Đặng Hoàng Long	1999		Nghệ An	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	4.5	8	7.5	6	7.5	5	8			
1268	H	11268	Khuông Hoàng Long	1995		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT	4		3	2						
1269	K	11269	Lê Hải Long	1997		Phù Thọ	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		8.5								
1270	K	11270	Mai Lan Long	1993		Thanh Hóa	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán WCA Việt Nam		0	3.5	2.5			3.5			
1271	K	11271	Nguyễn Thanh Long	1994		Hà Nội	Công ty CP tập đoàn VHDQ Đạp										
1272	K	11272	Quách Minh Hoàng Long	1992		Hà Nội	Công ty bảo hiểm Liên Hiệp		4.5		2.5		4				
1273	H	11273	Nguyễn Thu Lộc		1985	Bắc Ninh	Công ty TNHH Haidor Electronics		3	5							
1274	H	11274	Đoàn Thu Lộc		1990	Thanh Hóa	Công ty CP dân tư sủa dựng và phát triển dự án số 3 Quảng Ninh		0	2.5							
1275	K	11275	Nguyễn Đức Lộc	1997		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô	6.5	5	7	7	5	5.5	7.5			
1276	H	11276	Nguyễn Phước Lộc	1992		Phù Thọ	Công ty CP sản xuất và kinh Doanh Ymbasi										
1277	C	11277	Nguyễn Thu Lộc		1981	Hà Nội	Công ty TNHH INC - Connect					8	5	5.5			
1278	C	11278	Đỗ Thu Nga		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH J&C Joel Việt Nam					5	5	6			
1279	K	11279	Đặng Văn Nga	1998		Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MICRO-ABC	6	4	6	1.5	5	6				
1280	K	11280	Lê Thế Nga	1994		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh Hà Nội		3	5	5.5	6.5	3				
1281	K	11281	Lê Tiến Đạt	1996		Bắc Giang	Công ty Cổ phần PPT							5.5			
1282	K	11282	Đào Thu Lộc		1998	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán APS							8			
1283	H	11283	Hoàng Thu Thanh Lộc		1989	Hà Bình	C/ TCP D1 XD TM Thanh Sơn HDN	7.5	7								
1284	H	11284	Lê Thu Lộc		1992	Hà Nội	Công ty TNHH hợp tác phát triển Sunny International		5								
1285	K	11285	Vu Thu Lộc		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán DTK VN		6		3	5.5	6	6.5			
1286	H	11286	Nguyễn Thu Lộc		1984	Hà Nội	Công ty CP Tập đoàn Việt Mountain										
1287	H	11287	Lê Phương Lộc	1982		Nghệ An	C/ TCP VII VDI	6.5		5	3						
1288	K	11288	Ngô Tiến Lộc	1998		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	3.5	4			7	4				
1289	H	11289	Nguyễn Thị Ngọc Lương		1985	Hải Dương	Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp bình minh										
1290	H	11290	Lê Bảo Lưu	1981		Hà Nam	C/ T. TNHH tư vấn quản trị Lati										
1291	C	11291	Lương Thu Lưu		1983	Nam Định	Công ty CP Tập đoàn TKI										
1292	H	11292	Nguyễn Thu Lưu		1981	Hải Dương	C/ TCP Phương cách Âu Châu	5	7	6	5.5						
1293	K	11293	Phạm Thu Lưu		1986	Hải Dương	Công ty Cổ phần Funnus						6	5.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1294	P	11294	Chau Thu Khanh Ly		1998		Công ty TNHH Ernst & Young - Chi nhánh Hà Nội			6								
1295	H	11295	Chau Thuy Ly		1991		Công ty Cổ phần Quan ly và Phát triển Bất Động Sản M Homes Holdings			5.5	4							
1296	H	11296	Dương Hương Ly		1993		CTY TNHH IM&DY KỸ THUẬT VINATECH	5.5	2	6	1.5							
1297	H	11297	Đào Hải Ly		1996		CTY CP CH NG KHOAN EVEREST		6.5	6.5								
1298	H	11298	Đỗ Thị Hương Ly		1998		Công ty CP Kaopir Holdings			5	6							
1299	H	11299	Đỗ Thị Mai Ly		1990		Công ty TNHH LMS Vina			7.5	6.5							
1300	K	11300	Kiều Phương Ly		1995		Công ty CP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	5.5		4.5	3							
1301	K	11301	Lê Thị Ly		1999		Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)			6	2.5	5			5		5	
1302	H	11302	Ngô Hồng Ly		1991		Hai Dương CTY TNHH ĐẤT LÚC PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HẠ LONG	4	3	6	3.5							
1303	H	11303	Nguyễn Cẩm Ly		1986		Tổ chức Tài chính vi mô TNHH MTV Tinh thượng (TYM)				4							
1304	H	11304	Nguyễn Khanh Ly		1998		Công ty TNHH DV Kế toán và tư vấn thuế Tín Phát	7.5										
1305	K	11305	Nguyễn Thị Ly		1991		Công ty CP Dầu từ Xanh dương Greens	5.5	6						4	1.5		
1306	K	11306	Nguyễn Thị Ly		1997		Công ty CP Hạ tầng viễn thông CNC				2.5							
1307	K	11307	Nguyễn Thị Hương Ly		1999		Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	4	2.5	4	1.5	7.5	1		7.5			
1308	H	11308	Nguyễn Thị Lưu Ly		1996		CT TNHH tư vấn quản trị T&P I		3	5	4							
1309	K	11309	Nguyễn Thụy Ly		1995		Công ty TNHH Sugho Việt Nam			7.5	4							
1310	K	11310	Trần Khanh Ly		1997		Ngân hàng TMCP Lọc Dầu Việt Nam	6	3.5	6	5.5		5					
1311	K	11311	Trần Thị Hương Ly		1999		Công ty TNHH Hàng Kien toàn AASC	5.5	8.5	6.5	5.5	7	7		7			
1312	H	11312	Hoàng Thị Ly		1993						7							
1313	K	11313	Kiều Thị Ly		1986		Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam		6.5				6		5.5			
1314	K	11314	Lê Thị Ly		1995		Công ty TNHH Tư vấn Kế toán Thuế Shanghai	7.5	1	4	3	6	2.5		2			
1315	H	11315	Nguyễn Thị Ly		1989		Công ty Cổ Phần Kế toán TOK.ADO		5									
1316	K	11316	Nguyễn Thị Thu Ly		1997		Công ty Cổ phần Megabiz Việt Nam	6	5	6.5	5	6	5		6.5			
1317	H	11317	Phạm Thị Minh Ly		1993		Công ty CP tư vấn JACA	7.5	5.5	8	2.5							
1318	C	11318	Phạm Thị Ly		1996		Công ty CP Tư vấn giám sát Lenvi					7.5	8.5					
1319	H	11319	Trần Thị Ly		1989		Công ty CP Quốc tế World star											
1320	H	11320	Trần Thị Ly		1998		Công ty TNHH DAYCOO ENGINEERING&C Construction Viet Nam											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1321	H	11321	Bui Hong Mai		1988	Hà Dương	CT TNHH Dairly thực phẩm Tương Linh	5		5.5	0.5							
1322	K	11322	Bui Phương Mai		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiem toan VASC	6.5				7.5	4					
1323	H	11323	Dang Phương Mai		1976	Hà Nội	Công ty TNHH Bao Bì HAROBI			7	4							
1324	H	11324	Dang Thu Mai		1991	Ninh Bình	CT TNHH Hoa dung Vin Viet Song Hong	8		5.5								
1325	K	11325	Dang Thu Tuyet Mai		1993	Nam Định	Công ty Cổ phần ông dòng loan Phat	7.5				8	5	6				
1326	K	11326	Doan Thu Mai		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kiem toan BDO	8.5		6.5								
1327	H	11327	Doan Thu Thanh Mai		1987	Thái Bình	CTCP Tư vấn Doanh nghiệp và kinh doanh tổng hợp Hương Phanh		6.5	5								
1328	K	11328	Đỗ Quỳnh Mai		1994	Hà Dương	Công ty TNHH L audon Diamonds Viet Nam	7	7	6	5			-				
1329	K	11329	Hoang Thu Mai		1998	Nghe An	Công ty TNHH Kiem toan tư vấn H A		0.5	3	2			3.5				
1330	H	11330	Lê Thu Tuyet Mai		1993	Vĩnh Phúc	Công ty CP Chung thuan ky thuong	7.5	4									
1331	H	11331	Nguyen Ngoc Mai		1993	Hưng Yên	CT TNHH Audience Serv	8.5	4	6.5	3.5							
1332	K	11332	Nguyen Thu Mai		1990	Thanh Hóa	Công ty CP phát triển chăn nuôi Hà Phat		3	4				4				
1333	H	11333	Nguyen Thu Mai		1990	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Dam me Kie toan Viet	7	1	3	1.5							
1334	C	11334	Nguyen Thu Mai		1995	Thái Bình	Công ty CP Đầu tư thương mại Bạch Lương Phat					4.5	6.5	5				
1335	H	11335	Nguyen Thu Mai		1995	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH CIDI Vinh Phuc	8.5										
1336	K	11336	Nguyen Thu Hoa Mai		1993	Hà Nội								3.5				
1337	H	11337	Nguyen Thi Hương Mai		1985	Nghe An	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại I qsons											
1338	H	11338	Nguyen Thi Ngoc Mai		1992	Hà Phòng	Công ty TNHH tư vấn thực phẩm Phuong	7			4							
1339	H	11339	Pham Quynh Mai		1997	Hà Dương	CN CTY TNHH ACCOIT NING SIKRYCTSI NINH DAI TP HCM		5.5		0.5							
1340	K	11340	Pham Thu Mai		1999	Nam Định	Công ty TNHH Croose Viet Nam		4.5	6	5	7.5	5	7				
1341	K	11341	Pham Thu Sao Mai		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiem toan và Dinh gia Hà Nội			5		3		5				
1342	H	11342	Phuong Thi Ngoc Mai		1982	Hà Nội	Công ty TNHH IM Ideal Pack VN			6	5							
1343	H	11343	Phuong Thi Tuyet Mai		1995	Nam Định	145 Ba Looz HBI LTN											
1344	H	11344	Phuu Quynh Mai		1990	Phu Thọ	CT TNHH ISI MAGNETIC NEW MATERIALS VIE NAM	7.5	4	6	5.5							
1345	K	11345	Loan Thu Ngoc Mai		1997	Quảng Bình		7						5				
1346	H	11346	Loan Xuan Mai		1995	Nam Định	Công ty Cổ phần lập đoàn Hoa Phat		4		5							
1347	K	11347	Loan Thu Ngoc Mai		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH SCS Media	7.5	4	5.5	3.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ	
															Tiếng Anh	Tiếng Trung
1438	K	111438	Trương Thị Ngọc Mai		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến toán và Định giá Việt Nam		5.5	6.5	5.5		5			
1439	H	111439	Vu Thị Miao		1990	Hải Dương	Công ty TNHH đầu tư SMC Việt Nam	6	6.5	6	6.5					
1490	H	111490	Vu Thị Ngọc Mai		1995	Quảng Ninh	Công ty TNHH Dịch vụ thực Công I nh		4	5						
1451	H	111451	Ngô Đăng Mạnh		1988	Hải Phòng	Công ty TNHH Đầu tư thương mại Venus	7	2.5	5	1					
1452	K	111452	Vũ Đức Mạnh	1998		Hưng Yên	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến toán và tư vấn ACC tại Hà Nội	3	5.5	3.5	5	7	3	4.5		
1453	H	111453	Nguyễn Thị Miao		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Sản xuất thương mại LC			6						
1454	H	111454	Lưu Thị Miao		1990	Nam Định	CTI TNHH Tư vấn giải pháp doanh nghiệp Backoffice									
1455	K	111455	Nguyễn Thị Miao		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn - Kiến toán S&S			5	3.5	7.5	6	5.5		
1456	H	111456	Vu Thị Miao		1992	Nam Định	CTCP Xuất nhập khẩu Minh Lam	9	7							
1457	H	111457	Bùi Thị Miao		1997	Hải Dương	Công ty CP đầu tư giáo dục Việt Mỹ				2.5					
1458	H	111458	Lưu Thị Miao		1986	Đà Nẵng	CTI TNHH Công nghệ gia đình		3	5	2.5					
1459	H	111459	Nguyễn Thị Miao		1986	Hải Dương	Công ty CP Thương mại và công nghệ thực phẩm Hoàng Liên		5							
1460	H	111460	Vũ Thị Miao		1985	Hải Phòng	CTY TNHH CO NHIRK		5.5	3.5						
1461	H	111461	Vũ Thị Miao		1987	Đà Nẵng	CTY TNHH GREEN YELLOW VIỆT NAM		6.5		5.5					
1462	H	111462	Nguyễn Thị Miao		1985	Hải Dương	CTCP Khai thác khoáng sản Hải Đăng	6.5	5.5	5						
1463	H	111463	Bùi Hồng Minh	1989		Hải Phòng	Công ty TNHH AIC Việt Nam	6.5		2						
1464	K	111464	Đặng Anh Minh	1989		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiến toán Dịch vụ Đại Dương									
1465	H	111465	Đặng Thị Ngọc Minh		1982	Nam Định	Công ty CP đầu tư công nghệ và thương mại Softdreams		6	6	5					
1466	H	111466	Hoàng Lê Minh	1988		Thừa Thiên Huế	CTI TNHH EAC	6			8					
1467	H	111467	Hoàng Xuân Minh	1995		Thừa Thiên	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		6	6.5	2					
1468	K	111468	Nguyễn Đức Nhật Minh	1996		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiến toán CITY	9		4			6.5			
1469	H	111469	Nguyễn Hồng Minh		1987	Đà Nẵng	IRL NG LAM KINH DOANH VÀ PTL AOC VI	5.5	5	5.5	5					
1470	H	111470	Nguyễn Thanh Minh		1988	Hải Dương	CN CTY TNHH OTO NGONIS KO VIỆT NAM									
1471	H	111471	Nguyễn Đại Long Minh		1985	Bắc Giang	CTI TNHH More Korea		6		5					
1472	H	111472	Nguyễn Đại Long Minh		1987	Hà Nội	CTI TNHH Xây dựng và thương mại Thanh công	5		5						
1473	K	111473	Nguyễn Đại Thanh Minh		1988	Hải Phòng	Công ty TNHH Polatum									
1474	K	111474	Nguyễn Văn Minh	1983		Thừa Thiên	Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị NHDI3	5				2.5	3	1.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1375	K	11375	Phạm Thanh Minh		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo EVI	6.5		5	3.5			6		
1376	II	11376	Phạm Thu Minh		1987	Hưng Yên	CTY TNHH DẠC TẾ XÂY DỰNG NIDP		1	4						
1377	II	11377	Phạm Thu Ngọc Minh		1983	Thái Bình	Công ty Cổ phần phát triển Technology									
1378	II	11378	Phạm Văn Minh		1988	Ninh Bình	CTCP Hàng tiêu dùng MASA VN	6.5		2						
1379	K	11379	Lương Lưu Minh		1998	Hải Dương	Công ty TNHH Kiến tạo An (Việt Nam - CN) Hải Dương	6.5	0.5	4	1.5		1.5	1.5	2.5	
1380	II	11380	Lưu Hoàng Minh		1989	Quảng Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và kinh doanh VSCC	3			1					
1381	K	11381	Lưu Tuấn Minh		1998	Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo Delonic Việt Nam	5	3.5	5	3.5	5	2	5		
1382	K	11382	Lưu Công Minh		1998	Hải Dương	Khac		5.5	5	6	7.5	6.5	4		
1383	II	11383	Lưu Ngọc Minh		1999	Thanh Hóa	CT TNHH Kiến tạo T - Hưng tại Hà Nội	5.5		6	2.5					
1384	II	11384	Lương Hoàng Diệu Minh		1993	Hà Nội	Công ty Cổ Phần CODY tea		3.5	6.5						
1385	II	11385	Đoàn Thu Hồng Mơ		1987	Hưng Yên	CTCP Thương mại tư và xây dựng Đông Lâm	4		5	3.5					
1386	II	11386	Nguyễn Thu Nữ		1996	Hà Nội	Chi nhánh công ty CP T - Global tại Hà Nội		3.5							
1387	II	11387	Vương Thu Ngọc		1982	Thanh Hóa	CT TNHH Xây dựng và thương mại Phan Già			4.5	5					
1388	II	11388	Đào Thu Mừng		1990	Thái Bình	Công ty TNHH DV Thương Hành			5.5						
1389	II	11389	Đường Thu Huyền Mỹ		1999	Hưng Yên	CTY CP DẠC TẾ XÂY DỰNG THU Y DẠC BOKO			4	3.5					
1390	K	11390	Ngô Bảo Mỹ		1999	Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo AASC	5	1	4.5				5		
1391	P	11391	Nguyễn Đặng Hà Mỹ		2000		Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam			3.5						
1392	II	11392	Nguyễn Hà Mỹ		1998	Hà Nội	Công ty cổ phần cung ứng nhân lực toàn cầu			7	5					
1393	P	11393	Nguyễn Ngọc Hà Mỹ		1996		Ko Chai Fashion and Cosmetic Co Ltd (AGFC)			5						
1394	II	11394	Nguyễn Thu Mỹ		1990	Bắc Ninh	CT TNHH AMPHI NOI JET (VN) NHICONNECT TECHNOLOGY	5.5	3							
1395	II	11395	Nguyễn Hà Mỹ		1997	Hà Nội	Lưu do	8	7.5		7.5					
1396	II	11396	Phạm Thu Hà Mỹ		1999	Thái Bình	CT TNHH Tư vấn Dac Ha									
1397	K	11397	Phạm Thu Hà Mỹ		1998	Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn Sando Việt Nam		2.5			6.5		7		
1398	II	11398	Phùng Hà Mỹ		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Ngọc Thiện		8	5.5						
1399	II	11399	Lê Thu Mỹ		1995	Phu Thọ	Công ty TNHH Quan li và dịch vụ KDI Nam Cường									
1400	II	11400	Bùi Thu Mỹ		1999	Nam Định	Công ty TNHH E-global									
1401	II	11401	Nguyễn Thu Mỹ		1988	Hà Tĩnh	CTCP Thương mại Lân Lân	5.5	5.5	6	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1402	11	11402	Le Hoàng Na	1986		Nghệ An	Công ty TNHH Kiểm toán SC'S Global			4							
1403	K	11403	Nguyễn Thị Na	1997		Nghệ An			3.5	5	5	5					
1404	11	11404	Đặng Thị Nại	1983		Hải Dương	C TY TNHH L Y H CH VIN A		3.5	5.5							
1405	K	11405	Dương Văn Nam	1999		Bắc Giang	Công ty TNHH Hàng không toàn VASC	4.5	5	1.5					5.5		
1406	K	11406	Đào Văn Nam	1997		Bắc Bình	Công ty TNHH Hàng không toàn VASC	6		5.5	5						
1407	K	11407	Le Hoài Nam	1995		Hà Tĩnh	Lĩnh Công ty Bưu điện Việt Nam	4.5		3.5	3.5	3.5			5		
1408	11	11408	Nguyễn Hải Nam	1993		Hưng Yên	C TY TNHH Kiểm toán và tư vấn T V C			8.5		7					
1409	K	11409	Liên Đức Nam	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng không toàn VASC	4	3.5	5	5	5	6	4	1.5		
1410	11	11410	Liên Hoàn Nam	1993		Hà Nội	Công ty TNHH Viet air Services Group										
1411	K	11411	Liên Ngọc Nam	1994		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Đông-A	4.5	5.5	7.5	5	5	6.5	5	8.5		
1412	11	11412	Liên Thế Nam	1991		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH IMDY và du lịch Hà Ngọc		6	7.5							
1413	11	11413	Lương Thị Nam	1998		Hà Nội	C TY TNHH AC(GOIRAM) I	6.5	4								
1414	K	11414	Vũ Khánh Nam	1997		Hà Nội	BRG	7.5		5	5.5						
1415	K	11415	Nguyễn Thị Đỗ Nam	1998		Hà Nội	Công ty TNHH Hàng không toàn và Dịch vụ AIC	7.5	4		5						
1416	11	11416	Chào Xuân Nào	1993		Lào Cai	Công ty CP tư vấn và giám sát công trình xây dựng Phac		4	7	5			5			
1417	K	11417	Bùi Phương Nga	1999		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán H Sơn Việt Nam	6	0	4	3			2	7.5		
1418	K	11418	Bùi Thu Quỳnh Nga	1997		Yên Bái		8.5			5						
1419	K	11419	Thư Thị Nga	1991		Bắc Giang	Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ A C Hào		7.5	7.5			7.5	8.5			
1420	K	11420	Dương Thị Nga	1994		Hà Nội	Công ty TNHH Phát triển Thương Việt										
1421	K	11421	Dương Thị Thảo Nga	1992		Nam Định	Công ty TNHH MUY Lock experts	7			4			5	8.5		
1422	K	11422	Đặng Thị Ngọc Nga	1994		Nam Định	Công ty TNHH Quan tri doanh nghiệp C'N			5	3						
1423	11	11423	Đinh Thị Huệ Nga	1983		Bắc Ninh	Công ty Cổ phần S C D I G R O L P										
1424	11	11424	Đoàn Thị Nga	1987		Ninh Bình	Công ty cổ phần chính xác Kinh lương										
1425	11	11425	Đỗ Thị Thanh Nga	1998		Hải Nguyễn	C TY TNHH Blockchasey Việt Nam	6	0.5	5.5	4						
1426	K	11426	Hoàng Lê Nga	1992		Yên Bái	Công ty CP Onoff		4		3.5						
1427	K	11427	Hoàng Thị Nga	1998		Nghệ An	Khác										
1428	11	11428	Hồ Thị Nga	1981		Thanh Hóa	C TY CP V và T NAM SI NRGY										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1429	H	11429	Kiến Hu Nga		1992	Hu Nôi	CITY INHH Viet NAM POLY SECT001	5 5	6									
1430	H	11430	Le Phuong Nga		1997	Hu Duong	Cong ty Co phan SmartDSC	6 5			5							
1431	H	11431	Le Hu Nga		1995	Hu Nôi	Cong ty INHH Dich vu tư van Vophu	9		6 5								
1432	H	11432	Le Hu Hong Nga		1993	Thanh Hoa	Cong ty INHH cung nghe thong minh VSS V ABI OY Viet Nam			4	1 5							
1433	H	11433	Le Hu Hong Nga		1993	Thanh Hoa	C ICP No named Viet Nam		6		5							
1434	H	11434	Nguyen Thanh Nga		1983	Hu Nôi	Cong ty INHH dich vu tư van H AS Viet Nam											
1435	H	11435	Nguyen Thanh Nga		1986	Hu Duong	Cong ty INHH QI Duoc Bao Chu											
1436	K	11436	Nguyen Hu Nga		1984	Nam Dinh	Cong ty INHH tư van - Kiem toan SKS											
1437	H	11437	Nguyen Hu Nga		1985	Bac Ninh	C I INHH Dark thuc Binh An	6 5	4	4	3 5							
1438	H	11438	Nguyen Hu Nga		1991	Hung Yen	C ICP Dich vu va ban tie SNB	9		8								
1439	K	11439	Nguyen Hu Hang Nga		1998	Hu Phong	Cong ty INHH Kiem toan & Tư van KSM Chin nhap Hu Nôi						4					
1440	H	11440	Nguyen Hu Phuong Nga		1998	Hu Phong	Cong ty INHH Quan tri DN HCM Viet Nam			8 5								
1441	K	11441	Nguyen Thi Quynh Nga		1998	Thai Binh	Cong ty INHH kinh doanh va Công nghệ ALAMA Viet Nam	6	3	6	0 5							
1442	K	11442	Nguyen Hu Thanh Nga		1979	Hu Phong	Cong ty INHH Kiem toan & Tư van KSM Viet Nam Chin nhap Hu Nôi	6 5	0 5	6	5 5	2	0 5	2 5				
1443	C	11443	Nguyen Hu Thu Nga		1980	Hu Nôi	Long Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Viet Nam					7	7 5	8				
1444	H	11444	Nguyen Hu Thuy Nga		1995	Bac Ninh	CNCT INHH Kiem toan va Dinh gia Huong Long - TDK - Khu vuc nuoc Bac	7 5	5 5	6 5	5							
1445	K	11445	Nguyen Hu Xuan Nga		1997	Thai Binh	Cong ty INHH Kiem toan va tư van Sando Viet Nam		6 5	6								
1446	C	11446	Phan Hu Nga		1992	Nam Dinh	Cong ty INHH san xuất dịch vụ và Thương mại An Lam							6				
1447	K	11447	Phan Hu Phuong Nga		1995	Hu Duong	Khac	7	5	5	6							
1448	H	11448	Phan Hu Quynh Nga		1999	Hu Duong	CITY PGXHH IT PHIR Pacific tai hu Nôi	6										
1449	H	11449	Phan Hu Nga		1998	Nghe An	Cong ty INHH I-glocal	7	3 5	6 5	3 5							
1450	H	11450	Phu Quynh Nga		1993	Hu Nôi	Cong ty CP DY da thuc va tư van dao tạo Lam Viet	5	1 5	6	3							
1451	K	11451	Phan Hu Nga		1998	Thanh Hoa	Cong ty INHH Hang Kiem toan A VSC								5 5			
1452	C	11452	Phan Thuy Nga		1992	Quang Binh	Cong ty INHH Hyundai Movex Vina					6 5	6 5	7 5				
1453	H	11453	Dò Hu Nga		1988	Thanh Hoa	CITY CP/IN AIC A HPI	6	6 5	6	2 5							
1454	H	11454	Nguyen Hu Thuy Nga		1997	Hu Nôi	Cong ty INHH tư van Thuc Hu Nôi	7	2 5	3 5	4							
1455	H	11455	Phan Hu Nga		1995	Thanh Hoa	CITY INHH Medicaplus Lam Mau											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ		
															Tiếng Anh	Tiếng Trung	
1436	H	11436	Trần Thị Nga		1995	Hà Nam	Công ty CP DT và sản xuất CN BKM				3						
1437	K	11437	Trần Thị Nga		1998	Hà Nam	Công ty CP Lasso	6.5	1		4.5		2				
1438	C	11438	Nguyễn Thu Ngân		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH Ascent Bank										
1439	H	11439	Bùi Thị Ngân		1994	Hà Nội	CT TNHH M&S mức 1 của Việt Nam			4							
1460	K	11460	Bùi Thị Thanh Ngân		1999	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Huesdas Việt Nam	8	6	4	1.5	6	4.5	5			
1461	H	11461	Dan Thị Trang Ngân		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Megatech Việt Nam	7	7	6.5	4.5						
1462	H	11462	Dương Thị Ngân		1990	Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Xuân Hòa	8.5	5		5						
1463	H	11463	Đỗ Hồng Ngân		1994	Hà Nội	Công ty TNHH 1 nhà kiến trúc sư SHV (Việt Nam)			6.5	4						
1464	H	11464	Le Thị Ngân		1996	Thanh Hóa	Công ty cơ phân Techcon Việt Nam										
1465	H	11465	Le Thị Thu Ngân		1986	Hà Nội	Công ty TNHH phát triển thương mại tổng hợp Hà Nội										
1466	H	11466	Nguyễn Chinh Ngân		1991	Hà Nội	CTY CP C ASPR & V&E NVN	5.5	4		3						
1467	K	11467	Nguyễn Kim Ngân		1999	Ninh Bình		7.5	3.5	7	5	6.5	1	9			
1468	K	11468	Nguyễn Thị Ngân		1993	Hải Dương	Công ty TNHH Cherry Agency Việt Nam		0.5	6	2		5				
1469	K	11469	Nguyễn Thị Ngân		1996	Thanh Hóa	Công ty cơ phân dịch vụ thương mại tổng hợp Wincommerce	5.5		5	5		5				
1470	C	11470	Nguyễn Thu Ngân		1991	Hà Nội	Công ty CP TM và dịch vụ Hà Yu										
1471	H	11471	Phạm Thị Ngân		1996	Thanh Bình	Công ty CP TM và dịch vụ Hà Yu	8	5	6.5							
1472	H	11472	Phạm Thị Kim Ngân		1993	Nam Định	Công ty TNHH Bảo Tín TS			6.5	5						
1473	K	11473	Phạm Thị Thụy Ngân		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiem toán Quốc tế - Chu nhân Thanh Công							5			
1474	H	11474	Pho Thị Kim Ngân		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Global	5.5	5	6.5	5.5						
1475	H	11475	Trần Mai Ngân		1981	Hải Nguyên	Công ty TNHH Dịch vụ & Giáo dục New Zealand										
1476	H	11476	Trần Thị Kim Ngân		1986	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hà Nam	6.5		3.5							
1477	H	11477	Vũ Thị Kim Ngân		1993	Thanh Bình	Công ty TNHH xây dựng Điện Hà Nội										
1478	C	11478	Trương Thị Ngân		1993	Thanh Bình	Công ty TNHH Kiem toán HDI Việt Nam						7.5				
1479	K	11479	Bùi Thanh Hoàng Nghĩa		1998	Hải Nguyên	Công ty TNHH P&C (Việt Nam) - Chu nhân Hà Nội	6.5	5	5	3.5	6.5	5	9			
1480	H	11480	Bùi Quang Nghĩa		1993	Hà Nội	CT Sản xuất và cơ khí Nghi Phas	6.5	6.5	4	3.5						
1481	H	11481	Đào Thị Nghĩa		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Kế toán Vina - Chu nhân Hà Nội		5.5								
1482	P	11482	Hà Hoàng Nghĩa		1995		Công ty TNHH KPMG			5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1510	C	11510	Nguyễn Thị Bích Ngọc		1991	Hà Nội	Công ty TNHH điện tử Gainsan (Việt Nam)					7.5	6		7	
1511	K	11511	Nguyễn Thị Diệu Ngọc		1995	Ninh Bình	Công ty Cổ phần Tư vấn E.V Việt Nam	4.5	3.5	5	3	6.5	5		6.5	
1512	H	11512	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1997	Hải Dương	Công ty TNHH TM và XNK Nhài Lâm				0.5					
1513	H	11513	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1998	Thanh Hóa	Công ty CP quốc tế Vnech	6	5	5.5	2					
1514	K	11514	Nguyễn Thị Minh Ngọc		1993	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn S&MDO Việt Nam				5		0			
1515	K	11515	Nguyễn Thị Minh Ngọc		1999	Hải Dương		5.5	6	5.5	1.5	5.5	4	8.5		
1516	H	11516	Nguyễn Văn Ngọc	1988		Hải Dương	CT TNHH Dịch vụ Kế toán Hải Dương	4	3.5	5						
1517	H	11517	Nguyễn Xuân Ngọc	1990		Hà Tĩnh	Công ty TNHH TM & DV Thanh Công	6	3	6.5	4					
1518	H	11518	Nguyễn Văn Ngọc		1997	Hà Nội	CTCP Đầu tư và Tư vấn VBP		6	7.5	5					
1519	K	11519	Như Thị Mỹ Ngọc		1996	Hà Nam	Công ty Cổ phần phân phối Euro Auto Việt Nam									
1520	C	11520	Phạm Thị Ngọc		1992	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Dong - A									
1521	K	11521	Phạm Thị Minh Ngọc		1994	Nam Định	Lập đoàn BRG - Công ty CP			8	5.5					
1522	K	11522	Phạm Thị Ngọc		1993	Bắc Giang	Công ty CP Đầu tư và xây dựng và Thương mại Linh An		4				8.5			
1523	H	11523	Trần Thị Bích Ngọc		1981	Đà Nẵng	Công ty TNHH Vàng Phước Sơn		1	6						
1524	H	11524	Trần Thị Ngọc		1985	Bắc Ninh	Công ty TNHH nhà lương Fine Solar (Việt Nam)	5		3.5	2					
1525	H	11525	Vũ Hồng Ngọc		1995	Hà Nội	CT TNHH Medilux (Ấu già)		6.5		2.5					
1526	K	11526	Vũ Hồng Ngọc		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sông Thanh		4.5	7	5	8	5.5	6.5		
1527	K	11527	Vũ Minh Ngọc	1998		Hải Dương	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AAC				7	6.5	7.5			
1528	H	11528	Vũ Thị Ngọc		1986	Thanh Hóa	CT TNHH An Ninh An toàn thông tin (VIC	4.5	3.5	5	4					
1529	H	11529	Vũ Thị Ngọc		1997	Nam Định	CT TNHH Tư vấn Đại Hà		2.5	5.5	2.5					
1530	K	11530	Vũ Thị Bích Ngọc		1992	Nam Định	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	6	7	6.5		7.5	6			
1531	H	11531	Vũ Thị Hồng Ngọc		1995	Hải Dương	Công ty CP OPT Logistics	4	4	5						
1532	K	11532	Vương Nhựt Ngọc		1997	Phu Thọ	Công ty Cổ phần Tập đoàn VSG		7.5	6	5					
1533	K	11533	Lương Thị Ngọc		1998	Nam Định	Công ty CP Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	4.5	3		4.5					
1534	K	11534	Hoàng Lê Nguyễn	1997		Nghe An	Công ty CP K&I Việt Nam	4.5								
1535	H	11535	Nguyễn Thị Nguyễn		1986	Bắc Ninh	CT TNHH dịch vụ thiết bị nhà Việt Nam			6						
1536	H	11536	Cao Thị Anh Nguyệt		1987	Thái Bình	CTY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ ELECTROL D			5	2.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
1517	H	11517	Đinh Thu Nguyệt		1978	Nam Định	CT TNHH XNK Cầu vồng Việt	5	4	6							
1518	H	11518	Đỗ Như Nguyệt		1990	Hà Nội	CT TNHH GKH Logistics Việt Nam										
1519	H	11519	Kiên Thu Nguyệt		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Thương Bảo Global										
1510	K	11510	Lê Thu Nguyệt		1989	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam			55		35	15	55			
1511	H	11511	Lê Thu Minh Nguyệt		1990	Hà Nội	CT TNHH Dược phẩm Hoa Lành		75		5						
1512	H	11512	Nguyễn Thu Nguyệt		1990	Thái Bình	Công ty TNHH OLIVE	7	7		25						
1513	H	11513	Nguyễn Thu Minh Nguyệt		1984	Hà Nội	CT TNHH Tư vấn RoadPartner Việt Nam			75	5						
1514	H	11514	Nguyễn Thu Minh Nguyệt		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kien toan và định giá GGI										
1515	H	11515	Lưu Thu Minh Nguyệt		1990	Thái Bình	Công ty TNHH SLL Optiprimier Việt Nam										
1516	K	11516	Linh Minh Nguyệt		1999	Thanh Hóa			3	65	2	7	65	65			
1517	H	11517	Đinh Thu Thanh Nhàn		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Dịch vụ KC Onload			6							
1518	H	11518	Linh Thu Nhàn		1984	Nam Định	Công ty tư vấn và thương mại dịch vụ An Thịnh										
1519	H	11519	Nguyễn Thu Nhàn		1986	Hải Dương	Công ty TNHH TV và xuất nhập Thương Công			6	2						
1520	C	11520	Phạm Thu Nhàn		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH DV kế toán và đại lý Thuế Việt Nam					55	4	75			
1521	K	11521	Phạm Thu Thanh Nhàn		1989	Quảng Trị	Công ty cổ phần Bảo tư Hải Anh	45		5							
1522	H	11522	Lưu Thu Nhàn		1994	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ Đăng hành thuế										
1523	H	11523	Lưu Thu Thanh Nhàn		1980	Hà Nam	Lưu do	5	35	55	05						
1524	K	11524	Lưu Thu Thanh Nhàn		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kien toan Deloitte Việt Nam	5		6							
1525	K	11525	Nguyễn Thu Nhàn		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3		25		45	1	5			
1526	H	11526	Lưu Thu Nhàn		1999	Thái Bình	CTY CP JRC ONG GIANG SAPA										
1527	H	11527	Nguyễn Thu Nhàn		1992	Hà Nội	CTY CP TT VYNKHVO SMI V HHH LKI XD NGOC ANH	45			25						
1528	H	11528	Hoàng Thu Nhàn		1995	Thanh Hóa	CTY TNHH OL TCT BAYTOR VIE NAM			55	25						
1529	H	11529	Lê Thu Nhàn		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Accounting office Clean Việt Nam	7			3						
1530	K	11530	Nguyễn Thu Kieu Nhàn		1978	Quảng Nam	Công ty Cổ phần KIVI DO										
1531	C	11531	Phạm Đức Nhàn		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKI-ITIG					8	5	4			
1532	H	11532	Lô Nguyễn Anh Nhàn		1995	Thái Bình	Công ty TNHH I-Smart Logistics Việt Nam										
1533	H	11533	Dương Nguyễn Văn Nhàn		1996	Lạng Sơn	CTCP HHC Viên thông quốc tế										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1564	K	11564	Nguyễn Thị Nhi		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Á Âu	8	5	6.5	5.5		7			
1565	H	11565	Nguyễn Thị Phương Nhi		1994	Hà Phòng	CT TNHH Dịch vụ An Phong	4	5.5	3	0.5					
1566	K	11566	Phạm Vũ Văn Nhi		1996	Bình Định	Long Công ty Cổ phần công nghệ Viettel							8.5		
1567	H	11567	Cao Thị Thiện		1981	Thái Bình	DAI HOC NGUYEN VAN THIR MI									
1568	K	11568	Nguyễn Thị Thuận		1982	Nam Định	Công ty Cổ phần dịch vụ và Online	7		6.5						
1569	H	11569	Đoàn Thị Tuyết Nhung		1993	Hà Nội	CTY TNHH M&SNG CÔNG NGHỆ P.HI	4.5		3						
1570	K	11570	Đoàn Thị Nhung		1985	Hà Phòng	Công ty TNHH Quốc tế Việt Nam An Đô									
1571	H	11571	Đỗ Hồng Nhung		1994	Hà Nội	Công ty cổ phần giao vận phục vụ khách hàng và vận chuyển hàng hóa	5	7	7.5	6					
1572	K	11572	Hà Thị Nhung		1988	Hà Nam	Công ty TNHH L.N Partners Việt Nam	4.5	5	4	1.5				5.5	
1573	K	11573	Hà Thị Cẩm Nhung		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Dung H							5		
1574	H	11574	Hoàng Hồng Nhung		1995	Hà Nội	CTCP Luyện dưng nguyên liệu nhiên liệu Việt Nam									
1575	H	11575	Hoàng Thị Nhung		1998	Nghe An	CTY TNHH OS POWER VIỆT NAM		5		6.5					
1576	H	11576	Là Lam Nhung		1987	Ninh Bình	CT TNHH XDNT Xuân Ấng	3.5	0	2.5	1					
1577	H	11577	Lai Thị Nhung		1980	Thái Bình	CT TNHH In Thanh Trung			5	3					
1578	H	11578	Lê Thị Nhung		1993	Nghe An	Làm việc tự do		2	5	2					
1579	K	11579	Lê Thị Nhung		1999	Thanh Hóa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Hoàng Visc	5	5	5	5	8.5	4	4		
1580	C	11580	Nguyễn Hồng Nhung		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Công nghệ cổ label Loan Cầu 6								3	
1581	P	11581	Nguyễn Hồng Nhung	2379			KPMG Việt Nam									
1582	H	11582	Nguyễn Thị Nhung		1991	Bắc Giang	CT TNHH Thương mại và dịch vụ INS Vina									
1583	K	11583	Nguyễn Thị Nhung		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam									
1584	P	11584	Nguyễn Thị Nhung		2000		Ernst & Young Việt Nam									
1585	H	11585	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1993	Nghe An	Công ty Cổ Phần Peaks			6.5	6.5					
1586	H	11586	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1995	Vinh Phúc	CT TNHH Xây dựng VY Việt Nam									
1587	C	11587	Phạm Thị Nhung		1987	Hà Nội	Công ty TNHH Arcp Việt Nam									
1588	K	11588	Phạm Thị Nhung		1998	Thái Bình	Công ty TNHH KPMG		5			7				
1589	K	11589	Phạm Thị Hồng Nhung		1998	Hà Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn V&C tại Hà Nội		8	7			6.5			
1590	H	11590	Phạm Thị Hồng Nhung		1988	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ kế toán Yanguan		2	6	5.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1591	H	11591	Phùng Thị Tuyết Nhung		1984	Hà Nội			3.5	2						
1592	H	11592	Trần Phương Nhung		1986	Quảng Nam	HÀP ĐOÀN CÔNG NHÂN P. VIỆN HỒNG QUYẾN DŨI	6	2.5	6	3.5					
1593	C	11593	Trần Thị Nhung		1996	Hưng Yên	Công ty Cổ phần TPI					7.5	4.5	7		
1594	H	11594	Trần Thị Hồng Nhung		1995	Quảng Ninh	Công ty Cổ phần TĐK Việt Nam									
1595	K	11595	Trần Thị Hồng Nhung		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và tham định giá Indirect	6	7		2.5		5			
1596	H	11596	Trần Thị Hồng Nhung		1999	Nghe An	CTY ĐẶC GIẢY HỘP DẠNG VẬT LAM									
1597	C	11597	Trần Thị Tuyết Nhung		1988	Nam Định	Công ty CP Đầu tư phát triển dự án Đại Quang							6		
1598	H	11598	Trần Thúy Nhung		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Vimech HPC Việt Nam									
1599	K	11599	Trần Thị Nhung		1995	Thanh Hóa	Công ty CP dịch vụ kỹ thuật công nghệ Hà Nội	4.5	4	5	3.5	7	4	2.5		
1600	H	11600	Nguyễn Thị Như		1989	Thanh Hóa	CTGY TNHH TỐ CH C SÍ KẾT DUY THIÊN MEDIA									
1601	K	11601	Nguyễn Thị Như		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế PNL			5	3.5	7.5	7	7		
1602	K	11602	Nguyễn Thị Ninh		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH MUSTAM Việt Nam	5				7		7.5		
1603	K	11603	Nguyễn Thị Thúy Ninh		1998	Hưng Yên	Công ty Cổ phần Lap đoàn TH									
1604	K	11604	Phạm Quang Ninh	1995		Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn - Kiến tạo SKS									
1605	H	11605	Phạm Thúy Ninh		1992	Hà Nam	Chi nhánh công ty TNHH đầu tư Bà sao tại Hà Nội	7								
1606	K	11606	Phạm Thúy Ninh		1999	Thái Nguyên	Công ty TNHH Nova STI			3				7.5		
1607	H	11607	Le Thị Nu		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH kinh doanh và xây dựng An Hưng	6	7.5	5.5	5					
1608	H	11608	Trần Thị Nu		1992	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn kế toán và đầu tư thuế IND									
1609	H	11609	Le Thị Nương		1997	Thanh Hóa	CTY TNHH KẾ MÃI TOÀN TH VẠN TÀI CHÍNH VIỆT NAM	6	5	3.5	2.5					
1610	H	11610	Đỗ Thị Oanh		1980	Hải Phòng	Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Minh Sơn		5.5	6	2.5					
1611	H	11611	Đỗ Thị Kiều Oanh		1993	Nam Định	Công ty cổ phần Czech Healthcare	5								
1612	C	11612	Đỗ Thị Kim Oanh		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch vụ TVT Gia Khánh									
1613	H	11613	Nguyễn Thị Oanh		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Accience Corporate Services			5.5						
1614	H	11614	Nguyễn Thị Oanh		1996	Thái Bình	Công ty CP thương mại và đầu tư Babes		6	3.5	5					
1615	H	11615	Nguyễn Thị Tu Oanh		1999	Phu Thọ										
1616	H	11616	Phạm Thị Tu Oanh		1992	Quảng Bình	CTCP Đầu tư Đại Tân Nghĩa				5.5					
1617	H	11617	Trần Thị Oanh		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Bà Nam	7		6.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1618	K	11618	Trần Thị Kim Oanh		1997	Ninh Bình	Công ty TNHH may mặc và chế biến gỗ Hòa Đăng			5.5							
1619	H	11619	Trinh Thị Quỳnh		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Sun AIR										
1620	K	11620	Lê Thanh Phụng	1996		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thương mại và Bất động sản (Việt Nam)										
1621	K	11621	Như Đình Phương	1997		Ninh Bình	Công ty CP TNHH Kiến tạo NVX - CN Phú Bắc	6.5	6	5.5	5	7	3	4.5			
1622	K	11622	Phu Truân Phương	1994		Thái Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến tạo T-Jung tại Hà Nội	6.5		5	5.5	6.5		2.5			
1623	H	11623	Lê Thị Phú		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ H&P										
1624	K	11624	Lê Xuân Phú	1995		Nghệ An	Chi nhánh CMC O - Công ty TNHH Hàng hóa và dịch vụ ANCO	8	4.5						5		
1625	K	11625	Nguyễn Ngọc Phú	1994		Nghệ An	Công ty cổ phần Nafcoods Group	3	6	6		7.5	2.5				
1626	H	11626	Nguyễn Văn Phú	1979		Nghệ An	Công ty TNHH Kiến tạo Hòa Đăng			5	3.5						
1627	H	11627	Trần Thị Phú		1987	Nghệ An	CTY SHANGDONG PROVINCE INDUSTRIAL (PHONG) INSTALLATION GROUP P.CO.LTD	6	4	7	4						
1628	H	11628	Nguyễn Thị Phúc		1991	Nghệ An	CTCP Đầu tư bất động sản Âu Lạc Nghệ An		4		3.5						
1629	H	11629	Phạm Thị Phúc		1988	Hà Nam	Công ty CP Đầu tư xây dựng và thương mại C&H										
1630	K	11630	Đỗ Thị Phương		1983	Quảng Nam	Công ty TNHH XNK Quốc tế Sara	6	1.5	5	2.5						
1631	K	11631	Bùi Bích Phương		1998	Thái Bình				6.5	7.5		5.5				
1632	K	11632	Bùi Hòa Phương		1993	Thái Bình	Công ty CP M&S Việt Nam				5.5				5		
1633	K	11633	Bùi Huyền Phương		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo J&K Việt Nam				6						
1634	H	11634	Bùi Thị Bích Phương		1993	Thái Bình	Công ty TNHH Jello Việt Nam	5.5	4	7.5							
1635	H	11635	Bùi Thị Bích Phương		1995	Thái Bình	CTCP Dịch vụ hàng hải F&E V&SIA			7	5						
1636	K	11636	Bùi Thị Mai Phương		1995	Hải Dương	Công ty TNHH cung ứng dịch vụ Ansuu	5.5	6.5	6	4	7.5	5		6		
1637	K	11637	Bùi Thị Phương		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn - Kiến tạo S&S		5	5.5	5	7.5	5		6.5		
1638	H	11638	Đức Mai Phương		1990	Hà Nội	Công ty cổ phần Absota	6.5		7.5							
1639	H	11639	Đường Thị Phương		1993	Bắc Giang	Công ty TNHH xây dựng Hòa Việt	5			5						
1640	K	11640	Đào Mai Phương		1987	Nam Định	Công ty CP Công nghệ ADI Life		5	6	3.5	6	5		7		
1641	K	11641	Đào Thị Phương		1999	Nam Định	Công ty TNHH Lắp đặt Sơn World	5.5	4.5	6	5.5	7.5	5.5		8.5		
1642	H	11642	Đào Thị Thu Phương		1981	Hà Nội	Công ty TNHH Văn tại Văn Trường An		4		2.5						
1643	H	11643	Đặng Minh Phương		1992	Hưng Yên	Công ty TNHH A&O&M&V Việt Nam			5							
1644	H	11644	Đặng Thị Bích Phương		1996	Nam Định	Công ty Cổ phần F&V INA			6	4						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1645	K	11645	Đặng Thu Phương		1998	Nghệ An	Công ty TNHH Eagle One Enterprise	4.5		5.5	4	6				
1646	K	11646	Đinh Đỗ Thu Phương		1999	Ninh Bình	Công ty TNHH Ired Co	4	3	3.5	3	7	4	6		
1647	H	11647	Đinh Thu Thanh Phương		1986	Ninh Bình	Công ty Sản xuất hàng (K	7	7.5							
1648	C	11648	Đỗ Thu Phương		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH HIKODO Viet Nam						8			
1649	K	11649	Đỗ Thu Mai Phương		1991	Hà Nam	Công ty TNHH Truex thông và Marketing Hà An Việt	5								
1650	H	11650	Đỗ Thu Thu Phương		1990	Ninh Bình	Công ty TNHH Sumitomo Viet Nam	7.5		6	4					
1651	H	11651	Hà Quỳnh Phương		1991	Nghệ An	Công ty TNHH samsung electro-Mechanics Viet Nam	5.5	7.5	8	5.5					
1652	H	11652	Huang Lê Thanh Phương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH GIGI	7	5	7	3.5					
1653	H	11653	Huang Thu Phương		1981	Lưu Văn Quang	Công ty CP Xây dựng và thương mại Châu Hoàng		0.5	5	1.5					
1654	H	11654	Huang Thu Phương		1987	Hải Dương	Ngân hàng Agribank	3.5		4.5	3.5					
1655	K	11655	Hồ Mai Phương		1999	Nghệ An	Công ty TNHH P&C (Viet Nam) - Chi nhánh Hà Nội	7	6.5	6.5	5	7	5.5	9		
1656	K	11656	Hồ Thu Phương		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiên toàn BDO	7	8	8	6.5	8	7	7		
1657	H	11657	Lê Minh Phương		1994	Bắc Giang	Công ty TNHH Focus Mazars Viet Nam tại Hà Nội	6	3.5	6.5	5					
1658	H	11658	Lê Thu Phương		1989	Vĩnh Phúc	Công ty CP đầu tư xây dựng Hưng Vương			5.5						
1659	H	11659	Lê Thu Phương		1993	Hưng Yên	Công ty TNHH CHÚC NÚI ELECTRONIC									
1660	H	11660	Lê Thu Phương		1996	Nam Định	Công ty TNHH Elogic	5	5	8	6					
1661	K	11661	Lê Thu Thu Phương		1987	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Soco-Solar	5	5.5	7	3.5	5	5	6		
1662	H	11662	Nguyễn Hà Phương		1999	Hà Nội	Công ty TNHH INDY VÀ ĐẶC TRƯ SÀN KRAFTA PHONG		6		7					
1663	H	11663	Nguyễn Lan Phương		1989	Hà Nội	Công ty TNHH Focus Mazars Viet Nam		6	6.5	5					
1664	H	11664	Nguyễn Thu Phương		1984	Nghệ An	Công ty TNHH LE Viet Nam									
1665	H	11665	Nguyễn Thu Phương		1989	Hải Dương	Công ty TNHH Phân mềm - Tư vấn học - đào tạo									
1666	H	11666	Nguyễn Thu Phương		1989	Bắc Ninh	Công ty TNHH A&C JETCINOH OGIE'S V&I NAM	6	5							
1667	K	11667	Nguyễn Thu Phương		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Viet Nam - Chi nhánh Hà Nội	4.5		2.5				6.5		
1668	H	11668	Nguyễn Thu Phương		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Quan lý tư vấn G8			6						
1669	K	11669	Nguyễn Thu Phương		1997	Phai Bình	Công ty GIS Engineering & Construction	6	4		3.5					
1670	H	11670	Nguyễn Thu Phương		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Thương mại quốc tế BlueStars Viet Nam									
1671	K	11671	Nguyễn Thu Phương		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán S&S		4	7.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1672	H	11672	Nguyễn Thu Phương		1999	Hà Nội	C.T. TNHH Dịch vụ phát triển quốc tế CHC Japan			6.5	4					
1673	H	11673	Nguyễn Thu Hà Phương		1990	Nghe An	C.T. TNHH Đào tạo thương mại và du lịch quốc tế Hoa Bình			6.5						
1674	K	11674	Nguyễn Thu Hồng Phương		1986	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ACA Miền Trung	8								
1675	C	11675	Nguyễn Thu Lan Phương		1980	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Dolphin					4.5		3.5	6.5	
1676	H	11676	Nguyễn Thu Lan Phương		1983	Thái Bình	Công ty Cổ Phần Pro				5	3				
1677	H	11677	Nguyễn Thu Minh Phương		1989	Hà Nội	C.TCP Công nghệ In Thuận Phước	7	4	4	5.5					
1678	H	11678	Nguyễn Thu Thu Phương		1984	Nam Định	Công ty C.P C Lúa Việt Nam									
1679	K	11679	Nguyễn Thu Thu Phương		1987	Hà Nội	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và XNK Tây Đô				2	5			6.5	
1680	H	11680	Nguyễn Thu Thu Phương		1994	Thái Bình	C.TCP Tư vấn xây dựng Maech	5.5	6.5	5	5					
1681	H	11681	Nguyễn Thu Thu Phương		1998	Phu Thọ	C.TY TNHH ARP VINA		0.5		1					
1682	H	11682	Nguyễn Thu Thu Phương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Carbon Vietnam			5.5						
1683	K	11683	Nguyễn Thu Thu Phương		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn T.VC									
1684	H	11684	Nguyễn Thu Phương		1999	Hà Nội	C.TCP giải pháp công nghệ Alpha	7	1.5	5.5	4					
1685	H	11685	Ninh Thu Phương		1997	Nam Định	C.TCP Dịch vụ doanh nghiệp Phú Thịnh		5	6						
1686	H	11686	Phạm Duy Phương	1993		Hải Dương	Công ty TNHH Logistics Con Đường Xanh									
1687	H	11687	Phạm Thu Phương		1987	Hà Nội	C.TY TNHH SX MAYBOND		4		2					
1688	K	11688	Phạm Thu Phương		1990	Thanh Hóa	Công ty C.P Tập đoàn ASG	5.5	6.5	5	5.5	6	7.5	8		
1689	H	11689	Phạm Thu Kiều Phương		1992	Hà Nội	C.T. TNHH Thương mại Dược phẩm Nguyễn Khang	8	6.5	5	3					
1690	H	11690	Phạm Thu Mai Phương		1995	Thanh Hóa	Công ty TNHH Công nghệ và giải pháp T-Tech	4.5	1	5	1					
1691	H	11691	Phạm Thu Phương		1992	Hưng Yên	Công ty TNHH Lotte Properties Hà Nội	8	6.5	5						
1692	H	11692	Phạm Thu Phương		1993	Thanh Hóa	Haowha Aero Engines	4.5	6	5	3					
1693	K	11693	Phạm Thu Minh Phương		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Grant Thornton	7.5	5		5.5		3.5			
1694	K	11694	Phạm Thu Thu Phương		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH tư vấn Đại Hà	5	4		3.5					
1695	H	11695	La Thu Anh Phương		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Công thương Ngân Đại		4.5	5						
1696	H	11696	Thao Thu Phương		1992	Bắc Giang	Công ty TNHH Tư vấn thuế kế toán & kiểm toán Việt An		5		5.5					
1697	H	11697	La Bích Phương		1999	Hải Phòng	Công ty C.P Thương mại và đầu tư Đông Hiệp	5.5	1.5	3.5	2					
1698	H	11698	Loan Huyền Phương		1998	Hà Nội	C.T. TNHH VINA Việt Nam		3	3.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1699	K	11699	Trần Thị Phương		1988	Nam Định	Công ty TNHH exes Sakura Biomus Luyen Quang					6						
1700	K	11700	Trần Thị Phương		1997	Hà Dương	Công ty TNHH hàng kiến tạo và tư vấn IPA	6	4.5	5.5	4							
1701	II	11701	Trần Thị Ngọc Phương		1994	Nam Định	CT TNHH Dịch vụ hàng không Hoàng Giang - (CN Hà Nội			5								
1702	K	11702	Trần Thị Thu Phương		1995	Thái Bình	Công ty TNHH Group pháp Công nghệ Graphiz		6.5			8		6.5				
1703	II	11703	Trần Thị Phương		1995	Thanh Hóa	Công ty TNHH T - Global											
1704	K	11704	Trần Thị Hằng Phương		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế							6				
1705	K	11705	Trần Xuân Phương	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng kiến tạo AASC	7.5	6	3	3	7	6.5	7				
1706	K	11706	Võ Thị Phương		1996	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần T minh											
1707	II	11707	Vũ Liên Phương		1982	Nam Định	CT TNHH Kiến tạo K.TC	6			5							
1708	K	11708	Vũ Hoàng Nam Phương		1997	Hưng Yên												
1709	II	11709	Vũ Lan Phương		1984	Nam Định	Công ty CP Tập đoàn VBCT			6	3							
1710	K	11710	Vũ Thị Thảo Phương		1995	Hưng Yên	Không	7	5.5	5.5	2.5							
1711	II	11711	Bùi Minh Phương		1993	Hà Dương	CTY CP GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH THỊ XÃ QUẢNG YÊN	4		4.5								
1712	K	11712	Bùi Thị Hằng Phương		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH K.C Hà Tĩnh	8		8	3							
1713	K	11713	Đào Thị Phương		1994	Luyên Quang	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam		3.5	4	1.5			5				
1714	II	11714	Đang Thị Phương		1993	Nam Định	Công ty TNHH quản lý công nghiệp Boustead & K.TG	6		8								
1715	II	11715	Đỗ Hoàng Phương		1991	Hà Nội	CT TNHH Bảo Tín Minh Châu		3	4								
1716	II	11716	Đỗ Thị Phương		1994	Đà Nẵng	Công ty cổ phần điện tử Thủ Cúc			5.5								
1717	K	11717	Guang Thị Phương		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn PKF-ITG				3.5							
1718	II	11718	Hoàng Kim Phương		1993	Hà Giang	CT TNHH SINABRO J&C		6		4							
1719	II	11719	Hoàng Thị Hồng Phương		1993	Hà Tĩnh	CT TNHH DIN&KPIHI Minaco	5			3.5							
1720	II	11720	Lai Thị Phương		1990	Hà Nội	IRUNG LAM DINH NHAP & PHAT TRU N	4	0.5	2.5	2.5							
1721	II	11721	Ngô Thị Phương		1993	Nam Định	CT TNHH Vatel (H)	7.5		6.5								
1722	II	11722	Nguyễn Bích Phương		1992	Hà Nội	CT TNHH Thương mại và kỹ thuật Neotec											
1723	II	11723	Nguyễn Thị Phương		1987	Phủ Thọ	CTCP KAOPIZ/IGOLDINGS			5.5	1.5							
1724	II	11724	Nguyễn Thị Phương		1989	Bắc Ninh	Công ty TNHH Vina CNS											
1725	II	11725	Nguyễn Thị Phương		1993	Nam Định	CT TNHH Sản xuất và Thương mại Thien Truong	5.5	6	6	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Môn thi								Ngoại ngữ		
								Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1726	K	11726	Nguyễn Thị Bích Phương		1998	Hà Nam	Công ty Cổ phần Truyền thông V-MG	7	9						4.5			
1727	H	11727	Nguyễn Thị Hương Phương		1993	Quảng Ninh	Công ty cổ phần tung đá hoa o to và thiêu bị máy mỏ Quảng Ninh		4	5								
1728	P	11728	Nguyễn Thị Minh Phương		1994		Công ty TNHH Kiểm toán Deakone Việt Nam			7.5								
1729	H	11729	Nguyễn Thị Minh Phương		1997	Đà Nẵng	C.T.TNHH Dịch vụ Tư vấn Alpha				4							
1730	H	11730	Phạm Kim Phương		1993	Hà Nam	C.T.TNHH Bim Diamond Vina											
1731	K	11731	Phạm Thị Phương		1986	Nam Định	Công ty Cổ phần ứng dụng Toàn Phát	8			8	7	6.5	5.5				
1732	H	11732	Phạm Thị Hồng Phương		1992	Nghe An	C.T.CP Thương mại Tư vấn và Xây dựng Vĩnh Hưng	6.5	3.5	4	0.5							
1733	H	11733	Trần Thị Phương		1988	Bắc Ninh	Công ty CP Đầu tư và phát triển hạ tầng Highech											
1734	K	11734	Trần Thị Phương		1997	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán ES - Chi nhánh Bắc Ninh			7			5					
1735	H	11735	Vũ Thị Phương		1992	Đà Nẵng	Công ty TNHH Shinslan & NG Việt Nam		2.5	5								
1736	K	11736	Thư Nhật Quang	1997		Hà Nội	Công ty Cổ phần Đầu tư Lập đoàn Lập A Đạt Thành	6	3	5		6	4	5.5				
1737	K	11737	Lê Thị Quang	1997		Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	5.5	7				6	3.5				
1738	H	11738	Trương Hồng Quang	1984		Thanh Hóa	C.T.CP tư mại Công Thành	2	0.5	3.5	2.5							
1739	K	11739	Phạm Anh Quang	1986		Nam Định	Nha máy in tên Quốc Gia	5	3.5	7	5.5	5.5	6.5	2.5				
1740	H	11740	Thư Ngọc Quang	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	4.5	1.5	2	1							
1741	K	11741	Trần Văn Quang	1998		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Tư chính và Kiểm toán Việt Nam	7	3.5	6	5	7	5	6				
1742	H	11742	Bùi Mạnh Quân	1988		Hà Tĩnh	C.T. TNHH Kiểm toán và tư vấn KSM - Chi nhánh Hà Nội	6	5	2.5	3.5							
1743	K	11743	Nguyễn Anh Quân	1993		Bắc Ninh	Công ty CP Tim Kington											
1744	K	11744	Nguyễn Văn Quân	1979		Nam Định	Công ty cổ phần đầu tư MIO		6		5	5		3				
1745	K	11745	Phạm Trần Quân	1999		Phủ Thọ	Công ty Cổ phần lập đoàn Thành Công			5.5		6		8.5				
1746	H	11746	Vũ Đình Quân	1981		Nam Định	Công ty TNHH mới thành viên phần mềm BROSS Việt Nam		5.5		5							
1747	H	11747	Vũ Hoàng Quân	1992		Hưng Yên	Công ty TNHH DJS Quốc tế			3.5	4							
1748	K	11748	Nguyễn Thị Quốc		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán ISK Việt Nam	6	8.5				7.5					
1749	H	11749	Nguyễn Thị Kim Quốc		1984	Lạng NINH	Công ty TNHH Nước và Mìn tương Long Việt	6	5	6	3.5							
1750	H	11750	Phạm Văn Quốc	1989		Hà Nam	CTY TNHH GIAO DI C V A Y LE HA NAM	4		2								
1751	H	11751	Đoàn Thị Quý		1990	Hà Nội	CTY CP LẬP ĐOÀN IT VẠN ĐẠC IT QI C	4	4	5								
1752	H	11752	Đào Thị Quý		1991	Đà Nẵng	CTY CP ĐAT IT TIẾC DI ONG XANH			5.5	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1753	K	11753	Nguyễn Thị Quy		1994	Hà Dương	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Đông - Á	6			5	6	6			
1754	H	11754	Đàm Thu Quên		1996	Hà Nội	Công ty CP VICO									
1755	H	11755	Đào Thu Quên		1990	Hưng Yên	CT Ltd TNHH TC và Công sự									
1756	H	11756	Đỗ Thu Quên		1987	Hà Nội	CTCP NGOTRADER	5.5	4	6	3.5					
1757	K	11757	Đỗ Thu Quên		1998	Phu Thọ	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam									
1758	K	11758	Hà Thu Dược Quên		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn Đại Hà	5							5.5	
1759	K	11759	Hoàng Nguyễn Quên		1977	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn Lai chính - Kiểm toán FICO Bắc Ninh	4	1			5	1	5.5		
1760	H	11760	Lê Hồng Quên		1991	Vĩnh Phúc	CT Xay dựng Miền - TNHH			5.5						
1761	K	11761	Nguyễn Quang Quên	1997		Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á								3.5	
1762	H	11762	Nguyễn Thị Quên		1995	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kế toán sau đúng Juvon									
1763	H	11763	Nguyễn Thị Lê Quên		1995	Hà Nội	CTCP Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Đông Dương			8.5						
1764	H	11764	Phạm Thị Tô Quên		1987	Hà Tĩnh	CTV TNHH Daewoo E&C Việt Nam	7	6.5	5	5					
1765	C	11765	Phan Lê Quên		1997	Hà Nội	Công ty CP Đầu tư và Tư vấn VBP					6	8	6		
1766	K	11766	Phan Nhật Quên		1999	Nam Định	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC	3.5	2	6.5	4	7	4	6		
1767	C	11767	Phan Thị Quên		1995	Nghe An	Công ty Cổ phần Công nghệ Khu vực VNDirect					5	4	3		
1768	H	11768	Phan Thị Quên		1988	Thanh Hóa	CTY TNHH NHÀ THƯ THIÊN CHIE ZAMBI VN			5	4.5					
1769	H	11769	Phan Huyền Quên		1989	Bắc Ninh	Công ty TNHH PCCC Quảng Dương									
1770	K	11770	Phan Văn Quên		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.5	3.5	5	3	6	6	5		
1771	H	11771	Nguyễn Thị Quên		1991	Bắc Ninh	CTI TNHH Daesun Tech	2	5	5						
1772	K	11772	Lê Quang Quên	1998		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH J&D Partners	5	5	5.5	4	5.5	7.5	7.5		
1773	H	11773	Lê Thị Như Quỳnh		1987	Thanh Hóa	CTY TNHH HUYONG M&V AN TAIHUONG VI			6.5	6					
1774	H	11774	Lương Thị Thuý Quỳnh		1997	Hưng Yên	CTY CP GIẢI TRÍ VÀ THỂ THAO ĐHEN LUYE NAM	5.5	5	3.5						
1775	K	11775	Ngô Như Quỳnh		1986	Hà Nội		5	4.5		3	6.5	4.5	5		
1776	K	11776	Nguyễn Duy Thúc Quỳnh		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Nexa STI		1.5	7	1.5	6				
1777	H	11777	Nguyễn Như Quỳnh		1993	Nghe An	CN CTY TNHH ACCOIN SING SERVICES LIMITED VI PHCM			7.5	7					
1778	K	11778	Nguyễn Thị Quỳnh		1998	Hòa Bình	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)		6	7.5	2.5	6		4		
1779	K	11779	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh		1995	Thái Bình					7		8	8.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1780	K	11780	Nguyễn Thu Hà Quỳnh		1996	Nam Định	Công ty TNHH Optimizely Việt Nam			7.5		6.5	7.5			
1781	K	11781	Nguyễn Thị Hương Quỳnh		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiem toan - tư vấn định giá MCC Việt Nam - (trụ sở tại Đoàn Hải			3			0.5			
1782	K	11782	Nguyễn Thu Nhựt Quỳnh		1992	Nghe An	Công ty TNHH Kiem toan (HD) Việt Nam		5	6	3	8	6	3.5		
1783	K	11783	Nguyễn Thu Nhựt Quỳnh		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và sản xuất New Brand Viet Nam									
1784	K	11784	Nguyễn Thu Nhựt Quỳnh		1999	Nam Định	Công ty TNHH Công Việt Nam			7	5					
1785	H	11785	Nguyễn Thu Thu Quỳnh		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Zoomlion Việt Nam	4.5			3					
1786	H	11786	Nguyễn Thu Thu Quỳnh		1992	Hà Nội	Công ty TNHH INDY XNK Hà Thanh		5							
1787	P	11787	Nguyễn Thu Thu Quỳnh		1995		Công ty TNHH Master funds solution Việt Nam			5.5						
1788	K	11788	Nguyễn Thu Quỳnh		1996	Hưng Yên	Công ty Cổ phần Vinhomes		7.5		5					
1789	K	11789	Nguyễn Lovet Quỳnh		1994	Hải Phòng							6.5			
1790	P	11790	Phạm Thu Quỳnh		1999		Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam			5						
1791	H	11791	Phạm Thu Quỳnh		1999	Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ số Digital Việt Nam	6.5	5	8	5					
1792	K	11792	Trần Thu Quỳnh		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Kiem toan Delante Việt Nam			4	6					
1793	K	11793	Trần Thu Quỳnh		1992	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiem toan và Tư vấn RSM Việt Nam	7.5			7	4	3			
1794	H	11794	Vũ Ngọc Quỳnh		1985	Hà Nội	CT TNHH INVALDY Logistics Quận Phòng		6.5	5.5						
1795	H	11795	Vũ Thu Quỳnh		1993	Phủ Thọ	Công ty TNHH INVALDY Minh Đức			4	2.5					
1796	H	11796	Vũ Thu Quỳnh		1997	Nam Định	CT TNHH Quốc tế Eli Việt Nam			6						
1797	H	11797	Vũ Thu Kiem		1985	Hà Nội	CTCP Bigsteland Global	5	4.5	7.5	3					
1798	K	11798	Phạm Thu Kiều		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiem toan Tư vấn Đức Lập - (trụ sở tại Hà Nội	7	3	5		6.5		6		
1799	H	11799	Nguyễn Thu Sang		1998	Hà Nội	CTY TNHH CONGO NGHIE NHAT HIE Y	5.5		6.5						
1800	K	11800	Nguyễn Văn Sang	1993		Hà Nam	Nhạc	5	7	6	4			3.5		
1801	P	11801	Dư Thu Đạt Sáu		1990		Công ty TNHH Kiem toan và Tư vấn PNP-TTG			7.5						
1802	K	11802	Nguyễn Thu Sáu		1989	Hà Nội	Công ty CP Tập đoàn Sơn Hà Xanh		6	7			3	5		
1803	K	11803	Trần Thu Sáu		1986	Thái Bình	Công ty TNHH ND INKIDY Mọc Hồng Ân	6	5	7.5	3.5	7.5	4	5		
1804	H	11804	Hà Thu Sơn		1990	Vĩnh Phúc	CTY CP QUỐC THIỆ VINH THIỆ NG PHAI		6		5.5					
1805	K	11805	Nguyễn Thu Sơn		1988	Ninh Bình	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại JDR Việt Nam	7.5	4	6	4.5			6		
1806	H	11806	Nguyễn Thu Sơn		1990	Nam Định	CTCP dịch vụ và hạ tầng ở to Thanh Công									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Chú chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
1807	H	11807	Phạm Thị Sơn		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Alpha			6	3.5						
1808	H	11808	Lưu Thị Bích Sơn		1988	Hà Tĩnh	Công ty CP Sóng Đa S	7.5									
1809	K	11809	Hoàng Thị Minh Sơn		1997	Bắc Kạn	Công ty TNHH Kế toán kiến toán Việt Nam	7		5.5							
1810	H	11810	Hoàng Anh Sơn	1977		Nam Định	Công ty CP Tập đoàn Hunda										
1811	K	11811	Lê Đức Sơn	1997		Thanh Hóa	Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	6	5	5.5	3.5	6.5	5	6			
1812	K	11812	Lê Trung Sơn	1998		Hà Nội	Công ty Cổ phần dịch vụ Hành chính kinh doanh Lương An	8	5	3	3	5.5	6.5	4.5			
1813	K	11813	Nguyễn Thanh Sơn	1995		Thanh Hóa	CN Công ty TNHH Logistics Mazda's Việt Nam tại Hà Nội	5	1	4	1.5		3				
1814	C	11814	Phạm Văn Sơn		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến toán Thăng Long					5.5	7	3			
1815	K	11815	Lưu Đức Sơn	1987		Hà Nam	Công ty TNHH Kiến toán CPA VII HNAM						0				
1816	K	11816	Trương Công Sơn	1993		Hà Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6.5			6			7.5			
1817	H	11817	Nguyễn Thị Sự		1986	Bắc Giang	C/CP Sản xuất phụ tùng ô tô và thiết bị công nghiệp JVI	6.5	7								
1818	H	11818	Nguyễn Hoàng Thụy Sương		1997	Vĩnh Phúc	CTY TNHH MOTREX-VIETNAM	7.5			2.5						
1819	H	11819	Đặng Thị Bằng Lam		1983	Thái Bình	Công ty TNHH SX NM và DV TSNV Vnua										
1820	H	11820	Hoàng Văn Lam	1977		Thái Bình	CTCP MIAATA Việt Nam			5.5	6.5						
1821	H	11821	Kim Thị Thanh Lam		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Tổng hợp XD và PCCC Gia Hưng	5	5	7	3						
1822	H	11822	Lê Thị Minh Lam		1994	Nam Định	CTY CP E-NICORNI R VII HNAM	7		3	1.5						
1823	H	11823	Lê Thị Thanh Lam		1993	Thái Bình	C/CP Xay lắp và thiết bị công nghiệp MTK-AMIC	7	7	7.5	2.5						
1824	H	11824	Nguyễn Thị Lam		1991	Nghệ An	Công ty CP Thương mại và dịch vụ Đức Công	6.5		3.5	1.5						
1825	H	11825	Nguyễn Thị Minh Lam		1993	Thái Bình	Công ty TNHH VINA Việt Nam			3.5							
1826	H	11826	Nguyễn Thị Thanh Lam		1990	Nghệ An	Công ty CP Xay dựng Ask Sóng Lam										
1827	H	11827	Phạm Thị Lam		1992	Nam Định	CTY CP VINHOMIS	5	4	2.5	3.5						
1828	H	11828	Phạm Thị Lam		1998	Thái Bình	Công ty TNHH I-glocal	3.5		5.5							
1829	H	11829	Phạm Thị Minh Lam		1990	Hải Dương	Công ty TNHH VietrolPV Việt Nam	5	6	3.5	5						
1830	K	11830	Phạm Thị Thanh Lam		1996	Hà Nam	Công ty CP Tập đoàn RDX				3.5						
1831	H	11831	Phạm Thị Thanh Lam		1991	Vĩnh Phúc	CTY TNHH BEL-ECO VII HNAM-KE IOAN			6	3						
1832	H	11832	Phạm Thị Thanh Lam		1998	Thanh Hóa	CTY CP XD CÔNG NGHỆ PHU HƯNG	6.5	5.5	3	5						
1833	K	11833	Trần Thị Thanh Lam		1993	Hà Nội											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1834	K	11834	Nguyễn Lan	1981		Nam Định	Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC		6			8	5					
1835	K	11835	Nguyễn Đức Lan	1995		Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Đại Thành	5			5	8.5	3.5					
1836	K	11836	Phạm Ngọc Lan	1991		Nghe An	Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC											
1837	H	11837	Kiều Thị Thanh		1983	Hà Nội	CTCP Nguyễn Khoa Xanh	4.5		5.5								
1838	H	11838	Trinh Kiều Hoàng		1979	Bắc Giang	CT TNHH Bảo hiểm nhân thọ Fudon Việt Nam	7.5		3.5								
1839	K	11839	Le Hoàng Thach	1989		Nghe An	Công ty cổ phần Bảo hiểm OPTIS	5	2.5	4	2.5	6.5		8.5				
1840	H	11840	Nguyễn Thị Ngọc Thach		1981	Hà Nội	Công ty Cổ phần Belsystem24 Việt Nam				4							
1841	H	11841	Nguyễn Văn Thach	1975		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Hồng Hà	7		3								
1842	C	11842	Phùng Thị Ngọc Thach		1992	Hà Nội	Công ty TNHH KPMG					6.5	5.5					
1843	H	11843	Vũ Ngọc Thach	1979		Nam Định	CT TNHH Tư vấn và Kế toán Việt Mỹ - Chi nhánh Hưng Yên	3	1	4	3.5							
1844	K	11844	Hoàng Việt Thu	1990		Bắc Giang		5.5		5	6.5			4				
1845	K	11845	Nguyễn Ngọc Thu	1996		Quảng Nam			1.5	3	3.5			3.5				
1846	H	11846	Nguyễn Văn Thu	1987		Hưng Yên	CTY CP QL AN IRIDEX ERTONG AN	4		3.5								
1847	K	11847	Nguyễn Duy Thuận	1998		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế	5.5		6	6.5				1.5			
1848	H	11848	Bùi Thị Thuận		1997	Hà Nội	Công ty CP môi trường Lucas Việt Nam			4								
1849	H	11849	Bùi Thị Minh Thuận		1997	Hà Dương	Công ty TNHH Việt Nam Khau phá	3.5		6								
1850	K	11850	Trương Thị Phương Thuận		1994	Bắc Giang	Công ty CP Tập đoàn TTC											
1851	H	11851	Ngô Thị Thuận		1991	Hà Nội	CT TNHH Du lịch	5.5										
1852	K	11852	Nguyễn Phương Thuận		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6	3	5.5	5.5	8.5	7	8				
1853	H	11853	Nguyễn Thị Thuận		1991	Hà Nội	Công ty TNHH IT Việt Nam		7	7								
1854	K	11854	Nguyễn Thị Thuận		1997	Hà Nội		6.5		5.5								
1855	H	11855	Nguyễn Thị Thuận		1999	Hà Nội	CTCP Miền Việt Nam	5.5	5	8	5							
1856	H	11856	Nguyễn Thị Vy Thuận		1986	Quảng Nam	Công ty TNHH NOI Graphics Inc	5	3.5	5	4							
1857	H	11857	Phạm Thị Thuận		1993	Hà Nam	CTCP Anbi Việt Nam	7.5	5	7.5	4.5							
1858	H	11858	Phạm Thị Thuận		1993	Nam Định	CT TNHH TOP OPTOELECTRONICS	5	3									
1859	H	11859	Phùng Thị Thuận		1985	Hà Nội	CTY CP DẠT TẾ XÂY DỰNG ĐÔNG PHƯƠNG 67			3.5	3.5							
1860	H	11860	Trần Thị Thuận		1991	Hà Tĩnh	CT TNHH Thương mại Ninh Bình											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
1861	C	11861	Trần Thị Huyền Thanh		1986	Phu Thọ	Công ty TNHH Kiến tạo Định giá Đại Dương							5.5		
1862	K	11862	Trần Thị Kim Thanh		1990	Hà Nội	Ngân hàng MCB P Hàng Hải Việt Nam			6	5		2			
1863	H	11863	Vũ Thị Thanh		1997	Hưng Yên	ICP Mạo hiểm công nghiệp cao Hòa Bình	7	3.5	6.5	5					
1864	H	11864	Vũ Thị Thanh		1998	Nam Định	CT TNHH Tư vấn Đại Hà			5.5	3					
1865	K	11865	Cao Tiến Thanh		1990	Nam Định	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo ACCA Việt Nam	5		4		5		2.5		
1866	K	11866	Đỗ Duy Thanh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo BDO	7	3.5	6	3.5					
1867	K	11867	Lê Tiến Thanh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế PNI	6.5		6			7			
1868	H	11868	Nguyễn Thị Thanh		1995		Công ty TNHH Quan li Deep C	5.5			5.5					
1869	K	11869	Nguyễn Liên Thanh		1998		Bắc Giang	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo AASC	5.5	5		2		6.5	1.5	
1870	K	11870	Nguyễn Trí Thanh		1996		Hải Dương	Công ty TNHH Hàng Kiến tạo AASC	6.5	5.5	7.5	5		5		
1871	K	11871	Nguyễn Lương Thanh		1995		Hưng Yên	Công ty Cổ phần viễn thông PPI		7	5.5	5	8.5	6.5		
1872	C	11872	Nguyễn Văn Thanh		1991		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế Tin Nghĩa					7	6	7.5	
1873	H	11873	Nguyễn Văn Thanh		1995		Thanh Bình	ID CN Dầu Khí Công An Việt Nam								
1874	K	11874	Nguyễn Văn Thanh		1998		Nghe An	Công ty TNHH PSC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	5	2.5	5	5.5	8.5	3	8	
1875	K	11875	Phạm Loan Thanh		1996		Thanh Bình	Lòng Công ty Cổ phần công trình Viettel							3	
1876	K	11876	Phạm Văn Thanh		1996		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiến tạo và Định giá Quốc tế	6.5	4	5.5	3.5		3		
1877	K	11877	Trần Quang Thanh		1998		Nam Định	CTCP Phát triển Thương Mại và Dịch vụ Quốc An			5.5	4	6.5		6.5	
1878	H	11878	Trần Liên Thanh		1988		Nghe An	Công ty TNHH KTCN Việt Nam - Singapore								
1879	K	11879	Bồ Thị Thanh				Hưng Yên	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Hàng Nam								
1880	K	11880	Nguyễn Vũ Thị Thảo				Nam Định	Công ty CP Sản xuất Việt Nam					7.5			
1881	H	11881	Bùi Phương Thảo				Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kế toán Thuế Taxkey			4					
1882	K	11882	Bùi Thị Minh Thảo				Hà Nội	Công ty CP Thương Mại và Nội dung Số Việt	-	5	6					
1883	H	11883	Bùi Thị Phương Thảo				Thanh Bình	CTY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM			4	3				
1884	K	11884	Bùi Thị Phương Thảo				Hòa Bình	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội			7			3.5		
1885	H	11885	Cao Thị Thảo				Hà Nội	CT TNHH Vải lụa châu Âu Minh Anh	5.5		5	1.5				
1886	H	11886	Bào Thị Thảo				Hưng Yên	CTY TNHH NHU A C ACH DIEN VIEI PHU VI								
1887	K	11887	Bào Thị Thảo				Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH Định giá và Kiến tạo tư vấn Hà Nội	3		5		4	2	4	

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán		Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ		
											TCKT QINC	VDV BDNC				Tiếng Anh	Tiếng Trung	
1888	H	11888	Đào Thị Thu Thảo		1994	Hà Nội	CTY CP DL OC PHAM QUỐC TH CANADA VIETNAM	8	5.5	4								
1889	H	11889	Đinh Thị Hương Thảo		1993	Ninh Bình	CTY TNHH MÃI A DI SIKON											
1890	H	11890	Đinh Thị Phương Thảo		1992	Hà Nội	Công ty CP Khoáng sản GCTC		5.5		5							
1891	K	11891	Đoàn Phương Thảo		1996	Hải Dương	Công ty Cổ phần Cyber Edu											
1892	H	11892	Đỗ Ngọc Thảo		1991	Hà Nội	CTY TNHH DỊCH VỤ KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN HIỆU BÁC NINH			6	3			6.5	7.5	7		
1893	C	11893	Đỗ Thanh Thảo		1992	Đà Nẵng	Công ty CP Mochem Viet Nam											
1894	H	11894	Đào Thị Thảo		1997	Hưng Yên	Công ty CP phân mềm Thương Long	5.5		5	2							
1895	H	11895	Hương Phương Thảo		1998	Yên Bái	Công ty TNHH Shanlapp Viet Nam-CN HN	3.5	0.5	2	1.5							
1896	C	11896	Hương Thị Thảo		1994	Hải Dương	Công ty TNHH Kien Loan T & C Chi nhánh Hà Nội								5			
1897	H	11897	Hà Thị Thảo		1989	Nghe An	Công ty TNHH GK ENTECHIN Viet Nam			4	5.5							
1898	H	11898	Hồ Thị Phương Thảo		1998	Nghe An	CT TNHH Kinh doanh Speed Viet Nam	7.5	7.5	7.5	3							
1899	H	11899	Lê Phương Thảo		1998	Hà Nội	CT TNHH Sumden International Trading Viet Nam											
1900	C	11900	Lê Thị Phương Thảo		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Co-Well Châu A											
1901	K	11901	Lương Thị Phương Thảo		1998	Hà Nội	Hội Kien Loan viên hành nghề Viet Nam			1								
1902	H	11902	Mai Bích Thảo		1985	Hưng Yên	CT TNHH TSAM Viet Nam											
1903	H	11903	Mai Phương Thảo		1993	Thanh Hóa	CTY TNHH MIV ứng dụng công nghệ MOI VÀ DL TICH				3							
1904	H	11904	Mai Thị Thu Thảo		1991	Bắc Ninh	CN CTY CP Y DL OC PHAM VINH DINH X	8.5	7	7.5	3.5							
1905	H	11905	Ngô Thị Thảo		1986	Thanh Hóa	Công ty TNHH sản dụng và thương mại cơ điện Lan An											
1906	H	11906	Nguyễn Minh Thảo		1988	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kế toán Kien Loan và đầu tư AV			5								
1907	K	11907	Nguyễn Thanh Thảo		1996	Hà Nam	Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Thịnh Vương	6.5										
1908	C	11908	Nguyễn Thị Thảo		1988	Hà Nội	Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Bảo Anh						8	6.5	5.5			
1909	H	11909	Nguyễn Thị Thảo		1991	Quảng Nam	Công ty CP Masterbach											
1910	H	11910	Nguyễn Thị Thảo		1992	Hải Phòng	CT TNHH Grant Thornton Viet Nam	5	1.5	7	3.5							
1911	H	11911	Nguyễn Thị Thảo		1992	Nghe An	CT TNHH Đạt Nam			7.5								
1912	H	11912	Nguyễn Thị Hương Thảo		1990	Bắc Giang	CT Đạt TNHH MTC	7.5	3.5	5.5	2							
1913	H	11913	Nguyễn Thị Phương Thảo		1990	Bắc Ninh	CT TNHH Bannin Electronics Vina	4.5	1	6.5	3.5							
1914	H	11914	Nguyễn Thị Phương Thảo		1991	Quảng Ninh	CTY TNHH DL TICH VÀ HIỆU QUẢ MẠI PHƯƠNG NG	8	6	5.5								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Chú chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1915	II	11915	Nguyễn Thị Phương Thảo		1994	Hà Phòng	Công ty CP nhua CTI	7	8	8.5	2.5					
1916	II	11916	Nguyễn Thị Phương Thảo		1994	Phu Thọ	CTY CP DICI DINOS	6	6.5	7	4					
1917	II	11917	Nguyễn Thị Phương Thảo		1997	Nghe An	Công ty CP MHC									
1918	II	11918	Nguyễn Thị Phương Thảo		1997	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Arch Garden	6.5	7		2					
1919	K	11919	Nguyễn Thị Phương Thảo		1998	Thái Bình	Công ty Cổ phần dân tư Asua Coldman		5.5	5.5	5					
1920	K	11920	Nguyễn Thị Phương Thảo		1998	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Sơn xuất và kinh doanh Ynfast	4.5		5	3		3.5	7		
1921	K	11921	Nguyễn Thị Thanh Thảo		1974	Hà Nam	Công ty CP Tư vấn và Phát triển xây dựng HII		0.5	3	1.5	5	1.5			
1922	II	11922	Nguyễn Thị Thu Thảo		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH Misum Việt Nam	5	4	6	1.5					
1923	II	11923	Nguyễn Thị Thu Thảo		1996	Bắc Giang	CT TNHH Tư Tập	4	6.5							
1924	II	11924	Nguyễn Thị Thu Thảo		1996	Hưng Yên	CTCP Hamsa	6.5	6	5	3					
1925	II	11925	Nguyễn Thu Thảo		1994	Hà Dương	CTY TNHH SAMSUNG SDS VIE NAM	3.5	0.5	4.5						
1926	K	11926	Nguyễn Thu Thảo		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kế toán-Kiểm toán-Tư vấn Việt Nam	8.5	7	6	6.5	8	5	7		
1927	K	11927	Nguyễn Việt Phương Thảo		1995	Bắc Giang	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam chi nhánh Hà Nội									
1928	II	11928	Nông Bích Thảo		1995	Cao Bằng	CT TNHH Transcosmos Việt Nam	5.5		6.5						
1929	K	11929	Phạm Thị Thảo		1999	Hưng Yên			5.5	5	6	7.5	3.5	6.5		
1930	II	11930	Phạm Thị Thảo		1995	Hà Nội	Công ty CP CN Bravestats			8	6.5					
1931	K	11931	Phạm Thị Phương Thảo		1984	Nam Định	Công ty TNHH Cổ liên thương mại Pro			5	3.5					
1932	K	11932	Phạm Thị Thu Thảo		1993	Hải Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kế toán và Định giá VSC (Q) tại Hải Phòng	4.5	0.5	5.5	1	3	1.5	2.5		
1933	K	11933	To Thị Thảo		1993	Hải Dương	Ngân hàng TMCP Việt Nam Định Vương									
1934	K	11934	Trần Thị Phương Thảo		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Kế toán và Định giá AMC		5	7	7					
1935	II	11935	Trần Thị Thanh Thảo		1996	Bắc Ninh	CTY TNHH L&K BO VIE NAM	4.5	3.5		3					
1936	II	11936	Trần Thị Thu Thảo		1991	Nam Định	Công ty Cổ phần dịch vụ vận thông Tin Việt									
1937	II	11937	Trương Phương Thảo		1987	Bắc Ninh	CT TNHH Sung Woo Vina	6								
1938	II	11938	Trương Thanh Thảo		1995	Thanh Hóa	Công ty CP Dầu tư thương mại dịch vụ LP Xanh			7						
1939	II	11939	Vân Thị Phương Thảo		1986	Hà Nội	Công ty TNHH IMDI và các tập Phương Nam									
1940	K	11940	Vũ Thị Thảo		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Bảo hiểm Iasco	5	3.5	5	7.5	8	4	7.5		
1941	II	11941	Vũ Thị Bích Thảo		1993	Phu Thọ	CT TNHH Tư vấn xây dựng MIA Việt Nam			5	3.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
1942	H	11942	Vũ Thị Thu Thảo		1997	Thái Bình	CN CTY TNHH KẾ TOÁN T- (CÔNG TATHA NỘI	8	5.5	5	6.5							
1943	H	11943	Nguyễn Thị Thảo		1998	Thái Bình	CT TNHH Tư vấn Data Ha		3									
1944	H	11944	Nguyễn Thị Thảo		1991	Hà Nội	CTY TNHH IT V N BẮC NINH			6.5	5.5							
1945	H	11945	Nguyễn Thị Hồng Thanh			Hà Nội	CT TNHH Thương mại Công nghệ sản xuất DTP	6		6								
1946	C	11946	Phạm Thị Thảo		1982	Hải Dương	Công ty TNHH tư vấn và đầu tư AB Việt Nam					6						
1947	H	11947	Trần Thị Hồng Thanh		1984	Thái Bình	Công ty TNHH Quảng cáo DAD	4		3.5	1.5							
1948	H	11948	Vũ Thị Thảo		1984	Hải Dương	CT TNHH Hoa Đào L&T Hải Dương		5	6								
1949	H	11949	Vũ Thị Thảo		1985	Nam Định	CTCP Bảo vệ và xây dựng công trình MB		6		4							
1950	K	11950	Nguyễn Văn Hoàng		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Holdings	4	5.5	6.5	2.5			8				
1951	K	11951	Bùi Hữu Hoàng		1998	Hưng Yên	Ngân hàng L&P Thịnh Vương và Phát triển Việt Nam					6			3			
1952	H	11952	Đỗ Hữu Hoàng		1994	Hà Nội	Công ty cổ phần tập đoàn CTO											
1953	K	11953	Hoàng Thị Hoàng		1990	Nam Định	Công ty TNHH Kwangsong Việt Nam	5.5		5.5					3.5			
1954	K	11954	Hồ Nam Hoàng		1997	Nghe An	Có trách Công ty TNHH Phúc (Việt Nam) tại Hà Nội			8.5	6		4					
1955	H	11955	Le Như Quy Hoàng		1983	Quảng Bình	CTY CP IM V A DI OC PHAM T AN DI C			3.5	1					7		
1956	K	11956	Nguyễn Đức Hoàng		1998	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam											
1957	H	11957	Nguyễn Quan Hoàng		1991	Thái Bình	CTY TNHH DAI TI V A TI V N API C HANG LONG	4	7	6.5	3							
1958	K	11958	Nguyễn Quốc Đức Hoàng		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	5	6	5	3		3					
1959	K	11959	Phạm Minh Hoàng		1994	Hà Nam	Công ty Cổ phần nông nghiệp Ngọc Tú	7.5		6.5	3							
1960	K	11960	Lòng Đình Hoàng		1997	Định Hóa	Khac	6		5	5.5							
1961	H	11961	Trương Phước Đại Hoàng		1994	Quảng Nam	Renaissance Hotel An Resort & Spa	0	5	5	0							Pháp luật được 0 điểm định chỉ từ môn tập theo (kế toán)
1962	H	11962	Hoàng Thị Thảo		1981	Hưng Yên	Công ty CP xây lắp điện Thanh An											
1963	H	11963	Nguyễn Ngọc Thế		1994	Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm toán DHH Việt Nam	5.5			3							
1964	K	11964	Trương Đức Thế		1994	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - CN Hà Nội	5.5	5.5	6.5	4	5.5	~	8.5				
1965	K	11965	Đương Thị Bích Thảo		1988	Hà Nội	Công ty Cổ phần Dịch Vụ		3.5	5	3.5			6.5				
1966	H	11966	Nguyễn Thị Thu		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH thương mại và kỹ thuật Minh Long	4		5	1.5							
1967	C	11967	Nguyễn Thị Thu		1994	Hưng Yên	Công ty Cổ phần phân miền Quốc tế TS					7	8	7				
1968	H	11968	Bạch Thị Bích		1992	Nghe An	CT TNHH Công nghệ môi trường và phát triển bền vững			4	3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán		Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
												VDV BDNC			Tiếng Anh	Tiếng Trung		
1969	K	11969	Đinh Hoàng Thiện	1996		Nghe An	Nghân hàng TMCP Lọc Dầu Việt Nam	7		5	5.5	6.5						
1970	K	11970	Nguyễn Đức Thuận	1997		Phước Thọ	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn thuế và kế toán Việt Nam		3	6								
1971	K	11971	Nguyễn Ngọc Thuận	1997		Vĩnh Phước	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	6.5	5	5	3.5			6				
1972	K	11972	Lưu Thị Ngọc Thuý		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Crowe Việt Nam				2.5	6.5			7			
1973	II	11973	Đặng Thị Thuý		1991	Bắc Ninh	CICP Công nghiệp API H&K	7	5.5	6.5	8.5							
1974	II	11974	Lê Văn Đức	1985		Quảng Bình	C.TI TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVIN-VATAC											
1975	K	11975	Ngô Thị Thuận		1988	Bắc Giang	Công ty TNHH Secon Việt Nam											
1976	II	11976	Lê Thị Hạnh		1996	Bắc Ninh	C.TY TNHH CIPPI H&K	6.5										
1977	K	11977	Nguyễn Đức Thịnh	1999		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	7	6	5.5	6	6.5	5	8.5				
1978	K	11978	Nguyễn Thị Thu		1996	Thái Bình	V.PDD Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Jung H tại Hà Nội		2	5.5	2							
1979	K	11979	Bùi Đức Thọ	1999		Hòa Bình	Công ty TNHH Nhà nước Mita thành viên Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	5.5	1.5	5	2	5.5	2	5				
1980	II	11980	Đinh Thị Hoa		1983	Hà Nội	Công ty CP Vại sừng Lụa											
1981	II	11981	Nguyễn Thị Kim Hoa		1986	Hải Phòng	Công ty CP Công Miproc		0	4.5	2.5							
1982	II	11982	Nguyễn Thị Kim Hoa		1992	Nghe An	Công ty CP đầu tư và phát triển năng lượng Bình Minh			5	1.5							
1983	II	11983	Nguyễn Thị Kim Hoa		1993	Bắc Ninh	CN CT TNHH DANA H&H&M	5.5	6		3.5							
1984	II	11984	Phạm Thị Hoa		1976	Thái Bình	Công ty cổ phần sản xuất và xuất khẩu Quốc tế VIZ	5	2.5	5	4							
1985	II	11985	Phạm Thị Hoa		1994	Hà Nội	C.TI TNHH Thương mại đầu tư và phát triển Khai Anh	5.5			1.5							
1986	II	11986	Lưu Thị Hoa		1993	Thanh Hóa	C.TI TNHH Dịch vụ Thuận Giang	6.5	2	5	3.5							
1987	II	11987	Linh Thị Kim Hoa		1996	Nam Định	C.TI TNHH Công nghệ bao bì thông minh Sungrow (Việt Nam)	4.5	3	5	0.5							
1988	K	11988	Nguyễn Thị Hoa		1997	Hà Nội		7		5.5	5.5							
1989	C	11989	Bồ Thị Hoàn		1981	Hà Nội	Công ty Cổ phần Lovexids					5	4.5					
1990	II	11990	Đức Thị Hoàn		1991	Thái Bình	C.TY TNHH XTC JET N D&A IT-IM SUPCON V&I NAM	7	4	5								
1991	K	11991	Nguyễn Văn Thông	1985		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	7.5	5.5	5	3.5	5	1.5	4				
1992	K	11992	Lê Thị Phương Thôn		1978	Thái Bình	Học viện Nông nghiệp Việt Nam			5								
1993	C	11993	Ngô Thị Thuận		1979	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch vụ kế toán và đầu tư Thuế Việt Nhật						1.5	0.5	1.5			
1994	II	11994	Nguyễn Thị Thuận		1989	Hưng Yên	C.TI TNHH JONIA Việt Nam	7	6	5.5	5							
1995	II	11995	Phạm Thị Thuận		1993	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch vụ và Tư vấn Vietnam Việt Nam	5		3								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
1996	K	12096	Phạm Thu Thơm		1998	Hưng Yên			5	3.5	6.5			6.5		
1997	K	12097	Lưu Thu Thơm		1989	Nam Định	(công ty TNHH Gear hoc Viet Nam			7.5	5	7.5				
1998	H	12098	Lưu Thu Thơm		1991	Bắc Giang	(T TNHH TOBA INC (Viet Nam)				3					
1999	K	12099	Trinh Thị Hương Thơm		1999	Bắc Giang	(công ty Cổ phần Ton Dan Hà Nội	6.5	7	6.5	5.5	7.5	6	8.5		
2000	K	12000	Ban Thu Thu		1993	Thái Bình	(công ty Cổ phần Guc energy Vina		5	6						
2001	H	12001	Đường Thị Thu		1997	Vĩnh Phúc	(T TNHH Yamamoto Metal Precision Viet Nam									
2002	H	12002	Ban Thị Minh Thu		1997	Hải Phòng	(công ty TNHH dien Nissin Viet Nam		6	5.5	4					
2003	K	12003	Đinh Hà Thu		1999	Thái Bình	(công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam - Chi nhánh Hà Nội	5	5	5.5	5	7.5	3.5	9		
2004	K	12004	Đỗ Thị Phương Thu		1999	Nam Định	(công ty TNHH Kiem toan và tư vấn C.TY	5	4	6.5	2.5	6.5	4.5	4.5		
2005	H	12005	Hà Thị Thu		1988	Phủ Thọ	KHCU 11 HET N Q AN LAN NÔNG PHU THO			6	3.5					
2006	K	12006	Hà Thị Thu		1999	Hà Nội			4	5	2.5			7		
2007	H	12007	Lê Thị Thu		1991	Quảng Ninh	(N C.TC.P Thiet bị Khai thac mo - Trung tam tư huach Heritage	5		4						
2008	H	12008	Lê Thị Thu		1997	Thanh Hóa	(công ty TNHH dịch vụ tư vấn Alpha			4						
2009	H	12009	Ngô Thị Hà Thu		1993	Nam Định	(công ty TNHH Xay dựng dien Hà Nội									
2010	H	12010	Nguyễn Đức Thu		1996	Sơn La	(T TNHH Đầu tư Huong mau và Dịch vụ Sông Thu		5							
2011	K	12011	Nguyễn Minh Thu		1999	Hà Nội	(công ty TNHH Kiem toan tư vấn doc lập - chi nhánh Hà Nội	5	2	6						
2012	K	12012	Nguyễn Phương Thu		1994	Bắc Ninh	(công ty TNHH Kiem toan Deloitte Viet Nam		5.5		3.5	8.5	5	5.5		
2013	C	12013	Nguyễn Thị Thu		1988	Nghe An	(công ty TNHH dịch vụ kế toán Hà Dương					7	7	7		
2014	C	12014	Nguyễn Thị Hà Thu		1994	Thái Bình	(công ty CP DD AND Viet Nam							5		
2015	H	12015	Nguyễn Thị Hoa Thu		1993	Quảng Bình	(công ty CP Đầu tư xây dựng và cơ dien H C	7.5	7	7	4					
2016	H	12016	Nguyễn Thị Lê Thu		1981	Hà Nội	(T.C.P Xay dựng và thương mại Thu Dong			2.5						
2017	H	12017	Phạm Hoa Thu		1993	Hải Dương	(T.C.P Quan lý vận hành bãi đóng sán Mandala	5	4	5	2.5					
2018	H	12018	Phạm Thị Thu		1984	Hà Nam	(công ty CP đầu tư Báo Lai	6	3	5	3.5					
2019	H	12019	Phạm Thị Thu		1994	Thái Bình	(công ty CP Property Goro			5	4					
2020	H	12020	Phạm Thị Thu		1997	Thái Bình	(công ty TNHH Kiem toan và tư vấn TAC	3	2	5.5						
2021	H	12021	Quách Thị Thu		1994	Thanh Hóa	(T TNHH Steel Metech Vina			7.5	4					
2022	H	12022	Lưu Thị Thu		1987	Hà Nam	(T TNHH Tư vấn ES Viet Nam									

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tải chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2023	H	12023	Trần Thị Thu		1988	Thái Nguyên	CTY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIETNAM	5.5	4.5	6	7					
2024	H	12024	Trần Thị Thu		1994	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư hàng lang	5	5.5	6.5	2.5					
2025	H	12025	Trần Thị Hoàn		1989	Nam Định	Công ty CP nhà thầu nưn liên phòng		4	4.5						
2026	H	12026	Vũ Hoài Thu		1995	Hải Phòng	CTY TNHH LOGICAL		5		4					
2027	H	12027	Vũ Thị Thu		1992	Nam Định	Công ty TNHH Senhcomp Development Việt Nam		6	5						
2028	K	12028	Đoàn Thị Thuận		1999	Bắc Giang	Công ty cổ phần tư vấn KBMC	4	1.5	5	2	5	5.5	6.5		
2029	H	12029	Hoàng Thị Thuận		1994	Nghe An	Công ty TNHH trust services Việt Nam									
2030	K	12030	Lê Thị Thuận		1995	Hà Nam	Công ty TNHH KATW Việt Nam	3.5	6.5	6.5	6	8.5	6	7.5		
2031	K	12031	Nguyễn Hữu Thuận	1998		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Châu Á - Chu nhật Miền Bắc	4	3.5	5	3	5	5	6		
2032	K	12032	Bùi Minh Thuận		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	6.5			4					
2033	K	12033	Đinh Kim Thuận		1996	Ninh Bình	Công ty Cổ phần tập đoàn Mita Ton		7	5				8.5		
2034	H	12034	Đoàn Thị Thuận		1991	Nam Định	CN CP được Phấn Nam Hà		6		3					
2035	H	12035	Đỗ Đức Thuận		1990	Hà Nội	CT TNHH Olo Hưng Đô	6.5	8	5.5						
2036	K	12036	Hoàng Thị Thuận		1997	Quảng Ninh	Công ty CP Chứng Khoan KB Việt Nam		3.5	5			3	1.5		
2037	K	12037	Kiều Thị Diệt Thuận		1999	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	6	5	7	5	6	7.5	7		
2038	K	12038	Lưu Thị Phương Thuận		1983	Quảng Ninh	Công ty TNHH Xây dựng và KDDH Ngân Sơn		1	2.5	1					
2039	K	12039	Lê Thanh Thuận		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH Ivy Global School Viet Nam				3.5					
2040	H	12040	Lê Thị Thuận		1990	Thanh Hóa	Chi nhánh Tân Consulting Co Ltd Nhật Bản tại Việt Nam	5.5	6.5							
2041	K	12041	Lê Thị Thuận		1995	Hải Dương	Công ty Cổ phần Chứng Khoan Excess	3.5	3.5	4	3	7	6	5		
2042	H	12042	Lê Thị Thanh Thuận		1992	Quảng Trị	CT TNHH DHI AT TO VINA			7						
2043	H	12043	Lý Thị Thuận		1986	Yên Bái	Công ty TNHH Hào Vương									
2044	H	12044	Mai Ngọc Thuận		1995	Phù Thọ	Công ty TC TNHH MB Shinsen	6	6	7	5					
2045	H	12045	Mai Thị Thuận		1997	Nam Định	CT TNHH Decor Vạn Phúc	6.5	5.5	6.5	6.5					
2046	K	12046	Mai Thị Thuận		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế		6	6.5						
2047	H	12047	Nguyễn Phương Thuận		1988	Thái Bình	Công ty CP Property Group Việt Nam		3.5	5						
2048	K	12048	Nguyễn Phương Thuận		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam					5	4	8		
2049	H	12049	Nguyễn Thị Thuận		1987	Thái Bình	CT TNHH Tư vấn và Dịch vụ Kế toán BHD	5.5	6	8						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe hiểu				
														Tiếng Anh		Tiếng Trung		
2077	H	12077	Trần Thị Thuý		1999	Nam Định	C/CTP Chương nhân và Kien dinh Vinacontrol											
2078	H	12078	Bà Thị Thuý Thuý		1985	Hà Nội	C/1 TNHH Thương mại dịch vụ và sản xuất Minh Lan											
2079	H	12079	Bà Thị Thuý		1986	Hải Phòng	C/CTP Công nghệ Lọc truck		7.5	6.5	2.5							
2080	K	12080	Bà Thị Thuý Thuý		1995	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn Thúc Debonie Việt Nam	6		5								
2081	K	12081	Cao Thị Thanh Thuý		1988	Hà Tĩnh	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	7	7	6.5	5	7.5	5.5	8				
2082	H	12082	Dương Thị Thuý Thuý		1993	Hà Nội	Công ty dịch vụ mobilephone khu vực 1 - CN Tổng công ty Viễn thông Mobiphone			7								
2083	H	12083	Đào Thị Thuý		1990	Thái Bình	Công ty Cổ phần Tư vấn consulting Việt Nam	4	3.5	5	1.5							
2084	H	12084	Đào Thị Thanh Thuý		1989	Hà Nội	C/CTP Cổ phần học họ		4	5.5								
2085	K	12085	Đào Thị Thuý		1997	Thái Bình	Công ty CP Bảo hiểm Hưng Vương				6.5		7					
2086	H	12086	Đinh Thị Lệ Thuý		1987	Phủ Thọ	C/TA CP PHA/IRI/NDM/IT/HOANG GIA VU/IT/NNM	7	3	3.5	3.5							
2087	K	12087	Đoàn Thị Thanh Thuý		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Trans&Young Việt Nam		6		5							
2088	K	12088	Đỗ Phương Thuý		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Nexa STI	5.5			5	6	5					
2089	C	12089	Đỗ Thị Thuý		1987	Nam Định	Công ty Cổ phần Lập đoàn Kuroki					4	5	5				
2090	H	12090	Đỗ Thị Thuý		1994	Hà Nam	CTCP MISA	7	4	8	2.5							
2091	H	12091	Hoàng Thị Thuý		1988	Nam Định	C/1 TNHH Lành Việt Nam				0							Danh chủ đầu môn Kế toán
2092	K	12092	Hồ Ngọc Thuý		1998	Luyên Quang	Công ty TNHH Kiem loan tư vấn độc lập		1	3.5	3							
2093	H	12093	Lê Thị Thuý		1987	Thanh Hóa	C/CTP Dịch vụ Kỹ thuật viên đường Hà Nội			3								
2094	C	12094	Lê Thị Thuý		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiem loan Thăng Long					8.5	8	6				
2095	H	12095	Lê Thị Thuý		1996	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH XNK Condina Việt Nam	5	1.5	2	2							
2096	H	12096	Lê Thị Bạch Thuý		1982	Thái Bình	C/1 Ltd TNHH L&O		6.5	6	4							
2097	H	12097	Lê Thị Hồng Thuý		1997	Nam Định	Công ty TNHH / Management		5.5	4	3.5							
2098	H	12098	Ngô Thanh Thuý		1998	Bắc Giang	Công ty CP Đào tạo và giải pháp doanh nghiệp Envy		7	6.5	2.5							
2099	H	12099	Nguyễn Thanh Thuý		1990	Thanh Hóa	C/TA TNHH S/MSI/SG/111 C/ERO-MI/CH/ANIS/VO/1/NNM		5.5	5.5	3							
2100	H	12100	Nguyễn Thị Thuý		1983	Hà Nội	Công ty CP Lan Phương			5								
2101	H	12101	Nguyễn Thị Thuý		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH KPMG		0.5	4	1.5							
2102	H	12102	Nguyễn Thị Thuý		1988	Hà Nội	C/TA TNHH XD/IM&K/AN/1/MI/HANH/CONG				5							
2103	H	12103	Nguyễn Thị Thuý		1991	Thái Bình	Công ty TNHH Miap Food Việt Nam		2	2.5	2.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2104	II	12104	Nguyễn Thị Thuý		1999	Vĩnh Phúc	CITY INHH K&I MCOXN VCCO	6	5.5	5	5.5					
2105	C	12105	Nguyễn Thị Hồng Thuý		1984	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam					6.5	4.5	5		
2106	II	12106	Nguyễn Thị Thuý		1990	Đoanb Hoa	Công ty TNHH Đông Việt Linh			7	4					
2107	II	12107	Nguyễn Thị Thuý		1993	Hà Nội	CITY INHH SAIO V&I NAM	4	3	2.5						
2108	K	12108	Nguyễn Thị Thuý		1996	Thừa Bình										
2109	K	12109	Nguyễn Thị Thuý		1998	Hà Nội				3.5	0.5			3.5		
2110	K	12110	Nguyễn Thị Thuý		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiến tạo Quốc tế									
2111	K	12111	Nguyễn Thị Xuân Thuý		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Kiến tạo Delonte Việt Nam									
2112	II	12112	Nguyễn Thị Thuý		1994	Hà Nội	Công ty CP thương mại Cường Việt Nam									
2113	K	12113	Nguyễn Thị Thuý		1995	Hà Nội	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây học đa quốc Dyon	6.5	1.5	5	5		7			
2114	II	12114	Nguyễn Thị Thuý		1999	Thừa Bình	CITY INHH Công nghệ Blue Belt		3.5		2.5					
2115	II	12115	Phạm Thị Thuý		1982	Hải Phòng	CITY INHH Chế tạo Canadian Solar Việt Nam	7.5	3	5						
2116	II	12116	Phạm Thị Bích Thuý		1990	Quảng Bình	Công ty TNHH&ITV dân tư và công nghệ An Phú Thành	6.5		5						
2117	II	12117	Phạm Thị Thuý		1984	Vĩnh Phúc	CITY INHH Aecomall Việt Nam	7								
2118	II	12118	Là Thị Bích Thuý		1995	Nam Định	Công ty TNHH ABB Automation And Electrification (Việt Nam)	5.5		5.5						
2119	II	12119	Thanh Thị Thuý		1992	Cao Bằng	CITY INHH Đa Hoàng Hà	4	7							
2120	K	12120	Trần Ngọc Bích Thuý		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5	5	4	4.5	7	5	9.5		
2121	C	12121	Trần Thị Thuý		1993	Hải Dương	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nam Triều					8	8.5	8		
2122	II	12122	Trần Thị Ngọc Thuý		1988	Hà Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Vĩnh Tiến tại Hà Nội	5	3	5	5					
2123	K	12123	Trần Thị Thanh Thuý		1996	Nam Định	Công ty Cổ phần Y dược Vnclitic		1.5		3.5		1.5			
2124	II	12124	Trần Thị Thuý		1995	Ngũyê An	Công ty CP giáo pháp công nghệ thông tin và hạ tầng truyền dẫn Vnmbis									
2125	II	12125	Trương Thị Thuý		1993	Hà Nội	CITCP Năng lượng tại tạo và mua trường Việt Nam	6	7	5	5.5					
2126	II	12126	Vũ Thị Thuý		1995	Hải Dương	Công ty cổ phần Gamada									
2127	II	12127	Vũ Thị Thuý		1997	Điền Brien	CITY INHH Khoa học kỹ thuật Vnclab		3.5		2					
2128	K	12128	Vũ Thị Thuý		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến tạo JI Shin Việt Nam	2	1	5	3.5	5	3.5	6.5		
2129	II	12129	Nguyễn Thị Thuýn		1991	Vĩnh Phúc	Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Kiến Văn									
2130	II	12130	Phùng Thị Thuýn		1995	Bắc Ninh	Công ty TNHH Asia Packaging				3					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCNC QING	Kiểm toán VDV BDC	Phân tích HDT CNC	Ngôi ngữ Tiếng Anh Tiếng Trung	
2131	H	12131	Bur Anh Thư		1997	Hà Dương	CTY CP VINHOMI'S	2	1	4	2				
2132	K	12132	Hoàng Minh Thư		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam			7	5		7	7.5	
2133	P	12133	Hoàng Thị Minh Thư		1995		Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững			6.5					
2134	H	12134	Hà Thị Minh Thư		1998	Nghe An	Công ty TNHH Shambhup Việt Nam-CN HN	6	5	7	4				
2135	H	12135	Lê Khánh Thư		1984	Hà Nội	Công ty TNHH Newtech Materials Việt Nam		2	4					
2136	H	12136	Nguyễn Thị Anh Thư		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán DTH Việt Nam	6.5	5	6	4				
2137	H	12137	Nguyễn Thị Hoa Thư		1995	Quảng Ninh	CT TNHH Tư vấn thực hành Bình			7	5				
2138	H	12138	Phạm Nữ Anh Thư		1996	Hà Nội	Chi nhánh Công ty TNHH Fortis Muzans Việt Nam tại Hà Nội		4	7.5					
2139	K	12139	Phùng Thị Sáu Thư		1996	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	6.5		5.5	4				
2140	H	12140	Lưu Thị Thư		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Quan trị DYN BCI Việt Nam			5					
2141	H	12141	Ngô Văn Thư	1993		Hà Nội	CT TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam	7	9	5.5	1.5				
2142	H	12142	Bùi Thị Thuong		1994	Thái Bình	Công ty TNHH Kế toán Seou Việt Nam		4	6					
2143	H	12143	Đào Thị Thuong		1988	Bắc Giang	Công ty TNHH MK-Med								
2144	H	12144	Nguyễn Huyền Hương		1988	Hà Nội	CT TNHH Công trình và thương mại KMDA	6.5	4	5	4				
2145	H	12145	Phạm Hồng Hương		1995	Hải Dương	CTCP Bê tông và Xúc động An Minh				1				
2146	K	12146	Lưu Thị Hương		1997	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư Hoàng Long	3.5	5	5	5	7.5	5	4.5	
2147	H	12147	Khúc Hoàng Thị		1997	Hải Phòng	Công ty TNHH Tư vấn SCS Global Việt Nam								
2148	H	12148	Linh Thị Tiên		1997	Hà Nội	CTCP Dạng Thêu								
2149	H	12149	Đinh Ngọc Tiên		1994	Ninh Bình	Công ty TNHH E-Glocal			6.5					
2150	K	12150	Hoàng Minh Tiên		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Happy Law	6			5	7	3.5		
2151	H	12151	Mai Minh Tiên		1997	Hải Dương	CTY TNHH NE VIA SFI				3.5				
2152	K	12152	Nguyễn Duy Tiên		1997	Hà Nội	Công ty cơ phận Lắp đặt Nam Thuận					6.5	3.5		
2153	K	12153	Nguyễn Mạnh Tiên		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6.5	4.5	5	3.5		7.5		
2154	K	12154	Nguyễn Mạnh Tiên		1999	Nghe An	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC		2.5	6		7.5			
2155	K	12155	Nguyễn Minh Tiên		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC		6.5		7				
2156	K	12156	Nguyễn Quang Tiên	1980		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán Thăng Long	6	2.5	6	2.5				
2157	H	12157	Lê Thị Kim Tiên		1996	Hà Nội	Công ty Tư vấn Quốc tế Internus Việt Nam	4							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2158	K	12158	Là Hồng Liên	1992		Nam Định	Lập đoàn Vingroup				5.5		5	6.5		
2159	K	12159	Trần Việt Tiến	1997		Nghe An	Công ty TNHH Kiên toàn và Đình gia Hà Nội		4.5	6		6	5.5	5		
2160	K	12160	Trần Thị Liên		1998	Hà Phòng	Công ty TNHH Nexus STI - Chi nhánh An Phát	4.5		6.5	3	5.5				
2161	H	12161	Ngô Thị Việt Hiệp		1984	Nghe An	CTCP Kinh doanh Thương mại và Đầu tư Lâm Phát		2	6.5	3.5					
2162	C	12162	Nguyễn Văn Hiệp	1990		Bắc Giang	Công ty TNHH Đầu tư công nghệ và dịch vụ Seconnect Việt Nam					5				
2163	K	12163	Bồ Thanh Sơn	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Kế toán Kiên toàn Việt Nam	5.5				6		8.5		
2164	H	12164	Nguyễn Thị Linh		1991	Hưng Yên	Công ty TNHH TM và DV thương Việt Sơn		6	9						
2165	H	12165	Ngọc Thị Huệ Linh		1982	Bắc Giang	Công ty CP Thương mại và đầu tư Kamrau Việt Nam		1							
2166	K	12166	Vũ Thị Linh		1987	Bắc Ninh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam			5.5				5.5		
2167	H	12167	Nguyễn Thị Linh		1996	Thanh Hóa	CTY CP SCOTSENGI INH AUC IRALIA			6	3.5					
2168	H	12168	Trần Thị Linh		1988	Hà Nội	CTY TNHH MXXN VINA			6	3.5					
2169	H	12169	Trương Tiến Linh	1988		Thanh Hóa	CTY CP TC VAN DPT	5			2					
2170	K	12170	Mạc Văn Linh	1995		Hà Dương	Công ty CP Truyền thông và Công nghệ Phú Hưng Group		6.5			7	5	6.5		
2171	H	12171	Nguyễn Thị Linh		1987	Hà Nam	CT TNHH Tư vấn AIZ	5.5	1	5.5	3					
2172	H	12172	Phạm Thị Loan		1995	Hà Dương										
2173	H	12173	Phạm Thị Loan		1998	Hà Nam	CTY TNHH VERISKY VIỆT NAM	6	7							
2174	K	12174	Bào Ngọc Loan	1999		Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiên toàn DFN Việt Nam - CN Hà Nội									
2175	K	12175	Bình Minh Loan	1993		Nghe An		6	2.5		6	7	4.5	0		
2176	K	12176	Vũ Đức Loan	1996		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiên toàn và Đình gia Hà Thanh	4.5		3.5		5				
2177	H	12177	Nguyễn Thị Lơ		1991	Hà Nội	CTY TNHH XUA T NH AP KHAY DIEN MAY TI CKY	5	2.5	5.5	3					
2178	H	12178	Ban Thị Lúa		1992	Hà Tĩnh	Công ty CP Nhựa bao bì Hòa Sơn	8.5			5					
2179	H	12179	Lê Thị Thanh Lúa		1991	Hà Tĩnh	CTI TNHH Macdermad Performance Solutions				7.5					
2180	K	12180	Ngô Thanh Lúa		1999	Hà Nam	Công ty TNHH Kiên toàn VACO	4.5		6	3.5	7.5	3.5	5		
2181	P	12181	Nguyễn Mai Lúa		1999		CÔNG TY CP PLUS PARTNERS VINA			6.5						
2182	H	12182	Nguyễn Thị Lúa		1995	Nghe An	Công ty TNHH Kiên toàn DTH Việt Nam	8	4	5.5	5.5					
2183	C	12183	Nguyễn Thị Hương Lúa		1980	Nam Định	Công ty có phân giao dục FDC FTH					5.5	4.5	4		Cánh cao môn Ngoại Ngữ - Từ 20% số điểm
2184	H	12184	Nguyễn Thị Hương Lúa		1988	Thừa Thiên Huế	CTY TNHH VULFOL ANG				5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2185	N	12185	Nguyễn Thị Hương Trà		1992	Nghe An	Công ty Cổ phần Helioph Holdings	4	1	5	2,5					
2186	H	12186	Nguyễn Thị Thanh Trà		1990	Hà Nội	CTY TNHH YONELAWA VIỆT NAM				4,5					
2187	N	12187	Nguyễn Văn Trà	1991		Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn LAI							2		
2188	H	12188	Phan Thị Thanh Trà		1994	Nghe An	Công ty TNHH phát triển thương mại Traton									
2189	H	12189	Vũ Thị Thanh Trà		1994	Nam Định	CT CP STONE BAST VIỆT NAM									
2190	H	12190	Bùi Thị Trang		1988	Thanh Hóa	CTCP Labcom Việt Nam		5,5	7						
2191	C	12191	Bùi Thị Trang		1992	Thanh Bình	Công ty Cổ phần Delta Việt Nam									
2192	H	12192	Bùi Thị Trang		1990	Hà Nam	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất hạt giống Việt Nam			5,5						
2193	H	12193	Bùi Thị Trang		1993	Hòa Bình	Công ty CP Trung tâm di sản các nhà khoa học Việt Nam									
2194	N	12194	Cao Thị Huyền Trang		1994	Nam Định		6			6,5	6,5	6	6		
2195	H	12195	Cao Thị Mai Trang		1996	Hải Phòng	Công ty CP Phương Mai									
2196	H	12196	Châu Minh Trang		1988	Hà Nội	Tập Đoàn Bảo Việt	2,5	1,5	4,5	3					
2197	N	12197	Châu Thị Hà Trang		1998	Bắc Giang	Ngân hàng TMCP Ngân thương Việt Nam			5,5			2	8		
2198	H	12198	Châu Thị Thu Trang		1991	Hà Nội	CTY CP TẬP DOANH HOANG MINH									
2199	N	12199	Đương Minh Trang		1998	Hòa Bình	Công ty TNHH Quang Cao và Truyền thông ABC Việt Nam									
2200	N	12200	Đương Thị Trang		1994	Ninh Bình	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam			7			7	5		
2201	N	12201	Đương Thị Thu Trang		1996	Hưng Yên	Công ty CP dịch vụ bảo vệ và thương mại Việt Mỹ VMC									
2202	H	12202	Đương Thị Trang		1994	Hưng Yên	Đoàn Lương Xá Xã Hiệp Cường, H Kim Động, Hưng Yên	5,5	0,5	3,5	1,5					
2203	N	12203	Bào Thị Thu Trang		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế			5	5	6,5		8,5		
2204	H	12204	Đang Thị Hà Trang		1999	Thái Bình	CTCP Neo Fluo	3,5		5						
2205	N	12205	Bào Thị Huyền Trang		1998	Nghe An	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Đầu tư thực TAC	6,5			5					
2206	N	12206	Đinh Thị Thu Trang		1995	Ninh Bình	Công ty CP BĐS Tập đoàn Lân A Đại Thành		4,5	7	5,5	7,5	5,5	4		
2207	N	12207	Đỗ Thanh Trang		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	5	1,5	6	3	6	1	5		
2208	N	12208	Đỗ Thu Trang		1999	Vĩnh Phúc	Khac	6	2,5	5	3	6,5	3,5	4		
2209	H	12209	Đỗ Thụy Trang		1996		CTY CP MAY SÔNG HỒNG			6	5					
2210	H	12210	Hoàng Huyền Trang		1995	Nam Định	Công ty TNHH TC Việt Nam	4,5	6,5	7,5	6,5					
2211	H	12211	Hoàng Thị Vân Trang		1993	Nghe An	CT TNHH Phát triển giao dục GP			6	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Chức vụ
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
2212	H	12212	Hoàng Thu Trang		1995	Thanh Hóa	CITY CP QUỐC THỊ HETHOAI SÀI GÒN NAM				7.5					
2213	H	12213	Hu Thu Trang		1989	Nghe An	CITCP Masscom Việt Nam		5.5	6.5	6					
2214	H	12214	Ha Thu Thu Trang		1995	Hà Nam	CIT INHH Bhat Diamond Vina				4.5					
2215	H	12215	Le Thu Minh Trang		1990	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán Vin Việt - Chi nhánh Hà Phòng				5					
2216	H	12216	Le Thu Trang		1990	Hà Nam	CITCP Kiên trúc xây dựng Jearoom	7.5	6.5							
2217	H	12217	Le Thu Huyền Trang		1998	Hà Nội	CITY INHH K&M IOAN V&IT V&N IAC			5						
2218	H	12218	Le Thu Kieu Trang		1997	Bắc Ninh	Công ty CP Cosily		7	6.5	5					
2219	H	12219	Le Thu Thu Trang		1985	Hà Nội	Công ty TNHH đào tạo kế toán thuế Hà Nội			5						
2220	H	12220	Le Thu Thu Trang		1990	Thanh Hóa	CITCP Hương mai - Ks thuế Hải Anh	4.5	5							
2221	H	12221	Le Thu Thu Trang		1996	Nghe An	Công ty TNHH Le-Gloed	3.5			1.5					
2222	K	12222	Le Thu Thu Trang		1999	Hà Dương	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		2			6	2.5	7		
2223	H	12223	Le Thu Trang		1990	Thanh Bình	CITY CP S&C K&N KINH B&C		0	1						
2224	H	12224	Ngô Thu Trang		1990	Bắc Ninh	Công ty TNHH Yousong Pt		5	6	4					
2225	K	12225	Nguyễn Hà Trang		1998	Hà Nội				8	4		3			
2226	K	12226	Nguyễn Hoàn Trang		1995	Thanh Bình	Công ty Cổ phần ADPIA		5.5	6	5					
2227	K	12227	Nguyễn Lương Trang		1998	Thanh Bình				5.5	3		0	4		
2228	H	12228	Nguyễn Ngọc Lam Trang		1999	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH MIV se dien DK Việt Nhật		1.5	7						
2229	H	12229	Nguyễn Quỳnh Trang		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Sun Asiatic Việt Nam			0.5						
2230	H	12230	Nguyễn Thu Trang		1986	Bắc Ninh			0	3.5	1.5					
2231	H	12231	Nguyễn Thu Trang		1991	Ninh Bình	Công ty TNHH Co-Well (Chau A									
2232	K	12232	Nguyễn Thu Trang		1996	Hà Dương	Công ty Cổ phần Thuận định gia Fargo			2.5						
2233	K	12233	Nguyễn Thu Trang		1997	Bắc Giang	Công ty Cổ phần quân lý dầu từ Quốc tế	5	5.5	6	5	6	8.5	5.5		
2234	H	12234	Nguyễn Thu Trang		1997	Quảng Ngãi	CIT INHH Tư vấn thuế Thanh Bình			3.5	2.5					
2235	K	12235	Nguyễn Thu Trang		1998	Bắc Giang	Công ty CP Công nghệ thực phẩm Châu A				3.5					
2236	K	12236	Nguyễn Thu Hà Trang		1997	Bắc Ninh	Công ty TNHH Neshub	4.5						6.5		
2237	K	12237	Nguyễn Thu Hiền Trang		1996	Thanh Bình	Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Y học Việt Nam - Nhật Bản	5.5			7	6	6.5			
2238	K	12238	Nguyễn Thu Hoa Trang		1991	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam		4	6.5			7		7	

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2239	K	12239	Nguyễn Thu Huyền Trang		1990	Hà Nội	Công ty CP Viet M&C Group	6	4.5		2.5					
2240	K	12240	Nguyễn Thu Huyền Trang		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Sản xuất công nghệ Brel Crystal Việt Nam									
2241	K	12241	Nguyễn Thu Huyền Trang		1997	Nam Định	Công ty Cổ phần Ứng dụng Phần mềm Mobu Việt Nam	7	7.5	5	6					
2242	K	12242	Nguyễn Thu Kiều Trang		1993	Hà Nội	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	8.5		6						
2243	K	12243	Nguyễn Thu Ngọc Trang		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm toán BDO		1.5						8	
2244	K	12244	Nguyễn Thu Quỳnh Trang		1995	Ngũ계 An	Công ty CP DV IM Tổng hợp Wincommerce		5	5	2.5					
2245	H	12245	Nguyễn Thu Thu Trang		1987	Hà Nội	Công ty CP Casia	6		2.5						
2246	H	12246	Nguyễn Thu Thu Trang		1988	Ngũ계 An	CT TNHH Market Việt Nam			5	3.5					
2247	H	12247	Nguyễn Thu Thu Trang		1995	Thái Bình	Công ty TNHH SVG Media									
2248	K	12248	Nguyễn Thu Thu Trang		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán BDO		6	7	6	7	7		8.5	
2249	K	12249	Nguyễn Thu Thu Trang		1998	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản V Land Việt Nam	8	1.5	3	3.5				5.5	
2250	K	12250	Nguyễn Thu Thu Trang		1995	Bắc Ninh	Công ty TNHH KPMG					7			7	
2251	H	12251	Nguyễn Thu Thu Trang		1996	Vĩnh Phúc	CTY TNHH PHAN MINH E-ASL - CNHÀ NƠI	6	7.5	5	5					
2252	K	12252	Nguyễn Thu Thu Trang		1998	Hà Nội	Công ty Cổ phần Union Việt Nam		2.5		3				7	
2253	K	12253	Nguyễn Thu Trang		1989	Hưng Yên	Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Thien Anh									
2254	C	12254	Nguyễn Thu Trang		1990	Bắc Giang	Công ty TNHH Tư Vấn Luật định - Kiểm toán E-MCO Việt Nam					6.5	5			
2255	H	12255	Nguyễn Thu Trang		1992	Hà Nội	Công ty CP kiến trúc và nội thất Black & White	6		3						
2256	H	12256	Nguyễn Thu Trang		1996	Hà Nội	Công ty CP Xúc dụng và tư vấn Alpha	7	6							
2257	K	12257	Nguyễn Thu Trang		1998	Phủ Thọ	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	7	2	5	3	6.5	4.5	1.5		
2258	H	12258	Nguyễn Thu Hà Trang		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Mitsubishi Belling Việt Nam		3	5.5	6					
2259	K	12259	Nguyễn Thu Trang		1997	Bắc Ninh	Công ty TNHH Vạn hành Vincem Retail			5		5.5		6		
2260	K	12260	Nguyễn Thu Trang		1997	Ninh Bình	Công ty TNHH Hàng kiểm toán VASC	6.5	7.5	5						
2261	K	12261	Nguyễn Trần Thuý Trang		1998	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Thanh Hoa		2.5	3.5	2					
2262	H	12262	Phạm Huyền Trang		1987	Hà Nội	CTCP Phong thư nghệ thuật Phúc Gia	8	5.5		5					
2263	H	12263	Phạm Thu Huyền Trang		1995	Nam Định	Công ty CP đầu tư JBH Holdings	5	2	5.5	2.5					
2264	H	12264	Phạm Thu Thu Trang		1995	Hải Phòng	CT TNHH Dịch vụ Tân Keton		2.5	5.5	1					
2265	H	12265	Phạm Thu Thu Trang		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH phát triển Khoa học và sự sống		5	6.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC		Kiểm toán VDV BDNC		Phân tích HDT CNC	Người ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ											Tiếng Anh	Tiếng Trung	
2266	K	12266	Phùng Thị Hà Trang		1998	Hà Tĩnh			5	5	3	5						
2267	P	12267	La Thu Trang		1980		Dịch Kinh tế Quốc dân			8								
2268	H	12268	Tha Thu Huyền Trang		1994	Nghe An	CTY VIC CÔNG NGHỆ V A SOLID NG SO											
2269	K	12269	Trần Nhật Trang		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Ems&Y công Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội)	8.5	4	5	4	6.5			5	7		
2270	H	12270	Trần Thu Trang		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiem toan và định giá AGI											
2271	H	12271	Trần Thu Trang		1996	Nghe An	Công ty TNHH công nghệ Y ankye Việt Nam)	5	0.5	3	1							
2272	H	12272	Trần Thu Trang		1997	Nam Định	CTCP Công nghệ Vissati											
2273	H	12273	Trần Thu Huyền Trang		1986	Lao Cai	CT TNHH MTV Giao nhận vận chuyển An Phú Minh											
2274	H	12274	Trần Thu Quỳnh Trang		1999	Nghe An	Công ty TNHH Phát triển tổng hợp Nam Khanh			4	4							
2275	H	12275	Trần Thu Trang		1996	Hưng Yên	Công ty CP TEXO tư vấn và đầu tư											
2276	H	12276	Trần Thu Trang		1998	Vĩnh Bái	Công ty Cổ phần I conKGroup				0.5							
2277	H	12277	Vũ Huyền Trang		1996	Hưng Yên	Công ty CP Libexco				8							
2278	H	12278	Vũ Kiều Trang		1990	Nam Định	CTCP SmartOSC				6.5							
2279	H	12279	Vũ Thu Trang		1993	Hà Nội	CT TNHH Accresch Việt Nam Chi nhánh ban đầu	7.5	5	5	2.5							
2280	K	12280	Vũ Thu Đoàn Trang		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Fushan Technology Việt Nam			5.5		5.5			4.5	6		
2281	K	12281	Vũ Thu Thu Trang		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	5	3	5.5	1.5				5.5			
2282	H	12282	Vũ Thuys Trang		1998	Hà Nội	CTY CP IMVA DỊCH VỤ NHĐL ACIFIC GROUP		8.5		5							
2283	H	12283	Lê Thu Phương Trâm		1997	Hải Phòng	CTY CP LẬP ĐOÀN HVN		5									
2284	H	12284	Nguyễn Thị Phương Trâm		1987	Hà Nội	Công ty TNHH Huach Askeno Việt Nam			4								
2285	K	12285	Phạm Hồng Trâm		1991	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan tư vấn và đầu tư quốc tế VMA	6	9									
2286	H	12286	Phạm Thu Bích Trâm		1992	Quảng Ngai	Công ty TNHH Accdine Corporate Services	5.5			7.5							
2287	K	12287	Vương Thu Trâm Trâm		1995	Hà Nội	Công ty Cổ phần Lập đoàn MIKGROUP Việt Nam	4.5	5	5		6.5			6	4		
2288	K	12288	Trần Mạnh Trí	1997		Bắc Ninh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiem toan tư vấn Đầu Việt tại Hà Nội		5.5	5								
2289	H	12289	Lê Thu Việt Trâm		1992	Quảng Ngai	CT TNHH Dịch vụ hệ thống NHT	6	4	5	6							
2290	H	12290	Nguyễn Thị Trâm		1998	Hải Dương	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Long Vũ Giang Sơn	2.5		1								
2291	K	12291	Nguyễn Thị Trâm		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiem toan An Việt	6	6.5	5	5	6			6.5	6.5		
2292	H	12292	Nguyễn Thị Kiều Trâm		1999	Thái Bình	CT TNHH Tư vấn Đầu Tư											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2293	II	12293	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		1985	Nam Định	Công ty CP công nghiệp Nhật Việt											
2294	K	12294	Nguyễn Việt Trinh		1997	Hưng Yên	Công ty Cổ phần tư vấn T.Y Việt Nam	6.5	8	6								
2295	II	12295	Trần Nữ Việt Trinh		1994	Hà Nội	Công ty CP Du lịch Sài Vinh Phú		1	2.5								
2296	K	12296	Vũ Thị Kiều Trinh		1998	Vĩnh Phúc	VPPD Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Jung II tại Hà Nội											
2297	K	12297	Phạm Việt Trinh	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Thanh Công			5		5				4.5		
2298	II	12298	Đinh Thanh Trúc		1999	Hà Nam	CTY TNHH MASCOI Việt NAM											
2299	K	12299	Bùi Liên Trung	1993		Đà Nẵng	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		6	6.5	5.5	7	7					
2300	K	12300	Đỗ Văn Trung	1986		Thanh Hóa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội			5	5.5				6.5			
2301	K	12301	Hiếu Quang Trung	1994		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Dân Việt - Chi nhánh Hà Nội											
2302	K	12302	Lê Thanh Trung	1983		Hải Dương	Công ty CP Dược Y Tế Văn Lang											
2303	K	12303	Nguyễn Hữu Trung	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		5			6.5			8.5			
2304	K	12304	Nguyễn Hoàng Trung	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán Dedonic Việt Nam					5.5						
2305	K	12305	Nguyễn Xuân Trung	1998		Hà Nội	Công ty TNHH Phân mềm FPT Hà Nội			6	4		6					
2306	II	12306	Phạm Duy Trung	1985		Hải Dương	Công ty TNHH WELLINK		7	5.5								
2307	K	12307	Phạm Kim Trung	1997		Hải Dương	Công ty Cổ phần Tập đoàn GILEX		4	4	5.5							
2308	II	12308	Trần Việt Trung	1993		Phủ Thọ	Công ty CP Casablanca Việt Nam											
2309	K	12309	Vũ Tiến Trung	1999		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	5		3.5	3.5	7.5	1.5		8			
2310	K	12310	Nguyễn Hữu Trường	1998		Thanh Hóa	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC		7.5		5.5							
2311	C	12311	Phạm Mạnh Trường	1989		Hải Phòng	Công ty Cổ phần Dầu tư Dược phẩm S.T.M					6	4					
2312	K	12312	Trần Xuân Trường	1998		Hà Nam	Công ty Cổ phần dinh dưỡng Hồng Hà											
2313	K	12313	Vũ Hồng Trường	1987		Hải Bình	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	4.5	4	2.5	3.5	5.5	1		4			
2314	K	12314	Vũ Xuân Trường	1994		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC				5.5	9	6					
2315	II	12315	Bùi Thu Tu		1999	Hải Bình	Công ty cổ phần giải pháp số hóa liên mi	3.5	1.5		1.5							
2316	II	12316	Bào Thanh Tu	1981		Hà Nam	CTY TNHH HANG KIEM TOAN V& DINH GIA VSCO	3	2.5	5								
2317	II	12317	Hồ Thị Ngọc Tu		1985	Hà Nội	Chi nhánh Ean Consulting Co Ltd Nhật Bản tại Việt Nam		5.5	3	4							
2318	K	12318	Nguyễn Mạnh Tu	1995		Nam Định	Công ty Viên thông Mobile one	8					5.5					
2319	II	12319	Nguyễn Minh Tu		1994	Nam Định	CTY TNHH K&M TOAN V&CO											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2320	K	12320	Phùng Anh Tú	1995		Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá BHN1	3.5	0.5	5	3.5	5	0	1				
2321	K	12321	Vũ Thu Thanh Tú		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán BHO	5	5	4	5	7	0	0				
2322	P	12322	Bùi Minh Tuấn	1986			Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội)			5								
2323	K	12323	Đặng Minh Tuấn	1998		Hải Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam			6	6.5		3					
2324	K	12324	Đỗ Anh Tuấn	1999		Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC	6.5	1.5	3.5	5	6.5	5	5.5				
2325	H	12325	Hoàng Anh Tuấn	1991		Đoan Hóa	CTY TNHH VÂN MỘC ANGI MINH HANH HOA			4	2							
2326	K	12326	Lê Anh Tuấn	1994		Ngũ Lễ An	Lưu đồ	0.5		2.5	5	4	4.5	0.5				
2327	K	12327	Lê Đức Tuấn	1996		Đoan Hóa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ACC tại Hà Nội		6.5									
2328	H	12328	Ngô Anh Tuấn	1993		Đoan Bình	Công ty TNHH Kiểm toán định giá			5								
2329	H	12329	Nguyễn Anh Tuấn	1988		Hải Dương	CTCP Hàng Kiến				5.5							
2330	H	12330	Nguyễn Anh Tuấn	1995		Hưng Yên	Công ty CP Lập đoàn đầu tư tại Bắc	8	5.5	1.5	5							
2331	K	12331	Nguyễn Anh Tuấn	1997		Phù Thọ	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unisales		5.5					7				
2332	K	12332	Nguyễn Duy Tuấn	1994		Hà Nội	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.T.T	5.5			5			5				
2333	K	12333	Nguyễn Đức Tuấn	1997		Hải Dương	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán VASC		6		1.5	6.5						
2334	K	12334	Nguyễn Ngọc Tuấn	1998		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNI					4	0	3				
2335	K	12335	Nguyễn Quốc Tuấn	1980		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán. Tư vấn và đầu tư ACI Hà Nội		5									
2336	H	12336	Nguyễn Quốc Tuấn	1991		Phù Thọ	Công ty Cổ phần Tư Hiệp Hàng Hải Đầu Khu			3.5	2.5							
2337	K	12337	Phạm Sỹ Tuấn	1997		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán APS		1	3								
2338	K	12338	Tuân Anh Tuấn	1990		Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm toán K.T.C	6.5	7.5	5.5	3.5	8	5					
2339	K	12339	Tuân Trung Tuấn	1996		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam		5	5	3.5			4				
2340	K	12340	Vũ Minh Tuấn	1991		Nghe An	Công ty TNHH TV Tư chính quốc tế TTC											
2341	H	12341	Nguyễn Thị Ty Huế		1989	Hà Nội	CT TNHH Đầu tư phát triển nhà và hạ tầng Thanh Huế		7.5	6.5	8.5							
2342	H	12342	Nguyễn Huy Tùng	1989		Đoan Bình	Công ty TNHH Kiểm toán AIC Việt Nam chi nhánh Hà Đoan				6							
2343	K	12343	Nguyễn Thanh Tùng	1995		Nam Định	Khác	6		6	5.5		6.5					
2344	K	12344	Nguyễn Thanh Tùng	1997		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - CN Hà Nội			7	6							
2345	K	12345	Nguyễn Văn Tùng	1996		Hà Nam	Công ty CP Dầu tư Thương mại và Phát triển nông nghiệp ADI		3.5									
2346	K	12346	Nguyễn Văn Tùng	1999		Hải Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế		3.5	5	3	5.5	4.5	2.5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thủ quỹ VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2347	K	12347	Phạm Văn Long	1997		Quảng Ninh	Công ty TNHH Kiên toàn An Việt chi nhánh Hải Phòng	6	3	5	5	7.5	5	4				
2348	II	12348	Trần Đức Long	1992		Khánh Hòa	CT TNHH SX TM TTC Food	1			3							
2349	K	12349	Vũ Khắc Long	1982		Ninh Bình	Công ty TNHH Hàng Kiên toàn AASC	7.5	3			3		4	3.5			
2350	II	12350	Vũ Lê Hoàng Long	1977		Ninh Bình	Trường Đại học Lạc Hóa		9.5									
2351	K	12351	Đinh Quang Lộc	1996		Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiên toàn TTP			4.5		6.5	5					
2352	K	12352	Đinh Thị Lộc		1988	Hải Phòng	Công ty TNHH Tư vấn kế toán thuế Shanghai	3.5	1.5	6.5	2	6.5	2	1				
2353	II	12353	Hồ Thị Kim Lộc		1995	Quảng Ninh	CT Ltd TNHH TGI			3.5	5							
2354	II	12354	Nguyễn Thị Lộc		1994	Ninh Bình	Công ty CP giám pháp tư đồng hòa lộc											
2355	II	12355	Nguyễn Thị Lộc		1997	Bắc Ninh	Công ty TNHH công nghệ thông minh Tân Cơ Hồng Việt Nam											
2356	K	12356	Là Kim Lộc	1997		Ninh Bình	Công ty TNHH Kiên toàn và Tư vấn Bình An			8	3	8		7				
2357	II	12357	Nguyễn Thị Lộc		1988	Hà Nội	Công ty cổ phần tư vấn AFO T AX Việt Nam	8			5.5							
2358	II	12358	Trần Thị Thanh Lộc		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Fhdno technology Vina	3.5	1.5									
2359	II	12359	Bùi Thị Lộc		1982	Ninh Bình	Công ty CP Tư vấn thiết kế và Đấu tư xây dựng Sông Dạy											
2360	II	12360	Đào Lan Lộc		1984	Nghe An	CT TNHH Tư vấn kiến trúc và xây dựng Hà Thanh											
2361	II	12361	Đo Thị Lộc		1993	Hà Nội	Công ty TNHH PTC N và JM Khu vực tỉnh											
2362	K	12362	Đỗ Thị Lộc		1994	Đà Nẵng	Công ty CP Quan lý khách sạn và dịch vụ Mandela							5.5				
2363	II	12363	Nguyễn Thị Lộc		1984	Hải Dương	CT Thương mại Vina Kynng Seung											
2364	II	12364	Nguyễn Thị Anh Lộc		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Bioagen Việt Nam	7										
2365	P	12365	Nguyễn Thị Thanh Lộc		1997		Công ty TNHH Tư vấn thuế Deloitte Vietnam			5.5								
2366	K	12366	Phạm Thị Anh Lộc		1988	Quảng Bình	Công ty CP tư vấn AFO T AX Việt Nam											
2367	II	12367	Vũ Thị Lộc		1993	Hải Dương	Công ty CP công nghệ Hà Nội Invet			2.5								
2368	K	12368	Bùi Thị Thuận		1998	Đà Nẵng	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	4		5	2.5	6.5		7				
2369	K	12369	Đinh Thị Thuận		1983	Nam Định	Công ty CP dịch vụ Đại lý thuế và tư vấn đào tạo Lan Việt		3					5				
2370	K	12370	Lê Thị Thuận		1991	Đà Nẵng	Công ty TNHH xây dựng hạ tầng và cảnh quan Fanyphung											
2371	II	12371	Lê Thị Kim Thuận		1983	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Lữ hành ALLINI (Hầu A	6		5								
2372	II	12372	Nguyễn Thị Thuận		1992	Hưng Yên	Công ty CP tập đoàn Thiên A											
2373	II	12373	Nguyễn Thị Thuận		1995	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán ACF Time	4	3	5	3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2374	K	12374	Ngong Văn Uy	1997		Yên Bái	Công ty TNHH Kiên toàn APS		7	7.5		6			7			
2375	K	12375	Chu Thu Tô Uyên		1999	Hưng Yên	Công ty TNHH Masport Limited (Việt Nam)	5	5.5	6	5	7	6.5		7			
2376	K	12376	Nguyễn Phương Uyên		1999	Hà Nội	Công ty TNHH Hàng Kiên toàn AASC		5		5	5.5	6		7.5			
2377	II	12377	Nguyễn Thu Uyên		1979	Hà Nam	Công ty Dezan shua Associate		5	5.5	5							
2378	K	12378	Trần Thu Uyên		1999	Bắc Giang	Công ty TNHH Kiên toàn CPA VIE TNAM	3.5		4					5			
2379	K	12379	Trần Thu Uyên		1999	Thái Nguyên	Công ty TNHH Kiên toàn An Việt		2.5	7					5			
2380	II	12380	Trần Tu Uyên		1993	Nam Định	CTY CP OPT LOGISTICS	5	4.5	7	4							
2381	II	12381	Trần Thu Túc		1984	Vĩnh Phúc	CT TNHH Hnoda Precision (Vĩnh Phúc)											
2382	K	12382	Nguyễn Hoà Văn	1991		Hà Phòng	Công ty TNHH Kế toán và tư vấn thuế VNA		6	6.5								
2383	K	12383	Trần Công Văn	1997		Lưu Cầu Quang	Công ty Cổ phần tập đoàn TONNAT	5	4	6.5	4							
2384	II	12384	Bùi Thị Văn		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH thương trường Q1 Saigon		5.5	6.5	4							
2385	P	12385	Bùi Tô Văn		1998		Công ty Cổ phần Tư vấn T.Y Việt Nam			8								
2386	K	12386	Đoàn Thị Ngọc Văn		1992	Nghe An				5			4					
2387	II	12387	Đoàn Thị Thanh Văn		1996	Nam Định	Công ty TNHH AIC Việt Nam			7.5								
2388	II	12388	Bồ Bích Văn		1997	Thái Bình	Công ty TNHH IC&Partners Việt Nam	5.5	4	6	2							
2389	II	12389	Bồ Hải Văn		1985	Phủ Thọ	Công ty TNHH IM Van Lien			5	4							
2390	K	12390	Ha Lê Cẩm Văn		1994	Phủ Thọ	Công ty TNHH HXON VIE TNAM				3				5.5			
2391	II	12391	Hoàng Thị Ngọc Văn		1987	Hà Nam	CTCP POI Y FDI	5	8									
2392	II	12392	Lê Thảo Văn		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kế toán Thuế Taxkey											
2393	C	12393	Lê Thị Cẩm Văn		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH Daria Techam					7.5	5		7.5			
2394	II	12394	Lê Thị Hồng Văn		1990	Hải Dương	CTCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Bình	5.5		6	4							
2395	II	12395	Lưu Lương Lương Văn		1995	Hà Nội	Công ty CP Dầu tư AV IS	7	5	5.5								
2396	K	12396	Mai Thanh Văn		1995	Nam Định	Công ty TNHH Eurus Energy Việt Nam											
2397	II	12397	Nguyễn Cẩm Văn		1993	Quảng Ninh	Công ty TNHH Linh kiện điện tử SHI (Việt Nam)			5.5	5.5							
2398	II	12398	Nguyễn Thanh Văn		1993	Hà Nội	CTY CP SMARTOSC	7	8.5									
2399	II	12399	Nguyễn Thị Văn		1990	Hưng Yên	CT TNHH MI DISI AR Việt Nam		4.5									
2400	II	12400	Nguyễn Thị Văn		1994	Thái Bình	CTY TNHH HANG MAY AN VINH			5.5	3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2401	H	12401	Nguyễn Thị Vân		1996	Hà Nội	CT TNHH Tiếp vận Vietnam Airlines				2.5						
2402	K	12402	Nguyễn Thị Vân		1999	Bắc Ninh	Công ty TNHH Kiểm toán LS - Chi nhánh Bắc Ninh		3.5	5	2.5		4		5		
2403	C	12403	Nguyễn Thị Hải Vân		1986	Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Chứng khoán VPS					6	6.5	6			
2404	H	12404	Nguyễn Thị Hải Vân		1989	Hải Phòng	Công ty TNHH giao nhận vận chuyển LACO	4		5	3						
2405	H	12405	Nguyễn Thị Hồng Vân		1991	Quảng Bình	Công ty CP RIKKISOFT										
2406	K	12406	Nguyễn Thị Khánh Vân		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn PNF-ITG	6.5		5	4		7	3			
2407	K	12407	Nguyễn Thị Kim Vân		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam			7	6						
2408	K	12408	Nguyễn Thị Thảo Vân		1998	Thanh Hóa	Lập đoàn Yngroup - Công ty CP	6	6.5		5		4				
2409	H	12409	Nguyễn Thị Thuý Vân		1991	Hà Nội	CTY TNHH QUỐC TẾ BROADY										
2410	C	12410	Ninh Thị Vân		1990	Nam Định	Công ty TNHH SGT Precision					8.5	8.5	5.5			
2411	H	12411	Phạm Thị Vân		1985	Hải Dương	CTY TNHH NICT CERAMIC										
2412	H	12412	Phạm Thị Vân		1992	Thái Bình	CN CP CP phân phối khí áp Dầu Khí VN	4.5		5.5							
2413	H	12413	Phạm Thị Bích Vân		1991	Hưng Yên	Công ty TNHH thiết bị Hoa Phái		5	6	2.5						
2414	H	12414	Phạm Thị Hồng Vân		1991		Công ty TNHH TM và DV tin học Việt Sơn	5.5	5								
2415	H	12415	Lê Thị Hồng Vân		1991	Hà Nội	CT TNHH Kỹ thuật Takisha Việt Nam										
2416	H	12416	Lê Thị Vân		1992	Thái Bình	Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông B&S										
2417	H	12417	Lê Thị Hải Vân		1988	Phủ Thọ	Công ty TNHH Acorn mall Việt Nam										
2418	H	12418	Lê Thị Vân		1983	Thanh Hóa	Công ty TNHH Inter services Việt Nam	5	5.5	7							
2419	K	12419	Trương Thị Hải Vân		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	5	7.5	5.5	7.5	5	6.5	5.5			
2420	H	12420	Vũ Thanh Vân	1993		Hải Phòng	CT TNHH Hàng Kiểm toán và tư vấn LPV	5	4.5	6.5	1.5						
2421	H	12421	Vũ Thị Vân		1989	Ninh Bình	CTY CP NHÀ AN LOAN	6	7								
2422	H	12422	Vũ Thị Hải Vân		1988	Hải Dương	CT TNHH P-art		5.5		5						
2423	H	12423	Vũ Thị Thanh Vân		1991	Thái Bình	CTY TNHH AMC VIEL NAM	7.5	3	8.5	3						
2424	H	12424	Phạm Thị Vẽ		1996	Nam Định	Công ty CP XNK và TM IMO										
2425	H	12425	Nguyễn Lương Vi		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Phân Phối Symex PPI	5.5	7.5								
2426	K	12426	Hoàng Bảo Việt		1995	Quảng Ninh	Công ty TNHH Kế toán Duetak		4	6	3	7		5			
2427	K	12427	Nguyễn Xuân Việt	1999		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	7.5	3.5	6	2.5	7	3	2			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thủ quỹ VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phần tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2428	II	12428	Phạm Quốc Việt	1988		Hải Phòng	Công ty TNHH MAC1 Việt Nam	5.5	5.5								
2429	K	12429	Phạm Tuấn Việt	1992		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán Thăng Long		9	6.5				7.5			
2430	K	12430	Trình Xuân Việt	1996		Hà Nội	Công ty CP Đầu tư Tập đoàn Tân Á Đại Thành										
2431	K	12431	Vũ Hoàng Việt	1994		Hà Nội	CTCP Sơ Gạo dịch Hưng hòa Việt Nam	8		7		8					
2432	K	12432	Lê Hào Vinh	1995		Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn SIS Việt Nam		3	5		7		2			
2433	II	12433	Lê Thu Vinh		1997	Thanh Hóa	CTY CP Hào Việt NAM	3.5		6	2						
2434	II	12434	Nguyễn Quốc Vinh	1997		Hà Nội	Công ty CP SS Fashion	8	6.5	4	2.5						
2435	K	12435	Nguyễn Văn Vinh	1992		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Hàng kiểm toán và Định giá ATC		3.5	5.5				1.5			
2436	K	12436	Nguyễn Văn Vinh	1997		Nghe An	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)			3							
2437	K	12437	Phạm Hồng Vinh	1992		Quảng Ninh	Công ty TNHH Phát triển du lịch Quảng Lân	6									
2438	K	12438	Lương Đình Vũ	1999		Hưng Yên	Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC		6.5	4	3		5.5	3.5	1.5		
2439	II	12439	Phạm Thu Vui		1989	Hải Dương	CTCP Thương mại và dịch vụ Kỹ thuật Quảng Hà	8	3	5							
2440	II	12440	Trần Thị Mai Vui		1990	Hải Phòng	Công ty Xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng Hà Anh										
2441	K	12441	Trần Cao Vương	1998		Nam Định	Công ty Cổ phần Hà Thanh oto										
2442	K	12442	Vũ Thiên Vương	1998		Ninh Bình	Công ty TNHH Kế toán và kiểm toán Việt Nam	6	5.5	5	3						
2443	II	12443	Phạm Văn Vương	1987		Hải Phòng	Công ty CP Xetozone	6			1.5						
2444	II	12444	Trần Thanh Vương	1992		Thanh Bình	Công ty CP tư vấn TV										
2445	II	12445	Lữ Mạnh Huyền Vy		1990	Ninh Thuận	CT TNHH Đa chọn ABC			5.5	2.5						
2446	II	12446	Lưu Thị Xuân		1988	Hà Nội	Công ty TNHH Xây lắp và thiết bị Tân Minh Phát	6.5		6							
2447	C	12447	Nguyễn Thị Xiem		1987	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Gloria					6	4	3.5			
2448	C	12448	Hoàng Thị Xuân		1992	Nghe An	Công ty TNHH IGO Electronics Development Việt Nam										
2449	K	12449	Phạm Thị Xuân		1995	Hải Dương	Công ty TNHH EPLIS										
2450	II	12450	Trần Thị Xuân		1987	Hà Nội	CTCP Phát triển công nghệ Quyet Thăng	6.5		5.5							
2451	II	12451	Bùi Thanh Xuân		1991	Hải Phòng	Công ty CP kinh doanh Hưng Xuân		5	8							
2452	K	12452	Chu Thị Xuân		1985	Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV Kaceler Engineering (Việt Nam)	6.5	6	6.5	5	6.5	4	8.5			
2453	II	12453	Đỗ Thị Xuân		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và vận tải Ngọc Việt	6		7	3						
2454	II	12454	Hoàng Thị Anh Xuân		1981	Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ và tư vấn Tax Le			2	2.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QĐNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2455	K	12455	Lê Thu Xuân		1980	Đà Nẵng	Công ty cổ phần Công Đà Nẵng		5.5		6	6.5	6		6			
2456	H	12456	Nguyễn Thanh Xuân		1991	Hải Phòng	CT TNHH Praxis Automation Việt Nam				4							
2457	H	12457	Nguyễn Thu Xuân		1993	Nam Định	CTY CP CƠ DỆN V A XÂY DỰNG HÀ NỘI	5	5.5									
2458	K	12458	Nguyễn Thu Thanh Xuân		1992	Sinh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán LINK Việt Nam	6				7	6.5		6.5			
2459	H	12459	Vũ Thu Xuân		1992	Bắc Ninh	CTY CP ĐẶC L C T M K D V T H N G T H I N H P H A T											
2460	K	12460	Lê Thu Xuân		1983	Thanh Hóa	Công ty TNHH JSC VINA											
2461	H	12461	Đoàn Thu Xuân		1986	Hà Nội	CTY TNHH DỊCH VỤ CÔNG MẠI DẠP VIỆT PHÁP											
2462	K	12462	Nguyễn Thu Kim Xuân		1999	Thái Bình		5	5.5	6.5	3.5	7.5	8.5		2.5			
2463	H	12463	Nguyễn Như Ý		1982	Hà Tĩnh	Hồng công ty Truyền Hình cáp Việt Nam											
2464	H	12464	Lý Hải Yến		1993	Thái Nguyên	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG MẠI KONGY		4		3.5							
2465	K	12465	Cao Ngọc Hải Yến		1996	Phủ Thọ	Công ty Cổ phần Winnedia											
2466	K	12466	Đường Thu Hải Yến		1999	Hải Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	3.5	3.5	6.5	5	7.5	5.5		7.5			
2467	H	12467	Đinh Hải Yến		1998	Thái Bình	Công ty TNHH quản lý tư vấn G8											
2468	K	12468	Đoàn Thu Hải Yến		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Grant Thornton VN		5.5	6		7	8		6			
2469	K	12469	Đỗ Hải Yến		1986	Bắc Giang	Công ty TNHH Vesta			6	6							
2470	H	12470	Đỗ Hoàng Yến		1991	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH MTV 207				2.5							
2471	P	12471	Đỗ Thu Yến		1995		Công ty TNHH Sides (Châu) Thương Việt Nam			5								
2472	H	12472	Hà Hải Yến		1998	Thái Bình	CT TNHH Đại lý thực Cường Linh		3.5	3.5	2.5							
2473	H	12473	Hoàng Thu Yến		1995	Hà Tĩnh	Công ty CP Giao hàng nội khu		2	6.5								
2474	H	12474	Hoàng Thu Yến		1996	Thái Bình	Công ty CP Fan Consulting Việt Nam			6	4							
2475	K	12475	Hoàng Thu Yến		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội)	4	6.5	7.5	3.5	6	5.5		9.5			
2476	K	12476	Hoàng Thu Ngọc Yến		1998	Bắc Giang	Công ty CP Eurowindow	3.5	5	7	3.5	6.5	7.5		5.5			
2477	H	12477	Lê Thu Hải Yến		1993	Thanh Hóa	Công ty CP đầu tư và phát triển vtc An Sinh											
2478	K	12478	Lê Thu Hải Yến		1997	Thái Nguyên	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn & kế toán ASAC	6	6	6	4	5.5	5.5		6			
2479	K	12479	Lưu Thu Yến		1996	Bắc Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán E-Long tại Hà Nội		7		5							
2480	H	12480	Nguyễn Hải Yến		1998	Thái Bình	CT TNHH Phân mềm B&K				5							
2481	H	12481	Nguyễn Thu Yến		1990	Thái Bình	CT TNHH Xu Bùn Hải Phòng	6.5		6								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2482	H	12482	Nguyễn Thu Yên		1990	Hưng Yên	Cty TNHH NICE TECH CNTR Việt Nam	7.5	7								
2483	H	12483	Nguyễn Thu Yên		1990	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Dầu lửa thine Vision	4.5		6							
2484	K	12484	Nguyễn Thu Yên		1992	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	6		5		7	2.5	8			
2485	H	12485	Nguyễn Thu Yên		1993	Bắc Ninh	Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa HPEX ASIA		6.5	6.5							
2486	H	12486	Nguyễn Thu Yên		1995	Hưng Yên			7	5							
2487	H	12487	Nguyễn Thu Yên		1997	Bắc Ninh		4.5	6.5		4						
2488	K	12488	Nguyễn Thu Hà Yên		1990	Nghe An	Công ty CP Dầu lửa Alphanam					5.5		6			
2489	K	12489	Nguyễn Thu Hà Yên		1998	Bắc Ninh	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)			2.5		5		8			
2490	H	12490	Nguyễn Thu Hà Yên		1998	Hà Nội	CTCP Logistic SC										
2491	H	12491	Nguyễn Thu Hà Yên		1998	Hà Nội	Cty TNHH CÔNG NGHỆ M-SPECT RITY VIỆT NAM			5.5	4						
2492	H	12492	Nguyễn Thu Hà Yên		1998	Thanh Hóa	Cty CP THOI TRANG WOO KIDS			6	5						
2493	K	12493	Phạm Thu Yên		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Dầu lửa Kalbi	5	3.5	5.5	2.5	5	2.5	4.5			
2494	C	12494	Phạm Thu Hà Yên		1990	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ kế toán VNCONNECT					6.5	6	6.5			
2495	K	12495	Phạm Thu Ngọc Yên		1996	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán F-AC - Chi nhánh Hà Nội	6.5									
2496	H	12496	Trần Thu Yên		1991	Nghe An	CTCP Lap doan Cotania	3	0.5	5	3						
2497	K	12497	Trần Thu Hà Yên		1990	Ninh Bình	Công ty Cổ phần Dược phẩm Miracore			6.5							
2498	K	12498	Trần Thu Hà Yên		1993	Nam Định	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	4.5		7	4		5	7.5			
2499	H	12499	Trần Thu Hà Yên		1995	Hà Nội	Công ty CP Base Enterprise	6	5		4						
2500	C	12500	Vũ Hà Yên		1982	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm toán Dong A					5.5	6.5	5			
2501	K	20001	Trương Diên Ai		1999	Lào Ninh	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam										
2502	H	20002	Trần Thu Ai		1996	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Dầu lửa Phát triển Vmaxex	6.5	6.5	5	2.5						
2503	H	20003	Nguyễn Thu Ai		1984	Bến Tre	Công ty Cổ phần Biboca				1.5						
2504	H	20004	Hà Bảo An		1989	Hà Vinh	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sui Gòn SGT V				1						
2505	H	20005	Vũ Thu Bảo An		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH thương mại - dịch vụ kỹ thuật Vũ Long	5	7	6	5						
2506	H	20006	Trương Thu Diên An		1984	Bắc Ninh			5	5.5	4						
2507	H	20007	Hoàng Duy An		1994	TP HCM	Công ty TNHH Loan Phước Huu		3.5								
2508	H	20008	Phạm Đức An		1985	Hải Dương	Cty TNHH Tư vấn AKC	5.5		4	2.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2509	K	20009	Phan Phạm Hoàn An	1996		Khánh Hòa	Công ty Tư chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Bình Vương SMBC		8.5	5.5			7			
2510	K	20010	Phan Hoàng An	1993		Lạng Sơn		5.5	7.5	7	5					
2511	H	20011	Hoàng Thị Kim An		1988	TP HCM	Công ty TNHH MTV Xây dựng & Kinh doanh nhà Phố Thuận									
2512	H	20012	Lương Thị Ngọc An		1988	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thuận Minh		2		5					
2513	H	20013	Phan Thái An		1997	Bến Tre	Công ty Cổ phần Phát triển Tài nhân Năng Lượng Xanh									
2514	K	20014	Hoàng Thị Duy An		1990	Quảng Nam	Công ty Cổ Phần Bình Vinh	5.5	2.5	7.5	2.5					
2515	K	20015	Nguyễn Thị Duy An		1995	Nghe An	Công ty TNHH 4I VER D&I	4.5		5	1					
2516	C	20016	Nguyễn Thị Duy An		1990	Cần Thơ	Long Công ty Phát Triển 2						3.5			
2517	K	20017	Trần Vũ Duy An		1996	Nghe An	Công ty TNHH Kiến tạo và Kế toán AAC						8.5			
2518	H	20018	Nguyễn Thị Tường An		1982	Bến Tre	Công ty Cổ phần Giáo dục CNC	5	2	5.5	2.5					
2519	K	20019	Lương Thị Tường An		1997	Bình Định	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam			6		5.5	1.5	6		
2520	K	20020	Hà Nguyễn Bảo Anh		1996	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiến tạo và Kế toán AAC	6	7			6				
2521	H	20021	Nguyễn Mạc Bảo Anh		1994	Đông Sơn	Công ty TNHH Grant Thornton			2.5						
2522	K	20022	Nguyễn Duy Anh	1997		Bình Phước	Công ty TNHH Kiến tạo Deloitte Việt Nam	4	3.5	5	4					
2523	K	20023	Nguyễn Đức Anh	1994		Nghe An										
2524	K	20024	Đang Thị Hà Anh		1985	TP HCM		5	4	6.5	0.5	4	4	5		
2525	C	20025	Nguyễn Hà Anh		1992	Thái Bình	Công ty TNHH Tân Sơn									
2526	K	20026	Đương Vũ Hà Anh	1997		Quảng Nam	Công ty TNHH Vong Iron Đô Việt Nam	4.5	6	7	5.5	7	6.5	7		
2527	P	20027	Nguyễn Hồ Hòa Anh		1992		Công ty TNHH Incoep Việt Nam									
2528	K	20028	Hoàng Hoàng Anh	1993		Cần Thơ	Công ty Cổ Phần Sao Hoa Toàn Quốc	4	5	5	2.5		4	8		
2529	H	20029	Nguyễn Hoàng Anh	1992		TP HCM	Công ty TNHH dịch vụ dân sự và phát triển An Thịnh		4	6	4					
2530	H	20030	Nguyễn Hoàng Anh	1995		Thái Bình	Công ty Cổ phần GromSa Holdings		5	5						
2531	K	20031	Nguyễn Thị Hoàng Anh		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn AAC									
2532	H	20032	Nguyễn Thị Hoàng Anh		1991	TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn Rosell & Partner Việt Nam	3.5	1.5		2					
2533	H	20033	Đinh Thị Hồng Anh		1993	Sơn Bình	Công ty TNHH Techbase Việt Nam		5							
2534	H	20034	Nguyễn Hồng Anh		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Ixf Accounting Services Limited tại TP HCM			7						
2535	H	20035	Nguyễn Hồng Anh	1991		Nghe An	Công ty TNHH Them - X System Việt Nam Technology			6						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngọng ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2530	K	20030	Trương Nguyễn Hồng Anh		1998	TP HCM	Công ty TNHH PNC										
2537	H	20037	Hoàng Hoàng Anh		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sài Gòn SGC V			7							
2538	H	20038	Nguyễn Thị Hoàng Anh		1989	Lạng Sơn	Công ty TNHH Decaux Lime Việt Nam			5	3						
2539	K	20039	Trần Kiều Anh		1997	TP HCM	Công ty TNHH Kiem Loan AS		5.5	5.5	2		5.5				
2540	K	20040	Hoàng Lê Kim Anh	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH PNC			5	2				8		
2541	H	20041	Nguyễn Thị Kim Anh		1981	Hà Nội	Công ty TNHH Fischer Asia	6	4								
2542	H	20042	Nguyễn Thị Kim Anh		1981	Ninh Thuận	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hòa Sơn Vàng			3.5	5						
2543	H	20043	Hoàng Thị Lan Anh		1973	Đồng Nai	Công ty Giải khát Y ma	4	2	4	2						
2544	H	20044	Nguyễn Thị Lan Anh		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH V.V. Nguyễn VNC			5.5							
2545	K	20045	Trần Thị Lan Anh		1991	Hà Tĩnh	Công ty TNHH International Innimates Inc	6		5.5		5.5					
2546	K	20046	Vũ Thị Lê Anh	1996		Bắc Ninh	Công ty TNHH PNC Việt Nam	5	5.5	6	1		4.5				
2547	H	20047	Lê Thị Mai Anh		1992	Phủ Thọ	Công ty TNHH tương tửm Y khoa Hoàn Mỹ Tân Phú	7.5	3	5	4.5						
2548	H	20048	Phạm Thị Mai Anh		1993	Quảng Nam				7	5						
2549	H	20049	Trần Lê Mai Anh		1995	TP HCM	Công ty TNHH V.V. Nguyễn VNC			6.5							
2550	H	20050	Cao Thị Minh Anh		1998	Nghe An	Công ty TNHH MISA Alliance	6.5	3	7	4						
2551	H	20051	Hoàng Minh Anh		1998	Hòa Bình	Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam			6	3.5						
2552	H	20052	Võ Thị Mỹ Anh		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Cosme Việt Nam			7	5						
2553	H	20053	Đường Thị Ngọc Anh		1985	Quảng Trị	Công ty TNHH Secheang Vina	7	3	6.5	3.5						
2554	K	20054	Nguyễn Hồ Ngọc Anh		1998	Khánh Hòa	Công ty Cổ Phần Trung Tâm Thương Mại Long Việt Nam	6				5					
2555	C	20055	Nguyễn Ngọc Anh		1993	Thái Bình	Công ty TNHH Dịch Vụ Kế Toán và Tư Vấn Doanh Nghiệp						5	6			
2556	K	20056	Nguyễn Ngọc Anh	1995		Bình Định	Công ty TNHH I mst& Young Việt Nam	6.5	6.5	5			6				
2557	H	20057	Nguyễn Thị Ngọc Anh		1993	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Dầu từ S&S	6.5	2.5	5.5	2						
2558	K	20058	Vũ Thị Ngọc Anh		1998	Hòa Bình	Công ty TNHH Hàng Kiem Loan ASSC		6.5	7	5	7	6				
2559	H	20059	Hồ Ngọc Anh		1985	Quảng Trị	Công ty TNHH M.T.V. Thương mại Dịch vụ Trọng Khôi				4						
2560	K	20060	Lê Như Anh		1997	Cà Mau	Công ty TNHH Kiem Loan Việt Mỹ		6.5	7	4						
2561	C	20061	Nguyễn Thị Phương Anh		1992	Nghe An	Công ty CP Sửa Quốc Tế						6	7			
2562	H	20062	Nguyễn Quang Anh	1995		Thái Bình	Công ty Cổ phần Dầu từ và Phát triển Bất Động sản An Gia	6.5	4	3	1						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2563	II	20603	Nguyễn Thị Quốc Anh		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Công Nghệ CRM				2					
2564	II	20604	Hà Ngọc Quỳnh Anh		1998	Quảng Bình	Công ty TNHH Kien loan - Hiện định Gia và Tư vấn E-COVIS M-A Việt Nam	5.5	5	6	6					
2565	II	20605	Ngô Thị Quỳnh Anh		1992	Nam Định				4.5	1					
2566	II	20606	Trần Thị Quỳnh Anh		1991	Thừa Thiên Huế			7		7					
2567	K	20607	Hà Thế Anh	1996		Nam Định	Công ty TNHH Kien loan AEC Việt Nam	7	3	7.5	4	7	3.5	7.5		
2568	II	20608	Nguyễn Thế Anh	1980		Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Đại lý thuế AIT									
2569	II	20609	Nguyễn Thị Anh		1988	Đà Nẵng	Công ty TNHH Chunshun Precision Yima		6	7.5						
2570	II	20670	Nguyễn Thị Anh		1997	Nghe An	Công ty TNHH Dezan Shina Việt Nam	6		6	1					
2571	II	20671	Trần Thị Anh		1989	Hà Nam	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Chain Chính			5	2					
2572	K	20672	Hoà Thuận Anh		1997	An Giang	Công ty TNHH PMC									
2573	K	20673	Nguyễn Thu Loan Anh		1995	Hà Tĩnh		5.5		6.5				4.5		
2574	II	20674	Nguyễn Loan Anh		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Salskorean Việt Nam		2	2.5						
2575	II	20675	Trần Thị Tu Anh		1987	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Organall Việt Nam		4.5	3.5						
2576	II	20676	Nguyễn Loan Anh	1985		Bến Tre		7.5		3	2.5					
2577	II	20677	Nguyễn Loan Anh	1990		Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Tr Minh		5	4	2					
2578	II	20678	Lê Thị Tuyết Anh		1989	Bắc Sơn	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Hùng Thịnh Phát		0.5	2.5						
2579	II	20679	Bùi Nguyễn Văn Anh		1996	Hải Phòng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		2		1					
2580	K	20680	Đào Thị Văn Anh		1997	Hải Phòng	Công ty TNHH Kien loan SCIC Việt Nam	4	3	6	3.5	6	6.5	6		
2581	K	20681	Hoàng Thị Văn Anh		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Tư vấn Luật Cảnh JHH			5					4.5	
2582	II	20682	Lê Thị Văn Anh		1984	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Công hợp Sunrise	6	4							
2583	II	20683	Nguyễn Thị Văn Anh		1997	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Công nghệ Nanochip	5	3.5							
2584	II	20684	Nguyễn Thị Văn Anh		1982	TP HCM	Công ty TNHH MTV Núi Châu		6		4					
2585	K	20685	Phạm Lê Văn Anh		1997	Phước Yên	Công ty TNHH Kien loan AS		1	5	0.5	5	4			
2586	II	20686	Phạm Thị Văn Anh		1995	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Lai Hospitaliry - E&B Entertainment Group									
2587	K	20687	Là Thị Văn Anh		1995	Bắc Giang	Công ty Cổ phần Phan Phát Long Gia	5.5	3.5	3	4					
2588	II	20688	Trần Lê Văn Anh		1990	Hà Tĩnh			5	7	5					
2589	K	20689	Võ Văn Anh		1999	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kien loan và Tư Vấn ACC	5.5	1.5	2.5	5	8	5	4.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngành ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2500	K	20690	Vũ Huyền Xuân Anh		1991	Dã Nẵng	Công ty TNHH Dịch Vụ và Tư Vấn Alpha		4	5			5		6		
2501	H	20691	Hoàng Anh		1989	Thái Bình	Công ty cổ phần kết cấu kim loại và lắp máy Dấu Nhì			6.5	4						
2502	H	20692	Nguyễn Thu Thu Anh		1979	Bình Định	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây Dựng Lạc Phát										
2503	H	20693	Nguyễn Thu Hoàng Anh		1987	Nam Định	Công ty TNHH Wanchang Logistics	5	0.5	3.5	0.5						
2504	H	20694	Nguyễn Thu Hoàng Anh		1987	Lạng Sơn	Công ty TNHH Topdeal Logistics	5	1.5	6	2						
2505	H	20695	Đan Thu Ngọc Anh		1997	Cao Bằng	Công ty TNHH Arlin		4	6.5	3.5						
2506	H	20696	Nguyễn Thu Ngọc Anh		1995	Lạng Sơn	Chi cục thuế Khu vực Dục Hoa - Đục Huế trực thuộc Cục thuế Tỉnh Lạng Sơn	7.5			3		5.5	6.5	7.5		
2507	C	20697	Lưu Thu Ngọc Anh		1991	Quảng Bình	Công ty TNHH Kiên Loan HSK Việt Nam										
2508	H	20698	Hoàng Thu Anh		1989	Hải Phòng	Công ty TNHH CK Lume	5	6.5	5.5	4						
2509	H	20699	Nguyễn Thu Anh		1985	Nam Định	Công ty TNHH Láo Dục Phát	4	5	5.5	2						
2600	H	20100	Nguyễn Thu Anh		1985	Quảng Nam											
2601	K	20101	Trinh Thu Anh		1998	Nghe An	Công ty TNHH Tư Vấn AKC	7	7.5	5				3	6.5		
2602	H	20102	Đỗ Thu Tuyết Anh		1987	Bình Định	Công ty Cổ phần VPXMK		1								
2603	K	20103	Phạm Việt Anh		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiên Loan và Tư Vấn Thuế ATAX	4	3	5	2	4.5	3	2			
2604	H	20104	Nguyễn Thu Xuân Anh		1989	Đông Nai	Công ty TNHH Interhou Việt Nam	6	0.5	2.5	0.5						
2605	H	20105	Lưu桂 Anh		1995	Trung Quốc	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Long Yu	5	3.5	6	2						
2606	H	20106	Nguyễn Hoàn An		1989	Ninh Thuận				7.5							
2607	H	20107	Trương Thu Hồng An		1999	Quảng Trị	Công ty TNHH V A C C		1								
2608	H	20108	Phạm Thu Mỹ An		1989	Bình Định	Công ty TNHH Dao tư Thương mại và Dịch vụ Đại lịch Hoàng Hải		5		1.5						
2609	K	20109	Đường Thu Ngọc An		1993	Nghe An	Công ty Cổ Phần Thuận Hải	5.5	5.5		5		-				
2610	H	20110	Nguyễn Thu Thanh An		1996	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kunden Việt Nam		6.5	5	1.5						
2611	H	20111	Trần Thu An		1981	Phu Yên	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng桂 Hao			5	2						
2612	K	20112	Võng Thien An		1997	Trung Quốc	Công ty TNHH Grant Thornton - Chi nhánh tại PHCM	6		3	1.5	6	4				
2613	H	20113	Cao Khắc Ba		1988	Nghe An	Công ty Cổ phần Autocare	6	8.5	7.5	5.5						
2614	H	20114	Đỗ Thu Ba		1990	Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn Báo Minh										
2615	H	20115	Vũ Ngọc Bạch		1986	Bình Định	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Dịch vụ Thuận An										
2616	P	20116	Phạm Thu Thu Hồng Bạch		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam			5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Chú chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngôn ngữ	
															Tiếng Anh	Tiếng Trung
2017	K	20117	Nguyễn Thị Bằng		1980	Bình Định	Phòng Ban Hàng Không Vcc 2	5		6						
2018	II	20118	Nguyễn Đức Bảo	1980		Quảng Trị	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nagato		2	3.5	2.5					
2019	K	20119	Hoàng Minh Bảo	1995		An Giang	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán SKS		5		5		8			
2020	K	20120	Phạm Thị Bảo		1987	Lạng Sơn	Công ty TNHH Asanchem Viet Nam	5		3.5						
2021	K	20121	Huỳnh Như Bằng		1998	Kiên Giang	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học MOORE-ATSC	4.5			3	6.5	3	3		
2022	II	20122	Nguyễn Đình Bằng	1992		Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn An Phú		7	5.5						
2023	II	20123	Lê Thị Ngọc Be		1981	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tiger Consulting Viet Nam	4		5						
2024	K	20124	Nguyễn Thị Bền		1988	Hải Dương	Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ và Vệ Sĩ Thương Long		3	5.5		6	3	6.5		
2025	K	20125	Dương Ngọc Bích		1999	Hưng Quốc	Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế - Chi nhánh Sài Gòn	5.5	1.5	3.5	4.5	7	2.5	5		
2026	K	20126	Hoàng Thị Ngọc Bích		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH N4Q Viet Nam			6	2		5			
2027	II	20127	Lê Thị Ngọc Bích		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Loh & The Wolf	5.5		1.5						
2028	K	20128	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1999	Bà Rịa	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Thuế AIAV	7	9	6.5	6	7.5	9		9	
2029	II	20129	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Shift Asia	5.5	7	4	5					
2030	II	20130	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1988	TP HCM				5						
2031	II	20131	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1992	Đông Tháp	Công ty TNHH Giải pháp F A 1		5.5		4.5					
2032	K	20132	Phạm Thị Ngọc Bích		1996	Lạng Giang	Công ty Cổ Phần MHDV Bến Thành			5						
2033	II	20133	Lê Thị Ngọc Bích		1988	Hải Phòng	Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Sóc Trăng	5	2	4	1.5					
2034	II	20134	Trương Thị Ngọc Bích		1988	Bình Thuận	Công ty TNHH RCT R&D Viet Nam	5.5	4.5	6						
2035	II	20135	Võ Thị Bích		1984	Hải Phòng	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Tháo Lạm									
2036	II	20136	Nguyễn Thị Thuỳ Bền		1981	Hải Dương	Công ty Cổ phần Dầu khí & Phát triển Quốc Tế			6.5	5.5					
2037	K	20137	Bùi Thị Như Bền		1989	Bình Định	Công ty TNHH MTV Loxua Phú Mỹ Hưng		5		4					
2038	II	20138	Nguyễn Thị Bền		1988	Bình Định	Công ty TNHH Chính xác Đàng		3.5	5.5	4					
2039	K	20139	Nguyễn Đăng Bình	1997		Quảng Trị	Công ty TNHH Kiểm Toán và Kế Toán AAC		7	5				4		
2040	K	20140	Mai Hải Bình	1984		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Doanh Gia Văn An		1.5	6.5	2		1			
2041	K	20141	Nguyễn Hải Bình	1994		Hải Phòng										
2042	II	20142	Huỳnh Kim Bình		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH CIT Resource Vietnam	6.5	6.5	5.5	3.5					
2043	II	20143	Lê Thuỳ Bình	1985		Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Thuốc Thầu và Trùng Lương N&V-Gico									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe nói			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2644	K	20144	Lê Thanh Bình	1990		Bình Thuận	Công ty TNHH INDIY Tổng Hợp Thuận Chương		5.5	5	3.5						
2645	H	20145	Nguyễn Thanh Bình	1998		Lạng Sơn	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon	4		5.5	4						
2646	H	20146	Phạm Thị Thanh Bình		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sài Gòn Bếp	5.5		5	1						
2647	H	20147	Trần Thị Thanh Bình		1985	TP HCM	Công ty CP an thực Mía Tron vàng	6.5			5						
2648	H	20148	Lê Thị Bình		1985	Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Kế toán Thuế Thuận Việt	6.5	5		3.5						
2649	K	20149	Đặng Hữu Bình	1990		Hà Tĩnh	Công ty TNHH MTV DAI BIKE VIỆT NAM	5.5	5	7	2.5	2.5	4.5	7.5			
2650	H	20150	Nguyễn Thị Ý Bình		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Kiểm toán Văn Văn			4.5	1						
2651	H	20151	Trương Thị Búp		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính - kế toán Tư Minh		7	7							
2652	H	20152	Nguyễn Thị Mông Cầm		1992	Bình Dương	Công ty CP kinh Yunnan	6	5.5	6.5	3						
2653	K	20153	Trần Lê Thanh Cầm		1996	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần TITAM Lotte Việt Nam	6.5	0.5	5	1	6.5	2	5			
2654	H	20154	Lê Thị Hồng Cầm		1988	Lạng Sơn	Công ty TNHH AM Accounting			5							
2655	H	20155	Trương Thị Hồng Cầm		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH thời trang Kim Quy		5.5								
2656	K	20156	Lê Thị Cầm		1996	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt			3.5	2.5	6.5		5			
2657	H	20157	Phạm Thị Chang		1991	Bắc Ninh	Công ty CP Mạo Sải Gòn 3		4.5	8.5							
2658	H	20158	Nguyễn Trần Anh Châu		1994	Liên Giang	Công ty TNHH Be Pro	7	3	6	2						
2659	K	20159	Nguyễn Thị Bảo Châu		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5		6.5				5			
2660	H	20160	Nguyễn Thị Bảo Châu		1992	Quảng Trị	Công ty TNHH Sunway Marketing			7.5	3.5						
2661	H	20161	Trần Bảo Châu		1994	Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Gulf Law Ninh 2			4.5	3.5						
2662	H	20162	Lê Thị Diệp Châu		1983	Ninh Thuận	Công ty TNHH Đô Đặc Tân Hưng Phát	6.5	4.5	5.5	2						
2663	K	20163	Lưu Thanh Hà Châu		1996	TP HCM	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán SCS		1		2		1.5				
2664	K	20164	Bùi Thị Kim Châu		1988	Hải Lư	Công ty TNHH MTV Speed Vina	6					6.5				
2665	H	20165	Nguyễn Long Châu	1991		Nam Định	Công ty Cổ phần XNK Thuận Minh		6.5	6							
2666	H	20166	Trương Minh Châu		1996	Đông Tháp	Công ty TNHH Gra pháp Phần mềm Winman	4		5.5							
2667	H	20167	Trương Thị Minh Châu		1999	Lạng Sơn	Công ty TNHH Calio Nương	6		5.5							
2668	K	20168	Lê Thị Minh Châu		1997	TP HCM	Công ty TNHH Dịch Vụ Kiểm toán và Tư vấn Kế toán BHP		5	3.5	4	6	6.5				
2669	K	20169	Nguyễn Phạm Minh Châu		1995	Nam Định	Công ty TNHH PWC Việt Nam	4	3.5	7			2.5				
2670	H	20170	Nguyễn Minh Châu		1992	Quảng Bình	Ngân hàng TMCP Dân tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	6.5	4	5	4						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2671	II	20171	Phạm Minh Châu		1998	Lam Dong	Công ty TNHH Tư vấn & Kiến tạo S&S			5							
2672	II	20173	Phan Thị Mỹ Châu		1982	Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Dầu từ Sơn Tron - Đà Nẵng										
2673	II	20174	Phạm Ngọc Châu	1975		Lạc Ninh	Cty CP DV QĐ BDS Hoàng Anh	5	1.5	5.5	2.5						
2674	II	20175	Nguyễn Thị Quỳnh Châu		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Kev Express Việt Nam				5.5						
2675	II	20176	Phan Thị Châu		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Plammap		6.5								
2676	II	20177	Nguyễn Thị Bích Chi		1991	Bình Định	Công ty TNHH Kurosawa MCC			5	2.5						
2677	II	20178	Nguyễn Thị Cẩm Chi		1993	Phu Yên	Công ty TNHH đầu tư HIK	7	6	7.5	4						
2678	P	20179	Nguyễn Thị Chi		2000	Quảng Bình	Công ty TNHH PwC			1.5							
2679	II	20180	Đặng Khánh Chi		1986	Thái Bình	CN IP HCM - Công ty CP đầu tư xây dựng DCH		2	5.5							
2680	II	20181	Bùi Thị Lan Chi		1976	Thái Bình	Công ty CP TNHH XNK Vĩnh An										
2681	K	20182	Nguyễn Thị Lệ Chi		1983	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Millennium Furniture				6	7.5	0.5	7			
2682	II	20183	Lê Thị Lệ Chi		1987	Lạng Sơn	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Thọ		2	3							
2683	K	20184	Hoàng Linh Chi		1996	Quảng Trị	Công ty TNHH PwC	5	4				3.5				
2684	K	20185	Lê Thị Linh Chi		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn RSM Việt Nam							6.5			
2685	II	20186	Trần Dương Mai Chi		1985	Bắc Giang											
2686	II	20187	Nguyễn Thị Mỹ Chi		1988	Bình Định	Công ty TNHH Ks thuật Đặng Minh		2	5	4.5						
2687	K	20188	Phạm Mỹ Chi		1998	Vĩnh Long	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư vấn A&C	5	4.5	6	4		5				
2688	II	20189	Lưu Thị Phương Chi		1988	Phu Yên	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Kế toán Glax		5	5							
2689	C	20190	Nguyễn Hữu Quỳnh Chi		1985	Ngũyễn An	Công ty Bảo Hiểm PICO Sài Gòn					6.5	7				
2690	II	20191	Nguyễn Thien Quỳnh Chi		1982	Thái Bình	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phú Sang	5.5		2.5							
2691	K	20192	Nguyễn Thị Thanh Chi		1991	Bình Định	Công ty TNHH Thương Mại Mỹ Phẩm Sao Mai	5.5		5	5						
2692	II	20193	Nguyễn Thị Thuê Chi		1998	Đà Nẵng	Cty TNHH Tư vấn A&C		3.5	5							
2693	II	20194	Nguyễn Thị Trúc Chi		1990	Quảng Ngãi				3	2						
2694	K	20195	Nguyễn Thị Chuen		1994	Hưng Yên	Công ty TNHH MIV K D F edersen Việt Nam										
2695	K	20196	Mông Thị Chính		1996	Cao Bằng	Công ty Cổ phần Steel Builder			2	0.5	3.5	0	2.5			
2696	K	20197	Nguyễn Thị Chính		1995	Thái Bình	Công ty TNHH Y usen Logistics Việt Nam		4	5		7	3	6			
2697	K	20198	Bùi Lai Chính	1995		Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Lập Đoàn V AS Nghi Sơn	4.5	3	3.5	5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2698	C	20199	Nguyễn Thị Cho		1993	Bình Định	Công ty TNHH Garuze					7.5	8.5		5	
2699	K	20200	Trần Thị Chúc		1987	Bạc Liêu	Công ty TNHH Impact Việt Nam	6.5	7	6.5	3.5	6.5	6.5		7	
2700	H	20201	Cao Chu Chung		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Phan miền Opsswal Việt Nam			5.5	5					
2701	H	20202	Hồ Thị Kim Chung		1979	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Vinh (ara Diamond Jewelry									
2702	K	20203	Nguyễn Thanh Chung	1992		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam	6		3.5	5.5					
2703	H	20204	Vân Thị Duy Chung		1995	Bình Định	Công ty Cổ phần Công nghệ thực phẩm Sula	3		5						
2704	H	20205	Phạm Trần Hoàng (Thương)	1987		Phước Thiện Huế	Công ty TNHH Toxoda Ly Thương Kiệt			3	3.5					
2705	K	20206	Lê Minh Công	1990		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Le	6.5	3		5	6	5			
2706	K	20207	Trần Lê Minh Công	1996		Bình Định	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam	6		6	2				1.5	
2707	K	20208	Trần Vũ Công	1989		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		2	3	3.5					
2708	K	20209	Lê Đông Cúc		1989	An Giang	Kiểm toán nhà nước khu vực Y			8.5			3		8	
2709	H	20210	Nguyễn Thị Kim Cúc		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Tech Vision	4.5	1	4	2					
2710	H	20211	Nguyễn Thanh Cúc		1980	Lồng An	Công ty TNHH Dược và Trang thiết bị Y tế A Dong			5.5						
2711	H	20212	Hồ Thị Cúc		1983	TP HCM	Công ty TNHH Mercan Việt Nam			4						
2712	H	20213	Nguyễn Thị Thuý Cúc		1987	Khánh Hòa	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại XNK Thanh Phú	5			4					
2713	H	20214	Lê Thị Hồng Cưng		1992	Lâm Đồng	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại XNK Thanh Phú			3						
2714	H	20215	Đỗ Anh Cưng	1992		Thanh Hóa	Công ty TNHH Forces Mazan's Việt Nam									
2715	K	20216	Nguyễn Hữu Cưng	1996		Quảng Bình	Công ty TNHH MTV (the Tac và Kinh Doanh Trang Sức PNJ			5.5			6			
2716	K	20217	Phạm Nguyễn Khánh (Cưng)	1998		Hà Nội	Chí Nhuận (PHCM - Công ty TNHH Kiểm toán VACO	6.5	6	5	2	6.5	4		6.5	
2717	K	20218	Trần Mạnh Cưng	1993		TP HCM	Công ty TNHH Đầu tư Bất Động Sản Forex	6	7	4			7.5		7.5	
2718	H	20219	Nguyễn Phú Cưng	1998		Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Doanh nghiệp Hoàn Cầu									
2719	H	20220	Phạm Quốc Cưng	1992		Đông Pháp	Công ty TNHH tư vấn qua biên giới và xây dựng - QCP9									
2720	H	20222	Trần Tuấn Cưng	1995		Sóc Trăng	Công ty Cổ phần Dược Nguyễn Hiệp		6.5	5.5						
2721	K	20223	Nguyễn Văn Cưng	1995		Kiên Giang	Công ty Cổ phần Phan Bôn và Hoa Thái Dầu Khu Lây Nam Bô				4	6			3.5	
2722	H	20224	Trần Văn Cưng	1990		Kiên Giang	Cty TNHH MTV Trương Phát									
2723	K	20225	Phạm Thị Vỹ Đa		1998	Lồng An	Công ty TNHH Kiểm toán AS		1.5	5	3	4	0.5			
2724	H	20226	Nguyễn Thị Kiên Dung		1988	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kim Sora	7	5	5	4					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2725	II	20227	Nguyễn Hữu Danh	1996		Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Bệnh viện Thanh Bình Dương	4.5	3	5.5	3.5						
2726	K	20228	Trần Thanh Danh	1979		Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn ACC	4.5	0	1.5	0.5						
2727	K	20229	Trần Thị Khanh Dân	1998		Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Greenfield Việt Nam	5		5							
2728	II	20230	Phạm Thị Dề	1990		Phu Yên	Công ty TNHH Daager Viet Nam	5		5.5	5						
2729	K	20232	Nguyễn Thị Ai Diễm	1994		Bình Định	Công ty TNHH Hoàng Quốc Lê Đạt Bằng Lương Anh										
2730	K	20233	Nguyễn Dương Hồng Diễm	1992		Lạc Ninh	Công ty TNHH Kiem Loan và Dịch Vụ Tư Vấn Moore AISC		5				6				
2731	II	20234	Nguyễn Thị Hồng Diễm	1980		Quảng Ngãi	Nhanh hàng INCT Sài Gòn Thương Tín	4.5		2							
2732	II	20235	Nguyễn Thị Hồng Diễm	1988		Phu Yên	Công ty TNHH Xà dưng Dongsung Vina		5	6							
2733	K	20236	Lê Thị Kiều Diễm	1999		Ninh Bình	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn ACC	6		2.5				6			
2734	K	20237	Nguyễn Ngọc Diễm	1996		Ninh Thuận	Công ty TNHH Phát triển Sùng Lạo	7	7	7.5	6						
2735	II	20238	Lê Thị Ngọc Diễm	1986		TP HCM	Công ty Cổ phần và Truyền thông VTVBroadcom			3.5							
2736	K	20239	Trần Thị Ngọc Diễm	1991		Bình Dương		7.5	8	7.5	4	7	7.5	8			
2737	II	20240	Đoàn Thị Diễm	1989		Bến Tre	Công ty TNHH Tư vấn Doanh nghiệp Đạt và thuê Kế toán Lân Thanh Thanh	6		7							
2738	II	20241	Lê Thị Diễm	1984		Bình Định	Công ty TNHH EMIDY tư vấn thông Đới Xanh										
2739	II	20242	Lê Thị Diễm	1992		Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Đầu tư An Phát				4.5						
2740	K	20243	Trần Thị Diễm	1992		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Liên Tiến		5.5			7		5			
2741	K	20244	Nguyễn Mạc Thụy Diễm	1996		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hoàng Kiem Loan AASC	5	5.5	4							
2742	II	20245	Nguyễn Thị Thụy Diễm	1996		Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Anh Minh			7	5						
2743	II	20246	Nguyễn Thị Kiều Diễm	1996		Quảng Ngãi	Công ty TNHH EMIDY xuất nhập khẩu Khoa Nguyễn		2		2.5						
2744	II	20247	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	1986		Lạc Giang	Công ty Cổ phần Sơn xuất Thương mại NID	6	2.5	3.5	1.5						
2745	K	20248	Đoàn Thị Thanh Diệp	1997		Khánh Hòa	Công ty TNHH Thương Mai Speeches Việt Nam										
2746	II	20249	Trương Thị Hiền Diệp	1994		Bình Định	Công ty TNHH RD Bridal		5	5							
2747	K	20250	Võ Thị Hồng Diệp	1994		Quảng Nam	Công ty Cổ phần Helius Technologies	7		6	5.5	6					
2748	II	20251	Nguyễn Thị Kim Diệp	1990		Lạc Giang	Công ty Cổ phần Du thuyền Việt Princess	6	1	5.5	2						
2749	II	20252	Nguyễn Thị Mỹ Diệp	1996		Kien Giang				7.5							
2750	II	20253	Phạm Thị Mỹ Diệp	1996		Thái Bình	Công ty TNHH Leawong Global Logistics Việt Nam										
2751	K	20254	Nguyễn Thị Thụy Diệu	1995		Quảng Nam	Công ty Cổ phần Hàng Lưu Dung Masan										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT Q/TNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2752	K	20255	Trần Duẩn	1989		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn ACC	5	6	5	3.5	4	5.5	3.5				
2753	K	20256	Trần Bảo Dung		1998	Trung Quốc	Công ty TNHH PWC	4		3	3		5					
2754	H	20257	Đương Thị Cẩm Dung		1975	Trung Quốc	Công ty TNHH Vong Tron Do		5.5	6	4.5							
2755	K	20258	Nguyễn Thị Hoàng Dung		1997	Nghe An	Công ty Cổ Phần Bình Yên Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	6	4		2							
2756	H	20259	Nguyễn Thị Hồng Dung		1992	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Central Service	4	2	6.5	3							
2757	H	20260	Phan Lê Khánh Dung		1999	Bến Tre	Công ty TNHH Accolme Corporate Services	4.5		6								
2758	H	20261	Oh Kiều Dung		1992	Trung Quốc	Ngân hàng Bank of China Limited - CN TP. Hồ Chí Minh	6.5	5	5	3.5							
2759	H	20262	Trần Lê Kiều Dung		1992	Quảng Nam	Công ty TNHH Thanh Market	7	4.5	5	4							
2760	H	20263	Ngô Thị Kim Dung		1986	Là Ninh	Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Đà Môn	5.5	1	1.5	2							
2761	K	20264	Ngô Nguyễn Lan Dung		1999	Phu Yên	Công ty TNHH PWC							7				
2762	H	20265	Kiều Thanh Lê Dung		1996	Quảng Nam	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn BSM Việt Nam		5.5									
2763	H	20266	Nguyễn Thị Lê Dung		1983	Hải Phòng	Công ty TNHH AIDK Vietnam Lawyers			7	7.5							
2764	H	20267	Nguyễn Thị Mỹ Dung		1981	Thừa Thiên Huế		5.5		3	1							
2765	H	20268	Nguyễn Thị Mỹ Dung		1988	Quảng Nam	Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ Thanh Công											
2766	H	20269	Phan Thị Mỹ Dung		1991	Bình Định	Công ty TNHH MTV Là thuật luật ứng dụng Minh Dung	7	3	7	4							
2767	H	20270	Tư Thị Mỹ Dung		1992	Quảng Ngãi	Công ty TNHH END Corporate Services											
2768	H	20271	Huỳnh Thị Nghi Dung		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH đào tạo tư vấn thuế Sai Nam	7		5								
2769	H	20272	Nguyễn Thị Ngọc Dung		1994	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán APC Việt Nam		6		1.5							
2770	H	20273	Trần Thị Phương Dung		1997	Hải Dương	Chi nhánh tại TP HCM Công ty TNHH looky & consulting	5		5.5								
2771	K	20274	Bùi Phương Dung		1993	Hà Nam	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Phú Nhuận	3.5		5				4.5				
2772	H	20275	Châu Thị Phương Dung		1990	Hà Nam		6.5	5.5	6								
2773	H	20276	Sơn Quốc Dung		1998	Trung Quốc	Công ty TNHH Kiểm toán & thẩm định giá NK	6	4.5	5								
2774	K	20277	Đặng Thị Dung		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán AS	4.5	1.5	6	3	8	7	5.5				
2775	H	20278	Lưu Thị Dung		1996	Thừa Hóa		6	8	4	3.5							
2776	H	20279	Lê Thị Dung		1991	Campuchia	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn ANPIA			5	5							
2777	H	20280	Lê Thị Dung		1986	Nghe An	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bạt Đông sơn Hưng Vương	5.5	5									
2778	K	20281	Nguyễn Thị Dung		1999	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn ACC	5.5	5	4.5	2	6	4	4				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
2779	H	20282	Nguyễn Thị Dung		1998	Hà Dương	Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Cửa Sèn				5.5						
2780	K	20283	Liên Thị Dung		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Bosch Global Software Technologies		6.5				6.5				
2781	H	20284	Lương Thị Dung		1998	Thanh Hóa	CITCP tư vấn & Dịch vụ thuê IPM			6.5							
2782	H	20285	Hồ Thị Dung		1998	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Accounting Services Limited tại TP HCM	5		5	1.5						
2783	H	20286	Nguyễn Thị Dung		1988	Bình Định	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kinh doanh Anh Dương		2.5								
2784	H	20287	Đặng Thị Dung		1986	Là Vinh	Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo ACC PRO		1		4						
2785	K	20288	Huỳnh Phạm Thúy Dung		1994	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Dược và Tư vấn KPMG		6		5	8	6				
2786	H	20289	Nguyễn Thị Dung		1986	Hưng Yên	Công ty TNHH Giáo nhận & vận tải - thương mại Duy Tân			6	1.5						
2787	H	20290	Nguyễn Thị Dung		1990	Thanh Hóa	Công ty Liên Doanh Dịch vụ tư vấn		6								
2788	C	20291	Nguyễn Thị Dung		1991	Quảng Bình	Công ty Cổ Phần BG Gateway					7.5	7.5	1.5			
2789	K	20292	Nguyễn Thị Dung		1995	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt		5	5		8	5	4			
2790	H	20293	Nguyễn Thúy Dung		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Giải công năng WCTSO	5.5			0.5						
2791	H	20294	Phạm Thị Dung		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH NVĐ Asset Logistics Việt Nam			6.5	3						
2792	H	20295	Liên Thị Dung		1981	Liên Giang	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thương Hoàng		4								
2793	H	20296	Liên Thị Dung		1994	Hà Tĩnh		3		4							
2794	K	20298	Nguyễn Đỗ Xuân Dung		1987	Thái Bình	Ngân hàng NICP Việt Nam Thương Tín			3.5	3.5						
2795	H	20299	Liên Thị Dung		1996	Trung Quốc	Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý ST Engineering Việt Nam		5.5	5							
2796	H	20300	Chu Đình Dung		1984	Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam										
2797	H	20301	Đỗ Đức Dung		1996	Vĩnh Long	Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ DIAA										
2798	K	20302	Ngô Kỳ Dung		1998	Trung Quốc	Công ty TNHH PWC										
2799	K	20303	Nguyễn Mạnh Dung		1997	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn CPA HCM	7	4.5	5	3			4.5			
2800	H	20304	Ngô Quốc Dung		1994	Bạc Liêu	Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Lớn		6		6						
2801	H	20305	Huỳnh Văn Dung		1973	Lạng Sơn	Công ty TNHH kết cấu Thép HHT	4.5	1	1.5	1.5						
2802	H	20306	Liên Việt Dung		1993	TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn và TS Việt Nam	5.5		4	3.5						
2803	H	20307	Phạm Xuân Dung		1995	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần BHC Inceop		5.5	6.5							
2804	H	20308	Nguyễn Anh Duy		1997	Là Vinh	Công ty Cổ phần Công Nghệ Liên Phát	3.5	6	3	4						
2805	K	20309	Phạm Anh Duy		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Toàn Cầu	6	3.5	5	1.5	7					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2806	H	20110	Chau Thi Bao Duy		1984	Quang Ngãi	Cong ty TNHH SX IM và DV SX IM Đại Quang Phát	5.5	0.5	3.5	4						
2807	K	20111	Võ Trần Bảo Duy			Lạc Ninh					1.5						
2808	K	20112	Lê Đại Duy			Lạc Ninh	Cong ty TNHH Kiểm Toán DPK Việt Nam										
2809	K	20113	Nguyễn Đình Duy		1992	Hà Nội	Cong ty TNHH Kiểm Toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	8		5	6.5	7.5		5			
2810	K	20114	Võ Đình Duy		1991	Quảng Ngãi	Cong ty TNHH Quốc tế Văn Phước Hưng	4.5	5.5					5	5.5		
2811	K	20115	Nguyễn Đoàn Duy		1998	Cà Mau	Cong ty TNHH Kiểm Toán và Dịch vụ Tin Học MOORE- AISI	5.5	1	3.5	1.5	6	0.5	4.5			
2812	K	20116	Nguyễn Hoàng Duy		1997	Hưng Yên	Cong ty TNHH Ernst & Young Việt Nam										
2813	H	20117	Đặng Ngọc Duy		1992	Đà Nẵng	Cong ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lạc Việt Nam	5.5	3	2.5	3.5						
2814	K	20118	Lý Nhật Duy		1998	Lạc Ninh	Cong ty TNHH PWC	6.5		3.5	3.5	7	0	7			
2815	K	20119	Nguyễn Quang Duy		1999	Bình Dương	Cong ty TNHH PWC			2.5							
2816	K	20120	Nguyễn Thanh Duy		1994	Quảng Nam						6.5	8.5				
2817	K	20121	Phạm Xuân Duy		1994	Nam Định	Cong ty TNHH Kiểm Toán T.T.O	5		6	5	7		6.5			
2818	H	20122	Lê Hinh Duyen		1991	Khánh Hòa	Cong ty TNHH Viet Sea VN	7	4	7.5	4						
2819	K	20123	Nguyễn Đức Hoàn Duyen		1999	Khánh Hòa	Cong ty TNHH Kiểm Toán Thuế Tư Vấn Sài Gòn	6	5.5	7	6	6	4	9		8	
2820	K	20124	Trần Thị Hồng Duyen		1981	Thái Bình	Cong ty TNHH MTV Kim Tín Đại	8	1.5	6							
2821	H	20125	Đoàn Kim Duyen		1984	Đông Tháp	Cong Cổ phần Thực phẩm Chăn nuôi Việt Thăng		4	7	3						
2822	P	20126	Nguyễn Thị Kim Duyen		2001	Thừa Thiên Huế	Cong ty TNHH PWC			7							
2823	K	20127	Nguyễn Lương Duyen		1993	Hà Tĩnh	Cong ty TNHH MTV Khai thác CITI Đắk Nông				2						
2824	H	20128	Đặng Thị Mỹ Duyen		1997	Lạc Ninh	Cong ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sài Gòn S&C A			3	1						
2825	K	20129	Hà Thị Mỹ Duyen		1998	TP HCM	Cong ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuyên Việt	5.5	3.5	6	5.5	7					
2826	K	20130	Lêu Thị Mỹ Duyen		1998	Phước Yên	Cong ty TNHH Kiểm Toán và Kế Toán AAC - CN HCM			5	5		5				
2827	H	20131	Ngô Thị Mỹ Duyen		1995	Bình Dương	Cong ty CP XI M&I Công nghệ M&I		0.5	4							
2828	K	20132	Nguyễn Thị Mỹ Duyen		1999	Quảng Nam	Cong ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn HTI - Chi nhánh Đà Nẵng	6	3.5	5.5	3	6	4.5	6.5			
2829	H	20133	Nguyễn Thị Mỹ Duyen		1998	Bình Định	Cong ty Cổ phần Hòa Phát Đại Dương Xanh				4						
2830	K	20134	Trần Đăng Mỹ Duyen		1997	Phước Yên	Cong ty TNHH R&D2 Việt Nam	4.5				8.5		8			
2831	K	20135	Vân Thị Mỹ Duyen		1999	Quảng Nam	Cong ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		3	6	5.5	7.5	3.5	7			
2832	H	20136	Trần Quỳnh Duyen		1997	Phước Yên	Cong ty TNHH BDO Consulting			5	2						

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ		
															Tiếng Anh	Tiếng Trung	
2833	H	20337	Đào Thị Duyên		1991		Nghe An	Công ty TNHH Grit Academy Việt Nam	8	7	9	3.5					
2834	H	20338	Nguyễn Thị Duyên		1992		Cà Mau				5	2					
2835	H	20339	Nguyễn Cao Thủy Duyên		1998		Khánh Hòa										
2836	K	20340	Nguyễn Thị Thủy Duyên		1993		Liên Giang	Công ty TNHH Kế Toán Sando Việt Nam		9					7		
2837	H	20341	Võ Thị Thủy Duyên		1996		Quảng Trị	Phòng Lao động TBKXH Huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước	5	2.5	6	2					
2838	K	20342	Nguyễn Thị Yên Duyên		1998		Bình Thuận	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn Sando Việt Nam			7.5		6.5	4.5	5.5		
2839	H	20343	Hoàng Thanh Dự	1990			Cần Thơ	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán Thuế Thiên Ý		1	7	2					
2840	K	20344	Nguyễn Đình Dương	1997			Thanh Hóa	Công ty TNHH MTV Thanh Kien									
2841	H	20345	Liên Thanh Dương	1991			Kien Giang	Công ty Cổ phần Buzzmetrics	7	5.5	6.5	5.5					
2842	C	20346	Chu Thuý Dương		1990		Hải Dương	Công ty TNHH Kaudine - Naged					6	5.5	8		
2843	H	20347	Hoàng Thị Thuý Dương		1980		TP HCM	Công ty TNHH Thương mại khách Nhân									
2844	K	20348	Lê Thị Thuý Dương		1999		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam				3	8				
2845	H	20349	Ngô Thị Thuý Dương		1988		Nam Định	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam	7.5		6.5						
2846	H	20350	Nguyễn Thị Thuý Dương		1987		Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán Thuế và Tư vấn tài sản ACE									
2847	K	20351	Nguyễn Huy Dương		1990		Hà Nội	Công ty TNHH Trương Bửu Quang Táo Kung Wood					4	5		7.5	
2848	H	20352	Nguyễn Huy Dương		1998		Đà Nẵng	Chi nhánh tại TP HCM - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Phát triển Công Nghệ PSI				6.5					
2849	H	20353	Nguyễn Hoàng Lương Đào		1997		Hà Nội	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Thuế - Chi nhánh Sài Gòn		3	5						
2850	H	20354	Nguyễn Thị Ý Đào		1987		Phước Yên	Công ty TNHH Công nghiệp Môi trường Trần Vũ	4	4.5	5	1					
2851	K	20355	Lê Quang Đào	1996			Long An	Công ty TNHH Kiến Toán Đạt Tín									
2852	H	20356	Nguyễn Văn Đào	1977			Quảng Nam	VPHI nhà thầu CV PC Overseas Sdn bhd	6	5		3					
2853	H	20357	Nguyễn Thị Đàm		1994		Bình Thuận	Công ty Cổ phần Mortgage Le May Việt Nam			6						
2854	H	20358	Nguyễn Văn Đàm	1987			Thái Bình	Công ty TNHH LM và DV tư vấn quản lý BGD/ANG VN	5.5	0.5	5	1					
2855	K	20359	Đinh Thị Linh Đào		1997		Nam Định	Tổng Công ty Cổ phần Bưu - Riou - Nước Gai Khai Sài Gòn	5		6.5	7	6.5				
2856	K	20360	Trần Linh Đào		1996		Bến Tre	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn ITII		5		3.5					
2857	K	20361	Đặng Nguyễn Anh Đào		1995		Lâm Đồng	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn Chuẩn Việt			5.5	1		6			
2858	H	20362	Lê Thị Anh Đào		1991		Đông Nai	Công ty Cổ phần Hòa dân Trương Thịnh	7		6.5						
2859	C	20363	Trương Thị Anh Đào		1973		Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Điện 3									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HĐT CNC		Ngôn ngữ		
															Tiếng Anh	Tiếng Trung	
2860	II	20164	Trinh Thị Anh Đào		1987	Quảng Trị	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ An toàn ISP										
2861	II	20165	Lương Thị Anh Đào		1991	Bình Định	Công ty TNHH đào tạo và tư vấn Thuế		2.5		3.5						
2862	II	20166	Lê Thị Hồng Đào		1992	Lạng Sơn	Công ty TNHH Giải pháp Kỹ thuật Data Phúc										
2863	II	20167	Hồ Ngọc Đào		1998	Bình Dương	Cty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C										
2864	K	20168	Ta Thị Ngọc Đào		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuẩn Việt	6	3	4	1		6.5				
2865	K	20169	Lê Xuân Đào		1996	Đông Pháp	Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm Toán AVSC		5	5	5		3.5				
2866	II	20170	Lê Đức Đạt		1990	Bình Dương	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ kế toán KTC			6	4						
2867	K	20171	Nguyễn Hoàng Đạt		1997	Vĩnh Long	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4.5	5	4	2.5						
2868	II	20172	Trần Hồng Đạt			Cần Thơ	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Nam Trung										
2869	II	20173	Hồ Phú Đạt			Đông Nai	Công ty TNHH TM - DV VI XD Thanh Phú Đạt	4.5	1.5	5	2						
2870	K	20174	Trần Quốc Đạt		1995	Tiền Giang	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSSM Việt Nam	4.5	5	2.5	2.5	6	4.5	9.5			
2871	K	20175	Trần Quốc Đạt		1992	Ninh Thuận			4	3.5	2	7	3.5	8			
2872	II	20176	Đặng Tân Đạt		1994	Tây Ninh	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thanh Thành Công		6.5	7	5						
2873	C	20177	Nguyễn Trường Tân Đạt		1992	Lạc Ninh	Công ty TNHH Năng Lượng Rực						6.5				
2874	II	20178	Phạm Tân Đạt		1996	Khánh Hòa	Cty TNHH Tư vấn A&C	3.5	0.5								
2875	II	20179	Trần Trọng Đạt		1985	Nam Định	Công ty CP TM & DV Lộc An Phát										
2876	II	20180	Nguyễn Thị Đẹp		1982	Bà Rịa - Vũng Lau	Chi cục thuế Khu vực Cần Giuộc - Cần Đức	3.5	1.5	5							
2877	II	20181	Nguyễn Thị Duyên		1991	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán EAC		5.5		3.5						
2878	II	20182	Vân Thị Thanh Duyên		1996	Bình Thuận	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Phương Đông	5	5.5	7	4						
2879	II	20183	Lâm Thu Duyên		1994	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam			5.5							
2880	II	20184	Lào Thuỳ Duyên		1994	Bình Thuận	Công ty TNHH Kế toán AGS		3	7	3.5						
2881	K	20185	Nguyễn Thị Bích Diệp		1993	Bình Định	Công ty TNHH Sonnet Việt Nam	5	5.5	7.5			6.5				
2882	K	20186	Nguyễn Thị Hồng Diệp		1997	Quảng Trị	Công ty TNHH Sunpin Vina	5.5		5.5	3.5		6				
2883	II	20187	Trần Nữ Diệp		1989	Bình Định	Công ty CP đào tạo và dịch vụ Hoàng Sơn South Thuận										
2884	II	20188	Nguyễn Thị Quỳnh Diệp		1987	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dịch vụ An ninh mạng V-mess		8		6.5						
2885	K	20189	Nguyễn Thị Diệp		1988	Nghe An	Công ty General Resources				7.5		6				
2886	II	20190	Võ Thị Diệp		1989	Bình Định	Công ty TNHH được phân Amber				2						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức					Ngôn ngữ					
								Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân lịch HDT CNC	Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2887	H	20191	Hoành Thu Diệu		1992	Bình Định	Công ty Cổ phần Anan Wind Energy			7								
2888	H	20192	Nguyễn Văn Đức	1984		Nghe An	Công ty TNHH JM	3	1	5	5							
2889	K	20193	Liên Thu Doan		1982	Nam Định	Công ty TNHH RHEEM Việt Nam											
2890	K	20194	Phạm Hoàng Thúc Doan		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Toàn Cầu	5	5			5	2					
2891	H	20195	Liên Thị Ngọc Đông		1993	Kien Giang	Công ty Cổ phần Phoenix Energy & Automation	1.5	0.5	3.5								
2892	K	20196	Trương Thị Phương Đông		1999	Phu Yên	Công ty TNHH PWC			5.5	2.5	6						
2893	K	20197	Liên Quach Lue Dong		1995	Long Quốc												
2894	H	20198	Nguyễn Phú Duyên		1988	Thái Bình	Công ty Cổ phần Dân tư Dầu mỏ Thành phố Dầu Phư Quốc		4	6.5								
2895	K	20199	Nguyễn Liên Anh Đức		1997	Ninh Bình	Công ty TNHH PWC	5	2.5	5.5	2.5							
2896	K	20400	Châu Lê Thien Đức		1997	Bình Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	3	4	3.5	2.5	6	3.5	8				
2897	H	20401	Hồ Trọng Đức		1990	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Bất Động Sản GP.T			5.5	4							
2898	K	20402	Lê Trọng Đức		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Grove Việt Nam - Chi nhánh TPHCM	6			5		5					
2899	K	20403	Nguyễn Trọng Đức		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC	4	1.5	3.5	3.5	3.5	5.5	3.5				
2900	K	20404	Liên Tuấn Đức		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam				8							
2901	H	20405	Nguyễn Thị Hải Dương		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Hải sản Hoàng Gia		4	4								
2902	H	20406	Đào Dương Minh Dương		1987	Quảng Nam	Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto		7		6							
2903	H	20407	Liên Văn Ch�c Trn		1979	Cần Thơ	Bệnh Viện Quốc Tế Phương Châu											
2904	H	20408	Liên Thu Hồng Cẩm		1982	Quảng Ngãi	Công ty TNHH CDCONS											
2905	H	20409	Lê Thị Ngọc Cẩm		1995	Phu Yên	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Mạch Gia Phát	4.5	6.5	8.5	4							
2906	H	20410	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm		1985	Long An	Công ty TNHH Quay Doanh Dịch	7			5							
2907	C	20411	Liên Hoàng Gia		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài Chính - Kế Toán Trn Minh						3					
2908	H	20412	Liên Thu Cẩm Giang		1994	Đông Thap	Công ty TNHH Tư vấn Ropa	5			3.5							
2909	H	20413	Vô Thu Ch�c Giang		1993	An Giang	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam	3.5	0.5	2	0.5							
2910	C	20414	Hoàng Thị Hà Giang		1995	Quảng Bình						6	3.5	8				
2911	K	20415	Lê Thu Hà Giang		1998	Quảng Trn	Công ty TNHH Lamax Việt Nam	5	1.5		4	4	3					
2912	K	20416	Phan Hoàng Giang		1997	Quảng Bình	Công ty TNHH Tư Vấn SC'S Global Việt Nam											
2913	H	20417	Bùi Thu Hồng Giang		1988	Nam Định			7									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2914	II	20418	Lê Thị Hồng Giang		1992	Bình Thuận	Công ty TNHH Thu sơn Nam Thái Bình Dương	5.5		5								
2915	II	20420	Nguyễn Thị Hương Giang		1992	Nam Định	Công ty TNHH Acclime Corporate Services		5.5		4							
2916	K	20422	Thân Thanh Hương Giang		1994	Bắc Giang		3.5	7	3.5	7.5	7.5	3.5	8.5				
2917	K	20423	Lưu Thị Hương Giang		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn AKC			6								
2918	II	20424	Vũ Thị Hương Giang		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH BCM Venture Integrated											
2919	II	20425	Ngô Thị Mỹ Giang		1992	Liên Giang	Công ty TNHH Thương mại XNK Việt Úc	5.5	0.5	5.5	3							
2920	K	20426	Lưu Nam Giang	1995		Quảng Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam		3	5	7							
2921	II	20427	Nguyễn Phương Giang		1982	Thanh Hóa		6.5		3	1							
2922	II	20428	Nguyễn Thị Thanh Giang		1980	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Sao Vàng											
2923	II	20429	Lương Thị Giang		1985	Bắc Giang	Công ty TNHH Kinh doanh siêu thị hàng Phú Mỹ	6.5	6.5	6								
2924	II	20430	Bùi Thị Thụy Giang		1989	Gia Lai	Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics	5	3									
2925	II	20431	Lưu Thị Trúc Giang		1991	Quảng Ngãi	Cty TNHH Hoa Lenz Việt Nam - CN Quảng Ngãi											
2926	II	20432	Dương Trường Giang	1980		Hà Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thăng Lân											
2927	II	20433	Dương Tuyết Giang		1978	An Giang	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Đại lý thực Việt		2	3.5								
2928	K	20434	Lưu Nguyễn Phương Giao		1990	Liên Giang			6.5	7			7.5					
2929	K	20435	Thân Văn Giáp	1983		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm Toán và Chu Pháp Công Nghệ Thông Tin Đại Nam		2	5	1.5		1.5	3				
2930	II	20436	Nguyễn Ngọc Giao		1991	Nghe An	Công ty TNHH Cung ứng Dịch vụ Đại Bảo An											
2931	II	20437	Nguyễn Thị Diệp Hạ		1983	Quảng Bình	Cty TNHH Xuân Thanh	6	2.5		3.5							
2932	II	20438	Bồ Hoàng Hạ		1995	Bình Định		7	5.5	5	5.5							
2933	K	20439	Bùi Khánh Hạ		1991	Ninh Thuận	Công ty TNHH Hạ Phát Asi			3.5	1.5	5.5	1					
2934	II	20440	Hồ Khánh Hạ		1999	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kế toán Vina			3	3.5							
2935	K	20441	Lưu Ngọc Khánh Hạ		1994	Bình Định	Công ty TNHH Inst&Young Việt Nam	7		5.5								
2936	II	20442	Nguyễn Mạnh Hạ	1984		Hà Nam	Công ty TNHH Nông nghiệp Lân Xuân											
2937	II	20443	Đoàn Thị Mỹ Hạ		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH Năng lương RHT	6.5	6	2.5	4							
2938	II	20444	Lê Thị Ngọc Hạ		1987	Nghe An	Công ty Cổ phần Iteco		7.5	7								
2939	K	20445	Vũ Ngân Hạ		1988	Hải Phòng	Công ty TNHH裴尔达 Van Mele VN											
2940	K	20447	Nguyễn Thị Ngọc Hạ		1995	Thanh Hóa		5		5	5			6				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
2041	II	20418	Nguyễn Thị Ngọc Hà		1983	Thái Bình	Sacombank Thập Mươi	3.5		5.5								
2042	II	20449	Nguyễn Thị Ngọc Hà		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Sản xuất Dầu tự Nhiên loại An Lập Phát				3							
2043	II	20450	Là Ngọc Hà		1983	Liên Giang	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Kế toán Minh Ngọc	6	4	5	3							
2044	II	20451	Vũ Thục Ngọc Hà		1984	Nam Định	Công ty TNHH BSB Tech				1.5							
2045	II	20452	Trần Thị Như Hà		1989	Bình Định	Công ty TNHH Thiết bị Y tế phòng khám Thị Hà		3.5	6	2.5							
2046	K	20453	Đỗ Thị Thanh Hà		1997	Thái Bình			6	5	6.5							
2047	K	20454	Lê Thị Thanh Hà		1984	Liên Giang	Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Hưng Phú	6.5	1.5	3.5	3.5	5.5			2	5		
2048	II	20455	Nguyễn Lan Thanh Hà		1995	Bình Định	Công ty Cổ phần Golden Tech		4.5	4								
2049	II	20456	Nguyễn Thị Thanh Hà		1988	Thanh Hóa		5										
2050	II	20457	Nguyễn Thị Thanh Hà		1994	Ninh Bình	Công ty Cổ phần Sản xuất Thuốc mua Face Mask	5			4	2.5						
2051	K	20458	Nguyễn Thị Thanh Hà		1978	Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Denso		4.5	7								
2052	II	20459	Phạm Thị Thanh Hà		1999	Bình Định	CN INC Corporate Services P.H. LTD Lai Việt Nam			6	4							
2053	II	20460	Trần Thị Thanh Hà		1994	Long An	Công ty TNHH XNK Phát triển Đông Dương											
2054	II	20461	Cao Thị Hà		1990	Nghe An	Công ty TNHH Accsons	6	3	6	3.5							
2055	II	20462	Đỗ Thị Hà		1989	Nam Định	Công ty Cổ phần Tư vấn Giải pháp Công nghệ & Môi trường				5.5							
2056	II	20463	Hoàng Thị Hà		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Hoa Bình	8	4.5	6	5							
2057	II	20464	Lê Thị Hà		1991	Hải Dương	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Lạc Hà			8								
2058	II	20465	Lê Thị Hà		1985	Thanh Hóa	Cty TNHH Dịch vụ Thương Mại Kỹ Thuật Tổng Hợp Nguyễn Huy		2		4							
2059	II	20466	Lê Thị Hà		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Asuzac	6	3.5	6.5	5							
2060	K	20467	Nguyễn Thị Hà		1979	Hà Nội	Công ty Cổ Phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	8	4	5								
2061	II	20468	Nguyễn Thị Hà		1997	Bình Phước	Công ty TNHH ISB Việt Nam		1.5	3.5								
2062	K	20469	Nguyễn Thị Hà		1996	Thừa Thiên Huế	Chuẩn Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	6										
2063	II	20470	Nguyễn Thị Hà		1992	Hải Dương	Công ty TNHH Khuyến học Đại Thành Phát	6	2.5	3.5	2							
2064	II	20471	Nguyễn Thị Hà		1994	Nghe An	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thanh Công	7.5		6	4							
2065	II	20472	Phạm Thị Hà		1997	Nghe An	Công ty Cổ phần Thương mại Dược Mỹ phẩm Đạo Liên	5			3							
2066	II	20473	Cao Thị Thu Hà		1990	Nghe An	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Cơ điện (NHPC)			6.5	3.5							
2067	II	20474	Đường Thị Thu Hà		1993	Nghe An	Công ty TNHH Tiếp Vận Wand	6.5	6.5	6	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
2968	C	20475	Đoàn Thu Hà		1970	Hà Nội	Công ty Cổ phần Đại lý Vận Tải Suối					5.5	4			
2969	C	20476	Hoàng Thu Thu Hà		1985	Nam Định	Công ty TNHH Market Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh							9		
2970	II	20477	Lê Thu Thu Hà		1998	Nghe An	Công ty TNHH Grant Thornton			5						
2971	II	20478	Nguyễn Thu Hà		1984	Quảng Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Thu Đức	4.5		5	1					
2972	II	20479	Phạm Thu Hà		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Dược phẩm L avia									
2973	II	20480	Phạm Thu Thu Hà		1993	Thái Bình	Công ty TNHH Haid Food		3.5		4					
2974	II	20481	Lưu Vũ Thu Hà		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH IM và DV tư vấn quản lý BIGHANG VN	7		3	0.5					
2975	II	20482	Lưu Thu Thu Hà		1994	Nam Định	Công ty TNHH Kiên toàn và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu									
2976	K	20483	Vũ Phương Thu Hà		1996	Nam Định	Công ty TNHH CTC Tech Hub	8.5	2	5.5	3.5	6.5	6.5	7		
2977	K	20484	Đương Thu Thu Hà		1987	Quảng Bình	Công ty TNHH TM Xuất Nhập khẩu Bến Thành									
2978	II	20485	Đoàn Thu Thu Hà		1988	Nam Định	Chi nhánh công ty TNHH International SOS Việt Nam	6.5	4	5	2.5					
2979	K	20486	Lê Thu Thu Hà		1999	Bình Định	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		6.5	5.5	7	8	6	7.5		
2980	II	20487	Nguyễn Thu Thu Hà		1990	Bình Định	Công ty CP Đầu tư Công nghệ Thien An	8.5	5	5.5	2.5					
2981	II	20488	Nguyễn Trung Hà	1989		Nghe An	Công ty TNHH Bao huem Mice TP Hồ Chí Minh									
2982	II	20489	Lưu Tu Hà		1996	Trung Quốc	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ kế toán Glax	6.5	3							
2983	K	20490	Nguyễn Việt Hà		1997	Bến Tre	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên Toàn và Tư vấn (Huân Việt Nam		0.5	5	5		4.5			
2984	II	20491	Lưu Việt Hà		1994	Phu Thọ	Công ty Cổ phần Ks Nghệ An Phú	6.5								
2985	II	20492	Nguyễn Phan Bảo Hà		1994	Nghe An	Công ty TNHH Netcompany Việt Nam		6.5		5					
2986	K	20493	Nguyễn Đoàn Nhà Hà		1999	Thừa Thiên Huế	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên Toàn và Tư vấn (Huân Việt tại Đà Nẵng	8.5	7	7.5	5.5	8	6.5	5		
2987	II	20494	Nguyễn Huyền Nhà Hà		1992	Lam Đông	Công ty bao huem BIDV Lam Đông									
2988	K	20495	Hồ Thị Như Hà		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kiên Toàn và Kế toán AAC - Chi nhánh Lai IPHC M	8	6	7	5	6.5		7.5		
2989	II	20496	Nguyễn Thị Thanh Hà		1991	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần BCG Energy	6	4.5	5	5					
2990	II	20497	Lê Đình Hà		1993	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn và Kế toán Everwin	8.5	3	7	2.5					
2991	K	20498	Hà Đức Hà		1992	Thái Bình	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Casper Viet Nam	7		5	1					
2992	II	20499	Nguyễn Thị Hồng Hà		1981	Nam Định	Công ty CP công nghệ QHT PLCS	7		6						
2993	K	20500	Lưu Khắc Hà	1997		Thanh Hóa	Công ty TNHH Frost & Young Việt Nam	6.5	5	5	2					
2994	II	20501	Nguyễn Thị Loan Hà		1988	Tiền Giang	Công ty TNHH Be Pro									

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
2995	H	20502	Bui Ngọc Hào		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp Vĩnh Phát	3.5		4							
2996	K	20503	Lê Ngọc Hào	1995		Thái Bình	Ngân Hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn và Phát triển Nông thôn - CN tại Sài Gòn		1.5	4.5	3.5	5	4				
2997	P	20504	Huân Quang Nhật Hào	1977		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiên An Thành			3.5							
2998	K	20505	Nguyễn Sơn Hào	1978		Quảng Ngãi	Công ty TNHH MTV Lâm Nam Giao tại	3	0	4.5	0.5	3	1	2			
2999	H	20506	Hoàng Thu Thành Hào		1991	Quảng Ninh	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đồ	7	4	5	6						
3000	K	20507	Nguyễn Thành Hào	1997		Hà Nội	Công ty TNHH Kiến Toàn Vạn Long	4.5		6.5			7.5				
3001	C	20508	Phạm Thành Hào	1993		Bình Định							3	5			
3002	K	20509	Đinh Thu Hào		1992	Hà Tĩnh	Công ty Cổ Phần Sơn Sơn tại		6.5			5.5	6	5			
3003	H	20510	Huân Thu Hào		1988	Nghe An	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận		5								
3004	H	20511	Vũ Thu Hào		1979	Hà Nam				7.5	3.5						
3005	H	20512	Đoàn Thu Đức Hào		1988	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Oha Việt Nam	6		6.5	5.5						
3006	H	20513	Lê Lương Hồng Hào		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ THI Vina		4								
3007	K	20514	Nguyễn Thị Hồng Hào		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Crowe Việt Nam - Chi nhánh PHICM				7	7.5	8	7			
3008	H	20515	Nguyễn Thị Hồng Hào		1994	Bình Định	Công ty Cổ phần Dân cấp Điện Việt Nam		5	5							
3009	K	20516	Phạm Hồng Hào		1997	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toàn Immatured	5.5	6				8	5			
3010	K	20517	Lê Nguyễn Minh Hào		1997	Đoàng Tháp	Công ty TNHH Trisist & Young Việt Nam				3	5.5					
3011	H	20518	Bui Thị Mỹ Hào		1994	Quảng Ngãi	Công ty CP hàng lương mại tron RHE	5.5	3.5	5	3						
3012	H	20519	Đỗ Thị Mỹ Hào		1995	Phu Yên	Công ty Cổ phần Thiết bị Cao Phát	4	3	6.5	3						
3013	H	20520	Hồ Thị Mỹ Hào		1994	Nghe An	Công ty TNHH Sprong Production	6		7	4						
3014	H	20521	Lai Thị Mỹ Hào		1985	Đoàng Nai	Công ty Cổ phần Phúc và Mát Đá Sài Gòn	5	5	5	4						
3015	H	20522	Lương Thị Mỹ Hào		1989	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Vong Tron Xanh Việt Nam		5		4						
3016	H	20523	Nguyễn Thị Mỹ Hào		1987	Nghe An											
3017	H	20524	Phùng Thị Mỹ Hào		1988	Bình Định	CN tại TP HCM - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Minh số Việt Nam				6						
3018	H	20525	Lương Mỹ Hào		1994	Trưng Quốc	Công ty TNHH Thương phục ngoại tron CPPC		2.5		2.5						
3019	H	20526	Phan Thị Ngọc Hào		1992	Sóc Trăng	Công ty TNHH Tư vấn Việt Hoa			5	2						
3020	H	20527	Đường Thị Hào		1992	Hà Tĩnh	Cty TNHH Dịch vụ Giảng Khảo Đào tạo Kỹ thuật Cầu			5	2.5						
3021	H	20528	Lê Thị Hào		1988	Tiền Giang	Công ty TNHH Go Ahead Việt Nam	4.5	1	5	3						

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
8022	H	20529	Nguyễn Thị Hằng		1985	Khánh Hòa	Công ty TNHH MTV cảnh quan Đại Phú		1.5		5.5						
8023	H	20530	Phạm Thị Hằng		1994	Bình Định	Công ty TNHH Lập Sokem		4		5						
8024	P	20531	Trần Thị Hằng		1998	Hà Tĩnh											
8025	K	20532	Đinh Thị Thu Hằng		1999	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			4	5	7			6.5		
8026	H	20533	Trần Thị Tuyết Hằng		1994	Tiền Giang	Công ty TNHH Tokyo Keshi Precision Technology	7.5			6						
8027	H	20534	Đỗ Trần Văn Hằng		1994	An Giang				7.5	5						
8028	H	20535	Đường Thị Thu Hằng		1995	Phu Yên	Công ty TNHH JYA TP HCM	5	1.5		3						
8029	H	20536	Nguyễn Thị Mỹ Hằng		1999	Quảng Ngãi	Cty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4	8.5	6.5	5						
8030	K	20537	Nguyễn Thị Ngọc Hằng		1999	An Giang	Công ty TNHH Kiến Loan MTC Việt Nam	6.5	4.5	6	4	6	9	6			
8031	H	20538	Bùi Như Hằng		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Schindler Việt Nam										
8032	H	20539	Trần Thị Như Hằng		1998	Ninh Bình		1.5		5							
8033	H	20540	Nguyễn Thị Hào		1987	Nghe An	Công ty TNHH Greenough Worldwide			5							
8034	H	20541	Hà Thị Cẩm Hằng		1990	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam										
8035	K	20542	Nguyễn Thị Cẩm Hằng		1991	Vĩnh Long	Công ty Cổ Phần Vại Tư Hậu Giang	6.5	1	5	5	7	3	5.5			
8036	K	20543	Hoàng Thị Diễm Hằng		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Grant Thornton					5.5	2	4.5			
8037	K	20544	Trần Diễm Hằng		1993	Thái Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kien Loan Deloitte Việt Nam		3		5.5	8.5		6.5			
8038	H	20545	Nguyễn Duy Hằng		1991	Phu Yên	Công ty Cổ phần Năng lượng Miền Bắc REH										
8039	H	20546	Nguyễn Thị Kim Hằng		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Cargill Việt Nam	5	3.5	5	1.5						
8040	H	20547	Bùi Thị Lệ Hằng		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH tư vấn kế toán - thuế Bà Miến										
8041	H	20548	Lê Lệ Hằng		1977	Bình Dương			3.5		2.5						
8042	H	20549	Nguyễn Dương Lệ Hằng		1993	Bà Rịa - Vũng Lau	Công ty TNHH Năng lượng JKG Việt Nam	4.5		4							
8043	K	20550	Nguyễn Thị Lệ Hằng		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6	5.5	5	4	7.5	6	7.5			
8044	K	20551	Đoàn Thị Minh Hằng		1996	Thừa Thiên Huế		5.5	3.5		3.5	5.5					
8045	H	20552	Phạm Thị Mỹ Hằng		1996	TP HCM	Công ty TNHH tư vấn KMC	5.5	1	2.5	1.5						
8046	H	20553	Huỳnh Ngọc Hằng		1988	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Bất Động sản GMI Holdings			4	5						
8047	K	20554	Ngô Ngọc Hằng		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam		5	3.5	3	7					
8048	K	20555	Ngô Thị Nguyệt Hằng		1981	Cần Thơ	Công ty TNHH NKK Vĩnh Thanh Đại	2.5	0.5	2.5	1.5	3.5	0	2.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3049	C	20556	Bui Thu Thanh Hằng		1994	Bạc Giang	Cong ty TNHH SERVICES Việt Nam					4.5	1.5	7				
3050	K	20557	Mai Thu Thanh Hằng		1996	Thanh Hoa	Cong ty TNHH Tư Vấn AKC			4	3.5	7.5						
3051	II	20558	Nguyễn Thu Thanh Hằng		1989	Hà Tĩnh	Cong ty Cổ phần Sonadeo Châu Đức			3.5	1.5							
3052	II	20559	Nguyễn Thu Thanh Hằng		1996	Quảng Ngãi	Cong ty Sonadeo Corporation Limited	4.5	3		3.5							
3053	II	20560	Phạm Thu Thanh Hằng		1984	TP HCM	Cong ty TNHH đầu tư và xây dựng An Phú Vương				3							
3054	II	20561	Thư Thu Thanh Hằng		1992	Nghe An	Cong ty TNHH Fisa	4.5	5.5									
3055	K	20562	Đinh Thu Hằng		1989	Thanh Hóa		7				7.5						
3056	II	20563	Lê Thu Hằng		1996	Thanh Hóa			5		5							
3057	K	20564	Nguyễn Thu Hằng		1999	Thái Bình	Cong ty TNHH Kiểm Toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	6.5	4	5.5	5.5	8	4.5	7.5				
3058	II	20565	Nguyễn Thu Hằng		1997	Hà Tĩnh	Cong ty TNHH BIDC Consulting Việt Nam											
3059	C	20566	Bui Thu Thu Hằng		1989	Thái Bình	Cong ty Cổ Phần Bảo Bì Thực Phẩm TP					6	2					
3060	K	20567	Lưu Thu Thu Hằng		1996	Hà Nội	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	4.5		2.5	5	7.5	4.5	6				
3061	II	20568	Nguyễn Thu Thu Hằng		1976	Hà Nội	Cong ty TNHH Sản xuất Cơ khí và Xây dựng Mía Tuấn	7	7.5									
3062	K	20569	Nguyễn Thu Thu Hằng		1997	Bình Thuận	Cong ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn KSM Việt Nam			5	4		3	6.5				
3063	II	20570	Nguyễn Thu Thu Hằng		1986	Thái Bình	Cong ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ BAP			3.5	6							
3064	K	20571	Nguyễn Thu Hằng		1995	Hà Nội	Cong ty TNHH PWC		1.5	4	1		3					
3065	II	20572	Lưu Thu Thu Hằng		1983	Thái Bình	Cong ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế Sài Gòn			3	5							
3066	C	20573	Lưu Thu Thu Hằng		1990	Thừa Thiên Huế	Chi nhánh Công ty TNHH Trí Thục Việt						6					
3067	K	20574	Lưu Thu Thu Hằng		1992	Bình Định	Cong ty TNHH Nhựa và Hóa Chất IPC Vina		5.5		2.5	6.5	4.5					
3068	II	20575	Võ Thu Thu Hằng		1994	Phu Yên	Cong ty TNHH KNL											
3069	II	20576	Đặng Thu Thu Hằng		1994	Bình Định		5	5	5	1							
3070	II	20577	Nguyễn Thu Thu Hằng		1997	Liên Giang	Cong ty TNHH Kế toán và Tư vấn Thuế Vinasec	3.5	3.5		1							
3071	II	20578	Nguyễn Thu Hằng		1985	Quảng Ngãi	Cong ty TNHH tư vấn và dịch vụ kế toán Citax	6	5.5		4							
3072	II	20579	Nguyễn Thu Hằng		1988	Nghe An		5	4.5									
3073	II	20580	Phạm Thu Thu Hằng		1991	Lạng Sơn	Cong ty GP DNP Haseco Miền Nam	5.5	0.5	3	2							
3074	II	20581	Phạm Thu Thu Hằng		1983	Bình Thuận	Cong ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thuế Easco	5.5	6	4	3.5							
3075	II	20582	Thư Thu Thu Hằng		1988	Hà Tĩnh	Cong ty Cổ phần Thương mại VNP											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TICKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3076	H	20583	Lê Thị Thuý Hằng		1990	Bình Định	Công ty TNHH Aeon Topvalu Việt Nam		7.5	5.5	2.5						
3077	C	20584	Lưu Thị Thuý Hằng		1990	Nghe An	Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Vĩnh Kỳ					7	7			5.5	
3078	K	20585	Võ Thị Thuý Hằng		1997	Long An	Công ty TNHH Grant Thornton		3		5	6.5					
3079	H	20586	Võ Thị Thuý Hằng		1986	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Trường Hoàng Long	6.5	5	5	3						
3080	K	20587	Bùi Thị Vĩnh Hằng		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Malsinda Sanyo Trading	6	3	5	5.5						
3081	K	20588	Nguyễn Thị Xuân Hằng		1992	Bình Định	Công ty TNHH Jaksahmaya Vietnam	5.5			5	6.5					
3082	K	20589	Điệp Hằng		1970	Bình Định	Công ty TNHH Propland				8						
3083	K	20590	Vân Thị Bảo Hằng		1994	Sóc Trăng	Công ty CP Quản lý Quốc (CB ASSI) MANACHENH	6	5.5	3	5	7	4		5.5		
3084	K	20591	Lê Thị Cẩm Hằng		1996	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt	5	5	4	6.5	7	4		6		
3085	K	20592	Võ Nguyễn Châu Hằng		1998	Đông Nai	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	4	5	5	3.5	6.5	1		6.5		
3086	H	20593	Võ Thị桂花 Hằng		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Dako Việt Nam	5									
3087	H	20594	Phạm Thị Mỹ Hằng		1990	Bình Định	Công ty TNHH TM DV xây dựng An Phúc Thương		3.5	4							
3088	K	20595	Dương Ngọc Hằng		1998	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn KSM Việt Nam	5.5		5		7			6		
3089	H	20596	Hoàng Thị Ngọc Hằng		1983	Nam Định	Công ty TNHH tư vấn xây dựng PPA										
3090	H	20597	Hồ Thị Ngọc Hằng		1989	Quảng Trị	Công ty TNHH Kỹ thuật Điện và Thương mại Nhật Quang			5.5	8						
3091	H	20598	Huỳnh Ngọc Hằng		1999	Long An	Công ty TNHH Accelme Corporate Services	6		6							
3092	H	20599	Nguyễn Ngọc Hằng		1996	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Global Mind Business										
3093	H	20600	Nguyễn Thị Ngọc Hằng		1987	Bến Tre	Công ty TNHH Thực phẩm BKB		1	3	1.5						
3094	H	20601	Huỳnh Trương Ngọc Hằng		1985	Quảng Nam	Công ty TNHH CCI Việt Nam										
3095	H	20602	Nguyễn Thị Hằng		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Coopet Việt Nam	3.5		5	1						
3096	K	20603	Nguyễn Thủy Thuận Hằng		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Green Planet Distribution Centre										
3097	H	20604	Bùi Thị Thuận Hằng		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hồng Thuận	5.5	1.5	7							
3098	H	20605	Lưu Thị Hậu		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư vấn và Kế toán Quảng Nhật	4.5	1	2.5	4.5						
3099	K	20606	Phạm Nguyễn Xuân Hậu	1998		TP HCM	Công ty TNHH Tư Vấn Thuế và Lai Chính VCS	5.5	0.5		0.5	5	1.5		8		
3100	K	20607	Nguyễn Thị Minh Hậu		1996	Bình Thuận				2.5		6					
3101	K	20608	Hoàng Thị Hậu		1990	Nghe An	Công ty TNHH Kinh Doanh Tró Chơi Điện Tư Nguyễn Hoàng	6	2		0.5	3.5	2		5.5		
3102	H	20609	Bùi Ái Hậu		1983	Quảng Ngãi			1	6.5	6						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3103	H	20610	Cao Thị Diêu Hiền		1995	Hà Nội			2	3						
3104	H	20611	Trần Ngô Diêu Hiền		1986	Cần Thơ	Công ty TNHH Kế toán Tư vấn Quản lý Lưu Nam A									
3105	H	20612	Trần Diêu Hiền		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH ADM Promotions Việt Nam	7	3.5	5.5	6.5					
3106	H	20613	Đỗ Minh Hiền		1985	Đông Nam	Công ty TNHH Behnont Manufacturing									
3107	H	20614	Nguyễn Thị Minh Hiền		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH IMDY Quản lý hoá nhâ Đông Sơn Sơn	5	5	6	5					
3108	K	20615	Trần Thị Minh Hiền		1993	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiến Toán Đông Nam A	6.5	5	5	4			4		
3109	H	20616	Lưu Thị Mỹ Hiền		1985	Lưu Ninh	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Lysoom									
3110	K	20617	Mai Thị Ngọc Hiền		1998	Nam Định	Công ty TNHH Hàng Kiến Toán AASC		7.5							
3111	H	20618	Trần Thị Ngọc Hiền		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kế toán Quốc tế	6.5	3	5						
3112	H	20619	Đỗ Thị Thanh Hiền		1996	Nam Định	Công ty TNHH Baza Việt Nam									
3113	C	20620	Le Trần Thanh Hiền		1993	Bình Định	Công ty TNHH Huế và Kế Toán VIK							6.5		
3114	K	20621	Ngô Thanh Hiền		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Incorp Việt Nam		4.5	8	5	6	5			
3115	K	20622	Nguyễn Thanh Hiền		1996	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam			5			2.5			
3116	H	20623	Nguyễn Thị Thanh Hiền		1982	Bến Tre	Công ty TNHH Xây dựng ST Việt Nam									
3117	K	20624	Le Thị Thảo Hiền		1998	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiến Toán và tư Vấn AKC	5		5.5	6.5		6			
3118	H	20625	Bùi Thị Hiền		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Sông Báo Solutions		1	5	2					
3119	K	20626	Bùi Thị Hiền		1987	Hà Tĩnh		8								
3120	H	20627	Dương Thị Hiền		1992	Nam Định	Công ty TNHH Kiến toán Win Win									
3121	H	20628	Đoàn Thị Hiền		1991	Quảng Bình	Công ty TNHH Minh Long	5	0.5	6	2					
3122	H	20629	Nguyễn Thị Hiền		1994	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Vẽ Khách Phương Trang Futurebusiness									
3123	H	20630	Nguyễn Thị Hiền		1991	Quảng Nam	Công ty TNHH Luật BH & NL									
3124	K	20631	Trần Thị Hiền		1998	Hà Tĩnh	Công ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Lâm Anh (PHCM)		5.5	4.5	3		5.5	5		
3125	K	20632	Võ Thị Hiền		1999	Đà Nẵng	Công ty TNHH Frost & Young Việt Nam									
3126	K	20633	Hoàng Thị Thu Hiền		1990	Bình Dương	Trương HHP và Minh Đức									
3127	H	20634	Le Thị Thu Hiền		1994	Nghe An	Công ty TNHH Kiến toán KNF		6.5							
3128	C	20635	Ngô Thị Thu Hiền		1992	Quảng Nam						6	9	6.5		
3129	K	20636	Nguyễn Thị Thu Hiền		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiến Toán VACO		6	5		7	5.5	3.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngành ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3130	K	20637	Nguyễn Thị Thu Hiền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC	3.5		5				7		
3131	H	20638	Nguyễn Thị Thu Hiền		1989	Bắc Giang	Công ty TNHH Arclia Việt Nam	5	4.5	5	4					
3132	H	20639	Nguyễn Thị Thu Hiền		1995	Ninh Thuận	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Mỹ Giao		5.5	4	7.5					
3133	H	20640	Phạm Thị Thu Hiền		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Xây Lắp & Vật liệu xây dựng Đồng Tháp									
3134	H	20641	Trần Thị Thu Hiền		1986	Nghe An	Công ty CP phân tửng xe máy Phú Quang	5			2					
3135	K	20642	Trần Thị Thu Hiền		1996	Ninh Thuận	Công ty Cổ Phần Nectab	4.5		3	1.5			1.5		
3136	K	20644	Dương Thị Thu Hiền		1986	Ninh Bình	Công ty TNHH KIMDO - Nhà Bè		3.5				4.5	4.5		
3137	H	20645	Lê Thị Thu Hiền		1996	Đồng Nai	Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng	5.5	5	6	4					
3138	H	20646	Nguyễn Thị Thu Hiền		1997	Lũng An	Công ty TNHH Gostar Textile		0		0.5					
3139	K	20647	Trần Thị Thu Hiền		1997	An Giang	Công ty TNHH PWC									
3140	H	20648	Nguyễn Hữu Hiệp		1983	An Giang	VPHI của SK Eathon Co L HD tại TP HCM	7.5	1	7.5	5					
3141	K	20649	Đặng Minh Hiệp		1993	Kon Tum	Công ty TNHH Kiểm Toán và Thẩm Định Gia Anư Dragon	5.5	2		3		5.5	3		
3142	K	20650	Vũ Nghĩa Hiệp		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và tư Vấn ACC	6	3.5		5		6			
3143	H	20651	Nguyễn Thị Hiệp		1992	Hưng Yên	Công ty CP Gô MĐE VRG Dongyha	6	3	4	3.5					
3144	H	20652	Nguyễn Thị Hiệp		1991	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông	6.5	7.5	5.5	1.5					
3145	K	20653	Nguyễn Tu Hiệp		1993	Hưng Yên		4.5		4	6		2			
3146	K	20654	Hồ Hiệp		1984	Hà Tĩnh	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	5.5	2.5	3.5	3	6	2	8		
3147	H	20655	Nguyễn Phước Bảo Hiền		1995	Đông Nai	Vien Dao tạo Quốc tế	5.5	1.5	4	2.5					
3148	H	20656	Châu Đức Hiền		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DNI									
3149	H	20657	Nguyễn Thị Hồng Hiền		1994	Khánh Hòa	Công ty TNHH ĐT - XD - TM Kiến Định									
3150	H	20658	Hồ Thị Minh Hiền		1988	Bình Định	Công ty Cổ phần Lắp Đặt Máy Y									
3151	H	20659	Lê Thị Minh Hiền		1998	Bình Định	Công ty TNHH Grove Việt Nam		1		1					
3152	H	20660	Nguyễn Minh Hiền		1996	Đông Nai	Công ty TNHH Tam Sơn			5						
3153	H	20661	Nguyễn Thị Minh Hiền		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH A H CO	5			4					
3154	K	20662	Trương Minh Hiền		1994	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán AS			6.5		5				
3155	H	20663	Nguyễn Ngọc Hiền		1996	Quảng Tr	Công ty TNHH Gra pháp dt-s				5.5					
3156	H	20664	Nguyễn Thị Ngọc Hiền		1992	Cần Thơ	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Phát triển Minh Ngọc			5.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QINC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3157	II	20665	Cao Phương Hiếu		1987	Hưng Yên	Công ty TNHH IM DV Hoàng Anh Thuận LV	5		6.5								
3158	II	20666	Nguyễn Thị Quốc Hiếu		1984	Phu Yên	Công ty TNHH Cơ điện Đặng Nguyễn		1.5	6								
3159	II	20667	Huỳnh Thị Hiếu		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH KPM Auditing & Advisory	8	7.5	8.5	2.5							
3160	II	20668	Mai Thị Hiếu		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Lumina Lighting Việt Nam	6		5								
3161	II	20669	Nguyễn Thị Hiếu		1988	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Thương mại Vinacomm			3.5								
3162	K	20670	Phạm Thị Hiếu		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế Toán END		4.5	6	6.5		6					
3163	C	20671	Phạm Trọng Hiếu		1992	Ninh Bình	Công ty TNHH Nohon Vietnam					7						
3164	K	20672	Lê Tuấn Trọng Hiếu		1998	Bến Tre	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế toán & Kiểm toán Phú Nam			3	1	3.5		7		7		
3165	C	20673	Nguyễn Trọng Hiếu		1993	Bình Dương	Công ty TNHH Đồ Gốm Phú Nguyễn						7	7.5	8			
3166	K	20674	Nguyễn Trọng Hiếu		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RS&M Việt Nam			5	3			1.5				
3167	II	20675	Nguyễn Trọng Hiếu		1981	Tiền Giang	Công ty TNHH Tim Sen		3		3.5							
3168	K	20676	Võ Trọng Hiếu		1995	Bình Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		6.5	6				4				
3169	II	20677	Phạm Việt Hiếu		1989	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiểm toán K&M		7		2.5							
3170	K	20678	Hoàng Ngọc Hiếu		1987	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Đại Lộc Thanh Thành Công		4.5	5					4			
3171	C	20679	Phạm Thị Anh Hoa		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Phát Triển CNTT Ennovo					7.5	7.5	5.5				
3172	II	20680	Nguyễn Thị Bích Hoa		1989	Quảng Ngãi	Chi nhánh 4 - Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Perfect	6.5		3.5	2							
3173	K	20681	Võ Thị Diễm Hoa		1997	Bình Định	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ AIA Việt Nam				7.5							
3174	P	20682	Nguyễn Diệu Hoa		2000	Quảng Bình	Công ty TNHH P&C			5.5								
3175	II	20683	Nguyễn Thị Hồng Hoa		1986	Bình Dương	Công ty TNHH SX IM Mỹ Lan		6.5		4							
3176	II	20684	Lê Thị Mỹ Hoa		1997	Quảng Trị	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	8.5	6	6								
3177	K	20685	Nguyễn Thị Mỹ Hoa		1998	Bình Định	Công ty TNHH I C Foods											
3178	C	20686	Lưu Trương Mỹ Hoa		1997	TP HCM	Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam - Chi nhánh Long An					6	5.5	7				
3179	K	20687	Phạm Thị Như Hoa		1998	Bình Định	Công ty TNHH Lư Văn - Kiểm Toán S&S	5	1	5				2.5				
3180	II	20688	Đặng Thị Hoa		1998	Quảng Nam	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RS&M Việt Nam											
3181	K	20689	Lê Thị Hoa		1992	Nghe An	Công ty TNHH Savvy Việt Nam	8	6.5	8	5.5	7	4.5	7.5				
3182	II	20690	Lưu Thị Hoa		1972	Quảng Nam	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Nguyễn	7	7									
3183	II	20691	Ngô Thị Hoa		1989	Thừa Bình	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ cao Việt Nam	7	3.5	6.5	6							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3184	H	20692	Nguyễn Thị Hoa		1984	Thanh Hóa	Công ty TNHH Duy Tân HCM	5 5		5	4					
3185	C	20693	Phạm Thị Hoa		1993	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Dân Tư Danh Khoa Holdings					5 5	7			
3186	K	20694	Phạm Thị Hoa		1996	Quảng Bình	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		2 5		3					
3187	H	20695	Lưu Thị Hoa		1997	Nam Định	Công ty TNHH 21st century B&R Trade Expense And Investment			7 5	3 5					
3188	H	20696	Lưu Thị Hoa		1982	Ninh Bình	Công ty TNHH Nui - Cui Việt Nam		4		6					
3189	C	20697	Trương Thị Hoa		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ K VINA					7	8	7		
3190	H	20698	Vương Thị Hoa		1991	Nam Định	Công ty TNHH Sản xuất Cơ Khí Thành Công Phát			7						
3191	H	20699	Nguyễn Thị Bích Hoa		1975	Bình Dương	Công ty CP Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ									
3192	K	20700	Linh Thị Hồng Hoa		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tư Vấn Kế Toán - Thuế Bà Miền		2			5 5	3 5	5		
3193	K	20701	Lê Khanh Hoa		1999	Hải Phòng	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam									
3194	H	20702	Lê Thị Khanh Hoa		1993	Quảng Trị		7 5	6	7 5	4 5					
3195	H	20703	Vũ Thị Lan Hoa		1990	Hải Dương	Công ty TNHH Forces Mazars Việt Nam	4 5	4	3 5	2					
3196	H	20704	Huỳnh Đức Minh Hoa		1995	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Hoa chất Đại Dương Xanh		2							
3197	K	20705	Lương Ngọc Hoa	1992		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ INSI									
3198	H	20706	Phạm Thị Như Hoa		1984	Ninh Thuận	Công ty TNHH Electronics and Audio Visual System	7	4	7	7					
3199	C	20707	Nguyễn Thị Thu Hoa		1991	Thái Bình	Công ty TNHH Phát Triển Đồ Thủ MJC Việt Nam					5 5	5	8		
3200	H	20708	Nguyễn Thị Thanh Hoa		1992	Cần Thơ	Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet		4	7 5	3					
3201	H	20709	Dương Thị Hoa		1991	Nghe An	Công ty TNHH Lot Global Forwarding			8 5	5					
3202	H	20710	Nguyễn Thị Hoa		1992	Bình Định	Công ty TNHH Giao Hoa Sơn	6 5	7 5	6 5	3 5					
3203	H	20711	Lưu Thị Hoa		1974	Nam Định	Công ty TNHH thương mại dịch vụ 112	8 5			5 5					
3204	H	20712	Võ Thị Thu Hoa		1991	Hà Tĩnh	Long Công ty Phát Triển 1 - Công ty Cổ phần				5					
3205	H	20713	Vũ Thị Thu Hoa		1990	Thái Bình	Công ty Cổ phần Omeece Home Furnishing Việt Nam									
3206	K	20714	Dương Thị Hoa		1993	Nghe An	Công ty Cổ Phần AMVVI giao pháp PCCT	7		5 5						
3207	H	20715	Lê Thị Hoàn		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH tư vấn V1	4	4	7	3					
3208	H	20716	Lê Thị Hoàn		1990	Nghe An	Công ty TNHH V.V Nguyễn VNC		5 5							
3209	H	20717	Nguyễn Thị Hoàn		1994	Thái Bình	Công ty Cổ phần Mầm non Victoria	5 5								
3210	H	20718	Phạm Thị Hoàn		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH In Khoa Minh	5	3 5	5 5	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3211	H	20719	Bui Thị Thu Hoàn		1988	Thái Bình	Công ty CP đầu tư và kinh doanh Địa Ốc Đồng Nam	7		8								
3212	H	20720	Nguyễn Đức Ngọc Hoàn		1997	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Delonke Việt Nam	6.5	3	5	2.5							
3213	H	20721	Lương Việt Hoàn	1987		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Stable House			5.5	1							
3214	H	20722	Võ Bảo Hoàng	1991		Bình Định	Công ty TNHH Eurofins Sắc ký Hạt Dẻ											
3215	H	20723	Nguyễn Huy Hoàng	1996		Quảng Trị	Công ty TNHH IQI Việt Nam											
3216	H	20724	Trần Huy Hoàng		1990	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Amphemol Technology Việt Nam											
3217	H	20725	Bui Minh Hoàng	1997		Hà Nội	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và tin học Tân Nhàn Việt	6										
3218	K	20726	Đinh Nhật Hoàng	1999		Quảng Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng	6	4.5	6	3	5.5	5.5	7				
3219	K	20727	Phạm Quang Hoàng	1979		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiến Toán ACCOM		0.5			3		1.5				
3220	H	20728	Nguyễn Trần Sơn Hoàng	1979		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhũ Hà Duy			8	2.5							
3221	H	20729	Nguyễn Thái Hoàng	1996		Khánh Hòa	Công ty TNHH Vạn tài IT Thiên Kim											
3222	K	20730	Đinh Văn Hoàng	1991		Ninh Bình	Chi Nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp - Viện Thông Quân Dời	7	3	5.5	5	6.5	7.5	6.5				
3223	H	20731	Phạm Nguyễn Vinh Hoàng	1996		Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Da Viet VAC Group Holdings	6.5	9		3							
3224	K	20732	Nguyễn Đoàn Hò	1996		Hà Nam	Công ty TNHH Kiến Toán NVA	6	5.5	6								
3225	K	20733	Trần Tư Hò		1999	Bến Tre	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	3				6		8				
3226	H	20734	Nguyễn Thụy Anh Hồng		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Alchemy Asia				2.5							
3227	H	20735	Vũ Thị Bích Hồng		1992	Kien Giang	Công ty TNHH Kompa Technology	5.5	8.5	8	7.5							
3228	K	20736	Nguyễn Thị Diễm Hồng		1987	Tây Ninh	Công ty TNHH Công Nghiệp Dong-A			6	2.5			1				
3229	H	20737	Lê Thị Kim Hồng		1984	Tiền Giang	Công ty TNHH Một thành viên Miramar	4	2.5	4	2							
3230	K	20738	Lê Lê Lê Hồng		1975	Trung Quốc	Công ty TNHH Dạy Khoa Kéo Hoàn Mỹ			5	5			5.5				
3231	H	20739	Mai Thị Lê Hồng		1996	Quảng Nam	Cty TNHH Hàng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam	6	6	6.5	3.5							
3232	H	20740	Nguyễn Minh Hồng		1985	Hà Nội	Công ty TNHH Kế toán Tư vấn Quan lý Tây Nam A	6	4	5.5	1.5							
3233	H	20741	Trần Thị Minh Hồng		1990	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Đại lý thuế Chấn Nhàn				4							
3234	H	20742	Lê Thị Mỹ Hồng		1997	Phu Yên	Công ty TNHH Đại lý Thuế Tia chính Kế toán Tia Việt		1	6.5								
3235	H	20743	Hồ Thị Ngọc Hồng		1993	Khánh Hòa	Công ty TNHH tư vấn - Thương mại Khánh Lành											
3236	K	20744	Trương Nhật Hồng		1998	Gia Lai	Công ty TNHH Kiến Toán AS	5		7.5	4.5		6					
3237	H	20745	Huỳnh Thị Hồng		1988	Quảng Nam	Công ty CP Western Pacific	4.5		6								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
3238	H	20746	Lê Thu Hồng		1990	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	5			5						
3239	H	20747	Lê Thu Hồng		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Quản lý Hành Dạng	7.5									
3240	H	20748	Nguyễn Thu Hồng		1983	Bắc Ninh	Công ty TNHH SX TM M&A Làn	5		7							
3241	H	20749	Nguyễn Thu Hồng		1986	Bắc Giang	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Khang Nam Vì Nà	6		5							
3242	H	20750	Nguyễn Thu Hồng		1997	Quảng Trị	Công ty TNHH Netcompany Việt Nam		4		3.5						
3243	H	20751	Bùi Thu Hồng		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ Thuê lưax										
3244	C	20752	Nguyễn Thu Hồng		1975	Bình Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Kế Toán Thuế H&AS										
3245	C	20753	Trần Thu Tuyết Hồng		1991	Đông Tháp	Công ty Cổ phần tư Vấn Dã tư Xây Dựng NN					5	3	4.5			
3246	H	20754	Lê Thu Việt Hồng		1985	Thanh Hóa	Công ty TNHH ASES Việt Nam										
3247	H	20755	Nguyễn Thu Xuân Hồng		1991	Bình Thuận	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thành Liên		2.5		5.5						
3248	H	20756	Nguyễn Thu Xuân Hồng		1997	Nghe An	Công ty Cổ phần VNG			5.5	4						
3249	H	20757	Trần Thu Yên Hồng		1998	Quảng Nam	Công ty TNHH PAC Phạm Gia	5	6	5.5	4						
3250	K	20758	Trần Thu Mỹ Hợp		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn Múc Treu		7		5		7.5				
3251	H	20759	Hà Phúc Hoàn		1990	Hà Dương	Nhà khách 178										
3252	H	20760	Lê Hoàn		1995	TP HCM	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn AuditPhu	5.5	1	6	2						
3253	H	20761	Nguyễn Thanh Hoàn	1984		Vĩnh Long	Cty CP Viên Thong PPI - CN Cần Thơ										
3254	H	20762	Phạm Thu Hồng Huệ		1984	Phu Yên											
3255	H	20763	Lê Thu Huệ		1989	Thanh Hóa	Cty TNHH Xây Dựng Đạt Luận Minh	4.5		4							
3256	H	20764	Dương Thu Bích Huệ		1991	Bình Định	Công ty TNHH Nông Sản Dạng Khôi	3.5	4		5						
3257	H	20765	Lê Hoàng Huệ		1995	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Bazar Y ma	6.5	7	6.5	2.5						
3258	H	20766	Nguyễn Thu Hồng Huệ		1998	Phu Yên	Công ty TNHH Almos VN										
3259	H	20767	Lê Thu Kim Huệ		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH D&N Hinhm		3.5	4	2						
3260	K	20768	Phạm Thu Kim Huệ		1995	Quảng Nam		6.5	7			6.5		8			
3261	H	20769	Trần Thu Kim Huệ		1986	Thừa Thiên Huế	DNIN Quang Phú			7.5	5						
3262	K	20770	Nguyễn Thu Linh Huệ		1991	Quảng Ngãi	Công ty CP In Holdings										
3263	H	20771	Trần Thu Mai Huệ		1990	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Phát triển Phú Thăng										
3264	H	20772	Hồ Thu Mỹ Huệ		1992	Cần Thơ	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Chính	3.5	5	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3265	K	20773	Lê Ngọc Huệ		1987	Ngũyễn An	Cong ty TNHH JONXO	6	1	2.5	3	3	1	7		
3266	K	20774	Lưu Ngọc Huệ		1995	Kiên Giang	Cong ty TNHH Kiểm Toán VACO		8	7			8.5	7		
3267	K	20775	Phạm Thị Ngọc Huệ		1995	Bắc Ninh	Cong ty Cổ Phần Tập Đoàn Hưng Thịnh		6		7.5	7.5		6.5		
3268	H	20776	Y. Ngọc Huệ		1996	Đông Nai	Cong ty TNHH Wah Lee Việt Nam		5	5	2					
3269	H	20777	Đặng Thị Huệ		1991	Ngũyễn An	Cong ty TNHH Mazars Việt Nam		7.5	8						
3270	H	20778	Nguyễn Thị Huệ		1994	Ngũyễn An	Cong ty TNHH Phần mềm Edgeworks	6	3.5	4	3.5					
3271	H	20779	Nguyễn Thị Huệ		1982	Thanh Hóa	Cong ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đông A		5	5.5						
3272	H	20780	Thiều Thị Huệ		1990	Thanh Hóa	Cong ty TNHH Máy móc Leading Star VN	4.5	0.5	2.5						
3273	H	20781	Vũ Thị Huệ		1987	Hải Dương	Cong ty TNHH Thực phẩm Xanh Minh Phú	6		4						
3274	K	20782	Nguyễn Thị Thu Huệ		1999	Hà Tĩnh	Cong ty Cổ Phần Dầu Từ Hà Tĩnh Kỳ Thuận TPHCM	5.5				5.5	1	6		
3275	K	20783	Nguyễn Phi Hùng		1996	Nam Định	Cong ty TNHH HCTHAI Việt Nam									
3276	K	20784	Huyhnh Thanh Hùng		1993	Trà Vinh				3						
3277	H	20785	Phạm Thanh Hùng		1994	Hà Nam	Cong ty Cổ phần Smart Tax				2					
3278	K	20786	Lưu Văn Hùng		1992	Hải Dương	Cong ty Cổ Phần Delta Miền Trung				1.5			4.5		
3279	H	20787	Nguyễn Việt Hùng		1991	Bình Thuận	Cong ty Cổ phần Dầu ôc Sài Gòn Thương Tín	3.5		7	5					
3280	K	20788	Phạm Thị Bích Huyền		1999	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	6.5	8.5	5	3.5	7	5.5			
3281	K	20789	Ngô Đình Huyền		1997	An Giang	Cong ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam	5	7	6.5	5.5	7	3			
3282	H	20790	Nguyễn Đức Huyền		1993	Cần Thơ	Cong ty dịch vụ Mobilphone khu vực 9									
3283	K	20791	Linh Đức Huyền		1994	Hà Nội	Cong ty TNHH Kiểm Toán và Định Giá Văn An	4.5	0.5	2.5	1					
3284	K	20792	Lê Khánh Huyền		1997	Quảng Nam	Cong ty TNHH PWC									
3285	H	20793	Nguyễn Lê Huyền		1992	Bình Định		6		5.5						
3286	K	20794	Võ Lê Huyền		1982	Bình Định	Cong ty TNHH Kiểm Toán Việt Úc							9.5		
3287	K	20795	Trần Mạnh Huyền		1999	Hà Nội	Cong ty TNHH Hàng Kiểm Toán và Định Giá Asco - Chi nhánh TPHCM		1	3				6.5		
3288	H	20796	Nguyễn Huỳnh Minh Huyền		1992	Hưng Yên	Cong ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Giá An			7	3					
3289	K	20797	Phùng Vũ Minh Huyền		1993	TP HCM	Cong ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn PKF - TTG - Chi nhánh TPHCM									
3290	K	20798	Đoàn Ngọc Huyền		1998	Quảng Nam	Cong ty TNHH PWC									
3291	H	20799	Nguyễn Ngọc Huyền		1991	Đông Nai	Cong ty TNHH Ios International									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3292	K	20800	Nguyễn Hữu Phú Huy	1998		Đông Tháp	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam		5	5		7					
3293	K	20801	Dan Quang Huy	1984		Nam Định	Công ty Cổ Phần Đại Xanh	2.5	2	4	1	0.5		1.5			
3294	K	20802	Ngô Quang Huy	1984		Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán F-AC	7.5	6.5	7	6.5		5				
3295	K	20803	Nguyễn Quang Huy	1996		Cần Thơ	Công ty TNHH Kiểm Toán AS			5.5	4						
3296	K	20804	Đào Quốc Huy	1996		Hưng Yên	Chi nhánh Sài Gòn - Công ty TNHH Kiểm Toán Việt Úc	6	2	4.5		4	4	2	4.5		
3297	K	20805	Lam Quốc Huy	1999		Tiền Giang	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C		6.5	6.5		5.5	5.5	3			
3298	K	20806	Phạm Quốc Huy	1993		Thái Bình	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	6		7		7					
3299	H	20807	Trần Quốc Huy	1996		Bến Tre	Công ty TNHH Glaxosmithkline Hàng tiêu dùng và Chăm sóc sức khỏe Việt Nam										
3300	H	20808	Nguyễn Thái Huy	1994		Khánh Hòa	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện tử HDD										
3301	K	20809	Nguyễn Thanh Huy	1997		Phu Yên	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			6.5	5.5	7.5	6.5				
3302	K	20810	Nguyễn Tuấn Huy	1988		Lý Ninh		5				6.5	1				
3303	H	20811	Mai Văn Huy	1997		Nam Định	Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Bất Động Sản SSR			4							
3304	H	20812	Nguyễn Thanh Huyền		1996	TP HCM	Công ty TNHH M&R Forwarding										
3305	H	20813	Trần Thị Thảo Huyền		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH TM - DV Phát triển Rồng Việt	3		4							
3306	H	20814	Le Bích Huyền		1982	Bến Tre	Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Kusun			4	3						
3307	H	20815	Nguyễn Thị Bích Huyền		1997	Quảng Nam	Công ty CP gạo đặc KIDI	5.5	8	5	3.5						
3308	H	20816	Nguyễn Thị Cẩm Huyền		1990	Quảng Trị	CN tại TP HCM - Công ty Cổ phần TM và Dầu tư IM Kieve				5.5						
3309	H	20817	Le Diệu Huyền		1988	Thanh Hóa	Vien phát triển Kinh tế xã Việt Nam	5.5	4	4							
3310	H	20818	Nguyễn Thị Hà Huyền		1993	Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn Giám sát Doanh nghiệp Hoàn Cầu	8	7	6.5							
3311	K	20819	Nguyễn Thị Hương Huyền		1996	Bắc Ninh			3	3.5	2						
3312	K	20820	Đoàn Khánh Huyền		1998	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam	5		5	3		4.5				
3313	H	20821	Hồ Thị Mỹ Huyền		1995	Tiền Giang	Công ty TNHH Tà Hà		1.5		2						
3314	H	20822	Trương Mỹ Huyền		1991	Tây Ninh		6.5	7	6	3						
3315	H	20823	Hoàng Thị Ngọc Huyền		1994	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ		5.5								
3316	H	20824	Huỳnh Thị Ngọc Huyền		1991	Đông Nam	Công ty TNHH vải lụa thiên nhiên			6							
3317	H	20825	Le Thị Ngọc Huyền		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Thương mại Vàng bạc Đá quý Anh Phương		4		2.5						
3318	K	20826	Le Thị Ngọc Huyền		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm Toán Win Win	5.5			4	4.5	2.5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3319	K	20627	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		1998	Nghe An	Công ty TNHH Trust & Young Viet Nam											
3320	K	20628	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH PMC			5.5	1	6						
3321	H	20629	Phạm Thị Ngọc Huyền		1996	Hà Nam	Chi nhánh Công ty IMF Accounting Services Limited tại TP Hồ Chí Minh		1	2.5	1.5							
3322	H	20630	Trần Nguyễn Ngọc Huyền		1978	Nam Định	Công ty Cổ phần Vision - Chi nhánh TP HCM	4.5	0	3.5	2.5							
3323	K	20631	Trần Thị Ngọc Huyền		1998	Huế Thien Húc	Công ty TNHH Trust & Young Viet Nam	6			3.5		3.5		3	6		
3324	P	20632	Nguyễn Thị Phương Huyền		1999	Nghe An	Công ty TNHH Forvis Mazars Viet Nam			6								
3325	H	20633	Đặng Thị Thanh Huyền		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Tư vấn AICA	5			3							
3326	H	20634	Đinh Thị Thanh Huyền		1994	Quảng Bình	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại桂 Phức Thịnh	7.5	1	5.5	1.5							
3327	C	20635	Lê Thị Thanh Huyền		1987	Nghe An						7.5	8	7				
3328	H	20636	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1987	Vĩnh Long	Công ty TNHH SX TM Công nghệ nhũ hóa & Chai	6.5	2		5							
3329	H	20637	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1994	Quảng Bình	Công ty TNHH BCTC		2		3.5							
3330	P	20638	Vũ Thị Thanh Huyền		2000	Hải Dương	Công ty TNHH PAC			5.5								
3331	H	20639	Đinh Thị Huyền		1990	Ninh Bình	Công ty TNHH MTV Bưu sen											
3332	H	20640	Đỗ Thị Huyền		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Luật Quốc tế DPI	6	7		3.5							
3333	H	20641	Nguyễn Thị Huyền		1990	Nghe An	Công ty TNHH ACTR	5	4	5	3.5							
3334	K	20642	Nguyễn Thị Huyền		1994	Quảng Bình	Công ty TNHH Pac - Fung					8	4					
3335	H	20643	Nguyễn Thị Huyền		1991	Thái Bình	Công ty Cổ phần Dac Yen Dak Lak		6.5									
3336	H	20644	Trần Thị Huyền		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nam Thanh Phát			2.5	1.5							
3337	H	20645	Trần Thị Huyền		1994	Nghe An		7.5	4	7.5	3.5							
3338	K	20646	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Tư vấn Phạm & Các Công Sự	6	3	5	5	5.5	3.5	4				
3339	K	20647	Trần Thị Huyền		1999	Thanh Hóa	Công ty TNHH Thúc Long Thanh		1	5		4	1	5.5				
3340	H	20648	Đặng Thị Thụy Huyền		1994	Bình Định			7		6.5							
3341	K	20649	Lê Thị Thụy Huyền		1998	Hà Nam	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm Toán SKS	7		5.5	3.5		3.5	5.5				
3342	H	20650	Phạm Thị Thụy Huyền		1994	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Tư vấn & Đại lý Thúc IPM	5.5	3.5	5.5	5							
3343	H	20651	Nguyễn Thị Huyền		1989	Nghe An	Công ty TNHH môi trường nước Minh Vương	5.5	1.5	5	6.5							
3344	H	20652	Nguyễn Đình Huy Anh		1980	Hải Dương		6	4	4.5	3.5							
3345	P	20653	Trần Đại Hùng		1998	Đông Nam	Công ty TNHH PAC			6.5								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
3440	K	20854	Nguyễn Thị Kiều Hương		1998	Bình Định	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	7	5	5	5,5	8	2			
3447	K	20855	Võ Phú Hưng	1992		An Giang	Công ty Cổ Phần Giao Đa và Máy Móc Xuất Khẩu			7	5			6		
3448	H	20856	Nguyễn Quang Hưng	1992		Bình Định	Công ty TNHH XD IM HI Quang Hưng	7	3,5	1,5						
3449	H	20857	Lưu Quang Hưng	1994		Gia Lai	CN ba IP HCM - Công ty TNHH Kiến tạo KTC	6,5		6	4					
3450	H	20858	Đào Quốc Hưng	1991		Thanh Hóa				5	3					
3451	H	20859	Nguyễn Thị Thanh Hưng		1988	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Dairis - Thuế Global Tax	7	1,5		4					
3452	P	20860	Đào Lộc Hưng	2000		Quảng Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			5,5						
3453	K	20861	Lương Trọng Hưng	1992		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiến tạo CPAYH INAM - Chi nhánh IPHCM	6,5	3,5	5		6	6,5	2,5		
3454	H	20862	Châu Văn Hưng	1993		Đắk Lắk	Công ty Cổ phần K - Decor	4	4	5,5	2,5					
3455	H	20863	Đoàn Thị Dung Hưng		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH Đa Sĩ Hinh	7	8	7,5	7,5					
3456	H	20864	Lưu Thị Diễm Hưng		1993	Tà Vinh	Công ty TNHH Technology			5						
3457	H	20865	Hoàng Ngọc Đức Hưng		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Đầu tư An Phát				2,5					
3458	H	20866	Nguyễn Phan Đức Hưng		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư vấn Kopa									
3459	P	20867	Lưu Hoài Hưng		2000		Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			6						
3460	H	20868	Đinh Thị Hồng Hưng		1986	Bình Định	Công ty TNHH HIB GI		1	5						
3461	H	20869	Đặng Thị Kim Hưng		1994	TP HCM	Công ty TNHH Savil - Chi nhánh TP HCM	5,5	0,5	6	2,5					
3462	K	20870	Hà Thị Kim Hưng		1990	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn ACC		5,5		2	5,5	5,5	5		
3463	H	20871	Lê Kim Hưng		1988	Kien Giang	Công ty TNHH Dịch vụ Huach Lê	5		5	2,5					
3464	H	20872	Phùng Thị Kim Hưng		1998	Lạng Sơn	Công ty TNHH Hoa Chai A Đông		4,5	7						
3465	K	20873	Lưu Thị Kim Hưng		1991	Quảng Nam		8,5	5		3,5	6				
3466	H	20874	Võ Thị Kim Hưng		1987	Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Incostrade	7			2,5					
3467	K	20875	Nguyễn Thị Lan Hương		1989	Ninh Bình	Lông Công ty Cổ Phần Bao Hiểm Hưng Vương	6		5	3,5	5,5				
3468	H	20876	Hương Thị Lan Hương		1998	Quảng Bình	Công ty TNHH Grant Thornton			5						
3469	H	20877	Vũ Thị Lan Hương		1993	Hải Bình	Công ty TNHH Doanh nghiệp Xã hội Vietnam Children's Fund		4	5						
3470	K	20878	Lưu Thị Mai Hương		1998	Hưng Yên	Công ty Cổ Phần BCG Land	5,5		5	1,5					
3471	H	20879	Phạm Thị Mỹ Hưng		1994	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH tư vấn kế toán và thuế VTC	5		5,5	3,5					
3472	H	20880	Phạm Thị Ngọc Hưng		1998	Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ kế toán và Giao nhận doanh nghiệp Deloitte Việt Nam			5,5	1,5					

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3373	II	20881	Trần Thị Ngọc Hương		1970	Bình Dương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn tỉnh Bình Dương										
3374	II	20882	Đinh Thị Thanh Hương		1980	Ngũế An	Công ty Cổ phần I Hana 18			7.5	3.5						
3375	II	20883	Hương Thanh Hương		1997	Hải Phòng	Công ty TNHH Indochina Kajima Development			3	4						
3376	II	20884	Hoà Thị Thanh Hương		1987	Bắc Giang	Công ty TNHH dịch vụ vận tải Khang Thịnh		2.5		3.5						
3377	II	20886	Nguyễn Thị Thanh Hương		1997	Lạc Ninh	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Lạc Xanh	6.5	3	6.5	3						
3378	II	20887	Nguyễn Thị Thanh Hương		1990	Ninh Thuận	Công ty TNHH Thép gia Hoà châu										
3379	K	20888	Nguyễn Thị Thanh Hương		1997	Lũng An	Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiên	5.5	3.5	6	5.5				6.5		
3380	II	20889	Nguyễn Thị Thanh Hương		1997	Quảng Bình	Cty TNHH Kế toán Kạn Thuy	6.5	5		5						
3381	K	20890	Phạm Thị Thanh Hương		1996	Bình Định	Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Điện 2										
3382	II	20891	Đinh Thị Hương		1988	Bến Tre	Công ty TNHH Đức Nguyễn	7	4	5.5	6						
3383	II	20892	Lê Thị Hương		1990	Thanh Hoá					4						
3384	II	20893	Lưu Thị Hương		1994	Hải Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (HIV - Chu nhân) tư IP HCM	6.5			5.5						
3385	K	20894	Nguyễn Thị Hương		1993	Thanh Hoá	Ngân Hàng TMCP A Châu					2.5					
3386	II	20895	Nguyễn Thị Hương		1985	Ngũế An	Công ty Cổ phần Đông tài và Dịch vụ Đào khố Vùng Lào		3		4						
3387	K	20896	Nguyễn Thị Hương		1989	Ngũế An	Công ty TNHH Kiểm toán T.O	6.5	5	7					6.5		
3388	II	20897	Nguyễn Thị Hương		1977	Bình Định	Công ty Sinh-ta Rubber Industries co., ltd	6.5			3.5						
3389	II	20898	Phạm Thị Hương		1997	Thanh Hoá	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam		6	6							
3390	II	20899	Lô Thị Hương		1984	Thanh Hoá	Công ty TNHH Đào tạo và Tư vấn HSS Việt Nam										
3391	II	20900	Nguyễn Thị Hương		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH dịch vụ kế toán và tư vấn Đông Khon			5.5	5						
3392	K	20901	Lê Thị Hương		1996	Thanh Hoá	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RS&V Việt Nam	4.5		6	5	6	1.5				
3393	K	20902	Nguyễn Thị Hương		1987	Bình Định	Công ty Cổ phần Quốc tế Diplomat		6.5		6	5.5	6				
3394	K	20903	Phạm Thị Hương		1986	Thanh Hoá	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn ACC	5	1.5	3.5	2	3	0.5	1.5			
3395	II	20904	Nguyễn Thị Xuân Hương		1984	Hải Tĩnh	Công ty TNHH Grant Thornton	7.5			5						
3396	II	20905	Nguyễn Xuân Hương		1998	Lũng An	Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản MTV Việt Nam			5.5	1.5						
3397	K	20906	Lê Thị Bích Hương		1994	Thanh Hoá	Công ty TNHH PWC	5		5	6		5				
3398	II	20907	Trần Thị Hương		1989	Ngũế An	Công ty CP phòng khám đa khoa Việt Gia										
3399	II	20908	Cô Thị Thu Hương		1987	Cao Bằng	Công ty TNHH Waba Việt Nam										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngòi ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3400	H	20099	Trần Thị Thu Hương		1983	Nghe An	Công ty TNHH Hiệp Thụy (CKD)	5.5		3	2							
3401	H	20010	Nguyễn Thị Ngọc Hương		1985	Lạng Sơn	Công ty CP đầu tư xây dựng hạ tầng Hòa Bình											
3402	H	20011	Hoàn Thị Hữu		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH thiết kế kiến trúc - xây dựng RYA	4.5	1.5	3.5	3							
3403	K	20012	Nguyễn Hữu	1998		Phu Yên	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	8	8.5	5.5	5	6.5	7	6.5				
3404	K	20013	Hoàng桂 氏	1995		Bình Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán HSK tại TP HCM	6	3		5			6				
3405	K	20014	Trần Thị Kéo		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	8	8	7		7.5						
3406	H	20015	Phạm Thị Kim Khuê		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Green Planet Distribution Center	3	5	5.5	1.5							
3407	H	20016	Đỗ Thị Minh Khai		1980	Quảng Ngãi		3	0.5	4	2.5							
3408	K	20017	Phạm Trần Việt Khai		1991	Bình Thuận	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Phú Thịnh Việt							7.5				
3409	K	20018	Nguyễn Việt Khai	1997		Hà Nội	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam			2	1.5							
3410	K	20019	Nguyễn Duy Khang	1999		Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn ACC	6	4.5	5.5	5	5	5	2.5				
3411	H	20020	Nguyễn Đức Khang	1991		Phu Yên	Công ty Điện lực Phú Yên - Tổng công ty Điện lực Miền trung	7.5	8.5									
3412	K	20021	Huỳnh桂 氏 Khang	1987		Trung Quốc	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn ACC		5.5					5				
3413	K	20022	Hồ Hữu Khang	1999		Liên Giang	Công ty TNHH Kiểm toán T O					5		8				
3414	P	20023	Trần Hoàng Khang	1993			Công ty Cổ phần Thương Khảo Vitecap											
3415	K	20024	Lương Hoàng Khang	1996		Bắc Liêu	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		3	5.5	5.5		4.5	6				
3416	H	20025	Nguyễn Nguyễn Khang	1996		TP HCM	Công ty Cổ phần Resco X	2.5	1	5	3.5							
3417	H	20026	Nguyễn Quý Khang	1989		Bình Định	Công ty TNHH Kỹ thuật số Tyne											
3418	K	20027	Lương Vĩnh Khang	1996		Trung Quốc	Công ty CP Vua Đa Phước	7.5	5.5									
3419	H	20028	Trần Thị Bảo Khanh		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Trust Services Việt Nam											
3420	H	20029	Phạm Kiều Phước Khanh		1992	TP HCM	Công ty TNHH E-global - CN TP HCM	5.5		7								
3421	H	20030	Lê Tuấn Khanh	1997		Liên Giang	Công ty TNHH kiểm toán KIC - CN Hồ Chí Minh	4	4	4	3							
3422	K	20031	Nguyễn Cao Hồng Khanh	1996		Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Sando Việt Nam		2	5	5.5			4.5				
3423	K	20032	Nguyễn Hữu Khanh	1998		Đà Nẵng	Công ty TNHH Laguna			7	6							
3424	K	20033	Võ Minh Khanh	1997		Lạng Sơn			5.5	5	5		5					
3425	H	20034	Lê Thị Ngân Khanh		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kế toán AGS	5		5	3							
3426	H	20035	Hà Thị Ngọc Khanh		1995	Hà Dương	Công ty Cổ phần Bạt Đông Sơn GP1											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
3427	K	20936	Nguyễn Ngọc Khanh	1997		Tiền Giang	Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	4		6.5	2	6.5					
3428	K	20937	Nguyễn Kim Phương Khanh		1998	An Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4	2		1		3.5				
3429	H	20938	Lê Quốc Khanh	1994		Dòng Nai	Công ty Cổ phần Dầu tư L&A										
3430	H	20939	Nguyễn Quốc Khanh	1998		Thái Nguyên				6							
3431	K	20940	Thư Quốc Khanh	1999		Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiểm Toán - Thành Định Gia và Tư Vấn ECOVIS AFA Việt Nam	4	6.5	6	7	6.5	6.5	7			
3432	K	20941	Trần Quốc Khanh	1985		Bình Định					5.5	7.5	2.5				
3433	H	20942	Trần Quốc Khanh	1984		An Giang	Công ty TNHH phát triển thương mại và XNK Châu Thành										
3434	K	20943	Đặng Anh Khoa	1994		Dòng Nai	Công ty TNHH Silexium Việt Nam				6.5						
3435	C	20944	Phạm Anh Khoa	1994		TP HCM	Công ty TNHH MTV XD TM và Dịch Vụ Thu Thiêm						7.5				
3436	H	20945	Phạm Lê Minh Khoa	1990		TP HCM	Công ty Cổ phần Bất Động sản Khu Minh Land	5.5	3.5	5	5.5						
3437	K	20946	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	1984		Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm Toán DFN Việt Nam	7.5		6.5							
3438	K	20947	Võ Đăng Khoa	1996		Dòng Tháp					3.5		6				
3439	H	20948	Hồ Minh Khoa	1988		Vĩnh Long	Công ty TNHH Amba Việt Nam	6.5	7	7	3						
3440	K	20949	Phạm Cầu Nguyễn Khoa	1993		Tiền Giang							0.5				
3441	H	20950	Nguyễn Anh Thế Khoa	1987		Khánh Hòa			6	7							
3442	H	20951	Đặng Tuấn Khoa	1993		Quảng Nam	Công ty Cổ phần Sains Group	5		4.5	1.5						
3443	H	20952	Trần Văn Khoa	1990		Ninh Thuận	Công ty TNHH Liên Triền		4	6	3						
3444	P	20953	Tô Huỳnh Minh Khoa	2000		Cần Thơ	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			2.5							
3445	K	20954	Nguyễn Tuấn Khoa	1997		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Igacau Việt Nam										
3446	H	20955	Hà Minh Khuê	1989		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC	5	2.5	3	3.5						
3447	P	20956	Nguyễn Thúc Minh Khuê		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH PwC										
3448	H	20957	Trương Thanh Minh Khuê		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH tư vấn xúc tiến đầu tư Việt Luật	5	7		2.5						
3449	K	20958	Lý Thị Thanh Khuê		1998	Bình Thuận	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4	6.5	6	5		6.5			
3450	H	20959	Trần Huỳnh Khuyen		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Frise Star										
3451	K	20960	Bùi Thị Khuyen		1998	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Toàn Cầu		1	5.5							
3452	K	20961	Đinh Thị Khuyen		1995	Cao Bằng	Công ty TNHH Kiểm Toán Vàng Tàu	8	1.5	5	7	5.5	1	5			
3453	H	20962	Lê Vinh Khương		1995	Vĩnh Long	Công ty TNHH Huỳnh Miêng										

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3434	H	20963	Lưu Bạch Kiên	1996		TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán PPC		6.5									
3435	K	20964	Vũ Thu Hiền Kiên		1997	Phu Yên	Công ty TNHH Asshine Việt Nam		6.5	6	5	6	5					
3436	K	20965	Nguyễn Trung Kiên	1987		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư Vấn và Kiểm Toán TCMA	5	3.5	5	5.5	5	1.5	7				
3437	K	20966	Vũ Anh Kiệt	1990		Quảng Ngãi		4.5	4.5	6		6.5		3.5				
3438	K	20967	Lô Minh Kiệt	1999		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm Toán KMF	7.5	3.5	7	4							
3439	K	20968	Lâm Lập Kiệt	1998		Cà Mau	Có Nhauh Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC'lar (An Hoi		5.5		3		2.5	4.5				
3440	K	20969	Nguyễn Thiê Kiệt	1997		Dong Thap	Công ty TNHH PMC Viet Nam			5		7.5	5.5					
3441	H	20970	Nguyễn Tuấn Kiệt	1992		TP HCM	Công ty Cổ phần Thuận Hòa Energy	6.5	5.5	7.5	4							
3442	H	20971	Nguyễn Tuấn Kiệt	1993		Vĩnh Long		6	5.5	6.5								
3443	H	20972	Nguyễn Tuấn Kiệt	1987		Lạng An	Công ty TNHH ABS Kỹ Thuật											
3444	H	20973	Quản Diễm Kiều		1990	TP HCM	Công ty Cổ phần Đầu tư Constellation	7	5.5	7.5								
3445	C	20974	Phan Thu Hồng Kiên		1972	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư Vấn Hàng Sinh						7.5					
3446	H	20975	Nguyễn Kim Kiên		1995	Lâm Đồng	Công ty TNHH Đầu tư Long Đức											
3447	K	20976	Nguyễn Thu Thanh Kiều		1985	Bến Tre	Công ty Cổ Phần Phương Khau Gia Đình (PFLCM)			3		5						
3448	K	20977	Nguyễn Thu Thanh Kiều		1997	Nghe An												
3449	H	20978	Hồ Thị Kiều		1987	Bình Định	Công ty TNHH Liên kết Việt Trung	5.5		6.5								
3470	H	20979	Đường Thu Thu Kiều		1998	Quảng Nam	Cty TNHH TM & DV An Đông Thịnh MT	7.5			0.5							
3471	K	20980	Nguyễn Thị Mỹ Kim		1990	Quảng Bình	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ AIA											
3472	H	20981	Hoàng Thanh Kim	1979		Bình Định	Công ty TNHH Kim Hoàng Nguyễn			5								
3473	H	20982	Phạm Thu Kimh		1990	Nam Định	Công ty Cổ phần Tư vấn Thúc Vietnam	2.5										
3474	K	20983	Nguyễn Quốc Kip	1990		Kiên Giang		5	6	6	6.5	6	3.5	4.5				
3475	H	20984	Trần Thu 14		1986	Nam Định	Công ty TNHH kế toán A Châu											
3476	K	20985	Nguyễn Đình Minh Lai		1997	Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm Toán ACC Việt Nam			7		5	6.5	6				
3477	H	20986	Hoàng Thu Lai		1989	Bình Dương	Công ty TNHH Hàng tại Việt Nam	4	0.5	3.5	2							
3478	H	20987	Lê Thu Lai		1996	An Giang	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Ngân Lann	5		4								
3479	H	20988	Trần Thu Lai		1993	Phu Yên		4.5			3.5							
3480	K	20989	Nguyễn Thu Thanh Lam		1996	Bình Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	8	6.5		6.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VLN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán		Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ					
											TKCT	QTNK			Tiếng Anh	Tiếng Trung				
3481	H	20990	Nguyễn Thụy Lâm		1996	Nam Định	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Sông Lam													
3482	H	20991	Phạm Hoàng Lâm		1995	Hà Nội	Công ty TNHH Một thành viên Dudley	4.5												
3483	H	20992	Nguyễn Thị Hồng Lan		1994	An Giang	Công ty Cổ phần Fan Consulting Việt Nam		0.5	3.5	5.5									
3484	H	20993	Võ Thị Hồng Lan		1998	Hà Giang	Công ty TNHH Kế toán Sando Việt Nam			9	4.5									
3485	H	20994	Nguyễn Thị Hương Lan		1994	Quảng Bình	Cty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam			6	5									
3486	H	20995	Nguyễn Thị Kim Lan		1993	Đông Nai					7									
3487	H	20996	Lên Thị Minh Lan		1980	Khánh Hòa	Công t Cổ phần Vải dệt Xây dựng Khánh Hòa	5.5	3.5	7										
3488	H	20997	Nguyễn Thị Mỹ Lan		1993	Quảng Nam	Công ty Cổ phần L&A	5.5		5.5										
3489	H	20998	Nguyễn Thị Ngọc Lan		1991	Quảng Ngãi	Công ty CP Earth Venture	6	5.5	5	3.5									
3490	H	20999	Nguyễn Thị Ngọc Lan		1989	Nghe An	Cty TNHH Polifilm Việt Nam				5.5									
3491	K	21000	Phạm Thị Ngọc Lan		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Dịch Vụ EB			5										
3492	H	21001	Lê Thị Thanh Lan		1985	Tây Ninh	Công ty TNHH Văn tại Tô Minh Thăng	7	7	6	5.5									
3493	K	21002	Nguyễn Thị Thanh Lan		1997	TP HCM	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Ca				3.5	7	5	5.5						
3494	H	21003	Thân Thị Thanh Lan		1983	Bắc Giang	Công ty TNHH MTV Lương Vũ													
3495	H	21004	Dương Thị Lan		1989	Hầu Giang	Công ty TNHH Thương mại Jiafu VN	6	3	4	3									
3496	H	21005	Lê Thị Lan		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Thuế và Kế toán VLK	3.5	7.5	8.5	3.5									
3497	H	21006	Phan Thu Lan		1987	Quảng Nam	Công ty TNHH Yorda	6	4.5	6	5									
3498	H	21007	Trần Thị Lan		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán Red Brick													
3499	K	21009	Nguyễn Thị Thu Lan		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH Minot Vina		5	5.5	4									
3500	H	21010	Lương Tô Lan		1996	Lâm Đồng	Công ty TNHH tư vấn và DT T TMT													
3501	H	21011	Lê Thị Yên Lan		1999	Bình Định	Công ty TNHH Ymke Việt Nam	5	1	6.5	3.5									
3502	K	21012	Long Hoàng Lam		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Nhà An Khang		5.5			5.5				7.5				
3503	K	21013	Lưu Khang Lâm		1997	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Sando Việt Nam		6.5			7.5				4.5				
3504	H	21014	Huỳnh Ngọc Lâm		1989	TP HCM	Công ty TNHH Giải Phóng Dục Phòng													
3505	H	21015	Bùi Thị Phương Lâm		1998	Hưng Yên	Công ty TNHH Văn tại Phuc Hai Đa Lạt		5	5	1.5									
3506	H	21016	Mai Thanh Lâm		1993	Bến Tre	Công ty TNHH News Digital Consulting													
3507	K	21017	Đinh Tiến Lam		1993	Cần Thơ	Công ty TNHH PWC	3.5		3.5	2.5	5.5	4	7						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3508	H	21018	Lê Tung Lam	1988		Bình Định	Công ty TNHH đầu tư thực phẩm				0.5					
3509	K	21019	Phan Văn Lam	1999		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thuế A-TAX	5	3.5	6	4	5	4	4		
3510	K	21020	Huỳnh Đình Lan	1990		Bình Định	Công ty TNHH tư vấn KMC		7.5	5.5	3	7	4.5	6		
3511	K	21021	Nguyễn Hoàng Lan	1986		TP HCM	Công ty CP Tập Đoàn Bamboo Capital			6		7	4			
3512	H	21022	Trần Thu Len		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Meditech Sài Gòn									
3513	K	21023	Lê Thu Hồng Lê		1998	Đen Giang	Công ty TNHH United Kingdom Academy	6.5	8							
3514	H	21024	Đan Thu Quỳnh Lê		1983	Ninh Bình	Công ty TNHH Roedex VN	7.5		5.5						
3515	H	21025	Phan Thu Lê		1992	Đan Bình	Công ty TNHH Kiểm toán NV-A	5.5		3.5						
3516	K	21026	Trần Hoàng Trần Lê		1996	Đà Nẵng	Công ty Cổ Phần Công nghệ Tiên Phong		7					7.5		
3517	H	21027	Đang Thu Mỹ Lê		1982	Quảng Bình	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ XNK Gida Mỹ			6.5	2					
3518	H	21028	Trần Thu Mỹ Lê		1990	Quảng Trị	Công ty TNHH Bảo Hiểm Continental	5	0.5	3.5	2					
3519	H	21029	Trương Thu Mỹ Lê		1999	Bình Định	Công ty TNHH tư vấn ACC	5.5	3.5	4	4					
3520	H	21030	Lê Thu Ngọc Lê		1987	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hoàng Sòng Châu	6.5	6							
3521	H	21031	Lê Thu Lê		1983	Quảng Nam	Công ty TNHH tư vấn Thuế và Dịch vụ Kế toán Sundae	5	5	5.5						
3522	K	21032	Huỳnh Thu Lê		1996	Đông Sơn	Công ty TNHH Techtron Industries Việt Nam Manufacturing	5.5			4					
3523	H	21033	Nguyễn Thu Diễm Lê		1991	Đan Bình	Công ty CP tích hợp hệ thống công nghệ điện và đầu tiên Pessi									
3524	H	21034	Ngô Thu Bích Lê		1991	Hà Nam	Công ty TNHH Hương Minh									
3525	C	21035	Nguyễn Thu Bích Lê		1989	TP HCM	Công ty TNHH LOTTE INNOVATE VIT-1					5.5	4	8		
3526	H	21036	Nguyễn Thu Hồng Lê		1998	Nam Định	Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ Môi trường Hợp Nhàn			5	2					
3527	K	21037	Ngô Thu Kim Lê		1995	Lục Ninh	Công ty Cổ Phần SkyStar		0.5	5		5	1			
3528	H	21038	Phan Thu Kim Lê		1992	Bình Định	Công ty TNHH Xây dựng PKP		7		6					
3529	H	21039	Trần Thu Kim Lê		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư vấn Tài chính JHI	5								
3530	H	21040	Lê Thu Mai Lê		1997	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tài chính Bất Động sản Tulip		6.5	6	3					
3531	H	21041	Nguyễn Thu Mỹ Lê		1991	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH AMIGRO P				8					
3532	H	21042	Đang Thu Lê		1992	Bình Định	Công ty TNHH Xây dựng PKP									
3533	H	21043	Đông Thu Lê		1991	Hà Tĩnh	Công ty TNHH NAC									
3534	K	21044	Hoàng Thu Lê		1995	Quảng Trị		6	0.5	6	0.5	5	1.5	5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3562	11	21072	Hoàng Thị Mỹ Linh		1992	Hà Nội	Công ty TNHH Ngoại Bê Tông SFC			5.5						
3563	K	21073	Hoàng Thị Mỹ Linh		1992	TP HCM	Công ty Cổ phần Trảng Bàng Thái Công Tech		3.5	5				5		
3564	11	21074	Lê Nhật Mỹ Linh		1991	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutrifood Bình Dương									
3565	11	21075	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1982	Lũng An	Công ty TNHH TM DV Tư nhân Vinh Quang			5	6					
3566	11	21076	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1983	Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thuế Lasso	6	1.5	7	2					
3567	11	21077	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Accline Corporate Services	5.5	3	2	3					
3568	11	21078	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Nam Thành									
3569	11	21079	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1984	Nam Định	Cty CP Vinas Vapo Phong Resort			7	3.5					
3570	K	21080	Nguyễn Thị Mỹ Linh		1993	Lâm Đồng	Công ty TNHH Liên Trien			7	7					
3571	K	21081	Nguyễn Linh Mỹ Linh		1997	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC	7.5		6.5		7.5	9	6.5		
3572	K	21082	Phạm Thị Mỹ Linh		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán & K	6	3		5	8	9			
3573	11	21084	Phạm Ngọc Mỹ Linh		1996	Trang Quốc	Công ty TNHH Sydney		5		5.5					
3574	K	21085	Võ Thị Mỹ Linh		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam									
3575	11	21086	Hà Ngọc Linh		1994	Thái Bình	Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam		3	7	3.5					
3576	11	21087	Lê Ngọc Linh		1993	Hà Nội	Công ty TNHH Amibusa Việt Nam	6	3.5	6.5	6.5					
3577	11	21088	Nguyễn Châu Ngọc Linh		1997	TP HCM	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn ANPIA			6						
3578	11	21089	Phạm Ngọc Linh		1995	TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn Quy hoạch và Xây dựng QCV	6.5		5						
3579	K	21090	Phùng Ngọc Linh		1991	Trang Quốc	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt	5.5	3.5	6.5	2.5	5.5	4	6		
3580	K	21091	Trần Phan Ngọc Linh		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Anexsa	4.5	5	3.5						
3581	K	21092	Võ Ngọc Linh		1996	TP HCM	Công ty TNHH Lim Sen	6	6.5	7	5		5			
3582	K	21093	Đinh Lê Phương Linh		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn Kế toán Bắc Đẩu		7	5.5	4					
3583	K	21094	Nguyễn Phương Linh		1997	An Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AACIC		5.5	6	4					
3584	K	21095	Phạm Thị Phương Linh		1993	Thừa Thiên Huế	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán ESK Việt Nam Lai	5	5	5.5	4.5	5	5	5		
3585	11	21096	Lê Thị Thanh Linh		1998	TP HCM	Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên	6		5	1					
3586	11	21097	Thao Thế Linh		1990	An Giang		3.5								
3587	K	21098	Lê Thị Linh		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH PWC	7.5		8						
3588	11	21099	Lê Thị Linh		1994	Thanh Hóa	Công ty CP LCD Lân cùng - Long Bình			6	4					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật V< V<ĐN	Tài chính V< TCNC	Thuế V< TCNC	Kế toán TK< QTNC	Kiểm toán V< Đ<ĐNC	Phân tích H< CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3589	II	21109	Ngô Thị Linh		1996	Châu Lai	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoàng Quân Group	5.5	5	5	3					
3590	II	21101	Nguyễn Thị Linh		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Simpson Strong-tie Việt Nam			5.5	4					
3591	K	21102	Trần Thị Linh		1997	Nghe An	Công ty TNHH PWC	6.5		6	3					
3592	€	21103	Trương Thị Linh		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Khách Minh					6.5	7	4		
3593	K	21104	Võ Thuê Linh		1998	Nghe An	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		2	2.5		6.5		7.5		
3594	K	21105	Đạm Thủy Linh		1995	Đà Nẵng	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hưng Thịnh	7	4		3.5			5		
3595	II	21106	Đặng Thị Thủy Linh		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Systems Việt Nam									
3596	II	21107	Hoàng Thị Thủy Linh		1992	Yên Bái	Công ty Cổ Phần Metab Việt Nam	6.5	5							
3597	II	21108	Hồ Thị Thủy Linh		1988	Nghe An	Công ty Cổ phần Phát triển Công viên Cây xanh và Đô thị Vùng Lai	7.5	6	7	5					
3598	II	21109	Hoành Thị Thủy Linh		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH OOL Việt Nam	6.5		8	5					
3599	K	21110	Lê Phan Thủy Linh		1999	Bình Định	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	3.5	6.5	5	6	8	5.5	8		
3600	II	21111	Lê Thị Thủy Linh		1990	Lâm Đồng	Công ty TNHH Thương mại Korzumi Việt Nam	6	5	6.5	2.5					
3601	K	21112	Nguyễn Thị Thủy Linh		1999	Tiền Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5	3.5	5.5	2.5	8.5				
3602	K	21113	Phạm Thị Thủy Linh		1997	Thanh Hóa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam				4.5					
3603	II	21114	Trần Thị Thủy Linh		1994	Nghe An	Chi nhánh Công ty TNHH Ai Rental tại Thanh phố Hồ Chí Minh	7		6.5	5.5					
3604	K	21115	Trần Thủy Linh		1995	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán KIC	6.5	7.5				7	7		
3605	II	21116	Võ Thị Thủy Linh		1987	Lầy Ninh	Công ty Cổ phần Năng lượng Lân Thuận									
3606	II	21117	Vũ Thị Thủy Linh		1991	Hưng Yên	Công ty Cổ phần Kế toán Kiểm toán và Tập may Dân An	6	6.5		6					
3607	€	21118	Vương Thị Thủy Linh		1990	Nghe An	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Công Codipha					6	6	7.5		
3608	II	21119	Hạp Lien Linh	1996		Bắc Ninh	Công ty Cổ phần Gra pháp Không Gian Xanh			6	5					
3609	II	21120	Đặng Liêu Linh		1993	Bình Định	Công ty Cổ phần Bui Dong san G&M Holdings			3.5						
3610	II	21121	Bùi Ngọc Tô Linh		1992	Quảng Bình		7		6.5	3.5					
3611	€	21122	Lê Thị Truc Linh		1986	Bình Dương	Công ty CP Tập Đoàn Loe Lion					7	8	4		
3612	II	21124	Nguyễn Thị Tuí Linh		1986	Cà Mau	Công ty TNHH Trung tâm Thể dục Thể hình và Yoga California		5	7.5	2.5					
3613	K	21125	Nguyễn Thị Tuí Linh		1991	Phu Yên	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSSM Việt Nam	6	7	7.5		6.5	6	7		
3614	II	21126	Đặng Thị Luyê Linh		1997	Lầy Ninh	Công ty TNHH HHH H&H Consulting									
3615	K	21127	Nguyễn Việt Linh		1993	TP HCM	Công ty TNHH Thương Mại và Chế Biến Louis Dreyfus Company Việt Nam	5	5	5	5		2			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TICKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3616	C	21128	Nguyễn Đức Minh	1992		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư Vấn SCS Global Việt Nam							7.5				
3617	P	21129	Võ Bích Loan		1997	Bình Định	Bệnh viện Tân Anh Thanh phố HCM			6.5								
3618	H	21131	Hoàng Thu Hồng Loan		1987	Quảng Bình	Công ty TNHH HPP HCM			8								
3619	H	21132	Lê Thu Hồng Loan		1998	TP HCM	Công ty TNHH Tư vấn Thuế và Tư chính ACS	6.5			2.5							
3620	H	21133	Nguyễn Thu Hồng Loan		1985	Bình Dương	Công ty TNHH Kế toán - Tư vấn Thuế Tư Thuế Việt	8										
3621	H	21134	Võ Thị Kiều Loan		1998	An Giang	Công ty TNHH Phân bón Nhaph Khuu Agriculture	6.5	7									
3622	K	21135	Nguyễn Lê Kim Loan		1995	Khánh Hòa	Công ty Cổ Phần Trung Tâm Thương Mại Lotte Việt Nam		8.5			6.5		8.5				
3623	H	21136	Phạm Thị Kim Loan		1996	Bình Dương	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư Minh	5	5	8	5.5							
3624	H	21137	Bùi Thị Mỹ Loan		1985	Phu Yên												
3625	H	21138	Lêyinh Thị Mỹ Loan		1988	TP HCM	Công ty TNHH Devstus Worldwide Việt Nam			3.5	3							
3626	K	21139	Trần Thị Ngọc Loan		1991	Bình Định	Công ty Cổ Phần Vinnos HCM	5	0.5	4.5	3							
3627	H	21140	Trần Thị Ngọc Loan		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tai Mỹ Ngân				7							
3628	H	21141	Võ Thị Ngọc Loan		1983	Vĩnh Long	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Sông Anh											
3629	K	21142	Nguyễn Phương Loan		1997	Nam Định	Công ty TNHH PMC	6	1	4	2	5	2	8				
3630	H	21143	Nguyễn Phương Loan		1992	Quảng Nam			6	6								
3631	K	21144	Lê Thị Thanh Loan		1999	Đức Thọ	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			5	3.5							
3632	H	21145	Nguyễn Thị Thanh Loan		1995	Quảng Ngãi	Có CP Thương Mại Kế Nghiệp Việt Nam											
3633	H	21146	Vũ Thị Thanh Loan		1995	Ninh Bình	Công ty TNHH đầu tư Sùng Fun Vina											
3634	K	21147	Dương Thị Loan		1998	Thanh Hóa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiem Loan Deloitte Việt Nam		0.5					1.5				
3635	H	21148	Nguyễn Thị Loan		1984	Thanh Hóa	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Minh Phát	7	0	3.5	2							
3636	H	21149	Trần Thị Loan		1985	Lào Ninh	Công ty TNHH KPP Zipper Việt Nam	3.5	3.5									
3637	H	21150	Võ Thị Loan		1985	Bình Định	Công ty CP INADY và đầu tư Thien Lai											
3638	K	21151	Trần Thị Thuý Loan		1998	Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn RSMT Việt Nam	8						8.5				
3639	H	21152	Trần Thị Xuân Loan		1975	Khánh Hòa	Bệnh viện đa khoa Nguyễn A - CN Đức Hòa			4.5	6							
3640	K	21153	Trương Bảo Long	1976		Đông Tháp	Công ty TNHH Việt Nam Parkzong	4.5		5								
3641	H	21154	Đặng Phan Hien Long		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Mo Design Studio											
3642	H	21155	Đặng Hoàng Long	1995		Quảng Nam	Công ty TNHH Crowe Việt Nam		3.5	5	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3643	N	21156	Trần Kim Long	1984		IP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học Moore AISG		5.5	7	7	8	5					
3644	N	21157	Trần Dương Minh Long	1995		Long An	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam					6		6.5				
3645	H	21158	Thư Phú Long	1995		Long An	Cty TNHH Kế toán Kim Thủy			8.5	5							
3646	H	21159	Trần Thanh Long	1996		Lia Vinh	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	6.5	5.5	5	3.5							
3647	H	21160	Đoàn Hữu Lộc	1989		An Giang	Văn phòng luật sư Đoàn Thiện Đức		2.5	4.5	3.5							
3648	N	21161	Nguyễn Hữu Lộc	1993		Bình Dương	Công ty TNHH Kế toán Kim Thủy		5.5		3	7.5	4	6				
3649	N	21162	Nguyễn Trương Thuận Lộc	1999		Quảng Nam	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam			5		5.5		6				
3650	C	21163	Trần Trà Lộc		1981	Trung Quốc	Chi nhánh Công ty TNHH Trusts VN					5	5	4				
3651	N	21164	Trần Tuấn Lộc	1977		Thái Bình		5.5	6.5	7.5	6	4	5	6				
3652	N	21165	Lê Đức Long	1999		Vĩnh Long	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC tại Cần Thơ	7.5	5	5	1	7.5	2.5	5.5				
3653	H	21167	Võ Thanh Long	1988		Quảng Trị	Công ty Cổ phần Sunn Brothers Việt Nam											
3654	N	21168	Trương Hoàng Tuấn	1999		Cà Mau	Công ty TNHH Trusts & Young Việt Nam	5.5			5.5	6						
3655	H	21169	Nguyễn Hữu Luận	1989		Bình Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Quý Chuẩn	6	3.5	2	3.5							
3656	H	21170	Nguyễn Thanh Luận	1985		Hà Tĩnh	Công ty TNHH tư vấn Thiên Luật Phát			4	4							
3657	N	21171	Trương Triều Luận	1998		Trung Quốc	Công ty TNHH Trusts & Young Việt Nam	4.5	2.5			7	2	8				
3658	H	21172	Long Thi Luận		1975	Bình Thuận	Công ty TNHH HGP		3		4							
3659	H	21173	Trương Minh Luận	1982		Cần Thơ	Công ty TNHH MTV Triều Hưng											
3660	N	21174	Nguyễn Trí Luận	1997		Quảng Trị	Công ty Cổ phần Genadept			6	6							
3661	H	21175	Lê Văn Lung	1993		Quảng Trị	Cty CP Thương Mại & DV BHP	5	6	5								
3662	H	21176	Trương Thị Hoa Loan		1993	Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Tin Minh - CN I				3							
3663	N	21177	Nguyễn Khắc Lộc	1988		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thuế V&V	7.5	5	7	7	8	5	5.5				
3664	N	21178	Nguyễn Đình Tuấn Lộc	1996		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Ca	6	4.5	3	3	6.5	6	5				
3665	H	21179	Nguyễn Thị Lương		1989	Nghe An	Công ty TNHH giải pháp nông nghiệp Việt Nam	4.5	1.5	5.5	2.5							
3666	H	21180	Phạm Tiến Lương	1988		Nam Định	Công ty Cổ phần Tin Phát Finance	3.5		1.5								
3667	N	21181	Nguyễn Trọng Lương	1991		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư Ocean	4	0			4	1	3.5				
3668	H	21182	Lê Thủy Lương		1993	Phu Yên	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất Động sản Thăng Lợi Tây Nguyên											
3669	H	21183	Trương Thị Hồng Ly		1993	Phu Yên	Công ty TNHH Tư vấn Công Minh NT											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HĐT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3670	K	21184	Nguyễn Thị Hương Ly		1998	Ninh Bình	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S			6.5	4	7.5				
3671	K	21185	Phan Hương Ly		1998	Thái Bình				5.5		8	5.5	5.5		
3672	H	21186	Huỳnh Thanh Khanh Ly		1998	Phu Yên	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán S&S									
3673	K	21187	Lê Khanh Ly		1992	Quảng Bình	Công ty TNHH Hệ Thông Truyền Động Nidec					6.5		8		
3674	K	21188	Ngô Thị Khanh Ly		1995	Hà Nam	Công ty TNHH Paumanas Corporation	5.5	3		2.5					
3675	H	21189	Ngô Thị Kim Ly		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Systems Việt Nam									
3676	K	21190	Hồ Thị Ly Ly		1993	Quảng Tin	Công ty TNHH PWC									
3677	H	21191	Nguyễn Thị Mỹ Ly		1987	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Abenla	5	0.5	4	2.5					
3678	K	21192	Nguyễn Phương Ly		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam	4.5				6.5		5		
3679	H	21193	Trần Thị Thảo Ly		1997	Quảng Ngãi	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Giải pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam			6						
3680	H	21194	Hồ Thị Thảo Ly		1994	Dòng Núi	Công ty TNHH Tư vấn Rosell & Partner	5.5		6.5						
3681	H	21195	Nguyễn Thị Thảo Ly		1994	Bình Định										
3682	H	21196	Phạm Hoàng Thảo Ly		1982	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Tài chế Nhựa Lâm Trần									
3683	H	21197	Lê Trúc Ly		1986	Khánh Hòa	Cty TNHH Tracor Services Việt Nam			9	5					
3684	C	21198	Lê Nữ Ju Ly		1985	Lâm Đồng	Công ty TNHH Dầu Tư Trường Việt					7	7	5		
3685	H	21199	Mai Thị Yên Ly		1991	Cần Thơ	Công ty TNHH Sản xuất Hoa trái ABA	4		4	0.5					
3686	H	21200	Nguyễn Thị Thuý Hà Ly		1977	Nghe An	Công ty TNHH MTV TM & DV Phước Hòa - Cảng Phước Khang		4.5							
3687	H	21201	Trần Thị Kim Ly		1988	Tây Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ A&T	7	5.5		5.5					
3688	K	21202	Huỳnh Thanh Ly		1987	Long An			1	4	3		3	5.5		
3689	H	21203	Lương Thị Ly		1994	Thanh Hóa	Công ty TNHH Hennesbach Vietnam	5.5		6.5						
3690	H	21204	Nguyễn Thị Ly		1972	Đà Nẵng	Công ty TNHH Máy móc Thời trang Phương Đông									
3691	K	21205	Ngô Thiên Ly		1996	Cần Thơ	Công ty TNHH Kiểm Toán Phương Đông	7.5		8		7.5				
3692	C	21207	Hồ Trần Diệu Linh		1978	Tây Ninh	Công ty TNHH TMDV Xây Dựng Tín Hiệu Xanh					5				
3693	H	21208	Nguyễn Thị Anh Mai		1995	Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Thuận Hải	6	3.5	5	5					
3694	H	21209	Trần Thị Hồng Mai		1976	Dòng Tháp	Công ty Cổ phần Chiến xa An Phú									
3695	C	21210	Nguyễn Phạm Huỳnh Mai		1993	TP HCM	Công ty TNHH Đại lý Thuế HTMA							7.5		
3696	P	21211	Nguyễn Thị Hương Mai		1986	Hải Phòng	Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam			5.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
3697	H	21212	Cao Thị Ngọc Mai		1997	Bình Định	Công ty TNHH A A C C				3						
3698	H	21213	Đào Thị Ngọc Mai		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Easy Alo		4	4	2.5						
3699	K	21214	Lê Ngọc Mai		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam			5.5		6.5			8		
3700	H	21215	Lê Thị Ngọc Mai		1996	Thừa Thiên Huế	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam										
3701	K	21216	Nguyễn Ngọc Mai		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Warriors Holding	7.5			7						
3702	H	21217	Nguyễn Thị Ngọc Mai		1992	Bình Định	Công ty TNHH đa công vụ lập liên Hào	5.5	8.5	7	5						
3703	H	21218	Phạm Thị Ngọc Mai		1991	Bình Định	Công ty Cổ phần Công nghệ MIPIC		7								
3704	H	21219	Đào Thị Ngọc Mai		1995	Nghe An	Công ty TNHH Hanoibank Financial Technology			7	6						
3705	H	21220	Tư Ngọc Mai		1996	Liên Giang	Công ty TNHH OOC Việt Nam	6.5	8	4	5						
3706	H	21221	Hồ Thị Phương Mai		1989	IP HCM	Công ty TNHH Finant Capital			6.5							
3707	H	21222	Lưu Phương Mai		1996	IP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Im học Moore AISC	5	2.5	5	1.5						
3708	C	21223	Phạm Thị Thanh Mai		1991	Nam Định	Công ty TNHH Xay Dung va Trang tri Nho Thai Hai Phong					7.5	5	2.5			
3709	K	21224	Nguyễn Thị Mai		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư Vấn Phạm & Các Công Sự	6.5	5.5	5.5	3	6	4.5	4.5			
3710	H	21225	Nguyễn Thị Mai		1998	Nghe An	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam		4	5	3.5						
3711	H	21226	Linh Thị Mai		1991	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Lập văn Thưc	7.5	7.5								
3712	K	21227	Nguyễn Trúc Mai		1985	IP HCM	Công ty TNHH Kavi Entertainment Vina	4.5	5	4	3	6.5	1.5	7			
3713	H	21228	Nguyễn Thị Trúc Mai		1991	Liên Giang	Công ty TNHH Nhặt Nhặt Làn		6	5	3.5						
3714	K	21229	Nguyễn Tu Mai		1996	Hà Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	6	5	5	1.5		4				
3715	H	21230	Hồ Thị Tuyết Mai		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán AIC Việt Nam	6	7								
3716	H	21231	Lương Thị Tuyết Mai		1994	IP HCM	Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Yến sào Khánh Hòa Số 1		3	5.5	3.5						
3717	H	21232	Đông Thị Xuân Mai		1999	Lạc Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sui Gou SGC A	3.5		3.5							
3718	K	21233	Lê Ngọc Xuân Mai		1996	Bà Rịa - Vũng Lâu	Công ty Cổ Phần Nova Consumer		3	7							
3719	H	21234	Nguyễn Hoàng Xuân Mai		1994	Bình Định	Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina										
3720	H	21235	Nguyễn Xuân Mai		1992	Khánh Hòa	Công ty TNHH Tư vấn & Dịch vụ Thuế CTAX	5	4	6	2.5						
3721	K	21236	Lưu Thị Xuân Mai		1993	Quảng Trị	Công ty TNHH Finist & Y vương Việt Nam	8.5	5.5	6	4	7	7				
3722	K	21237	Nguyễn Đức Mạnh		1994	Bắc Ninh	Công ty Cổ Phần Lập Đoàn Đào Ca	6	3.5	4.5	4	6.5	5.5	4			
3723	H	21238	Nguyễn Văn Mao		1987	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC										

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3724	K	21239	Phùng Thị Mỹ		1981	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH H.A Việt Nam	7.5	5	5.5		7	4	7.5		
3725	K	21240	Nguyễn Văn Mỹ	1994		Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Kiến Cầu Tháp Đa Tín									
3726	H	21241	Tư Gia Mẫn		1999	TP HCM	Công ty TNHH Acclime Corporate Services	5.5		3						
3727	K	21242	Nguyễn Thị Minh Mẫn		1998	Đồng Tháp	Công ty Cổ Phần DATVIEI VAC Media Entertainment Group		5				4	6.5		
3728	K	21243	Phạm Ngọc Mẫn	1995		Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toán Deloitte Việt Nam	7	3	5	3	7.5	6.5	7		
3729	K	21244	Võng Nguyễn Mẫn		1999	Trung Quốc	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn A&C	5.5	6	8.5	6	8.5	7	5.5		
3730	K	21245	Điệp Mẫn		1996	An Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến toán và Tư Vấn Chuẩn Việt		6	4	1.5		8			
3731	H	21246	Võ Thị Minh Mẫn		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kế toán Sando Việt Nam		7.5	8	5					
3732	H	21247	Ngô Thị Mẫn		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư vấn Doanh nghiệp Đạt lý thuế Kế toán Tài Chính Thịnh			5.5						
3733	H	21248	Nguyễn Thị Ngọc Mến		1990	Bình Định	Công ty TNHH Takashimaya Việt Nam		4		4					
3734	H	21249	Nguyễn Thị Mến		1985	Tây Ninh	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành phố Vàng	6.5								
3735	H	21250	Võ Thị Trà Mi		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH Nakke Panel System Việt Nam	6			4					
3736	H	21251	Châu Thị Tuyết Mị		1991	Bình Phước	Công ty TNHH Tư vấn Quy hoạch và Xây dựng QG9									
3737	H	21252	Nguyễn Hồ Vương Mien		1998	Bình Định	Công ty TNHH Acclime Corporate Services	5	4.5	6	3.5					
3738	K	21253	Lê Ngọc Bảo Minh		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Magna Management Asia									
3739	H	21254	Nguyễn Thị Hoàn Minh		1983	Ngũyễn An	Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị TP HCM			6.5	5.5					
3740	H	21255	Lai Hoàng Minh	1993		Hà Nam	Công ty TNHH Tư vấn Luật Tín Phát			5	5					
3741	H	21256	Phạm Thị Hoàng Minh		1981	Quảng Bình	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xây dựng An Gia Phúc		2.5		2.5					
3742	K	21257	Đoàn Lê Minh	1992		Bình Định	Công ty TNHH Kiến Toán A&C Việt Nam						4.5			
3743	H	21258	Vũ Lê Minh	1992		Ninh Thuận	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	8		6	3					
3744	H	21259	Hoàng Thị Nguyệt Minh		1982	Quảng Bình	Công ty TNHH Công nghệ Thương mại Dịch vụ Tân Đa Dương Tân Đa Dương									
3745	H	21260	Đặng Nhật Minh	1997		Tha Bình	Công ty TNHH Grant Thornton									
3746	K	21261	Lê Thụy Nhật Minh		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam	5		5.5		5.5	5.5			
3747	H	21262	Trần Nhật Minh		1988	Hà Tĩnh	Công ty TNHH IMDV XNK Vanbona			4						
3748	K	21263	Vườn Nhật Minh	1999		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S	6.5	7	5	3	6.5	2	6		
3749	P	21264	Nguyễn Phát Minh	2000			Công ty TNHH NFQ Việt Nam									
3750	H	21265	Nguyễn Thái Minh	1991		Lạng An	Công ty Cổ phần Hoàn Lạc Việt	3		5.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
3751	K	21266	Lê Thị Minh		1988	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Fim And AI	7.5	7.5	5.5	5					
3752	C	21267	Lê Thị Minh		1983	Hà Phòng	Công ty Cổ phần Khoa Lanh Ky Nguyễn Môn					8	6.5	6.5		
3753	H	21268	Lê Văn Trọng Minh	1994		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thực phẩm Vườn Nhà	4		4						
3754	H	21269	Bùi Lê Trọng Minh	1994		Vĩnh Long	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam									
3755	H	21270	Nguyễn Tuấn Minh	1995		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kế toán AGS	6.5	1.5	5.5	1					
3756	H	21271	Đinh Thị Tư Minh		1993	An Giang	Công ty TNHH Medigroup Việt Nam	8.5								
3757	K	21272	Nguyễn Tường Minh		1996	Long An	Công ty TNHH Sản Xuất Phân Mềm Vina	5.5	0.5		1.5		3	3.5		
3758	H	21273	Nguyễn Xuân Minh	1996		Bắc Ninh	CTCP dầu nhớt & hóa chất Việt Nam									
3759	H	21274	Đoàn Minh	1990		Khánh Hòa	Công ty TNHH gear pháp ATL	7								
3760	H	21275	Trần Thị Tuyết Mèo		1989	Tiền Giang	Công ty TNHH Ehsarya Việt Nam	4.5		5	2.5					
3761	H	21276	Lê Thị Mai		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH IMDV tư vấn quản lý Lê Nguyễn									
3762	H	21277	Nguyễn Thị Mai		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Bách Việt			7	3.5					
3763	H	21278	Không Tai Mai		1989	Quảng Ninh	Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đại học Y dược Shing Mark		3						6	
3764	K	21279	Lê Thị Mai Loan		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Chân Nước C/P Việt Nam	7	5.5	6	5					
3765	H	21280	Nguyễn Thị Diễm My		1997	Bình Định	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bất Động sản Hồng Phát Thuận	5.5		3	2.5					
3766	H	21281	Đỗ Thị Hà My		1995	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Bakes			5	3.5					
3767	K	21282	Huỳnh Gia Hà My		1999	Bình Định	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn A&C	3.5		5				7		
3768	H	21283	Nguyễn Thị Hoàn My		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Global Accounting	5	4	2.5	1					
3769	H	21284	Phạm Thị Huyền My		1997	Bến Tre	Công ty Cổ phần Indefel Solar	3.5	5.5	4						
3770	H	21285	Lê Kiều My		1996	Bạc Liêu	Công ty TNHH Đại lý Thuế Bắc Trung Nam	7.5	6.5	5	7					
3771	H	21286	Nguyễn Thị Ngọc My		1986	Cà Mau	Công ty Cổ phần Kho bãi Miền Nam									
3772	H	21287	Trương Thị Quỳnh My		1984	Bình Định	Công ty TNHH AP Expertise	4.5		5.5						
3773	K	21288	Nguyễn Thị Thảo My		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn A&C	4.5		5	2	5.5				
3774	K	21289	Đương Thị Trà My		1998	Nghe An	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	7	6	3	2.5	7.5	4.5	6		
3775	K	21290	Đỗ Thị Trà My		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiểm Toán E-Jung		8		5		7			
3776	H	21291	Lê Thị Trà My		1992	Bình Định	Công ty TNHH Jinyu Việt Nam Trẻ									
3777	H	21292	Lê Thị Ái Mỹ		1991	Quảng Ngãi	Công ty CP thương mại Bắc Sông Trà			6						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3778	N	21293	Vương Gia Mỹ		1995	Cần Thơ	Công ty TNHH Crowe Việt Nam				5	0	0					
3779	N	21294	Nguyễn Hà Ngọc Mỹ		1999	Hà Tĩnh	Công ty TNHH PWC											
3780	N	21295	Nguyễn Thị Phương Mỹ		1996	Hà Tĩnh		5		7.5								
3781	II	21296	Bồ Quốc Mỹ		1987	Hưng Yên	Công ty CP đầu tư và xây dựng VNECCO											
3782	II	21297	Lưu Thị Diệu Nga		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Kế toán Thuế Thuận Việt	5	3.5	7	2.5							
3783	P	21298	Hồ Thị Huân Nga		1995	Đà Nẵng	Công ty TNHH Phát triển New Town			5								
3784	N	21299	Hoàng Thị Ly Nga		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Menas					7.5						
3785	II	21300	Lưu Hoài Nam		1995	Quảng Trị	Công ty TNHH Lm Sen		5.5	7								
3786	N	21301	Lê Hoàng Nam		1993	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH PWC Việt Nam		4	0.5				0.5				
3787	II	21303	Nguyễn Hoàng Nam		1992	Vĩnh Long	Công ty CP tư vấn luật			0.5	0.5							
3788	N	21304	Nguyễn Hoàng Nam		1997	Bình Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toán Deloitte Việt Nam	0.5										
3789	II	21305	Lưu Hoàng Nam		1977	Hải Phòng	Công ty TNHH Phương Đức Dũng	0.5		0	0							
3790	II	21306	Nguyễn Hồng Nam		1995	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm toán Văn Văn		7	5	0							
3791	N	21307	Lưu Minh Nhật Nam		1991	TP HCM	Công ty TNHH SPS Vietnam	0.5		5	3	0	3.5	8.5				
3792	N	21308	Phan Thị Phương Nam		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiến Toán AFC Việt Nam					0.5						
3793	II	21309	Nguyễn Thị Quốc Nam		1995	Liên Giang	Chi nhánh Công ty Cổ phần E-Global tại TP HCM	5		1.5	4							
3794	II	21310	Vu Thanh Nam		1997	Bắc Ninh	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán Tâm An	4		1	0.5							
3795	N	21311	Nguyễn Tiên Nam		1991	Hà Nam	Công ty TNHH Kế Toán và Tư Vấn Thuế - Chi nhánh Sài Gòn		4.5	4	0.5		0.5					
3796	N	21312	Nguyễn Tuấn Nam		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Acon Delight Việt Nam	8	0.5	0.5	4							
3797	II	21313	Nguyễn Văn Bê Nam		1991	An Giang		3	7.5	4.5	0							
3798	II	21314	Lê Thị Nét		1978	Thanh Hóa	Công ty TNHH MIV Paragon Premium Aesthetic Services	0		5.5	3							
3799	N	21315	Lê Thị Bích Nga		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiến Toán KMP		5			0						
3800	N	21316	Lưu Thị Hằng Nga		1998	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RS&M Việt Nam	7	4.5	5	5.5	0.5	4	0				
3801	II	21317	Phan Thị Hồng Nga		1991	Quảng Bình	The Dana Foundation	5.5	5.5	5								
3802	II	21318	Võ Thị Huyền Nga		1989	Phu Yên	Công ty CP thuế kế và xây dựng Thon Đạt	7.5	0.5									
3803	N	21319	Lưu Thị Kim Nga		1999	Bình Thuận	Công ty TNHH PWC											
3804	II	21320	Lương Ngọc Kim Nga		1989	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH MIV Dịch vụ (công ích Q1)											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
3805	K	21321	Khu Phương Nga		1981	Trung Quốc	Công ty TNHH Concrea Việt Nam	6.5	5	6.5	2	4	3	9		
3806	H	21322	Vân Thị Phương Nga		1998	Quảng Trị				6.5						
3807	H	21323	Dương Thị Nga		1994	Quảng Bình	Công ty TNHH PMCO			8						
3808	H	21324	Đoàn Thị Nga		1995	Quảng Trị	Công ty TNHH Sunrise Lộc Phát	4	6	7.5	3.5					
3809	H	21325	Hoàng Thị Nga		1994	Nghệ An	Công ty TNHH Chế tạo Cơ Khí Hoa Phai	6.5		5						
3810	H	21326	Ngô Thị Nga		1986	Nghệ An	Công ty TNHH Xây dựng Sơn Ngần	6.5	5		5					
3811	P	21327	Nguyễn Thị Nga		1995	Hải Phòng	Công ty TNHH Nước Giải khát Coca-Cola Việt Nam									
3812	H	21328	Phạm Thị Nga		1994	Hà Tĩnh	Công ty TNHH I-Renewable Energy Việt Nam	7	6.5	6	4					
3813	H	21329	Trần Thị Nga		1986	Bắc Giang	Công ty TNHH Công nghiệp Chervon	6	1.5	4	5					
3814	H	21330	Lý Thị Nga		1986	TP HCM	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Đại Á	7.5	5.5	8						
3815	H	21331	Châu Thị Thủy Nga		1996	Bình Định	Công ty TNHH RBA WTS TAX Việt Nam			7.5						
3816	H	21332	Nguyễn Thị Thủy Nga		1993	Bình Định	Công ty Cổ phần Xây dựng ASBUID									
3817	K	21333	Ông Thị Thủy Nga		1990	TP HCM	Công ty TNHH Công Nghệ Dyer Tương		7				4.5	5.5		
3818	H	21334	Trần Thị Thủy Nga		1994	Nghệ An	Công ty TNHH F&G International		7	7.5						
3819	H	21335	Trần Thủy Nga		1997	Thanh Hóa	Công ty Luật TNHH ACS Legal Việt Nam			5						
3820	H	21336	Nguyễn Thị Nga		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Greenclow Việt Nam	5		4	2.5					
3821	H	21337	Trần Huỳnh Việt Nga		1995	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Thực phẩm Anh Hằng		2		1.5					
3822	H	21338	Nguyễn Đại Nga		1988	Hà Tĩnh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	6			3					
3823	H	21339	Nguyễn Phạm Nga		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Sáng lập A Châu		7	6.5						
3824	K	21340	Nguyễn Thị Nga		1997	Nghệ An	Công ty TNHH Contralco Camau Shrimp Farm	5.5								
3825	K	21341	Vũ Thị Ngát		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6.5			2.5					
3826	H	21342	Hồ Thị Bảo Ngân		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kế toán Yma	3.5	0.5	4.5	3.5					
3827	H	21343	Phạm Dương Bảo Ngân		1990	Quảng Nam	Công ty TNHH Y&K Corporation of Việt Nam		6	7						
3828	H	21344	Nguyễn Thị Diễm Ngân		1994	Đông Tháp	Công ty cổ phần TG&C		7		5					
3829	H	21345	Mai Huyền Ngân		1989	Ninh Thuận	Công ty TNHH MIV Vồ Hai Dương	3	0.5	3.5	3					
3830	H	21346	Hứa Khanh Ngân		1991	Bến Tre				6						
3831	H	21347	Bùi Thị Kim Ngân		1996	Tây Ninh	Công ty Cổ phần Mai tư Tây Ninh			7	4.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3832	K	21348	Dương Thị Kim Ngân		1998	Hà Ninh	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			5,5	2,5	7,5				
3833	H	21349	Hoàng Thị Kim Ngân		1986	Hà Tĩnh		6,5	8	5	6					
3834	H	21350	Lâm Kim Ngân		1982	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Quang Trí	6	2,5	6,5	3					
3835	K	21351	Lê Kim Ngân		1999	Hải Phòng		7,5	1,5			6	1	5		
3836	K	21352	Lê Nguyễn Kim Ngân		1996	Lâm Đồng	Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam			5	3		6,5			
3837	H	21353	Lê Thị Kim Ngân		1996	An Giang	Công ty Cổ phần Vải lụa Bao Hưng	4,5	2	3	2,5					
3838	H	21354	Mai Trần Kim Ngân		1975	TP HCM	Công ty Cổ phần Charmma Investment	6		5						
3839	K	21355	Nguyễn Kim Ngân		1999	Đông Nai	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	7	6	5,5	4	6,5	7,5	7		
3840	K	21356	Nguyễn Kim Ngân		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm Toán DPK Việt Nam									
3841	H	21357	Nguyễn Lê Kim Ngân		1998	TP HCM		4	1,5	3						
3842	H	21358	Nguyễn Thị Kim Ngân		1998	Đông Tháp	Công ty Cổ phần Ramsa	5		5	4					
3843	H	21359	Nguyễn Thị Kim Ngân		1984	Tiền Giang	Công ty TNHH Tư vấn ABH Việt Nam		4	6						
3844	H	21360	Nguyễn Thị Kim Ngân		1996	Vĩnh Long	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Sai Gon SGCA	5			1					
3845	H	21361	Nguyễn Thị Kim Ngân		1987	Tiền Giang	Trường Mầm non Thanh Xuân Nghĩa	5		4	0,5					
3846	H	21362	Nguyễn Thị Kim Ngân		1987	Hà Tĩnh	Công ty TNHH B Grimm Power									
3847	C	21363	Nguyễn Thị Kim Ngân		1989	TP HCM	Công ty Cổ phần IMDV Viên Thông RVC					5,5	5	8		
3848	K	21364	Nguyễn Thị Kim Ngân		1997	Hà Nội	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam		5				7,5			
3849	H	21365	Nguyễn Thị Kim Ngân		1993	Tiền Giang	Công ty TNHH Hành phục Vĩ Na				4					
3850	K	21366	Nguyễn Trần Kim Ngân		1999	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm Toán BDO tại TP Hồ Chí Minh	6	6	6	3			8,5		
3851	K	21367	Phạm Dương Thị Kim Ngân		1998	Tiền Giang	Công ty TNHH ZVN Travel			5			7			
3852	H	21368	Phạm Hoàng Kim Ngân		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Circular Plastics Việt Nam		3,5	7						
3853	H	21369	Trần Kim Ngân		1994	Đông Tháp	Công ty Cổ phần Dầu tự Gia	6	5,5	5						
3854	H	21370	Trần Thị Kim Ngân		1988	Ninh Bình	Công ty TNHH MTV Nikko Saigon	2,5	2,5	7	1					
3855	H	21371	Trần Kim Ngân		1994	Cà Mau	Cty TNHH MTV BDS Hưng Phát		4	5						
3856	H	21372	Trương Kim Ngân		1997	Kiên Giang	Công ty TNHH Kiểm toán T & I	6								
3857	K	21373	Võ Thị Kim Ngân		1998	Quảng Ngãi	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam			5	7	6		5,5		
3858	K	21374	Võ Thị Kim Ngân		1997	Quảng Bình	Công ty TNHH Tư Vấn SGS Global Việt Nam			6,5	2,5					

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán		Kiểm toán		Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
											TCKT QTNC	VDV BDNC	tích HDT CNC	Tiếng Anh		Tiếng Trung			
3859	P	21375	Dương Thu Mỹ Ngân		1995	Phu Thọ	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG			6									
3860	K	21376	Huỳnh Thu Mỹ Ngân		1991	Bình Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5			3.5								
3861	H	21377	Trần Thu Ngọc Ngân		1980	Đông Nai	Công ty Cổ phần Khuang san 623 Đông Nai	4	3	6	2.5								
3862	K	21378	Bùi Thu Thanh Ngân		1996	Thừa Thiên Huế		3.5		6.5	2			6.5					
3863	K	21379	Đặng Thanh Ngân		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiểm Toán Đại Á Việt Nam	6	3	5.5	3.5	5.5	3	5.5	2		5		
3864	H	21380	Huỳnh Thanh Ngân		1996	An Giang			5.5	6.5	3								
3865	K	21381	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân		1999	Bình Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam												
3866	H	21382	Nguyễn Thu Thanh Ngân		1997	Bình Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán & Tư pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam												
3867	C	21384	Dương Phạm Thảo Ngân		1994	Nam Định											7.5		
3868	K	21385	Nguyễn Thảo Ngân		1997	Bạc Liêu	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam								6				
3869	K	21386	Nguyễn Thu Ngân		1997	Nghệ An	Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động		5		2.5					7	6		
3870	K	21387	Đào Thu Thu Ngân		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn		1	7	5					5			
3871	H	21388	Lương Thu Thủy Ngân		1988	Quảng Trị	Công ty TNHH Phát triển Thương mại XNK Việt An			8	3								
3872	H	21389	Trần Thủy Ngân		1993	Nghệ An	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thanh Thanh Công		4										
3873	C	21390	Trần Ngọc Trúc Ngân		1997	Bến Tre	Công ty Cổ phần Tư Vấn & Đại lý Thuế IPM							5.5		8	7.5		
3874	H	21391	Phạm Thu Tuyết Ngân		1992	Vĩnh Long	Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Nhữ Phi	5	7.5										
3875	K	21392	Huỳnh Ngọc Bảo Ngân		1997	Bình Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam		5.5		3.5	4.5							
3876	K	21393	Võ Phạm Vĩnh Nghi		1995	Bạc Liêu		5		5.5		5	6						
3877	K	21394	Trần Đại Nghĩa		1998	Nam Định		5.5	8.5	8.5	6.5	7	8	8					
3878	K	21395	Lê Hoàn Nghĩa		1994	Long An	Công ty Cổ phần Dầu lửa và Xây dựng Cấp Thoát Nước						5.5						
3879	H	21396	Nguyễn Hữu Nghĩa		1993	Cần Thơ	Cty TNHH Tư vấn Đầu tư Thuế Kế toán Tiên Phát												
3880	K	21397	Phạm Hữu Nghĩa		1994	Nam Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5	6.5		2.5			4.5	7				
3881	K	21398	Nguyễn Thanh Nghĩa		1996	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Nafcoods Groups	6.5	4	6	3.5								
3882	K	21399	Trần Thu Nghĩa		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH NNA Việt Nam		6		5								
3883	K	21400	Trần Văn Nghĩa		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm Toán - Thành Định Gia và Tư Vấn ECOVIS AFA Việt Nam	6	7.5	7.5	6	9	6.5	5					
3884	H	21401	Phạm Thu Ngân		1993	Tiền Giang	Công ty TNHH TM DV Skyone Media	5.5	3.5	6									
3885	H	21402	Nguyễn Thị Ngọc		1986	Nam Định	Công ty TNHH Trang trí nội thất Lương Minh Tâm			1.5	1.5								

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
3886	II	21403	Nguyễn Anh Ngọc		1990	Hà Nội	Công ty TNHH Galaxy Pas			7.5	6							
3887	K	21404	Nguyễn Bảo Ngọc		1997	Bình Định	Công ty TNHH Kiến Toàn và Tư Vấn KSM Việt Nam		1.5									
3888	K	21405	Nguyễn Phan Bảo Ngọc		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH PWC	5	5.5	5	4	6.5	5	8				
3889	K	21406	Trần Xuân Bảo Ngọc		1998	Quảng Nam	Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán và Tư Vấn AUD Việt Nam	7.5		6.5								
3890	II	21407	Bùi Thị Bích Ngọc		1986	Hải Phòng	Công ty TNHH Phú Thiên Phát	7.5	7.5	6	3							
3891	K	21408	Mai Thị Bích Ngọc		1982	Đà Nẵng	Công ty TNHH Hoàng Trí HDTN	4.5	1	3.5	1	1.5	0	2.5				
3892	K	21409	Nguyễn Thị Bích Ngọc		1997	Bình Định	Công ty TNHH Tim Sen	7.5	7.5	8.5	6		4					
3893	II	21411	Trần Thị Bích Ngọc		1996	Hồng Yên	Công ty TNHH Lalamove Việt Nam		6.5	7.5								
3894	K	21412	Vân Thị Bích Ngọc		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam			7.5	7	8	7.5	7				
3895	K	21413	Dương Hoàng桂 Ngọc		1999	Bạc Liêu	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Int'l HOC MOORE AISI					5						
3896	K	21414	Dương Thị Hồng Ngọc		1996	An Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5	7	5	2.5	7	4	7				
3897	K	21415	Hồ Hồng Ngọc		1998	Bình Dương	Công ty TNHH N.T.A Solutions	8	3.5	6	3		5					
3898	II	21416	Hồ Thị Hồng Ngọc		1999	Lạng Sơn	Công ty TNHH Koripa Technology		6.5		6							
3899	K	21417	Khổng Hồng Ngọc		1996	Hải Phòng	Công ty TNHH PWC			5								
3900	P	21418	Lê Hồng Ngọc		1997	Hải Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG											
3901	II	21419	Nguyễn Hồng Ngọc		1996	Kiên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam		1.5		2							
3902	K	21420	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1999	Quảng Trị	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Int'l MHD	5.5	2	5	3.5	6	4.5	4.5				
3903	II	21421	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1993	Bắc Ninh	Công ty TNHH Madernmind		2.5	5	3							
3904	II	21422	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		1988	TP HCM	Công ty Cổ phần IBace	8	3	5	2							
3905	II	21423	Phạm Thị Hồng Ngọc		1987	Nam Định	Công ty TNHH Jooso Dona	8	3.5	5								
3906	II	21424	Vũ Phương Hồng Ngọc		1999	Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán & Tư pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam	8.5	5	3.5	3							
3907	II	21425	Trần Lương Ngọc		1998	Campuchia	Công ty TNHH Kurosawa M.C	7.5										
3908	K	21426	Phạm Cao Kiên Ngọc		1991	Bình Định	Công ty TNHH INDV NKN Pechuang											
3909	II	21427	Lê Kim Ngọc		1990	Thanh Hóa			4	5	5							
3910	II	21428	Lưu Thị Kim Ngọc		1994	An Giang	Ngân hàng TMCP Ban Việt - PGSD Châu Đốc	5.5		2								
3911	II	21429	Ngô Thị Kim Ngọc		1996	Cần Thơ	CN CP NKN TM Liên Phát											
3912	II	21430	Bùi Thị Minh Ngọc		1995	TP HCM	Công ty TNHH Eurofins Sacs Hà Giang											

STT	đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ngoại ngữ		Chức vụ
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
3913	II	21431	Nguyễn Lê Minh Ngọc		1999	Phu Thọ	Cv TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC									
3914	II	21432	Phạm Minh Ngọc		1991	Thị trấn Huế	Công ty CP NXK Thủy sản Cần Thơ	5.5	7	5.5	2					
3915	II	21433	Lân Thị Mông Ngọc		1992	Phu Yên	Công ty TNHH Kế toán AGS			8	2					
3916	II	21434	Đoàn Nguyễn Ngọc		1982	Đông Nai	Nhà máy Bê tông Hưng Vương - Thien Lan	7.5		3	1.5					
3917	II	21435	Lê Nguyễn Ngọc		1997	Quảng Ngãi	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Lý Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh									
3918	K	21436	Hoàng Lê Như Ngọc		1999	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán AGS	6.5	2.5	6	5.5	7.5	7	6.5		
3919	C	21437	Nguyễn Thị Như Ngọc		1994	Thị trấn Huế	Công ty TNHH Kế toán Kunt Thủy					7.5	7.5	7.5		
3920	II	21438	Nguyễn Thị Như Ngọc		1993	Từ Vinh	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam		5	6.5	5					
3921	II	21439	Phạm Trinh Như Ngọc		1991	Quảng Nam	Công ty TNHH thiết bị Điện Máy Lớn Thien Quang									
3922	II	21440	Bui Thanh Ngọc	1989		Huế Tỉnh	Công ty Cổ phần Mùa bán nước và Quấn lụa tại TP Hồ Chí Minh	7.5		5	5					
3923	II	21441	Nguyễn Thảo Ngọc		1993	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng An Gia Khang	6.5		6						
3924	K	21442	Lê Thị Ngọc		1997	Thị trấn Huế	Công ty TNHH Kiểm toán TLO	8		3.5	5	6.5	6.5	1.5		
3925	K	21443	Võ Thị Thu Ngọc		1997	Long An	Công ty CP TTTM LOTTE Việt Nam	7.5		7	5.5			7.5		
3926	K	21444	Đặng Thủy Ngọc		1996	Quảng Ngãi	Ngân hàng BPC-ICM - Chi nhánh TP HCM		3.5	5	3					
3927	II	21445	Nguyễn Hoàng Thủy Ngọc		1998	Lạng Sơn	Công ty TNHH Chilly X	5	2.5	5	3					
3928	K	21446	Trần Thị Thủy Ngọc		1987	TP HCM	Công ty TNHH SPS Vietnam		5		5					
3929	K	21447	Lưu Tú Ngọc		1996	Trảng Quế	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	7	1.5	5	5					
3930	K	21448	Phạm Văn Ngọc		1996	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán KMF	4	0.5	5	1.5					
3931	II	21449	Nguyễn Ngọc		1985	Từ Vinh	Công ty TNHH Giám sát và Công nghệ Semick	6	2	7	5.5					
3932	II	21450	Trần Bình Nguyễn	1995		Trảng Quế		6		6.5	4					
3933	II	21451	Trương Thị Đào Nguyễn		1963	Ninh Bình	Công ty TNHH Phát Kunt Nguyễn	7.5	8							
3934	K	21452	Lê Hồng Nguyễn	1992		Huế Nội	Công ty TNHH PWC Việt Nam			5						
3935	II	21453	Nguyễn Thị Kunt Nguyễn		1998	TP HCM	Công ty TNHH Kế toán AGS	6.5	4	5	8					
3936	K	21454	Nguyễn Thị Kunt Nguyễn		1993	Cần Thơ	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Loan Cầu		4	5		6		4.5		
3937	K	21455	Đoàn Thị Thanh Nguyễn		1994	Bến Tre		8.5								
3938	K	21456	Hồng Thanh Nguyễn		1996	Bạc Liêu	Công ty TNHH RBA WIS TAX Việt Nam		7	5			5.5			
3939	II	21457	Lê Thị Thanh Nguyễn		1994	TP HCM	Công ty TNHH Khoa học Môi trường và Công nghệ CRM	6.5	6.5	5.5	3.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Nghe nói		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3040	K	21458	Nguyễn Hoàng Thao Nguyễn		1990	Quảng Nam	Công ty TNHH Kachet Việt Nam Technology			5			4	7.5		
3041	H	21459	Nguyễn Hoàng Thao Nguyễn		1992	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanko									
3042	K	21460	Nguyễn Ngọc Thao Nguyễn		1999	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC	7.5	3	5				3.5	7.5	
3043	K	21461	Nguyễn Ngọc Thao Nguyễn		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Tư Vấn Việt & Co	6.5		3		5			5	
3044	H	21462	Nguyễn Thị Thao Nguyễn		1982	Hưng Yên		5.5		2						
3045	H	21463	Nguyễn Thị Thao Nguyễn		1994	Ninh Thuận	Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động trực tuyến			4						
3046	H	21464	Phạm Thị Thao Nguyễn		1995	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Bưu Việt Nam	7.5	4.5	5	7.5					
3047	K	21465	Lê Thị Thao Nguyễn		1996	Bắc Ninh	Công ty TNHH PWC Việt Nam					6				
3048	H	21466	Nguyễn Nguyễn		1980	Hải Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Lucky Star		1	3.5	2					
3049	H	21467	Nguyễn Thị Thu Nguyễn		1996	Quảng Ngãi	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam			3						
3050	H	21468	Đoàn Anh Nguyễn		1980	Thừa Thiên Huế	Công ty CP đầu tư và đại lý Lan Hoàng Đức	5.5	3.5	5	2					
3051	H	21470	Nguyễn Huỳnh Hoàng Nguyễn		1995	Lạng Sơn	Công ty TNHH CJ Vina Agri	7		5	3					
3052	H	21471	Trần Thị Huệ Nguyễn		1985	TP HCM	Công ty TNHH CNA - HTH Việt Nam	6.5	5	7.5	4					
3053	K	21472	Huỳnh Thị Minh Nguyễn		1993	Phu Yên	Cm nhánh Công ty TNHH KPMG			3						
3054	H	21473	Nguyễn Thị Minh Nguyễn		1983	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Anh Quốc Số			5	1.5					
3055	H	21474	Nguyễn Thị Nguyễn		1989	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kế toán Kead Brock	8								
3056	H	21475	Lê Thị Nguyễn		1985	Hà Tĩnh	Trung tâm giao dịch nghề nghiệp tại vư Ngọc Đức									
3057	K	21477	Huỳnh Thu Nguyễn		1997	Bến Tre	Công ty TNHH PWC									
3058	K	21478	Phùng Tú Nguyễn		1998	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	6.5	3.5	4	2.5	6	3.5	4.5		
3059	H	21479	Lê Bạch Ngọc		1992	Là Vinh	Công ty TNHH Luật Quốc tế DPI		1.5	5	3					
3060	K	21480	Nguyễn Kỳ Nha	1982		Nam Định	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam		7	6	6		1.5	5.5		
3061	H	21482	Lê Thị Hoàng Nhã		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Insaks		5	7						
3062	K	21483	Hà Thị Thanh Nhàn		1995	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kế toán kiểm toán Tư Vấn Việt Nam				4	5.5	3.5			
3063	K	21484	Phạm Thị Thanh Nhàn		1992	Lên Giang	Công ty Dịch vụ Multilong Khu vực 2	6	7.5	4	3.5		6			
3064	H	21485	Phạm Thị Thanh Nhàn		1987	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tim Sen	5.5		6						
3065	H	21486	Lê Thị Nhàn		1993	Hà Nam	Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo ACC PRO			3	1.5					
3066	K	21487	Nguyễn Thị Nhàn		1997	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	8					7	7.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
3967	II	21488	Trương Thị Hồng Nhan		1988	Quảng Trị	Công ty CP Máy Sui Sơn 3			5	4.5						
3968	II	21489	Trương Đức Nhan	1992		Nam Định	Công ty TNHH Seawell Logistics Việt Nam	5	1	4	1						
3969	C	21490	Trần Hoàng Nhan	1993		Đông Tháp	Công ty TNHH VPP Thuận Long					7	3	1.5			
3970	II	21491	Nguyễn Huỳnh Nhân	1986		Bến Tre	Công ty TNHH Luật và kế toán Việt Mỹ - CN/PP Hồ Chí Minh	5	0.5	4	1.5						
3971	II	21492	Huỳnh Hòa Nhân	1997		Bến Tre	Công ty Cổ phần Tư Kinh Xây dựng Thương mại Đại Dũng			6	5						
3972	K	21493	Hoàng Lê Nhân	1996		Lạng Sơn								7.5			
3973	II	21494	Nguyễn Thị Nhân		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hoa Tươi	5.5	2	5.5	1						
3974	II	21495	Đoàn Thị Thu Nhân		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Acclune Corporate Services			3							
3975	K	21496	Trần Thuận Nhân		1997	Quảng Trị	Công ty TNHH Iedtronic Tools Việt Nam	4.5		7			2.5	6			
3976	II	21497	Bui Ngọc Tú Nhân	1978		Thiên Giang	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Kế Toán SACC	3	2.5	3.5							
3977	K	21498	Trương Công Nhật	1991		Bình Định	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Kế Toán SACC			4	5			4			
3978	II	21499	Phạm Võ Hồng Nhật		1995	Đông Tháp	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AIA										
3979	II	21500	Đỗ Minh Nhật	1999		Thừa Thiên Huế	Cy TNHH Ernst & Young Việt Nam	6	6.5	5.5	3.5						
3980	K	21501	Đỗ Minh Nhật	1994		TP HCM	Công ty CP Tập Đoàn Đào Ca		8			7		7			
3981	P	21502	Đỗ Nguyễn Minh Nhật	2002		Bình Thuận	Công ty TNHH P&C			4							
3982	II	21503	Mai Minh Nhật	1998		Quảng Trị	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời										
3983	K	21504	Trần Minh Nhật	1997		Kiên Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5	5.5	4	3.5		8				
3984	II	21505	Tư Quang Nhật	1986		Đông Tháp	Công ty Cổ phần XNK Y tế TP HCM	6	4	5	4						
3985	II	21506	Lê Thị Ái Nhu		1990	Quảng Trị	Công ty CP tư vấn kế toán AZ										
3986	II	21507	Nguyễn Thị Ái Nhu		1991	Bình Định	Công ty Cổ phần Pomax	5.5		4	2						
3987	C	21508	Huỳnh Thị Hà Nhu		1993	Quảng Ngãi	Công ty CP BDS Sơn Kùn					6	3.5	5.5			
3988	II	21509	Võ Thị Hiền Nhu		1985	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dukida			8	6						
3989	II	21510	Lê Thị Hiền Nhu		1994	Đông Tháp	Công ty TNHH The Support Việt Nam	6	4	3.5	5.5						
3990	II	21511	Đương Hoàng Nhi		1994	Thái Bình	Công ty TNHH Năng Lương và công nghệ Lanh Bạch Việt	7	3	5	3.5						
3991	K	21512	Lưu Thị Hồng Nhi		1993	Bình Định	Công ty TNHH Tư Vấn Phạm & Các Công Sự			6.5	4			7			
3992	II	21513	Ngô Thị Hồng Nhi		1990	Bình Định	Công ty TNHH thép không gỉ và hợp kim Quang Minh	6	4	6	2.5						
3993	II	21514	Nguyễn Thị Hồng Nhi		1997	Bình Định	Công ty CP Smart Tax										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
3994	K	21515	Nguyễn Trần Thị Lan Nhi		1996	Quảng Bình	Công ty Cổ Phần Tư Vấn Dashboard Asia	6,5		4	3					
3995	H	21516	Nguyễn Linh Nhi		1998	Cà Mau	Công ty TNHH Accdome Việt Nam			7						
3996	H	21517	Nguyễn Thị Mỹ Nhi		1987	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH San xuất First Solar Việt Nam	6	3,5	5	3,5					
3997	K	21518	Nguyễn Thị Ngọc Nhi		1987	Tiền Giang	Công ty Tân Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam JACCS									
3998	K	21519	Nguyễn Ngọc Phương Nhi		1998	TP HCM	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	8			5,5		3,5			
3999	K	21520	Nguyễn Phương Nhi		1998	Hà Phòng		7,5				8,5				
4000	K	21521	Kim Thị Thanh Nhi		1998	Trà Vinh	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Toàn Cầu	5,5	7	5,5	2,5	6,5	7	6		
4001	H	21522	Bùi Ngô Thảo Nhi		1994	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Deliverce Việt Nam									
4002	H	21523	Trần Thị Nhi		1995	Quảng Trị	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Phúc Long									
4003	H	21524	Nguyễn Thị Thuý Nhi		1987	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Becrow		3,5	5	3,5					
4004	C	21525	Lê Thị Y Nhi		1992	Bình Thuận	Công ty SGS Việt Nam Trách Nhiệm Hữu Hạn					7,5	5	7		
4005	H	21526	Nguyễn Thuý Y Nhi		1976	Bến Tre	Công ty TNHH Phú Vinh Cư	4,5		3,5						
4006	H	21527	Nguyễn Y Nhi		1996	An Giang	Công ty CP Bảo hiểm Phú Hưng			6						
4007	H	21528	Dương Yên Nhi		1994	Tha Bình	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Alpha	3,5	2	5	4					
4008	H	21529	Hoàng Yên Nhi		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH dịch vụ đầu tư và phát triển An Thịnh			6	6					
4009	K	21530	Lê Thị Yên Nhi		1997	Khánh Hòa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán và tư Vấn ACC tại Nha Trang	7	6				4	4		
4010	K	21531	Lê Thị Yên Nhi		1997	Bến Tre										
4011	K	21532	Lương Yên Nhi		1999	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán F-AC	5,5	8	3,5	5	7	6,5	7,5		
4012	K	21533	Phan Thị Yên Nhi		1998	TP HCM	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4		6	6	3	7,5		
4013	H	21534	Phan Thị Yên Nhi		1992	Tiền Giang	Công ty CP đầu tư giáo dục V1			5	4					
4014	H	21535	Thêu Thị Yên Nhi		1996	An Giang	Công ty TNHH Autocare Thuận Phát	5	0,5	6	3,5					
4015	K	21536	Trần Diệp Yên Nhi		1999	Cần Thơ	Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	5,5					7,5			
4016	H	21537	Trần Yên Nhi		1997	Bình Định	Công ty TNHH Anlin	9	6	6	4					
4017	H	21538	Trương Đình Yên Nhi		1997	Quảng Trị	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam									
4018	K	21539	Trương Hoàng Yên Nhi		1999	An Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5,5	1,5		3	4				
4019	K	21540	Vũ Thị Yên Nhi		1996	Tha Bình	Công ty TNHH Tong Garden Food Marketing Việt Nam		0,5	2				7		
4020	C	21541	Huỳnh Nhi		1991	Bình Định	Công ty Cổ Phần Phú Nam Hải									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTCN	Kiểm toán VDV BDCN	Phân tích HDT CNC	Ngại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4021	H	21542	Lê Thị Hồng Nhung		1989	Sóc Trăng	Công ty CP TM DV Hoàng Hà - Cần Thơ	6,5	4		2,5							
4022	H	21543	Ngô Thụy Ngọc Nhiêm		1991	TP HCM	Công ty Cổ phần Đầu tư Dynamic & Development											
4023	H	21544	Trương Ngọc An Nhiên		1990	Khánh Hòa	Công ty TNHH DV tư vấn và DT.T Trương桂		2	5,5	4							
4024	C	21545	Trần Yên Nhiên		1994	Đồng Tháp	Công ty TNHH Kiên Toàn AFC Việt Nam							6,5				
4025	H	21546	Mai Văn Như	1988		Kiên Giang	Công ty Cổ phần Đầu tư Thanh Thành Công		4,5	5	2,5							
4026	K	21547	Hồ Thị Hoà Nhon		1991	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiên Toàn Deloitte Việt Nam	5,5		5	6			7				
4027	K	21548	Nguyễn Thanh Nhon	1997		Bình Định	Công ty TNHH Kiên Toàn và Tư Vấn KSM Việt Nam	6					3	8				
4028	H	21549	Đỗ Thị Nhuận		1984	Quảng Trị	Công ty TNHH Anballu	4	4	6	2,5							
4029	P	21550	Đỗ Thanh Cẩm Nhung		1988	Bình Định	Công ty TNHH KPMG			6								
4030	H	21551	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		1984	Tiền Giang	Công ty TNHH Xăng dầu Tây Nam S.W.P	5	5,5	5,5								
4031	H	21552	Trần Thị Cẩm Nhung		1995	Khánh Hòa	Công ty TNHH Grandhyng Logistics	5	2,5	6								
4032	H	21553	Đặng Nguyễn Hạnh Nhung		1989	Tây Ninh	Công ty TNHH Dịch vụ Kế khai Thuế Huy Hoàng	6,5	6,5	5,5	1							
4033	H	21554	Nguyễn Hoàng Nhung		1992	Trà Vinh	Nhà khách Tỉnh ủy - UBND tỉnh			6								
4034	K	21555	Lê Thị Hồng Nhung		1995	Hải Phòng	Công ty TNHH PWC Việt Nam		4,5	6,5	3,5		3					
4035	H	21556	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1994	Tiền Giang	Công ty TNHH T&M Forwarding			6,5								
4036	K	21557	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1990	TP HCM	Công ty TNHH Skedulo Việt Nam	3	0,5	3,5	1		1,5					
4037	H	21559	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1978	Trà Vinh	Công ty TNHH Thương mại Lan Phương		5									
4038	P	21560	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1993		Công ty Cổ phần Masan MECA II rlc											
4039	H	21561	Phạm Hồng Nhung		1998	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kế toán Quốc Tế	4	0,5	1								
4040	K	21562	Trần Thị Hồng Nhung		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiên Toàn Deloitte Việt Nam	6,5	7,5		3,5	8	5					
4041	H	21563	Nguyễn Khanh Nhung		1990	Hưng Yên	Công ty TNHH TOKA	6		7	6,5							
4042	H	21564	Vương Thị Kim Nhung		1983	Nghe An	Công ty TNHH Xây dựng Dongsung Vina	6,5		6								
4043	H	21565	Đặng Thị Mỹ Nhung		1986	Bạc Liêu	Cty TNHH TM Đặc Hưng	8	6	5	4							
4044	H	21566	Đỗ Thị Mỹ Nhung		1992	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nova Consumer	5	6	7,5	4							
4045	K	21567	Lê Thị Mỹ Nhung		1997	Đồng Nai	Công ty TNHH Crove Việt Nam - Chi nhánh IPHCM	7	3,5			5,5	5,5	6,5				
4046	H	21568	Lê Trần Quỳnh Nhung		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam											
4047	H	21569	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kurosawa ACC	6,5	5	5,5	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNK	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4048	H	21570	Cao Thị Thanh Nhung		1990	Nam Định	Công ty CP SX SXN Vinahardware			6	3					
4049	H	21571	Nguyễn Thị Thanh Nhung		1993	Ninh Bình	Công ty TNHH dịch vụ thư không phá hủy Q 1 S	5.5	2	5	2.5					
4050	H	21572	Lê Thị Thuo Nhung		1989	Bến Tre	Công ty TNHH Blue Star Group									
4051	H	21573	Cao Thị Nhung		1987	Phu Yên	Công ty TNHH Kỹ Thuật Hợp Việt									
4052	H	21574	Đinh Thị Nhung		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam		3		2					
4053	H	21576	Nguyễn Trang Nhung		1984	Nghe An	Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng MC Hoàng Hương									
4054	K	21577	Ngô Thị Tuyết Nhung		1976	Bến Tre		6.5	0.5	5.5	2	7.5	1.5			
4055	C	21578	Ngô Thị Tuyết Nhung		1995	Kiên Giang	Công ty TNHH NIM Mega Market						2.5			
4056	H	21579	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		1997	Thanh Hóa	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	5			4					
4057	H	21580	Trần Thị Tuyết Nhung		1996	An Giang	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thuế Hình Luan									
4058	K	21581	Phạm Thị Lê Xuân Nhung		1998	Nam Định	Công ty Cổ Phần bột GIẢI LIX	6		6.5	4.5	6.5				
4059	H	21582	Nguyễn Yên Nhung		1985	Khánh Hòa	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Quốc tế Vieclaw									
4060	H	21583	Nguyễn Thị Bạch Như		1982	Hà Tĩnh	Công ty TNHH DV Cơ Khí MES 7									
4061	H	21584	Quang Thị Hoàn Như		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH E-Glacial - CN TP HCM	9		8						
4062	H	21585	Đặng Hồng Như		1996	Vĩnh Long	Chi nhánh Dezan Shira & Associates Limited Thành phố Hà Nội			6	3.5					
4063	H	21586	Đặng Thị Huyền Như		1996	Lạng An	Công ty Cổ phần Dầu òc Ngàn Hiệp	6	4	6.5	6					
4064	H	21587	Lê Thị Huyền Như		1999	Đông Tháp	Cty TNHH Kế toán Kim Thủy	7	4.5	6	6					
4065	K	21588	Nguyễn Thị Huyền Như		1999	Tiền Giang	Công ty TNHH Kiểm Toán Phương Đông	6	2.5	7	3.5					
4066	K	21589	Nguyễn Thị Huyền Như		1997	Lạng An	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		6	6.5	4					
4067	K	21590	Phạm Thị Huyền Như		1995	Đông Tháp	Công ty TNHH Hàng Kiểm Toán AASC	5		5			4	4.5		
4068	K	21591	Võ Thị Huyền Như		1996	TP HCM				4.5	2.5		3.5	8		
4069	H	21592	Võ Thị Huyền Như		1992	Tây Ninh	Công ty TNHH Biên Ngọc Hồ Trâm	5	3.5	7	4					
4070	H	21593	Bùi Thị Quỳnh Như		1991	Hà Nam	Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghệ Triệt 1m		2.5							
4071	H	21594	Bùi Vũ Quỳnh Như		1989	Quảng Ngãi	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí	5.5	6.5	6.5						
4072	H	21595	Đỗ Trần Quỳnh Như		1994	Ninh Thuận		6.5	2.5	7	3					
4073	K	21596	Huyền Thị Quỳnh Như		1993	Bến Tre	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán - Thanh Đình Gia và Tư Vấn Việt Nam tại TP HCM			7.5	7			5		
4074	K	21597	Lê Ngọc Quỳnh Như		1998	Đông Tháp	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	3.5			3		2			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDN	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4075	K	21598	Lê Quỳnh Như		1995	Bình Dương	Công Ty TNHH PWC			5		5.5	1.5	8		
4076	H	21599	Ngô Lê Quỳnh Như		1997	TP HCM	Công ty TNHH Prima TNC Việt Nam	5.5	0.5							
4077	K	21600	Ngô Thu Quỳnh Như		1990	Quảng Trị										
4078	H	21601	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Kurosawa ACC	5.5			1.5					
4079	K	21602	Nguyễn Quỳnh Như		1998	TP HCM	Công Ty TNHH PWC									
4080	H	21603	Nguyễn Quỳnh Như		1998	Bình Thuận	Công ty TNHH Kurosawa ACC	7								
4081	H	21604	Nguyễn Quỳnh Như		1996	Vĩnh Long	Chi nhánh Công ty TNHH Kunden Việt Nam		6	5.5	2					
4082	H	21605	Nguyễn Thu Quỳnh Như		1997	Hà Tĩnh		5	1.5	3.5	2					
4083	H	21606	Nguyễn Thu Quỳnh Như		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Tư vấn LS Việt Nam	5	5.5	6	3					
4084	K	21607	Trương Lê Quỳnh Như		1997	Bình Định	Công Ty TNHH Kiên Toàn Ernst & Young Việt Nam	4.5	1.5	5	5		1			
4085	K	21608	Đặng Thanh Như		1996	Khánh Hòa			5.5		3.5		2.5			
4086	K	21609	Nguyễn Ngọc Thảo Như		1997	Vĩnh Long	Công Ty Cổ Phần Aurat Wind Energy	8	4		7.5	6.5	8			
4087	H	21610	Song Thảo Như		1988	Trung Quốc	Công ty TNHH TM - DV - XNK An Tâm	4.5	4	5	1.5					
4088	H	21611	Nguyễn Thu Thủy Như		1987	TP HCM	Công ty TNHH Mazars Việt Nam			5.5						
4089	H	21612	Nguyễn Tuyết Như		1995	Bến Tre		6								
4090	H	21613	Trần Thi Nhung		1981	Bến Tre	Công ty TNHH Lotte Retail Việt Nam	3.5		4	2					
4091	K	21614	Nguyễn Minh Nhật	1990		Bình Định	Công Ty Cổ Phần HMT Đại Thành Phát	7	5	5	5	7.5	5.5	8		
4092	K	21615	Trần Minh Nhật	1996		Đông Tháp	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Doo Ca	5.5		5.5	4	7		5		
4093	C	21616	Mai Thanh Nhật	1983		Cà Mau	Công Ty TNHH Kiên Toàn DPK Việt Nam									
4094	H	21617	Huyền Thi Nhật		1988	Bình Định	Công ty TNHH công nghệ Hoàng Thiên Kim									
4095	H	21618	Lê Thi Tuyết Nì		1978	Quảng Ngãi	Công ty CP giao duc Thiên Thiện Kỵ Nguyễn			5	1.5					
4096	K	21619	Jay La Niel		1984	An Giang	Công Ty TNHH KIDO - Nha Be		5				2	5.5		
4097	K	21620	H Wei Nie		1999	Đắk Lắk	Công Ty TNHH Kiên Toàn và Tư Vấn ACC	7	5	6.5	5.5	7	5	6		
4098	H	21621	Nguyễn Thi Niêm		1990	Tiền Giang	Công ty TNHH Sản xuất First Solar Việt Nam	4	7	7	3					
4099	H	21622	Trinh Thi Hồng Ninh		1982	Nam Định			3.5		4					
4100	K	21623	Nguyễn Nben		1990	Hà Tĩnh	Ngân Hàng TMCP Nam A									
4101	K	21624	Trần Thu Ai Nữ		1998	Quảng Ngãi	Công Ty TNHH Tư Vấn và Kiểm Toán Hoàng Gia Việt Nam	6.5	4					4		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4102	H	21625	Võ Thị Thu Nữ		1993	Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Trương Gia			6.5	2						
4103	H	21626	Phạm Thị Nương		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần VNDICO	5			3						
4104	H	21627	Trần Thị Tuyết Nương		1986	Tiền Giang	Công ty TNHH Tư vấn - Dịch vụ Kế toán K&T	7	6	6	4						
4105	H	21628	Nguyễn Thị Hoàng Oanh		1986	Hải Giang	Công ty TNHH Thực phẩm Xuất khẩu Nam Hải			8	5						
4106	H	21629	Nguyễn Kiều Oanh		1995	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Tolly Việt Nam	7	8.5	5	4						
4107	K	21630	Phạm Thị Kiều Oanh		1995	Thái Bình		6		5	6	6			9		
4108	H	21631	Trần Thị Kiều Oanh		1985	Ngệ An		8	5.5	8	4						
4109	H	21632	Trần Thị Kiều Oanh		1992	Kiên Giang	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế Huy Hoàng		3.5		4						
4110	H	21633	Cao Thị Kim Oanh		1997	Quảng Bình	Công ty TNHH Spring Production	5			4.5						
4111	K	21634	Nguyễn Thị Kim Oanh		1987	Quảng Nam	Công Ty Cổ Phần Tư Vấn và Đại Tư Xây Dựng Phát Triển Quốc Tê Việt Nam		4	3.5					5		
4112	K	21635	Nguyễn Thị Kim Oanh		1997	Nam Định	Công Ty TNHH PWC										
4113	H	21636	Phạm Thị Kim Oanh		1994	Bình Định	Công ty TNHH xây dựng nội thất Thuận An	7.5									
4114	H	21637	Trần Thị Kim Oanh		1986	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Trang trí Nội thất Đa Sắc		2.5	5.5	3						
4115	H	21638	Hoàng Thị Ngọc Oanh		1988	Lam Đông	Công ty Cổ phần Vại lều Bao Hưng	3	2.5	5	1.5						
4116	H	21639	Vũ Thị Oanh		1991	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Dầu từ Nam Group										
4117	H	21640	Bùi Tuyết Oanh		1992	Đồng Tháp	Công ty TNHH Malloca Việt Nam		5.5	4	1						
4118	H	21641	Nguyễn Thị Châu Pha		1969	Ninh Thuận	Công ty Cổ phần Bao vệ Chuyên nghiệp Thương Gia			3.5							
4119	K	21642	Võ Bá Phấp		1994	Ngệ An	Công ty Cổ phần Dịch Vụ Applecare			5.5	6.5	4.5					
4120	H	21643	Lưu Lương Phấp		1995	Trung Quốc	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tạng Yú	7.5	3	3	5						
4121	C	21644	Trần Thị Phấp		1990	Quảng Ngãi	Công ty CP Chứng Khoan Thanh Công								7	3	
4122	K	21645	Ngô Hữu Phat		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam										
4123	H	21646	Huỳnh Tân Phat		1990	Bạc Liêu	Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên và sở kiến thiết Căn Thov		1.5	5	2						
4124	K	21647	Nguyễn Tân Phat		1999	TP HCM	Công ty TNHH PWC			2.5					8.5		
4125	K	21648	Vân Ngọc Tân Phat		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	8			4.5				7		
4126	K	21649	Nguyễn Thị Phat		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Royal Auto Japan	5	2.5	5.5	4	6			5	7	
4127	H	21650	Phạm Thị Phấn		1983	Bình Định	Tổng công ty Điện lực TP HCM	6		2							
4128	K	21651	Trình Đình Phong		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiểm Toán ĐFK Việt Nam		4.5						6		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VQL TCNC	Thước VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4129	K	21652	Dương Văn Hoàn Phụng	1998		Vĩnh Long	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C				2.5		0.5				
4130	K	21653	Phạm Hoài Phụng	1975		TP HCM	Công ty Cổ Phần Công Nghệ VIS	5			0.5		2				
4131	II	21654	Huỳnh Hoàng Phụng	1991		Ninh Bình			1	1.5	1.5						
4132	C	21655	Nguyễn Văn Hoàng Phụng	1986		Đồng Nai	Công ty TNHH Tuấn Sơn						1.5	3			
4133	II	21656	Nguyễn Nữ Minh Phụng		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Cai Lien	5.5			3.5						
4134	K	21657	Châu Nhật Phụng	1997		Bình Thuận	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Lực Việt - Chi nhánh tại TP HCM	7.5	6	5.5	4	4	3.5	2.5			
4135	K	21658	Lý Quốc Phụng	1995		TP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán T.T.O			4		5.5					
4136	P	21659	Trần Quý Phụng	1991		Quảng Trị	Chi nhánh Công ty TNHH Thuế và tư vấn KPMG			5							
4137	K	21660	Lưu Thanh Phụng	1996		Ninh Thuận	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		5	5			5				
4138	II	21661	Trương Cẩm Phôi		1998	Trung Quốc	Công ty TNHH Đại lý Thuế Tài chính Kế toán tư vấn Việt		4	8.5	2.5						
4139	K	21662	Bùi Đình Phú	1994		Bình Dương	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam		2.5	4	4	4	6	1	8		
4140	K	21663	Nguyễn Đức Phú	1980		Kiên Giang	Công ty CP Sài Gòn Phát Thành Ratings	3	3	3		6	3.5	8.5			
4141	K	21664	Trần Đức Phú	1997		Trung Quốc	Công ty TNHH PWC	4.5		5	4						
4142	II	21665	Quách桂 Phú	1992		Kiên Giang	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Vũ	6		7.5							
4143	II	21666	Huỳnh Tấn Kim Phú		1983	Quảng Ngãi											
4144	K	21667	Trần Quốc Phú	1996		Bà Rịa	Công ty TNHH Onpoint Việt Nam	5		5	3.5	5	2	7			
4145	II	21668	Bình Lăng Phú	1994		An Giang	Công ty TNHH Tư vấn K&C		3	6	3.5						
4146	P	21669	Lưu Thiên Phú	1987			Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ AIA			4							
4147	II	21670	Lê Hoàng Phúc	1994		TP HCM				6							
4148	II	21671	Lê Hoàng Phúc	1991		Quảng Nam	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Công 2			6							
4149	K	21672	Nguyễn Hoàng Phúc	1996		TP HCM	Công ty TNHH First & Young Việt Nam	5	5.5	5	5						
4150	II	21673	Lê Hoàng Phúc	1992		Quảng Nam	Công ty TNHH tư vấn Công Minh N1				7.5						
4151	II	21674	Nguyễn Dương Kim Phúc		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH MOZ Việt Nam	7		7.5							
4152	II	21675	Bùi Minh Phúc	1990		Tây Ninh	Ngân hàng M&P Sài Gòn Thương Tín	5.5	5	6.5	3						
4153	II	21676	Nguyễn Tấn Phúc	1991		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Phát			5.5	1.5						
4154	K	21677	Phạm Thanh Phúc		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH First & Young Việt Nam			7	7	8		8.5			
4155	K	21678	Nguyễn Thị Phúc		1994	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Thủy			5	4	6.5		7			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4156	H	21679	Phan Thị Phuc		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH TM & DV Kỹ thuật Nam Phát		6.5								
4157	K	21680	Phan Thị Phuc		1983	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH You Young Vina		4		5	5.5	4				
4158	H	21681	Nguyễn Lê Thien Phuc	1996		TP HCM	Công ty TNHH Kế toán LS Việt Nam		6	5	4						
4159	H	21682	Lê Trương Phuc	1994		Đông Tháp	Công ty TNHH Tupperware Việt Nam			5.5	6						
4160	K	21683	Nguyễn Văn Phuc	1994		An Giang	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC	7	4	6		7		3			
4161	K	21684	Châu Vinh Phuc	1998		Tiền Giang	Công ty TNHH Tư Vấn Thuế Deloitte Việt Nam			4	3.5						
4162	K	21685	Nguyễn Thị Hòa Phung		1996	Bắc Giang	Công ty TNHH Truyền Hình Cập Sengonjourist		7.5	7							
4163	H	21686	Lâm Thị Kim Phung		1997	TP HCM	Ngân hàng TNHH Indovina		2	3							
4164	K	21687	Nguyễn Kim Phung		1988	TP HCM	Công ty TNHH Accounting Office Clear Việt Nam	6	2	5.5	5						
4165	K	21688	Trần Thị Kim Phung		1987	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuẩn Việt										
4166	H	21689	Võ Minh Phung	1993		Bình Dương	Công ty TNHH Rheem Việt Nam										
4167	K	21690	Lê Thị Mỹ Phung		1994	Quảng Nam	Công ty TNHH Trung Tâm Kỹ Thuật Sunden Việt Nam		6.5	5.5	5.5						
4168	C	21691	Dương Ngân Phung		1997	Trung Quốc	Công ty TNHH A A C C						8				
4169	H	21692	Nguyễn Thị Hòa Phuc		1997	Quảng Nam	CN công ty TNHH tư vấn và đại lý Thuế Công Minh										
4170	H	21693	Nguyễn Hữu Phuc	1982		Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn CPA HCM	7	5	4	3.5						
4171	K	21694	Đặng Thị Minh Phuc		1994	TP HCM	CÔNG TY TNHH TOLL GLOBAL FORWARDING	7	4	4.5	2.5						
4172	K	21695	Phạm Thị Thanh Phuc		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán CPA	5.5	5	3.5	1.5	7	5.5	3.5			
4173	H	21696	Nguyễn Thị Phuc		1988	Quảng Ngãi	Công ty Liên doanh Vùng Tau Paradise		5	6.5	5						
4174	K	21697	Lưu Công Việt Phuc	1993		Quảng Nam	Công ty Cổ Phần Vacsun Việt Nam - Chi Nhánh TP Hồ Chí Minh	7			2.5		6				
4175	H	21698	Trần Thị Bích Phuong		1991	Hà Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam										
4176	H	21699	Nguyễn Công Phuong	1983		Bình Định	Công ty TNHH Delta-valley Bình Thuận										
4177	H	21700	Huỳnh Diễm Phuong		1989	Lầy Ninh	Công ty TNHH Trương Đại Thuận	8									
4178	K	21702	Lê Duy Phuong	1994		Thanh Hóa	Công ty TNHH DGW ASIA	7	1		3.5						
4179	H	21703	Lê Mai Duyệt Phuong	1984		Tiền Giang	Công ty TNHH Kiểm toán Thụy Chung			5.5							
4180	H	21704	Nguyễn Diễm Phuong	1991		TP HCM	Công ty TNHH MTV Vang bạc đa quy NHTMCP Công Thương Việt Nam - CN TP HCM		3	5	2						
4181	K	21705	Nguyễn Thị Hoàn Phuong		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm Toán T T O							5			
4182	C	21706	Lương Hoàn Phuong		1976	Vĩnh Long	Công ty Cổ Phần Thương Mại - Thực Phẩm An Tiên					4	5	6			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKCT QTCNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
4183	II	21707	Lê Hồng Phương		1972	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Itek International		3.5	5	2.5						
4184	II	21708	Lương Kiều Phương		1984	Cà Mau	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Fvc Sina										
4185	II	21709	Lê Thị Kim Phương		1984	Cần Thơ	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Ngọc nhai nhỏ			3.5							
4186	P	21710	Nguyễn Thị Lan Phương		1990	Nam Định	Công ty TNHH Forvis Mazars Viet Nam			5							
4187	K	21711	Nguyễn Thị Mai Phương		1998	Khánh Hòa	Công ty TNHH PMC					4					
4188	II	21712	Nguyễn Thị Mai Phương		1988	Nam Định	Công ty TNHH tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng Cam Ranh	6.5	5		2						
4189	K	21713	Phạm Đăng Mai Phương		1998	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiến trúc và tư vấn V&C		2	5.5	4	5.5	5.5		5		
4190	II	21714	Đoàn Minh Phương	1995		Thừa Thiên Huế	Công ty CP Hưng Thịnh hicon			5	5						
4191	II	21715	Lê Huỳnh Minh Phương		1989	TP HCM	Công ty CP Mohi Group	5	3.5	4	3.5						
4192	II	21716	Nguyễn Thị Minh Phương		1995	Hà Nam	Công ty TNHH Grant Thornton			5							
4193	II	21717	Võ Minh Phương		1993	Bắc Liêu	Công ty TNHH Nutria Viet Nam	6.5		5							
4194	II	21718	Đinh Thị Mỹ Phương		1997	Phu Yên	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hải Tron Xanh	5	0.5	4	1.5						
4195	K	21719	Hà Thị Mỹ Phương		1999	Liên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến trúc Delonte Viet Nam					7.5					
4196	II	21720	Huỳnh Mỹ Phương		1990	Trung Quốc	Công ty Cổ phần K&I địa cầu Hiệp V&AID	6		5							
4197	II	21721	Lê Thị Mỹ Phương		1990	Bình Thuận	Công ty TNHH IM DV đầu tư xây dựng Bảo Phát		2.5	5.5							
4198	K	21722	Lê Thị Ngọc Phương		1994	Nam Định	Hồng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP				3	5.5	5.5				
4199	K	21723	Lên Nữ Nhài Phương		1998	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiến trúc Delonte Viet Nam			7				7			
4200	II	21724	Liên Nhài Phương	1986		Liên Giang	Công ty TNHH Tư vấn Actas										
4201	K	21725	Liên Lê Quốc Phương		1994	Lạng An	Công ty TNHH Kiến trúc Loan Win Win			5	2.5	4.5			6		
4202	K	21726	Võ Thị Quốc Phương		1999	Liên Giang	Công ty TNHH Kiến trúc và tư vấn BSN Viet Nam		3	4	5				7.5		
4203	II	21727	Cao Lê Thanh Phương		1987	Đông Pháp	Công ty TNHH M O I Cosmetics	5.5	2	5.5	3						
4204	K	21728	Nguyễn Thanh Phương	1984		Bắc Ninh	Công ty Cổ phần Mac Lich			6	5.5				5		
4205	II	21729	Nguyễn Thanh Phương	1990		Vĩnh Long	Công ty TNHH Việt Nam Soda										
4206	II	21730	Nguyễn Thị Thanh Phương		1994	Bình Thuận	Công ty TNHH KNI			6	3.5						
4207	K	21731	Nguyễn Thảo Phương		1995	Bình Thuận	Công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam	7.5		7	4	7	7				
4208	K	21732	Hồ Thị Phương		1999	Quảng Trị	Công ty Cổ phần G&M Viet Nam	7	5	5	5	6	7.5	5			
4209	II	21733	Lê Thị Thu Phương		1991	Lạng An	Công ty TNHH Địa lý Thúc Minh Miền A 1 A	6									

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC		Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ	
											Tiếng Anh	Tiếng Trung					
4210	H	21734	Lê Thu Phương		1983	TP HCM	Công ty TNHH Hoa Lộc										
4211	K	21735	Lê Thu Phương		1997	Ninh Bình	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phú Nam										
4212	K	21736	Trần Thu Phương		1997	Ninh Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Thuế MOORE AISIC	5.5			6				4		
4213	C	21737	Hương Thu Phương		1994	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Begland						7		6	5	
4214	H	21738	Đào Lê Trúc Phương		1992	Phu Yên	Công ty Cổ phần Khuông sơn Việt Nam A Công	7	6.5	6.5	3.5						
4215	H	21739	Phạm Nguyễn Trúc Phương		1996	Bình Định	Công ty TNHH Alchemie Asia	6	7		2.5						
4216	P	21740	Trần Đặng Trúc Phương		1997	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Socola Marou										
4217	H	21741	Trần Thu Trúc Phương		1986	Bến Tre		5.5		7							
4218	K	21742	Đào Văn Phương		1997	Hưng Yên	Công ty TNHH PWC										
4219	K	21743	Đỗ Cao Phương		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		7					6			
4220	H	21744	Nguyễn Thu Anh Phương		1989	Bắc Giang	Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Độc lập		5	4							
4221	K	21745	Hương Thu Anh Phương		1995	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuyên Việt	5	3.5	4.5	4						
4222	H	21746	Lê Bạch Phương		1991	Hà Nam			5	7	5.5						
4223	H	21747	Phạm Thu Bạch Phương		1990	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Đạt Thuận Bắc Hưng Nam		7		5						
4224	C	21748	Vương Thu Bạch Phương		1989	Khánh Hòa	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam							6	6		
4225	K	21749	Quảng Hồng Phương		1996	Hưng Yên	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Thuế MOORE AISIC		5.5	5			5	5.5			
4226	C	21750	Huỳnh Lê Hồng Phương		1984	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư Vấn & Kiểm Toán Gia Cát										
4227	H	21751	Khưu Thu Hồng Phương		1997	Hà Vinh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt										
4228	H	21752	Bùi Thu Kim Phương		1990	Quảng Ngãi	Cty TNHH Kế toán và Thuế HETIP	6.5		8	6.5						
4229	H	21753	Lê Kim Phương		1980	Vĩnh Long	Công ty TNHH Thương mại K&P	4.5	5.5	5	4						
4230	C	21754	Lê Thu Kim Phương		1975	Vĩnh Long	Chi nhánh Công ty TNHH DV&T Đông Hưng Tân Cầu Thới							5	5		
4231	H	21755	Long Thu Kim Phương		1995	Ninh Bình	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Thuế - Chi nhánh Sài Gòn		5.5	6							
4232	H	21756	Nguyễn Thu Minh Phương		1983	Bến Tre	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán S&S		2.5								
4233	H	21757	Bùi Thu Ngọc Phương		1988	TP HCM	Công ty TNHH Dycksen Alliance	5.5	4	5	4						
4234	K	21758	Lê Ngọc Phương		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam		5	5	4	5.5		5.5			
4235	K	21759	Ngô Ngọc Phương		1992	Bình Dương	Công ty TNHH Tư Vấn ACC			5.5		6		6.5			
4236	K	21760	Hương Đào Ngọc Phương		1988	Ninh Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam			5	5.5	6.5		8.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4237	C	21761	Trần Thu Thanh Phương		1982	Bình Định	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bảo Bình Phương Anh						4			
4238	H	21762	Chu Thu Phương		1984	Hưng Yên	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mai Anh Việt Nam	5	3	6,5	3,5					
4239	H	21763	Hà Thu Phương		1986	Đức Thọ Huế	Công ty TNHH Đồ Nồi Nhựa Hoàng Minh	4,5	5,5	5,5	6					
4240	H	21764	Lê Thu Phương		1990	Đắk Lắk	Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hưng Mạnh Thăng - Cửa hàng sàng dầu Ngọc Lựu	5			3					
4241	H	21765	Nguyễn Thu Phương		1982	Hà Nội	Công ty TNHH MTV Thành viên Quốc Anh									
4242	K	21766	Nguyễn Thu Phương		1996	Đức Thọ Huế	Công ty TNHH Kiểm toán AGS		6		6	5	5	3,5		
4243	H	21767	Nguyễn Thu Phương		1985	Ninh Bình	Công ty TNHH Lee Kum Alliance Việt Nam		7	6,5	5,5					
4244	H	21768	Phạm Thu Phương		1989	Quảng Nam	Cty TNHH Tư vấn AKC		4,5							
4245	H	21769	Trần Thu Phương		1979	Bình Định	Công ty TNHH xây dựng Lưu minh Hiền			4	4					
4246	H	21770	Trần Thu Phương		1996	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Quy hoạch và Xây dựng QCP		1,5	4						
4247	H	21771	Nguyễn Thu Phương		1998	Bình Định	Công ty Cổ phần Anh Sơn Hòa Việt Mỹ			3						
4248	H	21772	Nguyễn Thu Phương		1983	Bắc Ninh	Công ty dịch vụ Mobilefone khu vực 9			4,5	2,5					
4249	K	21773	Phạm Nguyễn Thu Phương		1997	Đức Thọ Huế	Công ty Cổ Phần Lập Đoàn VAS Nghệ Sơn		3,5	2,5						
4250	H	21774	Lưu Đào Nhật Quang		1991	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Công nghệ DNG	6,5	8	5,5	5					
4251	K	21775	Nguyễn Phạm Quang		1984	TP HCM	Lông Công ty Vạn Lai Đào Khi					5		5,5		
4252	K	21776	Nguyễn Phước Quang		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm toán - Thành Định Gia và Tư Vấn Ecovis AF A Việt Nam	5	6	3,5	4			4,5		
4253	K	21777	Nguyễn Liên Quang		1998	Đức Thọ Huế	Công ty TNHH Kiểm toán - Thành Định Gia và Tư Vấn Ecovis AF A Việt Nam	7	6,5	6,5	5,5	6,5	3,5			
4254	H	21778	Nguyễn Văn Quang		1994	Nam Định	Công ty Cổ phần Xây dựng Đức Ca	4,5	4	5						
4255	K	21779	Lê Vĩnh Quang		1997	Trung Quốc	Công ty TNHH Kiểm toán Thúc Tư Văn Sài Gòn				3,5					
4256	K	21780	Nguyễn Nhật Quang		1989	Bình Định	Công ty TNHH Inspection									
4257	C	21781	Nguyễn Hồng Quân		1974	Hải Phòng	Công ty TNHH Dịch Vụ Kế Toán và Tư Vấn DHI					3,5				
4258	K	21782	Nguyễn Trung Quân		1995	Hưng Yên	Công ty TNHH Grant Thornton									
4259	K	21783	Trần Văn Quân		1994	Bình Định	Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC				6,5			6		
4260	K	21784	Trương Ngọc Quân		1993	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt			2,5			5	1		
4261	H	21785	Lê Nhuan Quân		1993	Trung Quốc	Công ty TNHH YI Topcentering Management		1,5	3						
4262	H	21786	Huỳnh Văn Quân		1990	Liên Giang	Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2	3,5	1,5	3,5	4					
4263	H	21787	Mai Ai Quốc		1981	Lạng Sơn	Công ty TNHH Chế biến nước chấm Mèkong	8	5,5	4	3					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4264	H	21788	Lê Bảo Quốc	1981		Kiên Giang	Công ty TNHH Phan Thanh Akurinh										
4265	K	21789	Dương Tân Quốc	1995		Tiền Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên Toàn BDO tại TPHCM			1	3						
4266	C	21790	Nguyễn Thị Bích Quy		1992	Phu Yên								1.5			
4267	K	21791	Nguyễn Thị Kim Quy		1991	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Mito Việt Nam	7	5		5	4		5.5			
4268	K	21792	Trương Kim Quy	1997		Quảng Ngãi			5.5		6.5						
4269	K	21793	Vũ Minh Quy	1995		TP HCM	Công ty TNHH Kiên Toàn AS	5	5.5			6					
4270	H	21794	Nguyễn Phú Quy	1997		Lầy Ninh	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn TPC										
4271	K	21795	Nguyễn Thị Quan Quy		1995	TP HCM	Công ty TNHH IDE Việt Nam			2.5							
4272	H	21796	Mai Thu Quy		1984	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần TCT	8			4						
4273	K	21797	Nguyễn Thị Quy		1992	Hà Nội	Công ty TNHH Kiên Toàn DFK Việt Nam			7.5	8	6.5					
4274	K	21798	Lê Trần Trọng Quy	1996		TP HCM	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam	5		5	5	7	1.5	5			
4275	H	21799	Trần Xuân Quy		1995	Bình Thuận	Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina										
4276	H	21801	Nguyễn Thị Hạnh Quyên		1981	TP HCM		6		4	2.5						
4277	H	21802	Nguyễn Hoàng Quyên		1998	Bình Định	Công ty TNHH KPMG	6.5	5		7.5						
4278	H	21803	Nguyễn Thị Kim Quyên		1994	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quốc tế IST Vina	7.5			4						
4279	H	21804	Đặng Thị Lệ Quyên		1993	Bình Định	Công ty Luật TNHH Riverview VNCY Consultants			5							
4280	K	21805	Nguyễn Trần Lệ Quyên		1987	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Trang Thiết Bị Y Tế PT	5.5	4.5		5			7			
4281	K	21806	Phạm Thị Mỹ Quyên		1998	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Hàng Kiên Toàn AASC	9	5.5	7.5	8.5	7	9	5.5			
4282	H	21807	Nguyễn Thị Ngọc Quyên		1993	Hà Nam	Công ty TNHH IM Hàng Nga Sài Gòn										
4283	K	21808	Phạm Ngọc Quyên		1995	Long An	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG										
4284	H	21809	Nguyễn Ngọc Phương Quyên		1997	Vĩnh Long	Công ty TNHH Netcompany Việt Nam	2.5	0.5	3.5							
4285	H	21810	Lê Thị Quyên		1990	Quảng Nam	Công ty Luật TNHH Thuận Minh										
4286	C	21811	Nguyễn Thị Quyên		1992	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư Vấn Road& Partner Việt Nam					7.5	7	6.5			
4287	H	21812	Phạm Thị Thu Quyên		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Crowe Việt Nam										
4288	K	21813	Nguyễn Hoàng Thụy Quyên		1999	Kiên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên Toàn và Tư Vấn ACC tại Cần Thơ	5				5.5	4.5	7			
4289	K	21814	Nguyễn Thị Thuý Quyên		1987	Tiền Giang		5.5		6	1		1.5				
4290	K	21815	Phạm Thị Tô Quyên		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kiên Toàn AS		2	3.5	3.5	4.5	4				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4291	II	21816	Đoàn Ngọc Tú Quỳnh		1995	Phu Yên	Công ty TNHH DV tư vấn và DL.T.Tư vấn Giá	5	3	6	6							
4292	K	21817	Phan Trần Minh Quyet	1997		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam			3	1.5	5.5	7			5		
4293	K	21818	Lê Thị Hương Quỳnh		1996	Bình Dương	Công ty Cổ Phần Sản Xuất Nhựa Duy Tân	5	4	5	5							
4294	II	21819	Tông Lương Quỳnh		1997	Ninh Bình	Tổng công ty Phát Điện 3			4								
4295	P	21820	Trần Khanh Quỳnh		1995		Công ty TNHH Interphd Việt Nam			5								
4296	II	21821	Dương Thị Lê Quỳnh		1998	Quảng Bình	Công ty Cổ phần Kết nối Nhân Tài	6	5.5	3.5								
4297	II	21822	Cao Thị Nhật Quỳnh		1999	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH JM			5	3							
4298	K	21823	Dương Ngọc Như Quỳnh		1991	Quảng Nam	Công ty TNHH Luvra Việt Nam			5.5	5							
4299	II	21824	Hồ Như Quỳnh		1998	Cà Mau	Cty TNHH Kiến toán & Tư vấn RSM Việt Nam		3.5		3							
4300	II	21825	Lê Thị Như Quỳnh		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Mescor VNM		2.5	5	3.5							
4301	II	21826	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh		1988	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Yên sao Nha Trang		3.5		4							
4302	K	21827	Phạm Thị Như Quỳnh		1995	Nam Định			8	5				6.5				
4303	II	21828	Trần Thị Như Quỳnh		1990	Hà Nam	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam	5		4								
4304	II	21829	Vân Thị Như Quỳnh		1997	Bình Định	Công ty TNHH công nghệ và giải pháp Omega	5		5.5								
4305	K	21830	Vũ Thị Như Quỳnh		1999	Ninh Bình	Công ty Cổ Phần Vacsun Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	4.5	5.5	3.5								
4306	K	21831	Lê Phương Quỳnh		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH PWC			1.5				8.5				
4307	K	21832	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh		1989	TP HCM	Công ty Cổ Phần Dầu Tự Toàn Việt	4	2.5	5	5	5	5	5	6			
4308	II	21833	Trần Thị Thanh Quỳnh		1979	Quảng Nam	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Phú Nhuận	3		0.5								
4309	II	21834	Hà Thị Quỳnh		1990	Thanh Hóa	Công ty TNHH VIA Việt Nam		3.5	4	4							
4310	II	21835	Hoàng Thị Quỳnh		1981	Nam Định			2	5								
4311	II	21836	Cao Thị Thụy Quỳnh		1990	Nam Định	Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp TOT Việt Nam	6.5		5	5.5							
4312	K	21837	Nguyễn Thị Thụy Quỳnh		1998	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC	4.5	3.5	3.5	2.5	3.5	2	5				
4313	K	21838	Lê Trúc Quỳnh		1997	Bình Thuận	Công ty TNHH Dịch Vụ Kiểm Toán và Tư vấn dịch vụ kế toán Bắc Đẩu		5.5	6.5				7				
4314	II	21839	Phan Thị Xuân Quỳnh		1985	Nghe An	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	5	3	5.5	3							
4315	II	21840	Đào Thị Râm		1982	Thái Bình	Trung tâm quan trắc môi trường Việt Nam		0	2								
4316	K	21841	Nguyễn Thị Phú Sa		1998	Bình Định	Công ty TNHH Tư Vấn và Kiểm Toán Hoàng Gia Việt Nam			5	3	5.5		3		3		
4317	II	21842	Mai Thị Sa		1999	Quảng Nam	Công ty TNHH Kế toán Vina	1.5	1	4	3.5							

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thước VOL TNC	Môn thi			Ngoại ngữ			Ghi chú	
				Nam	Nữ						Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Tiếng Anh		Tiếng Trung		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4318	II	21843	Hồ Đức Sang	1991		Bình Định	Công ty TNHH Travel hình cấp SaigonTourist	8.5	7.5	5	4							
4319	II	21844	Trần Thị Kim Sang		1992	Lý Ninh	Công ty TNHH Tư vấn & Kế toán Lạc Wm			5.5	2.5							
4320	P	21845	Nguyễn Thanh Sang	1981		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kiên toàn KMF			5								
4321	II	21846	Trần Võ Thành Sang	1996		Đà Nẵng	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam	4.5	1.5	5	3							
4322	K	21847	Trần Thành Sang	1992		An Giang	Công ty TNHH Kiên toàn Lan Việt - (thị trường tại TPHCM)	5.5	4	5	3.5	5	3					
4323	K	21848	Trương Văn Sang	1997		Phước Yên	Công ty TNHH Kiên toàn DFC Việt Nam			5	3			2				
4324	K	21849	Đỗ Xuân Sang	1980		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Premium Distribution	6.5	5.5	6	4			5				
4325	K	21850	Hoàng Quang Sang	1987		Ngũyễn An	Công ty TNHH Thương Mãi Dịch Vụ DTC											
4326	K	21851	Phạm Bảo Sơn		1996	Long Quốc	Công ty TNHH Tư Vấn SCS Global Việt Nam	5.5	5	5	3							
4327	II	21852	Huỳnh Thị Sơn		1994	Quảng Ngãi		6.5	7	7	5							
4328	II	21853	Lê Thị Sơn		1991	Lien Giang	Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh			4								
4329	K	21854	Đào Văn Sơn	1995		Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Kiên toàn VACO	4.5				6			5			
4330	K	21855	Nguyễn Thị Sơn		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương Kiên toàn và Tư Vấn ACD Việt Nam	6.5										
4331	K	21856	Đỗ Mai Silvia		1987	Thanh Hóa	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Hoaazz											
4332	II	21857	Nguyễn Thị Sơn		1986	Hà Nội	Công ty TNHH M.T.T Group	3	0	1	1							
4333	II	21858	Lê Thị Sơnb		1990	Bình Định	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Gm Bao											
4334	K	21859	Đinh Thị Thư Sơnb		1996	Hải Dương	Công ty Cổ Phần Đại Lan Việt		3	4.5								
4335	II	21860	Nguyễn Thị Soan		1991	Bắc Ninh	Công ty TNHH Cơ khí và Tư dụng hóa TC		4		3.5							
4336	K	21861	Ngô Duy Sơn	1995		Khánh Hòa	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Lai (Thích Kế toàn & Kiên toàn Phú Nam)			5.5	5.5			7.5				
4337	II	21862	Nguyễn Mai Sơn	1990		Thái Bình	Công ty TNHH Kiên toàn và Tư vấn Thúc Seclux											
4338	K	21863	Trần Nhân Sơn	1995		Nam Định	Công ty TNHH Wapro Consumer Care Việt Nam			8								
4339	II	21864	Nguyễn Ngọc Yên Sơn		1982	Bình Dương	Công ty Cổ phần DXP Software	6.5		5								
4340	II	21865	Hồ Mai Suong		1986	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH (huan Media	6	1.5		1							
4341	K	21866	Nguyễn Thị Ngọc Suong		1984	Lien Giang	Ngân Hàng TMCP V.Chau								7.5			
4342	K	21867	Bùi Thị Thảo Suong		1995	Quảng Ngãi	Công ty CP Phát triển Đất Việt	5.5	5		4	6			6.5			
4343	K	21868	Đinh Thị Thu Suong		1996	Bình Định	Công ty TNHH Kiên toàn AS		4.5	4	3	5.5	5					
4344	II	21869	Nguyễn Thị Thu Suong		1990	Lien Giang	Công ty TNHH City Clinic Việt Nam			5	3.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4445	II	21870	Trần Hoàng Sỹ	1991		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Max Thue Thuen Nga	6.5			3						
4446	II	21871	Nguyễn Phước Lai	1978		TP HCM	Công ty CP Thue Hoa Sen		5		1						
4447	II	21872	Nguyễn Tiến Tài	1975		Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Hoàng Nhân			5	5.5						
4448	II	21873	Nguyễn Thị Bà Lao		1984	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Lam Sen	4.5		4							
4449	K	21874	Lê Đức Lâm	1991		Hà Nội	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm Định Giá Asia Dragon	5.5		2		3.5					
4450	II	21875	Đoàn Thị Hoà Liên		1989	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Thanh Viên		3.5	5.5	2						
4451	K	21876	Võ Huệ Lâm		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KSM Việt Nam	5		5	5			5			
4452	II	21877	Hồ Thị Khuê Lâm		1995	Bình Định	Công ty TNHH BDDC Consulting Việt Nam	7.5	4								
4453	II	21878	Đinh Thụy Minh Lâm		1991	Hà Vinh	Công ty TNHH Teawong Global Logistics Việt Nam		7.5	5	8.5						
4454	II	21879	Đỗ Minh Lâm		1989	TP HCM	Công ty TNHH Kỹ thuật QCTD	6	7.5	7.5	2.5						
4455	II	21880	Lương Ngọc Lâm		1988	TP HCM	Công ty CP Tân Nhứt Khang										
4456	II	21881	Dương Phước Tâm	1989		Hà Dương	Công ty TNHH Phát triển Doanh nghiệp CTA	7.5	4.5	5.5							
4457	II	21882	Đỗ Thị Thanh Tâm		1986	Lông An	Công ty TNHH MTV Deep Công Danh										
4458	K	21883	Lê Thị Thanh Tâm		1991	Lông An	Công ty TNHH Kiểm toán Đại Lan	7		7							
4459	II	21884	Lê Thị Thanh Tâm		1988	Quảng Trị	Công ty TNHH Subsegment Viet Nam	7.5		5.5							
4460	II	21885	Hu Thị Thanh Liên		1983	Hà Vinh	Công ty TNHH MTV The Sun	5.5		3.5							
4461	II	21886	Lương Thị Thanh Tâm		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH Xây dựng 98SG										
4462	II	21887	Phạm Thanh Tâm	1996		Quảng Nam	Công ty TNHH Crowe Việt Nam	8	5.5								
4463	II	21888	Bùi Thị Lâm		1982	Bình Định	Công ty TNHH đào tạo và tư vấn Thax		5								
4464	II	21889	Lương Vĩnh Lâm	1990		Trang Quốc	Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo TQM Việt Nam	3.5		4	2						
4465	K	21890	Nguyễn Hữu Tân	1994		Hà Nội											
4466	II	21891	Trần Thị Minh Tâm	1994		Thừa Thiên Huế	Công ty Lai chính TNHH MTV Hone Credit Việt Nam										
4467	II	21892	Lê Huyền Nhài Lâm		1996	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Chợ Lọt			6.5	4						
4468	II	21893	Hồ Nhứt Tân	1998		Bến Tre		6		4.5							
4469	II	21894	Lưu Thanh Tân	1992		TP HCM	Công ty TNHH Đại lý thuốc Sui Gòn	4.5		6.5	3.5						
4470	II	21895	Ngô Nguyễn Thị Tân		1993	Bình Định	Công ty CP đầu tư và xây dựng Phước Khang	5.5	4	7							
4471	II	21896	Nguyễn Thuận Lan	1989		Hà Vinh	Công ty TNHH Tư vấn Thue Hưng Gia				7.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chánh VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4372	II	21897	Thái Văn Lân	1982		Sóc Trăng	Công ty TNHH MTV Xuân Lộc		1	3.5							
4373	II	21898	Bùi Kim Thạch	1992		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán L I O			3.5							
4374	II	21899	Đinh Văn Thạch	1990		Ninh Bình	Công ty Cổ phần Dầu tư Đất Xuân										
4375	K	21900	Nguyễn Văn Thu	1988		Nghe An	Công ty TNHH Tư Vấn Dầu tư - Lai Châu Kế toán Thuế - Kiểm toán COM P1			7		7		6			
4376	II	21901	Phạm Đình Thuận	1995		Hà Tĩnh	Công ty TNHH MTV Thương mại Trung Vũ				6.5						
4377	II	21902	Phạm Thị Châu Thanh			Bến Tre	Công ty TNHH Blue Star Group										
4378	K	21903	Phạm Chí Thanh	1990		Bến Tre	Công ty Cổ phần Khu Trung Việt Nam Tài IP HCM		2	3				6			
4379	II	21904	Nguyễn Hà Thanh			TP HCM	Công ty TNHH Accolme Việt Nam		5.5								
4380	K	21905	Lương Thị Hà Thanh			Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam										
4381	K	21906	Lê Nguyễn Hoàn Thanh			Quảng Trị			7		6	7	6	6	6		
4382	K	21907	Lê Thị Hoàn Thanh			Thanh Hóa	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	5	2	3	1.5	4	0	5			
4383	K	21908	Đặng Hồng Thanh	1992		Khánh Hòa	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán BDO tại TP HCM	6	6	6			4.5				
4384	K	21909	Nguyễn Hoàng Huyền Thanh			Hà Nội	Công ty Cổ phần Bình Việt Hoàn Mỹ Bình Phước		4	4		4	1				
4385	K	21910	Đoàn Ngọc Kim Thanh			Hà Nam	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S	8.5	9	7.5	6.5	6	7.5	8			
4386	II	21914	Hương Thị Mai Thanh			Nam Định	Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Thái Bình	7		5.5							
4387	II	21915	Đinh Thị Minh Thanh			Quảng Ngãi	Công ty TNHH tư vấn Quốc tế	7	5.5	3.5							
4388	II	21916	Hà Ngọc Thanh			TP HCM	Công ty CP đầu tư xây lắp 285		1.5	5	2						
4389	II	21917	Huỳnh Thị Ngọc Thanh			Quảng Nam	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Sao Vàng			5.5							
4390	K	21918	Lân Thị Ngọc Thanh			Nam Định	Công ty Cổ phần Nhựa Việt			6.5		6.5	7.5				
4391	K	21919	Đào Phương Thanh			Cà Mau		6.5		6.5	4		6.5				
4392	II	21920	Hồ Phương Thanh			Hải Dương	Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	5.5		6.5							
4393	II	21921	Khổng Phương Thanh			Bình Định	Công ty CP Easy Care	6.5	2.5	4	3						
4394	II	21922	Lê Thị Phương Thanh			Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Bra W Is tax Việt Nam	5.5	5								
4395	II	21923	Phạm Ngọc Phương Thanh			Bến Tre	Công ty TNHH E-Glocal - CN TP HCM	6.5	2	5							
4396	II	21924	Phạm Ngọc Phương Thanh			Bình Dương	Công ty Cổ phần Prodez1 ong An										
4397	II	21925	Lân Thị Phương Thanh			Thái Bình	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Khánh Long	6	5	5.5	6.5						
4398	II	21926	Lê Quốc Thanh			Long An	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ thuế Inter Tax			4							

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TKKT QFNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HĐT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4399	H	21927	Hứa Quốc Thanh	1979		Sóc Trăng	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duy Nhật	3	0.5	1	1.5					
4400	H	21928	Đặng Thị Thanh Thanh		1995	Quảng Ngãi			5.5	6.5						
4401	H	21929	Lê Thị Thanh Thanh		1996	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Thuận Bình	4	5.5	5						
4402	H	21930	Cao Thị Thanh		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH Thu Đạt				3.5					
4403	H	21931	Nguyễn Thị Thanh		1991	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Nền Thuận Việt			6	3					
4404	H	21932	Nguyễn Thị Thanh		1991	Bình Định	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn và Đầu tư Hành trình Doanh nghiệp Việt									
4405	K	21933	Lê Thị Thiên Thanh		1997	Bình Thuận	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S		8		7					
4406	K	21934	Đinh Văn Thanh		1988	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Greentech Global	3	5	6	4	4	3.5	5.5		
4407	K	21935	Nguyễn Văn Thanh		1997	Bình Phước	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		3	5.5	3.5		6			
4408	K	21936	Lê Thị Văn Thanh		1996	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học MOORE ANSC		5				6	6	7	
4409	H	21937	Nguyễn Thị Việt Thanh		1980	Bình Định	Công ty TNHH Cơ điện lạnh An Phát		3.5	7	2.5					
4410	K	21938	Nguyễn Hữu Thanh		1996	Hà Nội	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam									
4411	H	21939	Dương Kim Thanh		1995	Nghe An	Công ty CP chăn nuôi Phú Yên	6	7	5	5.5					
4412	H	21940	Nguyễn Kim Thanh		1991	Bình Dương					6					
4413	H	21941	Võ Minh Thanh		1989	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	5		6						
4414	K	21942	Huỳnh Nguyễn Ngọc Huỳnh		1992	Long An	Công ty Cổ Phần Phát Triển Hưng Hậu	5.5			2					
4415	H	21943	Trần Ngọc Thanh		1991	Quảng Trị	Công ty TNHH MTV Se Mỹ									
4416	K	21944	Nguyễn Nhật Thanh		1996	Đắk Nông										
4417	H	21945	Hoàng Thị Thanh		1989	Nghe An	Công ty TNHH Gò Phương Đông	3		3	3.5					
4418	H	21946	Nguyễn Thị Thanh		1987	Quảng Nam	Công ty TNHH đào tạo tư vấn thuế Sài Nam	4	0.5	5	1					
4419	K	21947	Trần Tiến Thanh		1998	An Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		1			3	0.5	5.5		
4420	H	21948	Bùi Nguyễn Trung Thanh		1988	Quảng Trị	Chu nhânh Công ty TNHH Kiểm toán BDO tại TP HCM			5.5	4					
4421	K	21949	Phu Tuấn Thanh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam							8.5		
4422	H	21950	Trần Văn Thanh		1993	Đà Nẵng	Công ty TNHH TM văn tại xây dựng Thiên Hoàng Phát									
4423	H	21951	Nguyễn Phước Thanh		1994	Cần Thơ	Cty TNHH Năng Lương Môi Trường FB	5.5	1.5		1.5					
4424	H	21952	Trần Văn Thanh		1988	Bình Định	Nghân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	7		6.5						
4425	K	21953	Lê Thị Đa Thảo		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH PWC			6.5				7.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
4426	H	21954	Nguyễn Thị Dạ Thảo		1982	Quảng Nam			6								
4427	K	21955	Lê Thị Kim Thảo		1992	Vĩnh Long	Công ty TNHH Hoàng Đại Vương										
4428	H	21956	Nguyễn Thị Kim Thảo		1978	Ninh Thuận	Công ty Cổ phần Chân muối Gia Cẩm Vietnam	4	1.5	5	2						
4429	H	21957	Nguyễn Trần Lan Thảo		1995	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn HHT										
4430	H	21958	Trần Ngọc Mai Thảo		1994	Tây Ninh	Công ty TNHH TM công nghệ Glinks	7.5	6.5	6.5	4						
4431	H	21959	Nguyễn Thị Minh Thảo		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Loan Phiest										
4432	K	21960	Vân Thị Minh Thảo		1988	Nghe An	Chi nhánh tại TP HCM - Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Việt Nam										
4433	K	21961	Nguyễn Thị Mỹ Thảo		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		2	5	5				7		
4434	H	21962	Lưu Ngân Thảo		1995	Quảng Trị		5.5	4.5	5	2.5						
4435	H	21963	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		1993	Quảng Trị	Công ty TNHH Đại Việt House	7	3	5	2.5						
4436	H	21964	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Vina Nam Phú			7							
4437	K	21965	Vân Ngọc Thảo		1995	Bà Rịa - Vũng Tau	Công ty TNHH Hwasung Vina		4		3	5	3.5				
4438	H	21966	Lê Nguyễn Thảo		1999	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty IMF Accounting Services Limited tại TP HCM	3.5	5	5	3.5						
4439	H	21967	Trần Linh Nguyễn Thảo		1989	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính - Kế toán Tru Minh	7	8.5	6.5	3.5						
4440	H	21968	Bùi Phương Thảo		1992	TP HCM	Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam										
4441	K	21969	Bùi Thị Phương Thảo		1999	Bình Định	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S					6			3.5		
4442	K	21970	Lê Phương Thảo		1981	Hà Nội	Công ty TNHH Sản Xuất Nhựa Sơn Quân			5							
4443	K	21971	Lê Thị Phương Thảo		1995	Nghe An		6	2.5	5	1.5			5			
4444	H	21972	Ngô Thị Phương Thảo		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Dịch Vụ Thuế & Kế Toán Việt An			7							
4445	K	21973	Nguyễn Phương Thảo		1995	Quảng Bình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6.5		7							
4446	H	21974	Nguyễn Thị Phương Thảo		1987	Bắc Ninh				5							
4447	H	21975	Nguyễn Thị Phương Thảo		1988	TP HCM											
4448	H	21976	Nguyễn Thị Phương Thảo		1995	Hà Nam	Công ty TNHH B Ginnu Power										
4449	H	21977	Nguyễn Thị Phương Thảo		1989	Quảng Nam	Cty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC	5.5	2.5	3	1.5						
4450	C	21978	Nguyễn Thị Phương Thảo		1993	Nghe An	Công ty TNHH Lim Sen										
4451	K	21979	Nguyễn Thị Phương Thảo		1996	Thái Bình	Công ty TNHH Đại lý Thuế H A T				5.5						
4452	K	21980	Phạm Phương Thảo		1998	Nam Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	6.5	2.5	5	5	7	7		6.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4453	H	21981	Phạm Thị Phương Thảo		1991	TP HCM	Công ty TNHH DVKT và thuế OPTIMUS											
4454	H	21982	Phạm Thị Phương Thảo		1993	Hà Tĩnh	Công ty TNHH NAC				2							
4455	H	21983	Phạm Thị Phương Thảo		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH TMLana			6								
4456	K	21984	Trần Phương Thảo		1995	Nam Định	Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính - Kế Toán Tru Minh	5.5		3								
4457	H	21985	Trần Phương Thảo		1994	Bình Định	CTCP thực phẩm và gia vị Khai Strella HCM	7		6.5								
4458	H	21986	Trần Thị Phương Thảo		1999	Lâm Đồng	Công ty TNHH Kế toán Sando Việt Nam	6	1.5	6	2.5							
4459	K	21987	Trương Phương Thảo		1997	Ninh Thuận	Công ty TNHH Kiểm Toán E-Jung	5.5	1	5	2	4.5						
4460	K	21988	Trương Thị Phương Thảo		1996	Lạng Sơn	Công ty Kế Toán - Kiểm Toán - Tư Vấn Việt Nam		2.5		2	5				4		
4461	H	21989	Lê Nguyễn Thảo Thảo		1999	Thái Bình	Công ty TNHH Bành ngọc CJ Việt Nam	4.5	4									
4462	H	21990	Trần Thị Thảo Thảo		1987	Quảng Ngãi	Công ty TNHH tư vấn KMC	6	2.5	5.5	1.5							
4463	H	21991	Bùi Thảo Thảo		1987	Hà Nội	Công ty CP lập đoàn Đại Xanh											
4464	H	21992	Nguyễn Thị Thảo Thảo		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH KPM Advisory	6	5.5	6.5	7.5							
4465	K	21993	Lê Thị Thảo Thảo		1999	Ninh Thuận	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5		6	3.5	7.5	5	7.5				
4466	H	21994	Lưu Thị Thảo Thảo		1995	Hải Dương			8		4							
4467	K	21995	Lý Thị Thảo Thảo		1997	TP HCM	Công ty TNHH Schindler VN						2.5					
4468	K	21996	Nguyễn Hoàng Thảo Thảo		1995	Cần Thơ	Chỉ nam châm Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt		3.5		2	6	6			7.5		
4469	C	21997	Nguyễn Thị Thảo Thảo		1990	TP HCM	Công ty TNHH The Support Việt Nam					6.5						
4470	K	21998	Nguyễn Thị Thảo Thảo		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		5.5		5.5	7.5	6					
4471	H	21999	Phạm Thị Thảo Thảo		1991	Thái Bình	Cty TNHH Tư vấn và Đại lý thuế ASA											
4472	H	22000	Trần Thảo Thảo	1994		Khánh Hòa	Công ty TNHH MTV Đầu tư DITA		3									
4473	H	22001	Trần Thị Thảo Thảo		1999	An Giang	Cty TNHH Ernst & Young Việt Nam			6.5								
4474	H	22002	Đinh Thị Thảo		1992	Hải Dương	Công ty TNHH VmaQS	6	4	4	2							
4475	H	22003	Đoàn Thị Thảo		1987	Quảng Ninh	Công ty TNHH KB Enterprise VN			5	5							
4476	H	22004	Hoàng Thị Thảo		1992	Ngũyễn An	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thanh Vinh				3.5							
4477	H	22005	Hồ Thị Thảo		1988	Ngũyễn An	Công ty Cổ phần Yên sao Bàn Mài	6.5										
4478	K	22006	Nguyễn Thị Thảo		1999	Bình Định	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán S&S	4.5	2	5.5	4	6.5	6	5				
4479	H	22007	Lê Thị Thảo		1993	Quảng Nam												

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật V&T VLDN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TCNC	Kế toán TK&T QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4480	H	22008	Lương Thị Thảo		1998	Đông Nai	Công ty TNHH Green Metal	6	5.5	3.5	2.5					
4481	H	22009	Bùi Thị Thảo		1994	An Giang	Công ty TNHH Kiên toàn T&K			5.5	5					
4482	H	22010	Lê Thị Thảo		1995	Bình Định	Công ty Cổ phần Charm Group									
4483	K	22011	Lê Thị Thảo		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Foxys Mazars Việt Nam	6.5	6.5		4	6.5	2.5			
4484	H	22012	Nguyễn Thị Thảo		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Annars Việt Nam	5.5	7	6	7					
4485	K	22013	Nguyễn Thị Thảo		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH C&F Việt Nam				3					
4486	H	22014	Nguyễn Thị Thảo		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phú Cường Thành	5		5.5	3					
4487	K	22015	Nguyễn Thị Thảo		1997	TP HCM	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam			4		3		6		
4488	K	22016	Phạm Thị Thảo		1993	Phu Yên	Công ty TNHH Hopos	6.5	0.5	4						
4489	H	22017	Trần Thị Thảo		1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty TNHH Lha									
4490	H	22018	Vũ Thị Thảo		1996	Đắk Lắk	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Ngân Tần									
4491	H	22019	Nguyễn Thị Xuân Thảo		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thực phẩm PK1									
4492	H	22020	Thần Thị Bích Thảo		1993	Bình Định	Công ty TNHH MTV SX TM Nấm Thuận Lợi	7.5	5	7	3.5					
4493	K	22021	Đỗ Thị Hồng Thảo		1991	Bình Định		5	0.5	6	5	3.5	1.5	3.5		
4494	H	22022	Nguyễn Thị Hồng Thảo		1989	Kiên Giang	Công ty Cổ phần Gryo Pacific	7		6						
4495	H	22023	Nguyễn Thị Hồng Thảo		1980	Bến Tre	DN/IN Đức Hòa		3		2					
4496	H	22024	Trần Thị Hồng Thảo		1986	Vĩnh Long	Công ty CP tư vấn xây dựng Cửu Long		5	7						
4497	H	22025	Trần Thị Hồng Thảo		1989	Bình Định	Công ty Cổ phần Desamurai Việt Nam	4.5	5							
4498	H	22026	Đường Thị Mỹ Thảo		1995	Vĩnh Long		7.5	4	5.5	2					
4499	H	22027	Hoành Thị Như Thảo		1988	Bến Tre	Công ty TNHH Blue Star Group									
4500	K	22028	Bùi Phương Thảo		1983	Đông Tháp	Công ty Cổ phần Lạc Việt	3.5	3		1	7	3			
4501	H	22029	Nguyễn Thị Thảo		1993	Nam Định	Công ty TNHH TMGroup	8			4.5					
4502	H	22030	Phạm Thị Thảo		1987	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Công nghệ Năng lượng VN	5.5	5	7	2					
4503	K	22031	Trần Thị Thảo		1995	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Khoa SSI				5.5	7		6		
4504	K	22032	Lê Thị Thảo		1993	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Phú Quốc Trần Thu									
4505	K	22033	Nguyễn Mạnh Thảo		1982	Hà Phòng	Công ty TNHH Kiên Toàn và Tư Vấn ACC	4		5	1.5	6	1	2.5		
4506	K	22034	Nguyễn Ngọc Thảo		1994	Kiên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH K&PVC		3	3	4	7.5	5	7.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
4507	II	22035	Nguyễn Hoàng Trọng Hùng	1986		Khánh Hòa	Công ty TNHH Thực phẩm Sakuma	5,5	3	3,5	2					
4508	II	22036	Võ Xuân Thắng	1985		Hà Tĩnh	Cty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PJSC ty	7,5								
4509	II	22037	Dương Thị Hồng Thắm		1986	Campuchia	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc桂									
4510	II	22038	Là Thị Hồng Thắm		1990	Hưng Yên	Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai	5	7	6,5	4					
4511	K	22039	Nguyễn Hoàng Thuận	1995		Lạng Sơn	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Mỹ	7		4		6				
4512	K	22040	Vân Diệu Đức		1998	Cà Mau	Công ty Cổ Phần Dầu lửa桂									
4513	K	22041	Hoàng Minh Đức	1996		Bình Dương	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam					4,5	0,5	6,5		
4514	K	22042	Châu Văn Đức	1997		Cà Mau	Cty TNHH Sài Gòn - Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc	5	4	6		7	5	4,5		
4515	II	22043	Cao Thị Thiên		1993	Nghe An	Cty TNHH Hàng kiểm toán và tư vấn AFD Việt Nam									
4516	K	22044	Nguyễn Dương Anh Thi		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH PWC									
4517	II	22045	Phạm Thị Anh Thi		1983	Lạng Sơn	Công ty TNHH IM - SX Pháo Hàng		7		4,5					
4518	II	22046	Nguyễn Thị Cẩm Thu		1990	Bến Tre	Công ty TNHH Chế biến Dầu Lương Quon	7,5		4	1					
4519	K	22047	Hoàng Thị Diễm Thi		1995	Thừa Thiên Huế				6,5	3			3,5		
4520	II	22048	Phùng Đình Thi	1983		Phu Thọ	Công ty liên doanh giữa Koppel I and và Phú Long				6,5					
4521	K	22049	Cao Thị Hoàng Thi		1996	Quảng Trị	Công ty Cổ Phần bột Giall TX		4	6,5	4					
4522	II	22050	Phạm Văn Thi	1995		Đông Thập		5,5	5	6,5	4					
4523	K	22051	Nguyễn Thi	1997		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hàng kiểm toán và tư vấn AFD Việt Nam		8		6,5					
4524	II	22052	Võ Cao Thiên	1993		Quảng Nam	Công ty TNHH Ajun Yuna		7,5		6,5					
4525	K	22053	Võ Huỳnh Thiên	1994		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán KMH		1,5		3		2,5			
4526	K	22054	Phạm Khắc Thiên	1999		Hà Nội	Công ty TNHH PWC			1,5				6,5		
4527	II	22055	Ngô Quang Mỹ Thiên		1984	Lạng Sơn	Công ty TNHH Stella Global Việt Nam									
4528	K	22056	Lưu Bà Thiên	1999		Quảng Ngãi	Cty TNHH Công ty TNHH Hàng kiểm toán VASC	7,5	6	6,5	3	5	5	6		
4529	K	22057	Nguyễn Đức Thiên	1999		Bình Định	Công ty Cổ Phần Mason Retail Management International	5	5,5	6,5	4					
4530	K	22058	Phạm Đức Thiên	1992		Nam Định	Công ty TNHH Lim Sen			6,5						
4531	K	22059	Nguyễn Trần Khả Thiên	1998		Ninh Thuận	Công ty TNHH Crowe Việt Nam - Chu nhân JPJ(CM)			6	5					
4532	K	22060	Đỗ Ngọc Thiên	1997		Bắc Ninh	Công ty Cổ Phần Dầu lửa桂	4				8		7		
4533	II	22061	Nguyễn Thị Ngọc Thiên		1996	Phu Yên	Công ty TNHH IN VUL Việt Nam	4	2,5	6,5	5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phần tính HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4514	H	22062	Nguyễn Thị Thuận		1988	Thái Bình	Công ty CP XNK Tân Định			4	3					
4515	H	22063	Nguyễn Văn Thuận	1988		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Tư vấn Đại lý Thuế Global Tax	5.5		5.5						
4516	K	22064	Nguyễn Đức Thịnh	1995		Bạc Liêu	Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm Toán và Tư vấn dịch vụ kế toán Bạc Liêu	5	4	4	5	6.5	3.5	6.5		
4517	H	22065	Phạm Hoài Thịnh		1996	Bình Dương	Công ty Cổ phần Cửa pháp hệ thống Long Vân	7	5.5	6	2.5					
4518	K	22066	Phạm Hoàng Thịnh	1996		Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5.5	6.5		3.5		6.5			
4519	K	22067	Nguyễn Quốc Thịnh	1970		Đà Nẵng	Công ty TNHH Núi Thái Mié Kông		6.5	6						
4540	K	22068	Vũ Thị Thịnh		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Bảo Hiểm Hanwha Life Việt Nam		8	6.5	5.5					
4541	K	22069	Đoàn Tiến Thịnh	1985		Hà Nam	Công ty TNHH IMDantree									
4542	H	22070	Nguyễn Lê Trí Thịnh		1996	Đông Sơn		5.5	0.5	5	2.5					
4543	K	22071	Nguyễn Văn Thịnh	1999		Bình Định	Công ty TNHH PWC							7		
4544	H	22072	Nguyễn Văn Thịnh	1994		Quảng Nam	Công ty TNHH CP Thương mại công nghệ GoViet	7	7	7	5					
4545	H	22073	Nguyễn Xuân Thịnh	1983		Đà Nẵng	Vina Construction Co., Ltd	4	6	6.5	6.5					
4546	H	22074	Trần Duy Thọ	1997		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Yasee Việt Nam									
4547	K	22075	Nguyễn Hữu Thọ	1996		Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư vấn RSM Việt Nam									
4548	H	22076	Nguyễn Thị Ngọc Thọ		1984	Quảng Nam	Công ty TNHH The Lux Agency VN	6.5	3.5		2.5					
4549	K	22077	Trần Văn Thọ	1985		Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Trí Tín									
4550	H	22078	Lê Thị Hồng Thoa		1986	Bình Định	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Điện Trần	5	5	7.5	3					
4551	K	22079	Huỳnh Thị Kim Thoa	1998		Long An	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch vụ MHD	5.5	4	7	5	7	6	7		
4552	H	22080	Nguyễn Thị Kim Thoa		1996	Bình Định	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Jung Lam Holdings	6.5	7							
4553	H	22081	Nguyễn Thị Kim Thoa		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Trí Thục Việt		2.5		2					
4554	H	22082	Trần Thị Kim Thoa		1987	Long An	Công ty TNHH Chế biến nước chấm Mekong	6		6						
4555	H	22083	Trần Thị Kim Thoa		1987	Bình Định	Công ty TNHH Kỹ thuật Bảo trì Trần Công Nghiêm			5.5	2.5					
4556	K	22084	Trương Nguyễn Ngọc Thoa		1985	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiểm Toán AID									
4557	H	22085	Nguyễn Thị Thoa	1980		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoa Sen Vàng	5.5	5.5	7	3.5					
4558	H	22086	Nguyễn Thị Thoa		1993	Ngũyễn An	Công ty CP TN E&C	5.5								
4559	K	22087	Trần Thị Thoa		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH KPM Auditing & Advisory		6				5			
4560	H	22088	Đinh Thị Kim Thoa		1986	Bình Định	Công ty CP đầu tư và xây dựng số 4 5	6.5		7.5	4					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh	Tiếng Trung	
4561	K	22089	Võ Minh Thoa	1998		Quảng Trị	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG	6	7.5	7.5	5.5	5.5	7	5		
4562	H	22090	Nguyễn Thị Thanh Hoa		1990	Đông Tháp			5	6.5						
4563	H	22091	Võ Thị Thuần		1987	Liên Giang	Cty TNHH Trade & Loan Bookkeeping	5	3.5		1.5					
4564	H	22092	Phạm Thị Hòa		1989	Thừa Thiên Huế										
4565	K	22093	Lê Bá Thùng	1988		Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán AVCS		5.5	6.5	5	8.5	5			
4566	K	22094	Nguyễn Minh Thông	1994		Lào Ninh	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam			6	3.5					
4567	H	22095	Nguyễn Minh Thông	1989		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần MS Lam	5	5	6.5	8					
4568	H	22096	Nguyễn Thị Minh Thông		1986	Khánh Hòa	Cty TNHH Trung Tâm Dục Thể Hình & Yoga California - CN Nha Trang		5		6.5					
4569	K	22097	Võ Nguyễn Thông	1998		Ninh Thuận	Công ty TNHH Hồ Sơ Doanh Nghiệp NT									
4570	H	22098	Liêu Quốc Thương	1997		Hải Giang	Công ty TNHH New Hope Vinh Long		1	5	1.5					
4571	K	22099	Võ Thị Hoàng Thư		1999	Nghệ An	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam	5.5	1	3				4		
4572	H	22101	Ngô Đăng Huỳnh Thư		1987	Đàng Thập		7		5.5						
4573	K	22102	Bach Thi Kim Thư		1994	Quảng Ngãi	ABBOTT Laboratories GmbH	6					6.5			
4574	H	22103	Lương Thị Thư		1996	Phu Yên	Cty TNHH Liên Hoa Group	6.5	3.5	6.5	3.5					
4575	H	22104	Nguyễn Thị Thư		1980	Bình Định	Công ty TNHH Tư Law Việt Nam	5.5	3	3.5	1					
4576	K	22105	Lê Thị Ý Thư		1990	Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán E-Jung	6	3	5.5	3.5	5.5	5.5	5.5	5	
4577	H	22106	Lưu Thị Thoa		1992	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Law chính JHJ		3.5		3.5					
4578	H	22107	Phạm Thị Mỹ Thơm		1992	Phu Yên	Công ty TNHH Chảo nướng Harpok	5	4	3.5	1.5					
4579	K	22108	Đoàn Thùy Ngọc Thơm		1984	Lạng An	Công ty TNHH Amphipool Technology Việt Nam					5	6.5	7		
4580	K	22109	Trinh Thị Thơm		1994	Nam Định	Công ty Cổ Phần Chung Khoan Thien Viet	6	7					8.5		
4581	H	22110	Ngô Thị Cẩm Thu		1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty TNHH Việt Hưng Group	3	5	8	3					
4582	H	22111	Nguyễn Thị Cẩm Thu		1998	Lạng An	Công ty TNHH Vina Nam Phú	5.5			7.5					
4583	K	22112	Nguyễn Thị Diễm Thu		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn BSM Việt Nam	5				5.5	2	6.5		
4584	H	22113	Ngô Thị Hoa Thu		1987	Bắc Giang	Công ty TNHH SX và TM Hưu Kim	3.5	2.5	6	2.5					
4585	K	22114	Phạm Thị Hoa Thu		1989	Ninh Bình	Công ty TNHH Dezan Shira & Công Sự Việt Nam	6.5		7.5			5			
4586	K	22115	Phạm Thị Hoa Thu		1989	Quảng Bình	Công ty TNHH GC Logistics Solutions			3						
4587	H	22116	Đinh Thị Hồng Thu		1982	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Anoch	7		2.5						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4588	H	22117	Nguyễn Thị Nhà Thu		1987	IP HCM	Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Nha Khoa Bảo Việt	4.5	0.5	5	1							
4589	K	22118	Đỗ Thị Thanh Thu		1994	Dòng Núi	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế Đông Dương	6.5	3.5	5.5	2.5	6	3	5				
4590	H	22119	Nguyễn Thị Thanh Thu		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Lee Ton Logistics											
4591	H	22120	Đinh Thị Thu		1987	Thái Bình	Công ty TNHH Đào tạo Thương mại và Dịch vụ xây dựng Thuận Hưng	5.5										
4592	H	22121	Hà Thị Thu		1995	Nghe An	Công ty Cổ phần Lập đoàn Đào tạo và Quản lý Giáo dục Văn Lang			7.5	5							
4593	H	22122	Nguyễn Thị Thu		1986	Thanh Hóa	Công ty TNHH Nồi thổi Mè không		1.5	5								
4594	H	22123	Phạm Thị Thu		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Methods Logistics			5.5	3.5							
4595	K	22124	Nguyễn Ngọc Việt Thu		1999	An Giang	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC		1.5	3.5	3	6						
4596	H	22125	Lê Xuân Thu		1981	Bắc Giang	Công ty CP Djarai											
4597	H	22126	Lương Thị Thuận		1982	Hưng Yên	Công ty Cổ phần Thương mại Đào tạo Hưng Vinh											
4598	H	22127	Lê Bích Thuận		1991	Khánh Hòa	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	5.5	5.5	9	5							
4599	H	22128	Lê Thụy Bích Thuận		1990	Khánh Hòa	Công ty TNHH BDS Long Lân											
4600	H	22129	Nguyễn Công Thuận	1992		Bình Dương	Công ty TNHH Kế toán & KI	4.5		5								
4601	H	22130	Nguyễn Phú Thuận	1993		Thái Bình	Công ty Cổ phần Lograns	3	1									
4602	H	22131	Cao Thị Thuận		1992	Nghe An	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học K.T.P	8.5	6	5	5.5							
4603	H	22132	Nguyễn Thị Thu Thuý		1988	Bình Định	Công ty TNHH Sumtex Việt Nam	6.5										
4604	H	22133	Bùi Thị Anh Thuý		1992	Hải Phòng	Công ty TNHH IM SX DY Thuận Lân	7.5		7.5								
4605	P	22134	Lê Thị Diễm Thuý		1989		Công ty Cổ phần Y tế H5			7								
4606	K	22135	Nguyễn Thị Kim Thuý		1998	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC	4.5	3.5		4	5		6				
4607	H	22136	Hà Thị Minh Thuý		1993	Nghe An	Công ty TNHH Bê Việt Nam	4.5	0.5	6	0.5							
4608	K	22137	Trần Thị Ngọc Thuý		1997	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Lập Đoàn Trung Thuý						2	3.5				
4609	K	22138	Phạm Nguyễn Thuý		1998	Đà Nẵng	Công ty TNHH Duckson Y ma				5							
4610	H	22139	Hoàng Lê Thuý Phương		1987	Lạc Ninh	Công ty Luật TNHH MIV Hoàng Bách			3.5	1.5							
4611	H	22140	Hoàng Thanh Thuý		1981	Long An	Công ty TNHH Xây dựng Kinh doanh Nhà Phước Lộc											
4612	K	22141	Cao Thị Thuý		1986	Hà Nam	Đầu tư kinh doanh số 5 - Công ty TNHH Kiểm toán Thuận Dương	6.5	3	7.5	2.5							
4613	H	22142	Ngô Thị Thuý		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Crowe Việt Nam											
4614	H	22143	Phạm Thị Thuý		1990	Bình Định	Công ty CP thương mại Dược Nam Hà	6.5		6.5	5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4615	K	22144	Liên Thu Thủy		1997	Nghe An	Công ty Cổ phần Lương Tộ Núi Nhàn Sơn		5	6,5	2,5	6	6,5			
4616	II	22145	Liên Thu Thủy		1993	Nam Định	Công ty TNHH VAC Sáo Gòn			6	4					
4617	II	22146	Vũ Thu Thủy		1986	Nam Định	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phúc Lộc	5,5	6,5	7	2					
4618	II	22147	Phạm Thu Thủy		1987	Quảng Nam	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Thuận Lợi	5	1	5	3,5					
4619	II	22148	Phạm Thu Thủy		1990	Nghe An	Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Lê Hoàng	4,5	2,5	5,5	1,5					
4620	II	22149	Lê Xuân Thủy		1984	Cà Mau	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoàng Hải - CN Cần Thơ	6	2,5	5	5					
4621	II	22150	Lê Thị Bích Thủy		1986	Cần Thơ	Công ty TNHH Autocare Thuận Phát			3,5						
4622	II	22151	Nguyễn Thị Bích Thủy		1984	Thanh Hóa	Hồng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	6,5								
4623	II	22152	Trương Thị Huyền Thủy		1998	Bình Thuận	Công ty TNHH Tư vấn Kosell & Partner Việt Nam			6						
4624	II	22153	Bùi Thị Lê Thủy		1990	Hải Phòng	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Nhữ Phát			7	1,5					
4625	II	22154	Đỗ Thị Thanh Thủy		1993	Thanh Hóa	Hồng công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	8			4					
4626	C	22155	Hồ Thị Thanh Thủy		1988	Nghe An	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam					5,5	6,5	6		
4627	II	22156	Lê Thị Thanh Thủy		1984	Nghe An	Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Doanh nghiệp Flux	5	2,5	5	3					
4628	K	22157	Lê Thị Thanh Thủy		1984	Quảng Ngãi			6		5	4	4,5			
4629	II	22158	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1987	Quảng Trị	Công ty TNHH Công nghiệp Wacoy Việt Nam	6,5	1	5	2,5					
4630	II	22159	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1985	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Giao hàng An Toàn	4,5		6,5						
4631	II	22160	Hoàng Thị Thủy		1991	Thanh Hóa	Công ty TNHH Leading Star Việt Nam	7,5	1,5	4	3					
4632	K	22161	Hồ Thị Thủy		1976	Ninh Thuận		5	7	6	4					
4633	II	22162	Hồ Thị Thủy		1999	Bình Định	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bàu Bùn Xanh	4	1	3	3					
4634	II	22163	Lê Thị Thủy		1990	Quảng Nam	Công ty TNHH SICO Việt Nam	6	5	5,5	2,5					
4635	II	22164	Nguyễn Thị Thủy		1981	Nghe An	Công ty CP kiến trúc Hòa Ngọc Viên Đông	5	1	6,5	2,5					
4636	II	22165	Nguyễn Thị Thủy		1985	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn thi công xây dựng Núi Nhàn Nam Cường			6,5						
4637	II	22166	Phạm Thị Thủy		1982	Hà Tĩnh	CN TNHH Tư vấn và Dịch vụ thuế ASA		3	7						
4638	K	22167	Cao Thị Thu Thủy		1998	Quảng Bình	Công ty TNHH Tư vấn - Kiến tạo SKS	8,5	6,5	5,5	3	7	6,5	5		
4639	K	22168	Cao Thu Thủy		1993	Tiền Giang	Công ty Cổ phần Năng lượng IRTX		7,5	5	1,5			6		
4640	II	22169	Bào Thị Thu Thủy		1997	Quảng Ninh	Công ty TNHH NN MTV TXI và XNK Vested - Thương mại phân phối									
4641	II	22170	Đỗ Thị Thu Thủy		1988	Bình Định	Công ty TNHH Sinh Hương	5	2	6,5	3,5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán		Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ		
											TKT QTNC	toán VDV BDNC			Tiếng Anh	Tiếng Trung	
4642	II	22171	Trương Thu Thủy		1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm nghiên cứu và Phát triển Năng lực Người khuyết tật			5.5	2						
4643	K	22172	Nguyễn Thu Thủy		1998	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiến tạo 1-2-3	6.5	6	6	5		4	5			
4644	K	22173	Nguyễn Thu Thủy		1994	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thực phẩm Vươn Nhà	4	4	5		6	2.5	6			
4645	II	22174	Nguyễn Thu Thủy		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH L. one Innovate Việt Nam	6.5	5	5							
4646	K	22175	Nguyễn Thu Thủy		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiến tạo - Thanh Đình Gia và Tư Vấn ECOVIS AFA Việt Nam							7.5			
4647	K	22176	Nguyễn Thu Thủy		1992	Bình Định	Công ty CP DL & XD Phúc Khang			5.5	2.5						
4648	II	22177	Nguyễn Thu Thủy		1993	Bình Định				5							
4649	II	22178	Nguyễn Thu Thủy		1984	Cần Thơ	Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Cần Thơ	3		2.5	1.5						
4650	K	22179	Trần Thu Thủy		1997	Nam Định	Công ty TNHH PWC										
4651	K	22180	Trương Thu Thủy		1999	Quảng Bình	Công ty TNHH PWC			5		5.5	4	9			
4652	II	22181	Lê Trương Xuân Thủy		1984	TP HCM	Công ty TNHH Dịch vụ 1 ở hành 1 m										
4653	K	22182	Ngô Thủy		1994	Gia Lai											
4654	K	22183	Trần Hồng Thủy		1998	Long An	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư Vấn RSM Việt Nam		3	5	3.5		3.5				
4655	II	22184	Đào Thu Cẩm Thủy		1998	An Giang	Công ty TNHH Tư vấn Việt & Partners		5.5	6.5	5						
4656	II	22185	Nguyễn Hồng Cẩm Thủy		1985	Tiền Giang	Công ty TNHH SX TM Dịch vụ HD - Mỹ Nam Nguyễn	5.5	1	6.5	2.5						
4657	C	22186	Phạm Thu Diễm Thủy		1992	Cà Mau						5	5.5	2.5			
4658	K	22187	Nguyễn Thu Diễm Thủy		1999	Hải Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến tạo và Tư Vấn AGC tại Cần Thơ	4		5	2.5	6.5	6	3.5			
4659	II	22188	Nguyễn Thu Diễm Thủy		1988	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần Lương thực Phương Nam		3	6							
4660	K	22189	Vũ Thu Diễm Thủy		1997	Hải Dương	Công ty TNHH PWC Việt Nam						0				Đánh chủ đầu tư các môn
4661	II	22190	Lê Thu Hồng Thủy		1994	Hưng Yên		6.5	6	5.5	2						
4662	C	22191	Ngô Đức Hồng Thủy		1977	Hưng Yên						5	5	6			
4663	II	22192	Phạm Nguyễn Minh Thủy		1998	Quảng Ngãi	Ngân hàng TNHH MTY Hong 1 công Việt Nam										
4664	II	22193	Ngô Thu Ngọc Thủy		1992	Bình Thuận	Công ty TNHH dịch vụ doanh nghiệp Bảo Tín										
4665	II	22194	Nguyễn Thu Ngọc Thủy		1994	Quảng Nam	Công ty CP Công nghệ Hhouzz										
4666	II	22195	Nguyễn Thu Ngọc Thủy		1991	Bình Thuận	Công ty TNHH ASI Vina	6	3	7	3						
4667	II	22196	Phạm Ngọc Thủy		1989	Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Kiến trúc Xây dựng và Thương mại An Decor	6	2.5	2	3.5						
4668	K	22197	Phạm Thu Ngọc Thủy		1994	Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư Vấn Jung II	5.5	2	3	1		3.5	3.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4669	H	22198	Hoàng Hồ Phương Thuy		1985	Thị trấn Huế	Công ty TNHH Khang Hi Engineering		3	5.5	6					
4670	H	22199	Phạm Ngọc Phương Thuy		1996	Nam Định	Công ty TNHH Y asset Viet Nam									
4671	H	22200	Phạm Phương Thuy		1996	Nghe An	Công ty TNHH Quan Ly Poine									
4672	C	22201	Lưu Thu Phương Thuy		1989	Hà Nam					6	8	2			
4673	H	22202	Bùi Thu Thanh Thuy		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hưng Phú Gia			2	1					
4674	H	22203	Đỗ Thu Thanh Thuy		1996	Thanh Hóa	Công ty TNHH Ngọc Việt Nam		4.5		4					
4675	H	22204	Nguyễn Thu Thanh Thuy		1986	Thái Bình	Công ty TNHH Thu X Đông Phương	6	6	5	4					
4676	K	22205	Nguyễn Thu Thanh Thuy		1992	Tây Ninh			7		6					
4677	H	22206	Võ Thu Thanh Thuy		1989	Bình Định	Công ty Cổ phần Công nghệ Lm				1					
4678	H	22207	Đỗ Thu Thuy		1988	Thanh Hóa	Công ty TNHH Xây dựng Phong cảnh Hoàng Diệp		2.5							
4679	H	22208	Lê Thu Thuy		1992	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Constantin Viet Nam	8.5		6						
4680	H	22209	Phạm Thu Thuy		1985	Nam Định	Công ty Cổ phần Vạn tại Thái Luân	5.5		5.5	3.5					
4681	K	22210	Đặng Thu Thu Thuy		1995	Thái Bình	Công ty TNHH Grove Viet Nam		2	6	3					
4682	H	22211	Trần Long Thuy	1990		Khánh Hòa	Công ty CP cơ khí và XD Bình Hòa			6.5	5					
4683	H	22212	Cao Thu Huyền		1989	Quảng Nam	Công ty TNHH VTA Viet Nam		2	6						
4684	H	22213	Nguyễn Thu Thuận		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH TM & DV Lan Minh An									
4685	C	22214	Đương Thu Thu Thuận		1991	Khánh Hòa	Công ty TNHH DH Accounting					6.5	7	5		
4686	C	22215	Đỗ Thu Anh Thuy		1984	Quảng Nam	Công ty TNHH Tư Vấn & Kiến Toán Gia Cai					3	3.5	4		
4687	K	22216	Hoàng Thu Anh Thuy		1994	Quảng Trị	Công ty Cổ Phần Công Miền Nam		6.5		5		6.5	5		
4688	H	22217	Huỳnh Anh Thuy		1994	An Giang	Công ty TNHH Samia Furniture			7.5						
4689	K	22218	Huỳnh Thu Anh Thuy		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiến Toán S&S	6.5	3.5	6.5	5.5	6	4.5	5		
4690	H	22219	Lê Anh Thuy		1998	Bình Định	Công ty TNHH Quan Ly Visa		2.5							
4691	K	22220	Lê Anh Thuy		1994	Cần Thơ	Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam			6.5	3					
4692	H	22221	Ngô Anh Thuy		1991	Bạc Liêu	Công ty TNHH Tư vấn Lai chính - Dịch vụ Kế toán Toán Cầu	6.5		7	5					
4693	H	22222	Nguyễn Anh Thuy		1998	Bình Dương	Công ty TNHH Tư vấn SCS Global Viet Nam	4.5								
4694	H	22223	Nguyễn Anh Thuy		1992	Thái Bình	Công ty TNHH Teaspo Viet Nam			5	3.5					
4695	K	22224	Nguyễn Hoàng Anh Thuy		1998	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiểm Toán và tư Vấn AAC		6.5	5	4.5		3.5	5.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4696	H	22225	Nguyễn Ngọc Anh Thư		1993	Kon Tum	CN công ty TNHH tư vấn và đào tạo Thuế Công Minh	6.5	6	5.5	8							
4697	H	22226	Nguyễn Thu Anh Thư		1998	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn SCS Global Việt Nam	2.5		3	3.5							
4698	K	22227	Nguyễn Thu Anh Thư		1993	Bình Thuận	Công ty Cổ phần Đầu tư Danh Khoa Holdings			5.5	2.5		2					
4699	K	22228	Phạm Anh Thư	1993		Nam Định	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4.5	3	5.5	4	5	5.5	6				
4700	K	22229	Trần Anh Thư		1998	Tra Vinh	Công ty TNHH Kiên Loan và tư Vấn A&C		4	4	2	5						
4701	H	22230	Trần Thu Anh Thư		1998	Bình Định	Công ty TNHH Âm thanh số Thiên Vũ			6.5	5.5							
4702	H	22231	Võ Thu Anh Thư		1991	Đông Tháp												
4703	H	22232	Nguyễn Thu Kiều Thư		1990	Đông Tháp	Công ty Cổ phần Ánh văn Hóa Việt Mỹ			2								
4704	K	22233	Nguyễn Thu Kim Thư		1998	Phu Yên	Công ty TNHH Lum Sen	4.5	5.5	6	3	6.5	7	6				
4705	H	22234	Nguyễn Hua Liên Thư		1982	Tra Vinh	Công ty TNHH Phát triển Đầu tư Goodway				6							
4706	H	22235	Lê Ngọc Minh Thư		1993	Bà Rịa - Vũng Lau	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam	6.5	6	4	2.5							
4707	H	22236	Ngô Thu Minh Thư		1997	Đông Nai		1	6.5	4	3							
4708	K	22237	Nguyễn Minh Thư		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiên Loan Thuế Tư Vấn Sài Gòn	5	6.5	6	5.5	4	0	6				
4709	H	22238	Nguyễn Minh Thư		1997	TP HCM	CN TNHH Tư vấn A&C	3.5		2.5								
4710	K	22239	Nguyễn Ngọc Minh Thư		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiên Loan Đầu Á Việt Nam	4.5	2	4	2	5	4.5	4				
4711	K	22240	Nguyễn Thu Minh Thư		1991	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiên Loan Sao Việt											
4712	K	22241	Phạm Thu Minh Thư		1995	Quảng Bình	Công ty TNHH PVC	5.5	5	5			4					
4713	K	22242	Trần Nguyễn Minh Thư		1996	Bình Dương	Công ty TNHH Kiên Loan T&E	5.5			3			5.5				
4714	H	22243	Trần Thu Minh Thư		1987	Liên Giang	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khoa Nguyễn	5	2.5	6	2.5							
4715	P	22244	Võ Minh Thư		1998		Công ty TNHH KPMG											
4716	K	22245	Võ Thu Minh Thư		1998	Liên Giang	Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động				3.5							
4717	K	22246	Võ Thị Ngọc Thư		1998	Đông Tháp	Chi nhánh Công ty TNHH Kiên Loan Deloitte Việt Nam		5		3		4.5	6				
4718	H	22247	Phạm Ngọc Phương Thư		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thép Việt		3	5								
4719	H	22248	Đoàn Thị Quỳnh Thư		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH STS Sen			5	6.5							
4720	K	22249	Hoàng Thị Thanh Thư		1994	Quảng Bình	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch Vụ Hàng Không Biên Đông	6	6	5.5								
4721	H	22250	Nguyễn Kim Thanh Thư		1993	Kiên Giang	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư Đầu óc No va	4.5		5	5							
4722	H	22251	Trần Thị Thanh Thư		1997	Hải Giang	CN TNHH CHTP XK Phương Đông											

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNK	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4723	II	22252	Ngô Thu Thư		1991	Hà Phòng	Công ty TNHH Thương mại Oryx	6	8	7.5	7						
4724	II	22253	Trần Thu Thư		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH 3W Logistics	4		5							
4725	II	22254	Nguyễn Hà Thiên Thư		1990	Vĩnh Long	Công ty TNHH MTV Đình Lâm	5.5	3.5	2.5	3						
4726	K	22255	Võ Thiên Thư		1998	TP HCM	Công ty TNHH PMC				3.5						
4727	II	22256	Nguyễn Thu Thúc		1989	Bình Định	Công ty TNHH Thương Thiện nhiên			5.5	4						
4728	II	22257	Nguyễn Văn Thúc	1980		Quảng Bình	Công ty TNHH BCTC	6.5	6.5	6.5	5.5						
4729	II	22258	Đặng Hoài Thương		1993	Lâm Đồng	Công ty TNHH Ernst & Young VN			7							
4730	II	22259	Lê Thu Hoài Thương		1996	Hà Tĩnh				4							
4731	II	22260	Lê Thu Hoài Thương		1999	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần YouNet	5.5	8.5	6.5	6.5						
4732	II	22261	Lê Thu Hoài Thương		1993	Thanh Hóa	Công ty TNHH Liên Kết Adam			6.5	5						
4733	K	22262	Nguyễn Hoài Thương		1994	Quảng Nam	Công ty CP Thép Trung Đông	5	4		3	7	5.5				
4734	K	22263	Nguyễn Thu Hoài Thương		1997	Nghe An	Công ty CP Dịch Vụ Tư Vấn và Đào Tạo L&H	5		6	5		5.5				
4735	II	22264	Ninh Thu Hoài Thương		1994	Nam Định	Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam			5							
4736	II	22265	Phạm Thu Hoài Thương		1995	Phu Yên	Công ty TNHH Forvis Mazars Việt Nam			5.5							
4737	K	22266	Trần Thu Hoài Thương		1999	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	6		6	4	5.5					
4738	II	22267	Trần Thu Hoài Thương		1990	Quảng Trị		5.5		6.5							
4739	K	22268	Trần Thu Hoài Thương		1996	Nam Định	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Luật - AICA		5.5		3	6.5					
4740	II	22269	Võ Thu Hoài Thương		1994	Quảng Nam		5.5		5							
4741	II	22270	Lâm Thu Ngọc Thương		1989	Bình Định	Công ty CP Bảo cao học Superdong - Kiên Giang		3.5	5.5							
4742	II	22271	Nguyễn Thanh Thương	1992		Bến Tre	Công ty TNHH SX TM DV hoạt chất Hưng Thuận										
4743	K	22272	Quách Thu Thanh Thương		1998	Thái Bình	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam		6.5	6	3						
4744	II	22273	Lê Thu Thương		1998	Quảng Ngãi	Công ty TNHH E-Gloval - Chi nhánh TP HCM	5.5	3	5	3						
4745	II	22274	Lê Thu Thương Thương		1982	Quảng Trị	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	5	2	6	3						
4746	K	22275	Đinh Văn Thương	1995		Quảng Nam					1		2		6		
4747	K	22276	Hiền Thu Diễm Thy		1998	Liên Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4	3.5	2.5		2.5				
4748	II	22277	Phạm Loan Diệu Thy		1987	Bình Định	Công ty CP thiết bị y tế Nam Trung		4.5								
4749	K	22278	Lê Thu Loan Thy		1996	Đồng Nai	Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam										

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4750	K	22279	Võ Lê Khánh Thy		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	4	5	4.5	3	6.5	6.5	8				
4751	K	22280	Nguyễn Kim Thy		1984	Àn Giang	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Reliv											
4752	K	22281	Đinh Thị Mai Thy		1991	Tây Ninh	Ngân Hàng TMCP A.Chi nhánh	3.5	7	5			7.5					
4753	K	22282	Phạm Thị Mạnh Thy		1988	Lưu Vĩnh												
4754	C	22283	Trần Thị Ai Liên		1990	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Dầu Lũy Và Phát Triển Bất Động Sản An Châu						6	7.5				
4755	K	22284	Lâm Cẩm Liên		1999	IP HCM	Công ty TNHH Huệ Long Thanh	5	2.5	3.5	5	5	6	7.5				
4756	K	22285	Ngô Thị Cẩm Liên		1998	Lũng An	Công ty TNHH Kiến Toàn Lũy Văn Múc Lũy			5	0.5		5	1.5				
4757	H	22286	Phạm Thị Cẩm Liên		1994	Àn Giang	Công ty CP bao vệ thực vật Phú Nông			6.5	6.5							
4758	K	22287	Mai Thị Quang Liên		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		4.5		4		5.5					
4759	H	22288	Võ Thị Hồng Liên		1986	Bình Định	Công ty Giải Kết Vũ	5.5	4	4.5	5							
4760	K	22289	Lê Thị Kiều Liên		1993	Bến Tre	Công ty TNHH Mardum Lifestyle Việt Nam		7.5	7.5			7					
4761	K	22290	Nguyễn Thị Kiều Liên		1992	IP HCM	Công ty Cổ Phần Du Lịch Thanh Bình											
4762	H	22291	Nguyễn Thị Mỹ Liên		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Kiến toàn Văn Múc				2.5							
4763	H	22292	Nguyễn Thị Ngọc Liên		1991	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế IOF	4	5	4	2							
4764	H	22293	Phạm Quỳnh Liên		1987	Đà Nẵng	Công ty TNHH Accounting Office Chua Việt Nam	6	3	4	4							
4765	H	22294	Phạm Thị Thủy Liên		1996	Quảng Trị	Cty TNHH In Bao Bì Toàn Phát			5								
4766	H	22295	Đỗ Thị Thủy Liên		1996	Nam Định	Công ty TNHH Accilene Corporate Services	1.5		2.5	2							
4767	K	22296	Đỗ Thủy Liên		1991	Đông Nai	Công ty Cổ Phần Buzzmetrics	6.5		6			6					
4768	H	22297	Nguyễn Huỳnh Thủy Liên		1999	Lũng An	Cty TNHH Kế toán Kim Thủy			5	3							
4769	H	22298	Nguyễn Thị Thủy Liên		1992	Bến Tre	Công ty TNHH Minso Viet Nam			7								
4770	H	22299	Nguyễn Thị Thủy Liên		1983	IP HCM	Công ty TNHH YSP Việt Nam				2.5							
4771	K	22300	Phạm Thủy Thủy Liên		1998	Bình Định	Công ty TNHH PVC					5.5						
4772	K	22301	Trần Thị Thủy Liên		1996	Vĩnh Long	Công ty TNHH Kiến Toàn và tư Vấn A&C	4.5	5	5.5	5	5.5	5.5					
4773	H	22302	Nguyễn Thủy Liễu Liên		1986	Nam Định		5.5	5	3.5	4							
4774	H	22303	Huỳnh Thị Vân Liên		1974	Quảng Nam	Công ty TNHH XNK Hân Lan			6.5	2.5							
4775	H	22304	Đỗ Thị Duy Liên		1997	Hà Nội	CN tại IPHCM - Công ty TNHH kiến toàn K.T.C	3	2	3								
4776	K	22305	Lâm Đình Liên		1995	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Kinh Doanh T.88	6		2.5	4	6						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4777	H	22306	Lê Hoàng Tiến	1989		An Giang	Công ty CP đầu tư xây dựng hạ tầng Hòa Bình										
4778	K	22307	Chau Minh Tiến	1996		Đông Tháp	Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang		3.5	5.5	1						
4779	H	22308	Phan Minh Tiến	1993		Tra Vinh	Công ty TNHH Kế toán và tư vấn Thuế Chiến Thuật	3.5	4	5	5						
4780	H	22309	Phan Quốc Tiến	1995		Lũng An	Công ty TNHH Bưumed Việt Nam	5	5	5	1.5						
4781	H	22310	Trinh Quốc Tiến	1996		Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital		4		5.5						
4782	H	22311	Đỗ Tân Tiến	1991		Bình Định	Công ty TNHH Phát triển Xanh Minh	4.5	1.5	4	2						
4783	H	22312	Nguyễn Văn Tiến	1990		Thanh Hóa	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Minh Thanh Phát										
4784	H	22313	Phạm Thị Tiến	1989		Phu Yên	Công ty TNHH XD Lê Thị			4	2.5						
4785	H	22314	Trần Hoàng Tiến		1991	Quảng Nam	Công ty TNHH đào tạo và tư vấn ACCA	6	4	6	2.5						
4786	K	22315	Trần Quốc Tiến	1999		Nam Định	Công ty TNHH PWC			2.5							
4787	K	22316	Nguyễn Thị Tiến	1997		Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC	4	2	3.5	3	6	2.5	2			
4788	K	22317	Bùi Trung Tiến	1992		Bình Định	Chi nhánh PNU Bươn Ma Thuật										
4789	K	22318	Trần Trung Tiến	1999		Vĩnh Long	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính Kế Toán & Kiểm toán Phú Nam			5.5	4	5	5.5	8			
4790	K	22319	Phạm Thị Thanh Linh		1997	Khánh Hòa	Công ty Cổ Phần Biot Giải Net										
4791	H	22320	Trương Thị Thanh Linh		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Trần Gia										
4792	H	22321	Nguyễn Thị Linh		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH dịch vụ đại lý Văn Chuyền			6.5							
4793	H	22322	Vũ Thị Linh		1988	Hà Nam	Công ty Cổ phần Cấp nước Cầu Ràng		5	3.5	3						
4794	K	22323	Nguyễn Văn Linh	1985		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm toán và Nhân Định桂 Asia Dragon		6	7							
4795	H	22324	Nguyễn Thị Linh		1982	Quảng Ngãi	Công ty TNHH AXI Accounting		2.5	4	2						
4796	H	22325	Võ Quốc Linh	1993		Cà Mau	Công ty TNHH Tiếp vận Dầu khí Việt Nam			4							
4797	K	22326	Đặng Đức Loan	1996		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đức Lập			4							
4798	H	22327	Nguyễn Minh Loan	1984		Cần Thơ	Công ty TNHH Phân bón Nhaph Agricare	5		3	1						
4799	K	22328	Trần Nghĩa Loan	1994		Đông Tháp	Công ty TNHH PVCO						2.5				
4800	K	22329	Nguyễn Ngọc Loan	1992		Liên Giang	Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt	7.5	5.5	7.5		6		6.5			
4801	C	22330	Nguyễn Ngọc Loan		1981	Tây Ninh	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Đại lý Thuế A&M										
4802	H	22331	Nguyễn Liên Loan	1992		Đông Tháp	Công ty TNHH Tiền tiền Việt Nam										
4803	K	22332	Đặng Loan Loan	1994		Bình Định	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam			4.5	2	5		6.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi						Ngoại ngữ		Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VQL TCNC	Thước VQL TCNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CMC	Tiếng Anh	Tiếng Trung	
4804	H	22333	Hà Việt Loan	1994		Khánh Hòa	Công ty TNHH Liên doanh Cai Phú Ninh Hòa	6.5			5.5					
4805	H	22334	Hoàng Xuân Loan	1992		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Crowe Việt Nam	4		5.5						
4806	H	22335	Trần Thanh Hà	1981		Tiền Giang	Công ty Cổ phần Hóa Học Khoa nghiệp Thông Thái Lợi	7	3.5	6						
4807	K	22336	Hoàng Thị Cẩm Tra			Quảng Nam	Công ty TNHH MATY Bạc Cùn	5	4	4.5	3					
4808	K	22337	Châu Thị Hương Trá			Nghe An	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn RSM Việt Nam									
4809	H	22338	Nguyễn Thanh Trá			Bình Định	Cty TNHH BK&D Ingenieer Việt Nam									
4810	K	22339	Phạm Thị Trá			Quảng Bình	Chi nhánh Công ty TNHH Kiem Loan Deloitte Việt Nam	8.5	7.5	7.5			8			
4811	K	22340	Nguyễn Trần Thên Trá			Khánh Hòa				5.5	3.5		4.5			
4812	H	22341	Nguyễn Thị Thu Trá			Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đào tạo Thuế Anh Minh			7	5					
4813	K	22342	Lê Thị Diễm Trang			An Giang	Công ty TNHH Kiem Loan và tư Vấn ACC	5	4	5	3.5				2	
4814	H	22343	Đặng Thị Đoàn Trang			Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Ks thiết Núi Thái Moon Decor	3.5	1	5	4					
4815	H	22344	Lê Thị Đoàn Trang			Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Zeech									
4816	H	22345	Nguyễn Hà Trang			Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Gổ An Cường	5.5		6	5					
4817	H	22346	Đặng Thị Huyền Trang			Nam Định	Công ty CP tư vấn thuế Sarlux									
4818	H	22347	Hoàng Thị Huyền Trang			Hưng Yên	Công ty TNHH Thiet bị Dạy Minh		3.5	5						
4819	K	22348	Lê Thị Huyền Trang			Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty TNHH Kiem Loan Vùng Tàu	4	6.5						4	
4820	H	22349	Nguyễn Thị Huyền Trang			Hà Tĩnh	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ Bixago			6.5						
4821	H	22350	Phạm Thị Huyền Trang			Nam Định	Công ty TNHH Saigoncom	3	0	2	2					
4822	K	22351	Phạm Thị Huyền Trang			Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem Loan AIC Việt Nam	6			3.5	5.5		4.5		
4823	K	22353	Hoàng Minh Hương Trang			Thanh Hóa	Công ty TNHH Wipro Consumer Care Việt Nam				5					
4824	H	22354	Lê Cao Khanh Trang			Quảng Nam	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Refresh			6	0.5					
4825	H	22355	Trần Thị Khanh Trang			Quảng Trị	Công ty TNHH Great Việt Nam		6.5							
4826	H	22356	Đặng Kiều Trang			Tiền Giang										
4827	H	22357	Nguyễn Lê Kim Trang			Quảng Nam	Công ty TNHH Crowe Việt Nam			5	4					
4828	K	22358	Đào Minh Trang			Quảng Bình	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn RSM Việt Nam		4	8			7.5			
4829	H	22359	Lương Thị Mây Trang			Hà Tĩnh	Công ty TNHH Trá	4.5		3						
4830	H	22360	Nguyễn Thị Mây Trang			Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Dược Phẩm P.P.L Lạng Châu	5	5	6	0.5					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú			
				Nam	Nữ			Pháp luật loạt VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ					
														Tiếng Anh	Tiếng Trung				
4831	H	22361	Dương Thị Minh Trang		1996	Thị xã Thuận Hải	Công ty TNHH Kế toán 365	6	3.5	6	5								
4832	H	22362	Dương Minh Trang		1997	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam			7.5	1								
4833	K	22363	Đinh Ngọc Minh Trang		1998	Hà Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	7	3.5	3	5	7	3						
4834	P	22364	Nguyễn Minh Trang		1987		Công ty TNHH Advance Intelligence Việt Nam			4.5									
4835	H	22365	Nguyễn Thị Minh Trang		1966	Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Thao Nguyễn	5	1.5	2.5	2								
4836	H	22366	Nguyễn Thị Minh Trang		1992	Nam Định		6.5	7.5	6									
4837	K	22367	Phạm Thị Minh Trang		1997	An Giang	Công ty CP Hưng Không Việtjet				4	4	4			5.5			
4838	H	22368	Võ Minh Trang		1991	Quảng Bình	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam			4	6								
4839	H	22369	Dương Mông Trang		1984	TP HCM	Công ty TNHH Viet Nam Sanho		1.5	6.5									
4840	H	22370	Đinh Thị Mỹ Trang		1998	Bến Tre	Công ty TNHH Blue Star Group	5											
4841	H	22371	Nguyễn Thị Mỹ Trang		1981	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dược phẩm An Khang		3.5		4								
4842	H	22372	Phạm Thị Nam Trang		1982	Ninh Bình	Công ty Cổ phần Tập Đoàn DAT	5	3.5	2	2.5								
4843	K	22373	Bur Thị Ngọc Trang		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam	4.5	3.5		6.5	5							
4844	H	22374	Doan Thị Ngọc Trang		1989	Quảng Nam					5.5								
4845	K	22375	Nguyễn Thị Phương Trang		1989	Quảng Ninh	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam		5.5	6.5	2.5		6		9				
4846	H	22376	Dương Thị Quyên Trang		1997	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kinh doanh Steel Việt Nam			4	4								
4847	H	22377	Cao Quỳnh Trang		1995	Nghe An	Công ty TNHH Grant Thornton		5.5		3								
4848	H	22378	Đầu Thị Quỳnh Trang		1985	Nghe An	Công ty TNHH Nồng Hậu		6.5	5.5									
4849	H	22379	Doan Nguyễn Quỳnh Trang		1997	Nam Định	Công ty TNHH Grant Thornton												
4850	H	22380	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		1987	Nghe An	Công ty Nhân định gia Đồng Núi												
4851	H	22381	Phạm Thị Thanh Trang		1991	Quảng Trị	Công ty TNHH Tesellaton Bình Dương	7	3.5	7	6								
4852	K	22382	Vũ Thị Thanh Trang		1999	Nam Định	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn ACC	4.5	6	5.5	3.5	7	3.5		7				
4853	H	22383	Nguyễn Lê Thảo Trang		1995	Bạc Liêu	Công ty TNHH Svnagie	5.5	2.5	4	2								
4854	H	22384	Dương Thị Trang		1991	Phu Yên	Công ty Cổ phần Việt Linh Anh			7.5	5								
4855	H	22385	Dương Thị Trang		1992	Thanh Hóa	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc Quý												
4856	H	22386	Hoàng Thị Trang		1999	Hải Dương	Công ty TNHH M & I Group	5.5	1.5	5.5	3.5								
4857	K	22387	Lê Thị Trang		1998	Hà Tĩnh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5	3.5		5		5		5				

STT	Đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngay ngày		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4858	H	22188	Lê Thị Trang		1985	Bình Định	Công ty TNHH TM sản xuất Thanh Tâm	5		3						
4859	H	22189	Nguyễn Thị Trang		1988	Quảng Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Tư vấn Tax & V Dành									
4860	H	22190	Nguyễn Thị Trang		1990	Nam Định	Công ty TNHH Kiến tạoan T & I									
4861	H	22191	Nguyễn Thị Trang		1990	Ninh Bình	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vinh Sơn									
4862	H	22192	Nguyễn Thị Trang		1993	Nghe An	Công ty TNHH Nissaho Precision Việt Nam			8.5						
4863	H	22193	Nguyễn Thị Trang		1992	Nghe An	Công ty TNHH Hiteco Văn phòng				6					
4864	H	22194	Phạm Thị Trang		1988	Ninh Bình	Công ty TNHH Seven Hills Trading	5.5	4.5							
4865	H	22195	Trần Thị Trang		1995	Bắc Ninh	C/CTP tư vấn & Dịch vụ thuế TPX									
4866	C	22196	Võ Thị Trang		1996	Nghe An	Công ty TNHH Dịch Vụ Phục Phấn và Giải Khát Việt Nam					6.5	2.5	5		
4867	H	22197	Vũ Thị Trang		1979	Nam Định	Công ty TNHH Best Logistics Technology									
4868	H	22198	Đỗ Thị Thiên Trang		1994	Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn Rosell & Partner Việt Nam	6.5	2.5		5.5					
4869	H	22199	Đinh Thị Thu Trang		1991	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán Châu A	5.5	0.5							
4870	K	22100	Hoàn Thị Thu Trang		1988	Quảng Nam	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Bình Minh	4	2	6.5	2.5	6.5	4	5		
4871	H	22101	Phạm Thị Thu Trang		1994	Hải Phòng	Công ty TNHH Kinh doanh Khách sạn Thu Hà									
4872	H	22102	Trần Thị Thu Trang		1989	Thanh Hóa	Công ty TNHH tư vấn thiết kế Kiến trúc và Xây dựng Cam Ranh		5		3.5					
4873	H	22103	Trương Thị Thu Trang		1988	Quảng Trị	Công ty TNHH Tư vấn ISN Việt Nam	6.5								
4874	H	22104	Bùi Thị Thu Trang		1992	Quảng Bình	Công ty Cổ phần Ngọcdew Đà Nẵng	6		6	5					
4875	H	22105	Bùi Thị Thu Trang		1978	Bình Định	Công ty TNHH Thương mại Bảo Bì Thu Dương	7	1.5	3	1					
4876	H	22106	Bùi Thị Thu Trang		1992	Bến Tre	Công ty TNHH Grant Thornton	3.5		4	2.5					
4877	H	22107	Đương Ngọc Thu Trang		1989	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Nam Phương Xanh	6		5.5	6.5					
4878	P	22108	Đặng Thị Thu Trang		1978	Tiền Giang	Công ty TNHH Sotiz Việt Nam			4						
4879	H	22109	Đinh Thị Thu Trang		1997	Đà Nẵng	Công ty TNHH Nam An Vinh									
4880	H	22110	Đỗ Thị Thu Trang		1979	Cần Thơ	Công ty Cổ phần Mây Tia Đỏ									
4881	H	22111	Hoàng Thị Thu Trang		1991	Nghe An	Cty TNHH ACE-VN									
4882	K	22112	Hồ Thị Thu Trang		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam				5.5	7	7			
4883	H	22113	Lê Thị Thu Trang		1991	Bình Định	Công ty TNHH Vinh Thiên Dương Cam Ranh			6						
4884	K	22114	Nguyễn Dung Thu Trang		1999	Bạc Liêu	Công ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán SKS	3				5		4.5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật V&T VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thước VOL TCNC	Kế toán T&CT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích H&T CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
4885	H	22415	Nguyễn Thị Thuý Trang		1988	Lũng An	Công ty TNHH Wama E-sphere Travel										
4886	H	22416	Nguyễn Thị Thuý Trang		1998	Hà Nội	Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Doanh nghiệp Hoàn Cầu										
4887	H	22417	Nguyễn Thị Thuý Trang		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Hades				6						
4888	H	22418	Nguyễn Thuý Trang		1993	Quảng Nam	Công ty TNHH Lab Group International Việt Nam										
4889	H	22419	Nguyễn Thuý Trang		1993	Già Lai	Cty TNHH Crimson Education			3.5							
4890	H	22420	Nguyễn Thuý Trang		1996	Tiền Giang	Công ty TNHH Điện tử DL G Aisen										
4891	H	22421	Nguyễn Thuý Trang		1997	Thanh Hóa	Công ty TNHH Việt Nam Chemical Logistics	5.5		6.5	3.5						
4892	H	22422	Trần Thị Thuý Trang		1986	TP HCM	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hiệp Thuận Thành		0.5	6.5	2						
4893	H	22423	Trần Thị Thuý Trang		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Accilme Corporate Services			5.5							
4894	K	22424	Trần Thị Thuý Trang		1993	Quảng Ngãi	Công ty Cổ Phần Tư Vấn và Giao Dịch Join & Partners			6.5	5			3	6.5		
4895	P	22425	Vô Thuý Trang		1997	Phước Yên	Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam										
4896	H	22426	Nguyễn Thị Thuý Trang		1986	Nam Định	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Hàn - CN HCM				6						
4897	H	22427	Trần Thị Thuý Trang		1989	Bình Định	Công ty Cổ phần Màu tơn xanh	5	3.5								
4898	H	22428	Đào Văn Trang		1992	Hà Nam	Công ty TNHH Grant Thornton			6.5	2						
4899	H	22429	Nguyễn Ngọc Xuân Trang		1989	Hải Dương	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hòa Điện	5			3						
4900	H	22430	Phạm Thị Xuân Trang		1988	Lâm Đồng	Chi nhánh Công ty Cổ phần YM Tribe										
4901	H	22432	Nguyễn Thị Ái Trâm		1991	Bình Định	Công ty TNHH đầu tư và phát triển bất động sản Cưng Long	4	3.5	6	1						
4902	P	22433	Nguyễn Bảo Trâm		2000	Phước Yên	Công ty TNHH P&C			6.5							
4903	H	22434	Nguyễn Đức Bảo Trâm		1995	Bà Rịa	Công ty Cổ phần Kết cấu thép ATLAD	5	4	5	5						
4904	K	22435	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Tư Vấn Kiểm Toán Hoàng Gia Việt Nam	4		7			4.5				
4905	K	22436	Phạm Thị Bảo Trâm		1999	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm Toán AS	5	3	7	3	7	5	6			
4906	H	22437	Lý Băng Trâm		1991	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn và hỗ trợ Doanh nghiệp In Việt										
4907	H	22438	Đặng Thị Bích Trâm		1982	Đông Tháp	Công ty TNHH Esme Qua Đẹp Việt Nam										
4908	H	22439	Lê Thị Bích Trâm		1987	Lũng An	Cty Cổ phần JB Food	4.5	1	2.5	1.5						
4909	H	22440	Lê Thị Bích Trâm		1990	Quảng Trị	Công ty TNHH MTV Zettler Việt Nam			7.5	6						
4910	H	22441	Ngô Thị Bích Trâm		1988	Phước Yên	Công ty CP Môi trường đô thị Phước Yên	8									
4911	H	22442	Nguyễn Bích Trâm		1993	Bình Dương	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán & Tư vấn pháp doanh nghiệp Deloitte Việt Nam	3.5									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngôn ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
4912	II	22443	Nguyễn Thị Bích Trâm		1989	Phu Yên	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam			5.5							
4913	C	22444	Trần Thị Bích Trâm		1978	Quảng Ngãi	Công ty TNHH TM và DV P/CN Minh Đạt					6.5	6.5		6.5		
4914	K	22445	Nguyễn Thị Đan Trâm		1996	Bình Dương	Công ty TNHH Kiểm Toán SG-VN	4	4	6.5	2.5				7		
4915	II	22446	Nguyễn Hoàn Trâm		1992	Bình Dương	Công ty TNHH Kiểm toán L&K			5							
4916	II	22447	Phạm Nguyễn Hồng Trâm		1990	Ninh Thuận	Công ty TNHH GNL			4	1						
4917	II	22448	Trần Huyền Trâm		1995	Bình Định	Công ty TNHH MTV Nguyễn Thụy		6	6.5							
4918	II	22449	Trần Thị Huyền Trâm		1984	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Xây dựng Nguyễn Gia			5	3.5						
4919	K	22450	Trần Thị Huyền Trâm		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kế Toán Kim Thủy		2.5		3.5	5	2.5				
4920	II	22451	Bùi Ngọc Trâm		1997	An Giang	Công ty TNHH Tư vấn Pama	6			4						
4921	II	22452	Cao Ngọc Trâm		1995	Lạng An	Société Pte Ltd	6	2.5	4	2						
4922	K	22453	Phạm Ngọc Trâm		1998	Bạc Liêu	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Lai Thành Loan Cầu	5		6.5	3.5	5.5	3.5		3		
4923	K	22454	Lê Thụy Phương Trâm		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc										
4924	II	22455	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm		1999	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Trương Gia			3	2						
4925	II	22456	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm		1982	Bình Thuận	Công ty TNHH Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Minh Tú	5.5	2		3.5						
4926	II	22457	Phạm Thị Quỳnh Trâm		1994	Quảng Ngãi	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Xây dựng Năng lượng Việt		5	5							
4927	K	22458	Phạm Thị Quỳnh Trâm		1997	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế Toán AAC				4						
4928	II	22460	Nguyễn Thị Thanh Trâm		1989	Phu Yên	Công ty TNHH Logistics Việt Nam	4		5							
4929	II	22461	Cao Thị Trâm		1994	Quảng Ngãi	Công ty CP TM Vạn Lương Minh	4		3.5							
4930	II	22462	Bào Hoàng Thụy Trâm		1994	Hà Nội	Công ty TNHH Axosora Pco - Solutions										
4931	K	22463	Nguyễn Trần Thụy Trâm		1999	Quảng Nam	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tin Đà Nẵng	6	3	5	3.5	5.5	3.5		6		
4932	II	22464	Bùi Thị Thụy Trâm		1992	Quảng Ngãi	Công ty TNHH AM Accounting										
4933	K	22466	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		1998	Bình Thuận	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC										
4934	K	22468	Bùi Ngọc Bảo Trâm		1994	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KMF	6	7.5		7		8.5		7		
4935	II	22469	Phạm Bảo Trâm		1995	Dòng Tháp	Công ty Cổ phần BFCI and	5	2.5	5	3.5						
4936	K	22470	Trần Thị Bảo Trâm		1997	Quảng Ngãi									4		
4937	K	22471	Trần Thị Bích Trâm		1991	Tiểu Vĩnh	Công ty TNHH BHI Việt Nam		5			7	6.5		8		
4938	K	22472	Bào Hữu Trâm		1994	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiểm toán T-Jung	6	5	5		5.5			5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4939	K	22473	Phan Đình Loan	1976		Vĩnh Long	Có nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt	5	2.5	5	2.5		3.5			
4940	K	22474	Loan Huệ Loan		1999	Bến Tre	Có nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	2.5		1	3	6.5	5			
4941	C	22475	Hồ Mai Huyền Loan		1992	TP HCM	Công ty TNHH Acclime Việt Nam									
4942	H	22476	Lương Thị Huyền Loan		1998	Phu Yên	Công ty TNHH Carback Việt Nam	5.5	3	4						
4943	H	22477	Nguyễn Thị Huyền Tiên		1993	Long An	Công ty TNHH PCA Tax Accountants		7	5						
4944	K	22478	Lương Huyền Loan		1999	Đông Tháp	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ACC									
4945	H	22479	Vũ Huyền Loan		1987	Thái Bình	Công ty CP Viện Phát triển Luật Đạo	5	2.5	5						
4946	H	22480	Hà Ngọc Loan		1992	TP HCM	Công ty TNHH Kế toán AGS		5	3.5						
4947	H	22481	Lương Nguyễn Quỳnh Loan		1977	Nam Định	Công ty TNHH Dịch Thuế Sao Sáng	4	3	3.5						
4948	H	22482	Nguyễn Tô Thảo Loan		1991	Quảng Ngãi	Liên hiệp Hợp tác và Thương mại TP HCM	6		3.5	3					
4949	C	22483	Vương Lu Loan		1992	Đông Nai	Công ty TNHH Kế Toán và Tư Vấn IPC					6	6		8.5	
4950	H	22484	Lê Duy Trí	1995		Trưng Quốc	Công ty Luật TNHH Immotex	3.5	4	6	0.5					
4951	K	22486	Lê Quang Minh Trí	1978		Hà Nội		5		5			2.5	0.5		
4952	H	22487	Trần Ngọc Minh Trí	1981		Ngũyễn An	Công ty TNHH MIV Loan Tin Dạng	4	1.5	3.5	2.5					
4953	P	22488	Lê Thị Trí		1996		Công ty TNHH SMT Việt Nam									
4954	H	22489	Lương桂 Trí	1996		TP HCM	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Sando VN		7.5							
4955	K	22490	Trần Ngọc Trúc	1993		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán NVA	5.5	6.5		3.5					
4956	H	22491	Lê Phước Loan Nữ Vũ Anh	1985		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Sai Gòn Thương Tín	5	2.5	4.5	3					
4957	K	22492	Nguyễn Thị Bích Trinh		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn ETL				2.5					
4958	H	22493	Lê Thị Diễm Trinh		1988	Lạc Ninh	Công ty TNHH Công nghiệp Nêu	7		1.5	2					
4959	H	22494	Nguyễn Ngọc Đoàn Trinh		1997	Long An	Công ty Cổ phần Đạo tạo Quốc tế Việt Mỹ T.C	5	4		4					
4960	K	22496	Vũ Bạch Đoàn Trinh		1999	Quảng Ngãi	Có nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán BDO tại TP HCM	5.5	3.5	5	3			6.5		
4961	H	22496	Đào Nữ Thị Kiều Trinh		1985	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dầu từ Nhoen An Lập Phát	5.5	2	2.5	1					
4962	H	22497	Nguyễn Thị Kiều Trinh		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Fusion One			5						
4963	H	22498	Nguyễn Thị Kim Trinh		1995	Đông Tháp	Công ty CP tư vấn & Dịch thuế IPM									
4964	K	22499	Trần Thái Mai Trinh		1999	Ninh Thuận	Công ty TNHH Kiểm Toán CPA		7.5		2.5		7	7		
4965	H	22500	Bùi Thị Mỹ Trinh		1986	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Xây dựng Dục Nguyên									

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
4966	II	22501	Đào Thị Mỹ Trinh		1994	Bình Định	Công ty Cổ phần Metub Việt Nam	3.5		5.5								
4967	II	22502	Phạm Thị Mỹ Trinh		1991	Lạng Sơn	Công ty TNHH Dương Vũ		4	3.5	2.5							
4968	II	22503	Trương Mỹ Trinh		1998	Trang Quốc	Công ty Cổ phần Đa nhân Việt Princess	4	3	5	0.5							
4969	K	22504	Võ Thị Mỹ Trinh		1996	Bình Định	Công ty TNHH Kế toán Kim Thủy	6				5.5	7.5	7.5				
4970	II	22505	Nguyễn Thị Ngọc Trinh		1995	Phu Thọ	Công ty CP giải pháp doanh giới Mega		6.5	5.5								
4971	K	22506	Nguyễn Thị Ngọc Trinh		1997	Bình Định	Công ty TNHH Kế toán & Tham Định Giá LNK		7.5									
4972	II	22507	Võ Thị Ngọc Trinh		1990	Khánh Hòa												
4973	K	22508	Nguyễn Thị Phương Trinh		1996	Ngũyễn An	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital	5.5	6	6	6			4				
4974	II	22509	Nguyễn Thị Phương Trinh		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kế toán & tham định giá LNK	8.5			6							
4975	K	22510	Vân Thị Phương Trinh		1997	Bình Định	Công ty TNHH Dịch Vụ kế toán và tư vấn dịch vụ kế toán Bậc Đỉnh			6	6							
4976	II	22511	Đinh Thị Trinh		1995	Quảng Bình	Công ty TNHH INDY XNK Phúc An Nguyễn		2	6								
4977	II	22512	Nguyễn Thị Trinh		1986	Quảng Ngãi		7		2.5	3.5							
4978	II	22513	Nguyễn Thị Thu Trinh		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kế toán Real Bruck		7	7								
4979	K	22514	Nguyễn Thị Thu Trinh		1997	Hải Dương	Công ty TNHH PNC	5	6	5	4	5		8				
4980	II	22515	Trần Thị Thuý Trinh		1994	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Pegal Holdings	4.5			2.5							
4981	II	22516	Đang Thị Tô Trinh		1993	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Truon thong và tng dung Công nghệ thông tin PHNC											
4982	K	22517	Đoan Thị Tu Trinh		1995	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Zeta Process Việt Nam		1	5								
4983	II	22518	Ngô Tu Trinh		1991	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Doanh nghiệp IT Iax											
4984	II	22519	Trần Tu Trinh		1989	Trung Quốc				5	5							
4985	K	22520	Võ Ngọc Tu Trinh		1997	Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty TNHH Kế toán Deloitte Việt Nam	5		5.5	5	6	6.5					
4986	II	22521	Võ Thị Tu Trinh		1991	Quảng Ngãi	Cty TNHH Annaplan Việt											
4987	II	22522	Võ Thị Tu Trinh		1995	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Đa Group Sagoela	4.5		5	3.5							
4988	K	22523	Lê Thị Tuyết Trinh		1996	Vĩnh Long	Công ty Cổ phần VNG		5		4	6	4					
4989	C	22524	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Thoi Bì Diên Thoi Thue					5	7.5	5				
4990	II	22525	Phạm Thị Tuyết Trinh		1993	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Dịch vụ và tư vấn Tax & y Dành				5							
4991	K	22526	Trần Thị Tuyết Trinh		1989	Bình Định	Công ty Cổ phần Khir Trung Việt Nam Tai TPICMI	7.5	5.5	7	2.5	4	5	5.5				
4992	II	22527	Trinh Tuyết Trinh		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Kế toán Vạn Win	3.5			3							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
4993	H	22528	Trương Thị Tuyết Trinh		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH tư vấn kế toán và thuế VTC	5.5	6	6	4					
4994	H	22529	Võ Ngọc Tuyết Trinh		1992	Bình Thuận	Công ty TNHH Việt Rạng Đông		0	3.5	2					
4995	H	22530	Lương Xảo Trinh		1981	Trung Quốc	Công ty TNHH đầu tư công nghệ nano Anan Việt Nam	4.5		5	4					
4996	K	22531	Nguyễn Đình Trọng	1998		Đông Nai	Công ty TNHH I-Glocal - Chi nhánh PHICM	5.5	5	3.5	3					
4997	K	22532	Trần Đức Trọng	1990		Hải Dương	Công ty Cổ Phần Siêu Quốc Tế LOF			5.5	4	6.5	2			
4998	K	22533	Phùng Gia Trọng	1998		Lạng An	Công ty TNHH PWC	4.5	5	4	3.5	6	6.5			
4999	H	22534	Nguyễn Thị Cẩm Trúc		1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty TNHH Kế toán Samdo Việt Nam	3.5	2	5	2					
5000	H	22535	Đặng Thị Thanh Trúc		1996	Liên Giang	Công ty TNHH I-Glocal				5					
5001	H	22536	Lê Thanh Trúc		1984	Kiên Giang	Công ty TNHH Tư vấn Shumai									
5002	H	22537	Lưu Thị Thanh Trúc		1984	Lạng An	Công ty CP KIG Energy		3.5	5.5	3					
5003	H	22538	Nguyễn Thanh Trúc		1988	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Thiên Bình Minh	2.5			1.5					
5004	H	22539	Nguyễn Thị Thanh Trúc		1989	Bình Định	Công ty Cổ phần Vantage Logistics	6.5		5.5						
5005	K	22540	Nguyễn Thị Thanh Trúc		1998	Liên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam			7.5						
5006	H	22541	Nguyễn Thị Thanh Trúc		1984	Bình Dương	Long công ty Công nghiệp Thúc phẩm Đông Nai		5.5		5.5					
5007	K	22542	Phạm Lê Thanh Trúc		1995	TP HCM	Công ty TNHH Kiểm Toán Deloitte Việt Nam	5.5	5		5.5	5	4.5	6		
5008	H	22543	Phạm Vương Thanh Trúc		1987	TP HCM	Công ty TNHH IM thiết bị nhà bếp RMS									
5009	K	22544	Phạm Thị Thanh Trúc		1989	Liên Giang	Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn và Giáo dục Lan Đức					1	0	5.5		
5010	H	22545	Phạm Thị Thanh Trúc		1997	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kế toán AGS	7.5	5	6	8					
5011	K	22546	Quang Thanh Trúc		1994	Bình Dương	Công ty TNHH SX IM Trung Chánh	5	0.5	4	4	6	1	3.5		
5012	H	22547	Tông Thị Thanh Trúc		1994	Hải Ninh	Công ty TNHH Bonfiglioli Việt Nam	7								
5013	H	22548	Võ Thị Thanh Trúc		1992	Liên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Giáo pháp Doanh nghiệp Deloitte Việt Nam	7.5								
5014	H	22549	Nguyễn Thị Trúc		1996	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Crimson Education		0.5	5						
5015	H	22550	Trinh Phan Thôn Trúc		1985	Quảng Ngãi	Công ty TNHH IM - DV Hồng Dương		6		3					
5016	H	22551	Nguyễn Châu Thủy Trúc		1998	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Shira và Hoa chất IPC Vina		5.5	5.5						
5017	K	22552	Nguyễn Đan Vinh Trúc	1992		Bến Tre	Công ty Cổ Phần Liên Doanh Kangaroo Quốc Tế			5.5						
5018	H	22553	Lâm Tuấn Bảo Trúc	1985		An Giang	Công ty CP đầu tư và dịch vụ Đất Xanh Miền Nam		9	5	6					
5019	K	22554	Nguyễn Đức Trung	1994		Phước Thọ	Công ty TNHH PWC Việt Nam	6		5	4	5	4			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			
5020	K	22555	Hồ Minh Trung	1999		Kinh Hoa	Công ty TNHH Kien Loan và Tư Vấn AKC		1	3.5		6	3	6				
5021	K	22556	Hồ Sỹ Minh Trung	1996		Nghe An	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam	7	8	6.5	5	6.5		8.5				
5022	K	22557	Hoàng Quốc Trung	1991		Hà Nam	Công ty Cổ Phần Lập Đoàn Bamboo Capital					7	6	3.5				
5023	K	22558	Nguyễn Thanh Trung	1992		Ninh Thuận	Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	8	5.5	6.5	3	6.5	7.5	4.5				
5024	K	22559	Vũ Im Trung	1998		Kien Giang	Chí Nhân PTICM - Công ty TNHH Kien Loan VACO	6	5	6	5	7	5	4				
5025	H	22560	Nguyễn Trung Đức	1999		Bình Dương	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN MR Phước											
5026	H	22561	Lưu Thị Hồng Trường		1989	Kinh Hoa	Công ty Cổ phần Mùa bán nước và Quản lý tài sản HD Bank											
5027	K	22562	Lê Quốc Trường	1992		Bình Định	Ngân Hàng TMCP Nam A		3	4								
5028	K	22563	Nguyễn Văn Trường	1992		Bạc Liêu	Công ty TNHH Frost & Young Việt Nam		3	6	4		3					
5029	K	22564	Phạm Văn Trường	1992		Hải Dương	Công ty TNHH Kien Loan và Tư Vấn Luật Thành Loan Cầu			4		5		3				
5030	K	22565	Trần Văn Trường	1993		Nghe An			3.5	7.5	7	7.5	6					
5031	K	22566	Phạm Xuân Trường	1986		Thái Bình	Công ty TNHH CAI Việt Nam	6.5	3.5	6.5	3.5	5.5	6.5	7.5				
5032	H	22567	Dương Thị Cẩm Tú	1991		Vĩnh Long	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Liên Trien			4	2							
5033	H	22568	Đoàn Thị Cẩm Tú	1975		Nam Định	Công ty TNHH Ke loan Plus Viet		0.5	5	0.5							
5034	K	22569	Lưu Thị Cẩm Tú	1997		Long An	Công ty TNHH PMC		2	3	3.5							
5035	K	22571	Lưu Thị Cẩm Tú	1992		Liên Giang	Công ty Cổ Phần Acecook Việt Nam		4	7.5	3							
5036	H	22572	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1984		An Giang	Công ty TNHH thương mại dịch vụ đầu tư Loan Phát	4.5			4							
5037	H	22573	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1998		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Lectronic Foods Việt Nam		5									
5038	K	22574	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1997		Hà Tĩnh	Công ty TNHH Kien Loan CPA			6								
5039	H	22575	Trần Thị Cẩm Tú	1985		Kinh Hoa	CPV TNHH Dac Chung TILC	7.5	2	2.5	2							
5040	H	22576	Võ Thị Cẩm Tú	1988		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Legumark International	7.5			3							
5041	H	22577	Nguyễn Hoàng Tú	1997		TP HCM	Công ty TNHH Grant Thornton											
5042	H	22578	Võ Hoàng Tú	1988		Long An	Công ty TNHH Thương mại Văn tại Minh An											
5043	K	22579	Nguyễn Thị Kim Tú	1997		Phu Yên	Công ty TNHH Đinh Dương FA	7.5	3.5	5	4	7	3.5	7				
5044	K	22580	Trần Minh Tú	1998		TP HCM	Công ty TNHH Công Nghệ An Phú			4			5.5					
5045	K	22581	Nguyễn Thị Ngọc Tú	1996		Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Kien Loan Dac A Việt Nam	6.5	1.5	6.5	3.5	5.5	5	2.5				
5046	H	22582	Hồ Thanh Tú	1995		Thừa Thiên Huế		4.5		3.5	2.5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VQL TCNC	Thuế VQL TNC	Kế toán		Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
											TKRT QTNC				Tiếng Anh	Tiếng Trung		
9047	K	22583	Nguyễn Thanh Tú	1993		Thanh Hóa	Công ty TNHH Đại Học RNHT Việt Nam					7.5	3.5					
9048	K	22584	Phạm Thu Thanh Tú		1996	Lũng An	Công ty TNHH Kiến Loan và tư Vấn AKC											
9049	K	22585	Phạm Thanh Tú		1983	TP HCM	Công ty TNHH INXDV Thiết Bị Hùng Thịnh Phát		6				5					
9050	II	22586	Lê Nguyễn Anh Tuấn	1992		Bến Tre	Công ty TNHH MTV Vạn An Quảng Danh	5		7								
9051	K	22587	Nguyễn Anh Tuấn	1984		Lũng An	Công ty TNHH Kiến Loan và Tư Vấn AKC	7	2.5	5.5	3	5	3	6				
9052	K	22588	Nguyễn Công Tuấn	1994		Nam Định	Công ty TNHH PNC	2.5	5		3		2					
9053	II	22589	Lê Nguyễn Hoàng Tuấn	1996		Đông Tháp	Công ty Cổ phần M&S Education	7	7	6.5	3.5							
9054	K	22590	Tuân Hoàng Hoàng Tuấn	1993		Bạc Liêu		3.5	5.5	2	1.5	5.5	1	8				
9055	C	22591	Đoàn Minh Tuấn	1975		Nam Định	Chi nhánh Công ty TNHH DV&I Đông Hưng Thuận Cầu Thơ						3.5	5				
9056	II	22592	Đỗ Minh Tuấn	1981		Bình Dương	Công ty TNHH Thuận Phú Mới	7.5	6	6.5								
9057	II	22593	Lê Minh Tuấn	1990		Bình Thuận	Công ty TNHH Kiến toán tư vấn Rồng Việt		5	5.5	4							
9058	II	22594	Tô Minh Tuấn	1993		Bến Tre	Công ty TNHH Đầu tư Sảng tạo Diêm	3	1.5	6	1							
9059	II	22595	Huỳnh Ngọc Tuấn	1991		Bình Thuận	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chua Khoa Bình Công											
9060	II	22596	Lê Tuấn Thanh Tuấn	1993		Lẫy Ninh	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn The Key											
9061	II	22597	Phạm Trí Tue	1996		Quảng Nam	Công ty Cổ phần Sản xuất Nhựa Dux Tân											
9062	K	22598	Huỳnh Đức Tùng	1993		Quảng Ngãi					2.5							
9063	K	22599	Nguyễn Hoàng Tùng	1999		Bắc Ninh	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Loan Deloitte Việt Nam	2	4	2.5	3	5.5	6	7.5				
9064	C	22600	Đàm Quốc Khánh Tùng	1990		Vĩnh Phúc	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dịch vụ Oriental Việt Nam						2.5					
9065	K	22601	Phạm Quang Tùng	1997		Đà Nẵng	Công ty TNHH Est Rouge Limited				5							
9066	K	22602	Trương Quang Tùng	1998		Hà Tĩnh	Công ty TNHH PNC					6	0.5	6.5				
9067	K	22603	Phạm Bình Tùng	1996		Bến Tre	Công ty TNHH Kiến Loan và Tư Vấn Thuận Việt	5			2.5	5.5	4.5	2.5				
9068	II	22604	Bùi Thu Bích Duyên		1982	Đông Nai	Công ty TNHH Kiến Loan và tư Vấn Thuận Việt			6	5.5							
9069	K	22605	Nguyễn Thu Bích Duyên		1997	Kiên Giang	Công ty TNHH Kiến Loan Win Win			6.5	3							
9070	K	22606	Nguyễn Thu Bích Duyên		1991	An Giang	Công ty TNHH Chan Nuan Lala Viet											
9071	II	22607	Bùi Thu Diệu Duyên		1993	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Dakota Group			7								
9072	II	22608	Nguyễn Thị Kim Duyên		1998	Bến Tre	Công ty TNHH được phân GFCO		5.5		4							
9073	II	22609	Phạm Minh Duyên		1998	Thái Bình	Chi nhánh Công ty IMF - Accounting Services Limited tại TP HCM	6.5			5							

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ						
														Tiếng Anh	Tiếng Trung					
5074	11	22010	Lương Thị Mạnh Lyven		1997	Liên Quảng	Cty TNHH Kiến tạo và Tư vấn V&C													
5075	C	22011	Hoàng Thị Ngọc Lyven		1975	Vĩnh Long	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn DDI					6								
5076	11	22012	Lý Ngọc Lyven		1995	Bình Dương	Công ty TNHH Lokpes Việt Nam Corporation													
5077	11	22013	Nguyễn Thị Ngọc Lyven		1986	Quảng Ngãi	Công ty TNHH dịch vụ kế toán Kien Vang													
5078	11	22014	Phùng Thị Ngọc Lyven		1993	An Giang	Công ty TNHH Danh Phương Nam					3.5								
5079	11	22015	Trần Thị Ngọc Lyven		1991	Khánh Hòa	Công ty TNHH Thuận Mậu Việt Nam			5.5		3								
5080	K	22016	Bùi Thị Thanh Lyven		1995	TP HCM	Công ty TNHH Kiến tạo và Kế					3.5	6.5							
5081	K	22017	Đặng Ngọc Thanh Lyven		1998	Bình Dương	Công ty TNHH PWC													
5082	K	22018	Phạm Thanh Lyven		1995	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Điện Cơ Thuận Nhien Phong 1			6			6	4			4	5		
5083	11	22019	Trần Thị Thanh Lyven		1989	Đồng Tháp	Công ty TNHH Philip Commodities Việt Nam			8		6.5								
5084	11	22020	Trương Thị Thanh Lyven		1977	Kiên Giang	Công ty TNHH CNS Đồng Tây			4	2	3								
5085	11	22021	Đỗ Hồng Lyven		1996	Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Thực phẩm Nutsfood Bình Dương			6		5		2.5						
5086	11	22022	Đường Nguyễn Kim Lyven		1996	Quảng Trị	Công ty TNHH Spring Production			5	6									
5087	11	22023	Nguyễn Thị Kim Lyven		1988	Hà Nội	Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại Dịch vụ Organall Việt Nam					5		2.5						
5088	11	22024	Ngô Thị Ánh Lyven		1998	Long An	Công ty TNHH Hoa Chai & Đồng					5.5		2.5						
5089	11	22025	Nguyễn Bạch Mai Ánh Lyven		1988	Long An	Công ty TNHH kiến tạo và tư vấn CPA HCM			3		6		2.5						
5090	11	22026	Lê Hồng Phương Lyven		1990	Đồng Tháp	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Cúc sông Môn			0	0	0		0						Định cấu trúc các môn thực tại thành pháp luật kế toán
5091	11	22027	Bùi Thị Thanh Lyven		1988	Vĩnh Phúc	Công ty TNHH JNJ Vina													
5092	11	22028	Lương Thị Lyven		1994	Thái Bình				7	5.5		7	3.5						
5093	11	22029	Ngô Thị Lyven		1992	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dầu tư Kinh doanh Bất Động sản Thăng An Miền Nam			9		6.5								
5094	C	22030	Nguyễn Thị Lyven		1988	Quảng Ngãi							6		5					
5095	11	22031	Trần Thị Lyven		1992	Nghe An	Công ty TNHH Pepper - Fuchs				6		5							
5096	K	22032	Nguyễn Thị Tư		1997	Thái Bình	Công ty TNHH Kiến tạo và tư vấn T O			7	4		5	6.5						
5097	11	22033	Hoàng Thanh Kim Tước		1984	TP HCM	Công ty TNHH dịch vụ kế toán và tư vấn Dong Khon					2.5								
5098	K	22034	Nguyễn Thị Tươi		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Việt Nam Yoshida					5.5			3.5					
5099	11	22035	Nguyễn Thị Tươi		1995	Bình Định	Công ty TNHH IM Adink			6.5	3	5								
5100	K	22036	Nguyễn Hoàng Tường		1992	Nghe An	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn TTC			7		6.5	4			3.5				

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKKT QTCN	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
5101	II	22637	Lê Thị Đồng Hương		1988	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Wahl Lee VN	4.5	1	5						
5102	II	22638	Hương Thị Anh Uyên		1991	Khánh Hòa	Công ty TNHH đại lý thuế Nguyễn Anh									
5103	II	22640	Trần Nguyễn Diễm Uyên		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán AYN Việt Nam			6.5	4.5					
5104	K	22641	Nguyễn Trần Diệu Uyên		1998	Cần Thơ							5.5		7.5	
5105	P	22642	Hồ Lê Hà Uyên		1999	Phu Yên	Công ty TNHH Fortis Mazars Việt Nam			5.5						
5106	K	22643	Đỗ Hào Uyên		1997	Quảng Nam	Công ty TNHH Kiểm toán - Thành Định Gia và Tư Vấn COVIDS AP-A Việt Nam	5.5	3.5	7	3.5	4.5	4	8		
5107	II	22644	Nguyễn Hoàn Uyên		1993	Khánh Hòa	Công ty TNHH Quest Global Design Việt Nam									
5108	II	22645	Nguyễn Thị Hoàng Uyên		1996	Liền Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Dezam Shua & Associates Limited tại TP.HCM			6						
5109	II	22646	Trần Nguyễn Hoàng Uyên		1988	Phu Yên	Công ty Giải Kraft Vina	8.5	4	5.5	5.5					
5110	K	22647	Trần Thị Kim Uyên		1991	Đắk Lắk	Công ty Cổ phần Dân Tư và Phát Triển Giáo Dục Trẻ Em tại Thủ Đức	9		6.5			3.5			
5111	II	22649	Lê Thị Mỹ Uyên		1980	Lồng An	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Kế toán KIC	6	2	6.5	2					
5112	II	22650	Nguyễn Thị Mỹ Uyên		1997	Cần Thơ	Công ty TNHH Maw Maw Phuc Gia Khang		2	7.5						
5113	K	22651	Đông Thị Ngọc Uyên		1998	Hải Giang	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	7	1	6.5	1.5			5.5		
5114	K	22652	Đương Thị Phương Uyên		1998	Hà Nội	Công ty TNHH PWC									
5115	II	22653	Lê Thị Phương Uyên		1985	Nam Định	Công ty Cổ phần Thương mại Đức Phương	7.5	6.5	6	5.5					
5116	II	22654	Nguyễn Thị Phương Uyên		1989	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Nam Thuận Việt	5.5								
5117	K	22655	Phạm Hoài Phương Uyên		1994	Nam Định	Ngân Hàng TNHH MIVY COB			4	5		4			
5118	II	22656	Phạm Thị Phương Uyên		1991	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Dầu tư Giá		3.5	5	4.5					
5119	II	22657	Là Nguyễn Phương Uyên		1997	Lồng An	Công ty Cổ phần Trí tuệ									
5120	II	22658	Nguyễn Thị Uyên		1996	Thái Bình	Cty TNHH Kế toán Kim Thoa	5		6	3.5		5.5	3		
5121	K	22659	Danh Thu Uyên		1997	Nghe An	Công ty TNHH Kiểm toán Toàn E-Jung	7			3.5		5.5			
5122	II	22660	Nguyễn Thị Thu Uyên		1996	Thanh Hóa	Cty Cổ phần Giải Net		4	6	2.5					
5123	II	22661	Đông Lê Uyên		1997	Trang Quốc	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lamsa				2					
5124	II	22662	Nguyễn Hoàng Lê Uyên		1996	Thái Bình	Công ty TNHH tư vấn kế toán và thuế VTC	5.5								
5125	K	22663	Nguyễn Lê Trúc Uyên		1998	Cần Thơ	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam	7.5	4	4.5	4	5.5	3.5	4		
5126	II	22664	Lê Thị Thu Uyên		1983	Bình Định	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Nguyễn Phương	5.5	2.5	6.5	3.5					
5127	K	22665	Ngô Thị Thu Uyên		1999	Hà Nội	Công ty TNHH BHH Việt Nam	4.5	3.5	4.5	2.5	4	2.5	5		

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tải chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
5128	H	22666	Nguyễn Thu Tú Uyên		1996	Nghe An	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Quản lý Doanh nghiệp LIA										
5129	H	22667	Phạm Tú Uyên		1987	Ninh Bình	Công ty TNHH Giải pháp Nhân sự nước ngoài và Dịch vụ Văn hành	7	4	6							
5130	H	22668	Trần Thu Vượng		1987	Ninh Bình	Cty Cổ Phần Văn Công Nghiệp Cao Bason		2.5		4						
5131	H	22669	Trần Anh Văn	1989		Nam Định	Công ty CP được phân 3.2										
5132	H	22671	Cao Thu Ai Văn		1997	Nghe An	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ thuế LPA	7	6.5								
5133	H	22672	Nguyễn Thu Anh Văn		1991	Hà Nam	Công ty TNHH Kiến tạo An Sao Việt			4	2						
5134	H	22673	Nguyễn Thu Bích Vân		1991	Bình Định	Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Hữu Hồng				3						
5135	K	22674	Huà Thu Bích Vân		1999	Quảng Trị	Công ty TNHH Kiến tạo An và Tư vấn ACC	5.5		5		5.5			6		
5136	H	22675	Trần Thu Bích Vân		1989	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần APTS	7	2.5	6	3.5						
5137	H	22676	Bùi Cận Văn		1992	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Khai thác thu mua sản thương mại Biển Sừng										
5138	H	22677	Đường Thu Cận Văn		1988	Thừa Thiên Huế	Cty CP Super Cargo Service Đà Nẵng	4.5	5	6	3						
5139	H	22678	Đặng Thu Cận Văn		1987	Lào Ninh	Công ty TNHH ACTR										
5140	H	22679	Lê Thu Cận Văn		1990	Hải Phòng	Công ty TNHH Việt Hòa Nghĩa										
5141	K	22680	Vũ Thu Cận Văn		1996	Ninh Bình	Công ty TNHH Tư vấn ACC				5						
5142	H	22681	Vũ Thu Cận Văn		1998	Hải Dương	Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất Động Sản M.V Việt Nam	6	5	6	7						
5143	H	22682	Trần Hào Văn		1992	Trưng Quốc	Công ty TNHH Quốc tế Proculture	5	1.5	5							
5144	K	22683	Lê Thu Hồng Văn		1997	Bình Định	Công ty TNHH Kiến tạo An và Tư vấn RSM Việt Nam	5.5	5	6.5	6						
5145	H	22684	Phạm Thu Lê Văn		1997	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Tư vấn SCS Global Việt Nam										
5146	H	22685	Trần Thu Mai Văn		1987	Bình Thuận	Công ty CP du lịch Đông Thuận										
5147	C	22686	Lê Mỹ Văn		1992	Hà Nội	Công ty Cổ Phần Tư vấn & Đầu tư Thuế IPM					7.5	6.5	6			
5148	H	22687	Nguyễn Thụy Ngọc Văn		1986	Lạc Ninh	Chu nhân Công ty Cổ phần Bất Động Sản C S Q										
5149	H	22688	Phạm Ngọc Văn		1982	IP HCM	Công ty TNHH Xây dựng Mezie		2		2						
5150	H	22689	Trần Thu Ngọc Văn		1991	Nghe An	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Micon	5									
5151	K	22691	Hà Thu Thanh Văn		1999	Phu Yên	Công ty TNHH Tư vấn VNC		1.5	4					6		
5152	H	22692	Phạm Thu Thanh Văn		1991	Bình Bình	Công ty TNHH MTV Thương mại và Tiếp vận Bảo Tân				5.5						
5153	H	22693	Trần Thanh Văn		1965	Bình Định	Công ty TNHH Mua bán quần áo Đồng Tân				3.5						
5154	H	22694	Lương Thế Văn		1986	Quảng Ninh	Công ty TNHH Thanh Thái Việt Nam	5.5	3.5	5	2						

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
5155	II	22695	Mai Thu Vân		1991	Thạch Hoa	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Châu Khoa Thạch Công	4	2		3					
5156	II	22696	Nguyễn Thu Vân		1990	Ngô An	Công ty TNHH Edison HCM		0.5	4	2					
5157	K	22697	Phạm Thu Vân		1998	Hà Trình	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	5.5		6.5			6			
5158	II	22698	Châu Thu Vân		1989	Trương Quốc	Công ty CP được Liên Dục									
5159	II	22699	Phạm Thị Thu Vân		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH TM dịch vụ XNK Phúc Lương	5.5	4							
5160	II	22700	Lý Thuỵ Vân		1997	Trương Quốc	Công ty TNHH Giant Thornton - CN tại TP HCM	5								
5161	II	22701	Lưu Thuỵ Vân		1995	Trương Quốc	Công ty TNHH Công nghệ An Phú				7					
5162	II	22702	Mai Thị Thuỵ Vân		1989	Ninh Bình	Cty Cổ Phần Harsungboh Vina									
5163	II	22703	Phạm Thị Tuyết Vân		1998	Vĩnh Long	Công ty TNHH Bê Pro	5.5	4	7	3.5					
5164	K	22704	Đặng Vương Tường Vân		1997	Bình Định	Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn và Kiểm Toán PTP				3					
5165	II	22705	Vũ Thị Ye		1990	Nam Định	Công ty TNHH M.V Cây xanh Hà Đăng	4.5	1	5	3.5					
5166	II	22706	Nguyễn Thị Ai Vi		1995	Bình Định	Công ty TNHH Kiến toán II Sơn Việt Nam		4	7.5						
5167	II	22708	Phạm Thị Hoa Vi		1982	Bà Nằng	Công ty TNHH Đào Hòa Sơn	5		5	4					
5168	II	22709	Trần Huyền Vi		1997	Ninh Thuận	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Long lập Hồng Phúc			6						
5169	II	22710	Nguyễn Trần Khánh Vi		1988	Lạc Ninh	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật 311		3	5.5	4					
5170	II	22711	Nguyễn Thị Thu Vi		1983	Phu Yên	Công ty Cổ phần Phát triển Đa cực Nam Trung Bộ		7	8	5					
5171	C	22712	Trần Thị Thu Vi		1988	An Giang	Công ty TNHH Prominent						3	8.5		
5172	II	22713	Bùi Nguyễn Tường Vi		1997	Thái Bình	Chi nhánh Công ty IMF: Accounting Services Limited tại TP HCM	7		5	6					
5173	II	22714	Nguyễn Hồ Tường Vi		1998	Bình Định	Công ty TNHH Global - Chi nhánh TP HCM									
5174	II	22715	Nguyễn Thị Tường Vi		1983	Phu Yên	Cty TNHH Vinomach			5.5						
5175	K	22716	Nguyễn Thị Tường Vi		1997	TP HCM	Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phú Nam	3.5	2	3.5	1.5		2.5			
5176	II	22717	Phạm Thị Tường Vi		1999	Phu Yên	Công ty Cổ phần Phú kien và Nhà thép Nhát	6.5								
5177	II	22718	Phạm Thị Tường Vi		1993	Quảng Ngãi	Công ty CP Phát triển CPGI N									
5178	K	22719	Trần Thị Tường Vi		1998	Bình Định	Công ty TNHH Kien Loan và Tư Vấn RSM Việt Nam	5.5	1.5	6	5.5	6	6	5.5		
5179	II	22720	Võ Thị Tường Vi		1984	Ninh Thuận	Công ty CP XNK Quốc tế Phạm Nguyên									
5180	II	22721	Bùi Quốc Vi	1994		Bình Định	Công ty TNHH Global Accounting									
5181	II	22722	Đặng Hoàng Hoài Viên		1985	Bà Nằng	Công ty Cổ phần Icco		0.5	5	2					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi										Ghi chú
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ				
														Tiếng Anh	Tiếng Trung			

5182	H	22723	Nguyễn Thị Viên		1988	Phu Yên	Công ty Cổ phần Tập Xc Việt				5						
5183	H	22724	Hoàng Thị In Viên		1993	Bình Định	Công ty TNHH MTV Fundan	5	5	6	5						
5184	H	22725	Vũ Đức Việt	1985		Quảng Ninh	Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Chất lượng Dân tộc	5		5.5							
5185	K	22726	Trần Hoàng Việt	1989		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem loan và Tư Van ACC	7.5	8	8	7	8	8.5	7.5			
5186	K	22727	Đặng Huy Việt	1987		Ninh Thuận	Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư - Tư chính - Kế toán - Thuế - Kiem loan Công P1	6.5	3.5	5	5	4	3.5	8			
5187	K	22728	Nguyễn Lê Việt	1990		Bình Định		9	1	6.5	3.5	4	1.5	6			
5188	K	22729	Ngô Quốc Việt	1997		Ngũc An		5		6.5			5.5				
5189	K	22730	Lê Huy Vinh	1996		IP HCM	Công ty Cổ Phần Sông Việt							1.5			
5190	K	22731	Nguyễn Hữu Vinh	1990		Hà Nội	Công ty Cổ Phần Gleadis	7.5	7.5	4	2	5	5.5	7.5			
5191	K	22732	Phạm Hữu Vinh	1994		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem loan (K&I)	5		4				2.5			
5192	H	22733	Nguyễn Hưng Minh Vinh	1993		Bến Tre	CN Tổng Công ty Khu Việt Nam - C/CTP - Công ty Quản lý Dự án Khu										
5193	H	22734	Nguyễn Quang Vinh	1981		Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Anh sang A Châu		4.5								
5194	K	22735	Nguyễn Đức Vinh	1998		Bà Nàring	Công ty TNHH Kiem loan và Tư Vấn RSM Việt Nam										
5195	P	22736	Lê Trung Vinh	1995		Bình Định	Công ty TNHH Maonlight Resources			7.5							
5196	H	22737	Nguyễn Long Vinh	1988		Hà Tĩnh	Công ty TNHH xây dựng Đức Thọ	7.5	6.5	7.5							
5197	H	22738	Nguyễn Anh Vũ	1996		Khánh Hòa	Công ty TNHH Đông lai HD Hyunda Việt Nam	6.5	1.5	3.5	3.5						
5198	H	22739	Lê Bá Vũ	1997		Quảng Nam	Công ty TNHH dịch vụ tư vấn ANPIA		6.5	5.5	4						
5199	H	22740	Trương Công Vũ	1986		Cà Mau	Công ty Cổ phần Dầu tư Khai Long	7.5	0.5	3.5	1						
5200	H	22741	Hoàng Đình Vũ	1996		Bắc Giang	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Hang Khlong	7.5	2	5	1						
5201	H	22742	Đường Hoàng Vũ	1995		Khánh Hòa	Công ty TNHH Khách sạn Paugon Sui Gon										
5202	K	22743	Cao Hùng Vũ	1996		Khánh Hòa	Công ty TNHH Kiem loan và Tư Van ACC	7	5	5.5	3	5	4	3			
5203	H	22744	Lê Duy Minh Vũ	1997		Bình Thuận	Công ty TNHH Kurosawa ACC		0.5								
5204	H	22745	Đặng Ngọc Vũ	1996		Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Datviet V AC Michia Entertainment Group										
5205	H	22746	Trương Văn Vũ	1995		Khánh Hòa	Cty TNHH ACC Group Việt Nam	6		4							
5206	K	22747	Phạm Minh Vương	1995		Lũng An			6			6.5	6				
5207	H	22748	Nguyễn Kha An Vũ		1998	Quảng Nam	Công ty Cổ phần Dầu tư QH	8			5.5						
5208	C	22749	Trần Đức Vy		1992	Sóc Trăng	Công ty TNHH Giáp Pháp F A T					6					

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc gia	Đơn vị	Môn thi								Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TKCT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh	Tiếng Trung		
5209	K	22750	Nguyễn Thị Hà Vy		1999	Phu Yên	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn RSM Việt Nam										
5210	C	22751	Nguyễn Thị Thảo Vy		1994	Bình Định	Công ty Cổ Phần Tư Vấn & Dịch Vụ Thuế IPN1						5	6.5	6.5		
5211	K	22752	Nguyễn Huyền Vy		1994	Nam Định	Công ty TNHH Sciencebox Vina					3.5	6	5	8		
5212	K	22753	Trần Hữu Nhi Khuê Vy		1995	Trên Giang	Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toán AD	7				5	5.5				
5213	II	22754	Đường Khánh Vy		1998	Lạng Sơn	Công ty TNHH Tư vấn MCA			3							
5214	P	22755	Lê Khánh Vy		2000		Chi nhánh Công ty TNHH Kiến Toán Deloitte Việt Nam			4							
5215	K	22756	Nguyễn Khánh Vy		1997	Khánh Hòa	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		5			5		5			
5216	K	22757	Võ Hoàn Lê Vy		1999	Phu Yên	Công ty TNHH Tư Vấn VNGO			5.5		4			5.5		
5217	II	22758	Châu Hoàng Mai Vy		1997	IP HCM	Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn Seou - Chi nhánh Sài Gòn		6	7							
5218	II	22759	Lê Ngọc Thanh Vy		1992	IP HCM	Công ty TNHH Schneider Việt Nam	7.5	5	6.5							
5219	II	22760	Trần Thanh Vy		1998	IP HCM	Cty TNHH Tư vấn A&C		5.5	6.5							
5220	II	22761	Huỳnh Thảo Vy		1987	Vĩnh Long	Công ty TNHH Luật Hưng Phát	7.5		3.5	2.5						
5221	II	22762	Phạm Nguyễn Thảo Vy		1993	Nam Định	Công ty TNHH Grant Thornton										
5222	II	22763	Trần Nguyễn Thảo Vy		1988	Lâm Đồng	Công ty TNHH Financ Capital			7.5							
5223	II	22765	Trần Thị Thảo Vy		1999	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kiến toán và Dịch vụ Tin học MOORU AISG	8	4	7.5	5						
5224	II	22766	Vũ Nguyễn Thảo Vy		1994	Nam Định	Công ty TNHH Nhà khoa quốc tế Kum1 us Sài Gòn										
5225	II	22767	Vũ Thị Vy		1997	Nam Định	Công ty TNHH Kế toán AGS			6.5	2.5						
5226	II	22768	Phạm Thùy Vy		1998	Ninh Bình	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Linh Sơn	7		5.5							
5227	K	22769	Nguyễn Thị Thảo Vy		1996	Lạng Sơn	Công ty TNHH Kiến Toán CPV	6	2.5	5.5	4		5.5	3.5			
5228	II	22770	Nguyễn Thị Thảo Vy		1995	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dầu từ B&E Việt Nam		3	6.5	5						
5229	II	22771	Trần Thị Trúc Vy		1984	Bình Dương	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Đô thị Gia Phúc	7	0.5	5	5						
5230	II	22772	Vũ Nguyễn Trúc Vy		1995	Nam Định	Công ty TNHH Logistic - CN IP HCM										
5231	II	22773	Hiệu Thị Lương Vy		1992	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương mại Misu Left										
5232	II	22774	Lê Thị Lương Vy		1988	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dầu từ và Phân phối Dầu ô nhiễm Pow Property			6.5	4						
5233	K	22775	Nguyễn Ngọc Lương Vy		1998	IP HCM	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn Lai Thành Toán Cầu			5	3		3				
5234	II	22776	Phạm Lương Vy		1991	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Nova Residence	6.5		5							
5235	K	22777	Võ Lương Vy		1995	Bình Định	Công ty TNHH Kiến Toán và Tư Vấn Sando Việt Nam				4	6.5		3			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quốc quán	Đơn vị	Môn thi						Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC		Ngoại ngữ	
															Tiếng Anh	Tiếng Trung
5236	II	22778	Dương Thị Cát Vy		1995	Thừa Thiên Huế	Công ty Cổ phần Y tế - Sức Khỏe - Công nghệ Stembs									
5237	K	22779	Hoàng Quốc Vy	1996		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn ACC					5	0	3		
5238	II	22780	Tô Lêou Vy	1994		Sóc Trăng	Công ty TNHH Forvis Mazars Viet Nam									
5239	II	22781	Trần Thị Lương Vy		1992	Bình Thuận	Công ty TNHH Parker Russell Viet Nam									
5240	II	22782	Nguyễn Văn Xa	1995		Hải Phòng	Công ty TNHH Xa Dung Loc Phát Stone		4	6	2					
5241	II	22783	Phan Thị Anh Xuân		1997	Phu Yên	Công ty TNHH Mitsubishi Corporation - Chi nhánh IP HCM	8		6	3.5					
5242	II	22784	Phan Nhật Xuân		1997	Bình Định	Công ty TNHH Preama INC Việt Nam			5	3.5					
5243	K	22785	Dang Phương Xuân		1998	Nghe An					5					
5244	II	22786	Dương Thị Thanh Xuân		1987	Bình Định	Công ty TNHH Pahn Realty			5.5						
5245	K	22787	Nguyễn Thị Thanh Xuân		1995	Sóc Trăng	Công ty TNHH Kiem Loan và Kế Toán IND		7				9			
5246	II	22788	Trần Thanh Xuân	1992		Quảng Trị	Công ty Cổ phần Kinh doanh Kim miền Nam	6.5	8.5	5	1.5					
5247	II	22789	Hoàng Thị Xuân		1983	Nam Định	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Nam Trung									
5248	II	22790	Nguyễn Thị Xuân		1990	Ninh Bình	Công ty Cổ phần BCG Gata		5.5	5.5	5					
5249	K	22791	Lê Trường Xuân	1990		Thanh Hóa	Công ty TNHH Kiem Loan MFC Việt Nam	3.5	2.5	5.5			4			
5250	K	22792	Nguyễn Thị Tuyết Xuân		1999	Quảng Ngãi	Chi nhánh Công ty TNHH Kiem Loan và Tư Vấn Chuẩn Việt	5.5	6	5	6					
5251	K	22793	Nguyễn Thị Yên Xuân		1997	Bến Tre	Công ty TNHH Kiem Loan - Tư Vấn Đại Việt		1	6	3			3.5		
5252	K	22794	Phùng Thị Hồng Xuân		1990	Long An	Công ty TNHH VTXID Loan Cầu		1.5		2		6			
5253	II	22795	Phạm Thị Huệ Y		1992	Phu Yên		3	1.5	2.5	2.5					
5254	K	22796	Nguyễn Thị Ngọc Y		1999	Long An	Công ty TNHH Trinst & Young Việt Nam			4		7.5		5.5		
5255	II	22797	Hoàng Thị Như Y		1999	Quảng Trị	Cty TNHH Trinst & Young Việt Nam		2	4	3.5					
5256	II	22798	Hoàng Ngọc Như Y		1993	Long An	Công ty CP Eupnet Systems	4	8.5	6.5	3					
5257	II	22799	Hoàng Thị Như Y		1999	Khánh Hòa	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Đại lý Thuế Anh Minh			5.5						
5258	II	22800	Hoàng Thị Như Y		1994	An Giang		7	4.5	6.5	5					
5259	K	22801	Nguyễn Thị Như Y		1997	Hải Dương	Công ty TNHH Grant Thornton		1.5							
5260	II	22802	Nguyễn Thuỵ Như Y		1989	Hưng Yên	Long công ty CP Bưu - Rưu - Nước Giải khát Sui Sơn		3.5		5					
5261	II	22803	Trần Thị Như Y		1990	Quảng Bình	Công ty TNHH Hitech Asia		2.5	6.5						
5262	K	22804	Đặng Văn Y	1991		Quảng Ngãi	Công ty TNHH Kiem Loan AS	5	4	5.5		6.5	3.5			

STT	Loại đăng ký dự thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú	
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLĐN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TCNC	Kế toán TKKT QTNC	Kiểm toán VDV BĐNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ		
														Tiếng Anh		Tiếng Trung
5263	K	22805	Trần Bảo Yến		1998	Đà Nẵng	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC		5.5		5.5		8			
5264	H	22806	Phạm Thị Bình Yến		1996	Hải Dương	Công ty TNHH Kế toán Quốc tế	7	2.5	8.5	5.5					
5265	H	22807	Bùi Thị Yên		1983	Thái Bình	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Nam Hà	6	5.5	8						
5266	H	22808	Nguyễn Thị Yên		1989	Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư 31			8	6.5					
5267	H	22809	Nguyễn Thị Thu Yên		1999	Phủ Yên	Công ty TNHH Vua Việt Nam									
5268	H	22810	Lê Thị Bảo Yến		1988	Hải Vĩnh	Công ty TNHH NKK Bảo lợi Hàng Hóa									
5269	K	22811	Nguyễn Hải Yên		1998	Hải Phòng	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	5	3	5	2.5					
5270	K	22812	Nguyễn Thị Hải Yên		1996	Bình Định	Công ty TNHH ICGOLD VIL TSAM		5.5				7			
5271	H	22813	Phạm Thị Hải Yên		1986	Bình Dương	Công ty TNHH Thương mại Zuhov	4	2.5	5	3					
5272	K	22814	Trần Thị Hải Yên		1986	Quảng Bình	Công ty TNHH PWC Việt Nam	4	3.5	5	5	7		8		
5273	K	22815	Vũ Thị Hải Yên		1998	Ninh Bình	Công ty TNHH Trust & Young Việt Nam		5.5							
5274	H	22816	Đường Thị Hoàng Yên		1990	Bình Định	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Mực nước Hòa Phát									
5275	K	22817	Hồ Thị Hoàng Yên		1996	Bình Định	Công ty TNHH ADBRO Việt Nam	5.5	4.5	6	5		6			
5276	K	22818	Lê Hoàng Yên		1996	Kien Giang	Công ty Cổ phần Aurat Wind Energy	4.5		7.5	2.5		5			
5277	H	22819	Nguyễn Thị Hoàng Yên		1985	Bình Thuận	Công ty TNHH Xuất khẩu Tm									
5278	H	22820	Lưu Hồng Yên		1995	Bạc Liêu	Công ty TNHH Quạt Dhanon	3		4						
5279	K	22821	Nguyễn Thị Hồng Yên		1995	Lông An	Công ty TNHH Kiến tạo và Tư vấn Thuận Việt	6.5			5.5			5		
5280	K	22822	Lê Kim Yên		1997	Lông An	Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý ST Engineering Việt Nam				5.5					
5281	K	22823	Nguyễn Thị Kim Yên		1995	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tư vấn Hợp Phát		5		5					
5282	H	22824	Nguyễn Minh Yên		1996	TP HCM	Công ty TNHH Be Pro	3.5	2	4	0.5					
5283	K	22825	Lê Thị Mỹ Yên		1992	Đắk Lắk	Công ty TNHH TM Sanaia	3.5	5		5		5			
5284	H	22826	Lê Ngọc Yên		1996	Phủ Yên	Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán Ban Đông Hải	3	0.5	4	2.5					
5285	H	22827	Lê Thị Ngọc Yên		1993	Bình Thuận	Công ty TNHH dịch vụ địa lý thực địa Thuận Văn		3		2.5					
5286	H	22828	Lê Thị Ngọc Yên		1987	Bình Dương	Công ty TNHH Bảo Hiểm Hsmlung									
5287	H	22829	Lý Ngọc Yên		1997	Trưng Quốc	Công ty TNHH BSI Freight Việt Nam									
5288	H	22830	Ngô Thị Ngọc Yên		1990	Nam Định	Công ty TNHH Demos Việt Nam									
5289	H	22831	Phạm Thị Ngọc Yên		1981	Lông An	Công ty TNHH Tư vấn Hàng Sinh	5.5	2.5	6.5	5.5					

STT	Loại đăng ký đợt thi	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đơn vị	Môn thi							Ghi chú		
				Nam	Nữ			Pháp luật VKT VLDN	Tài chính VOL TCNC	Thuế VOL TNC	Kế toán TCKT QTNC	Kiểm toán VDV BDNC	Phân tích HDT CNC	Ngoại ngữ			
														Tiếng Anh		Tiếng Trung	
s290	K	22832	Trần Lưu Ngọc Yến		1996	Quảng Nam	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam										
s291	II	22833	Trần Ngọc Yến		1992	Quảng Trị	Công ty TNHH Classroom Danang		5.5	7.5							
s292	II	22834	Nguyễn Thị Như Yến		1992	Bình Định	Công ty TNHH đầu tư kinh doanh SX TM và DV Thương Nhật	7		5							
s293	K	22835	Châu Sao Yến		1994	Sóc Trăng	Công ty Cổ Phần Buznetics				5						
s294	II	22836	Hồ Thị Thảo Yến		1998	Bình Định	Công ty TNHH JVA Thành phố Hồ Chí Minh	5	2	3	2.5		5.5	3.5	3.5		
s295	K	22837	Nguyễn Thị Yến		1990	Thái Bình	Công ty TNHH Trung Bắc Sang Lào Kung Wood						5.5				
s296	II	22838	Nguyễn Thị Yến		1990	Nam Định	Công ty TNHH Asia Networks Holdings										
s297	II	22839	Phạm Thị Yến		1997	Nghe An	Công ty Cổ phần Cham Group			5							
s298	K	22840	Thần Thị Yến		1984	Bình Định	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Green Asia	3		3	1	3					
s299	II	22841	Trương Thị Yến		1994	Hà Tĩnh	Công ty Cổ phần Giao dục KDI										
s300	II	22842	Nguyễn Thuần Yến		1998	Khánh Hòa											
s301	K	22843	Phạm Tiểu Yến		1997	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Ô tô Ngọn Sáo Việt Nam	7		6	7	8.5					
s302	K	22844	Lê Thị Xuân Yến		1997	Quảng Nam	Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan	5.5	6	4	5.5	6.5	8.5	6.5			

Loại và h kết quả thi của s302 thi sinh đăng ký đợt thi Thương chi kiểm toán viên, kế toán viên năm 2024.

Ghi chú

II Các thí sinh đăng ký đợt thi Chứng chỉ Kế toán viên

K Các thí sinh đăng ký đợt thi Chứng chỉ Kiểm toán viên

C Các thí sinh có chứng chỉ kế toán viên đăng ký đợt thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên

P Các thí sinh đăng ký đợt thi Phẫu hợp